



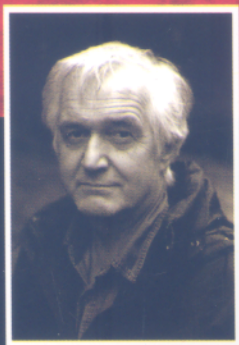
BẦY CHÓ RIGA



nhà nam



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN



Henning Mankell là tác giả trình thám hàng đầu của văn học Bắc Âu hiện nay. Ông đã viết tám tiểu thuyết và một tập truyện ngắn về thanh tra Kurt Wallander. Các tác phẩm đó xuất bản tại 33 quốc gia và liên tục đứng trong danh sách sách bán chạy nhất châu Âu và trên thế giới, đoạt được nhiều giải thưởng (trong đó nổi bật là giải *Great Britain's Gold Dagger 2001*). Ba tiểu thuyết hay nhất trong số đó được Nhã Nam xuất bản tại Việt Nam:

- Tường lửa
- Chạm một bước
- Bầy chó Riga

BẦY CHÓ RIGA

HUNDARNA I RIGA © 1992 by Henning Mankell

Published by agreement with Leopard Förlag,
Stockholm and Leonhardt & Høier Literary Agency aps, Kobenhavn.

Xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Leopard Förlag,
Leonhardt & Høier Literary Agency aps và Nhã Nam, 2006 - 2013.

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Cổ phần Văn hóa
và Truyền thông Nhã Nam, 2010.

Bản quyền tác phẩm được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp,
phân phối dưới dạng in ấn hoặc chế bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên
mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi
phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả.

Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền.

Chỉ mua bán bản in hợp pháp

HENNING MANKELL

BẦY CHÓ RIGA

CAO VIỆT DŨNG dịch



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

1

Tuyết bắt đầu rơi không lâu sau mười giờ.

Gã đàn ông cầm bánh lái tàu lằm bằm chữ. Nếu tối qua không nán lại ở Hiddensee, hẳn giờ này gã đã đến được Ystad. Còn bây dậm nữa... Trong trường hợp có bão, gã sẽ buộc phải tắt máy rồi đợi đến khi nhìn rõ đường hơn.

Gã chữ tiếp. Lẽ ra hồi mùa thu mình phải lo việc thay cái Decca cũ kỹ này bằng một hệ thống radar hiệu quả hơn như đã dự tính. Các mẫu mới của Mỹ rất tốt, nhưng mình, mình quá tiếc tiền. Và mình nghỉ ngại dân Đông Đức. Chắc chắn là bọn họ sẽ lừa mình.

Gã vẫn thấy khó chấp nhận việc không còn Đông Đức nữa - rằng toàn bộ một đất nước đột nhiên chấm dứt tồn tại. Qua một đêm, Lịch sử đã kịp nhào nặn xong các đường biên giới cũ. Giờ đây chỉ còn lại nước Đức, ngắn gọn thế thôi. Và không ai biết điều gì sẽ xảy ra vào cái ngày hai dân tộc bắt đầu thực sự chia sẻ cuộc sống thường nhật. Thoạt tiên, sau khi Bức tường sụp đổ, gã thấy lo lắng. Sự xáo trộn lớn liệu có phá hỏng mất những nền tảng công việc kinh doanh của gã?

Nhưng đối tác Đông Đức của gã đã trấn an gã. Sẽ không có gì thay đổi trong một tương lai có thể dự tính được. Tình thế mới thậm chí còn có thể mang đến những khả năng chưa từng có...

Gió đổi hướng. Nam Đông Nam. Gã châm một điếu thuốc và rót đầy cà phê vào cái cốc sứ để ở chỗ riêng của nó bên cạnh la bàn. Cái nóng làm gã toát mồ hôi. Trong này bốc mùi diesel. Gã liếc nhìn phòng máy, nơi bàn chân của Jakobson thò ra khỏi cái giường ngủ nhỏ. Những ngón chân cái to tướng lòi ra từ cái tất thủng.

Mình cứ để cho hắn ngủ. Nếu phải chờ đợi, hắn sẽ trông coi bánh lái còn mình sẽ nghỉ ngơi trong vài tiếng. Gã nhắm nháp thứ cà phê ấm và nghĩ đến buổi tối vừa qua. Trong hơn năm tiếng đồng hồ, họ đã chờ trong khu cảng nhỏ bỏ không ở phía Tây Hiddensee cho đến khi xe tải tới bốc đồ. Weber viện cớ có hông hóc. Rất có thể là như vậy. Một cái xe tải cũ của quân đội Liên Xô chẳng buộc khắp nơi... thật là kỳ diệu khi nó vẫn còn chạy được. Tuy vậy gã cũng thấy nghi ngờ. Ngay cả khi Weber chưa lần nào lừa gã, gã cũng đã nhất quyết sẽ không bao giờ tin vào hắn. Chỉ là thận trọng. Mỗi chuyến đi là một lần gã chuyên chở một đợt hàng trị giá lớn đến nước Cộng hòa Dân chủ Đức cũ. Từ hai mươi đến ba mươi bộ máy tính hoàn chỉnh, khoảng một trăm chiếc điện thoại di động và chừng ấy bộ dàn stereo cho ô tô. Tổng trị giá lên đến nhiều triệu, và gã là người chịu trách nhiệm duy nhất. Nếu bị bắt, án phạt sẽ rất nặng. Weber sẽ không đến cứu gã. Trong cái thế giới mà họ sống, thân ai người nấy phải tự lo.

Gã chỉnh lại hướng tàu; hai độ về phía Bắc. Vận tốc đều:

tám hải lý một giờ. Còn sáu dặm nữa trước khi nhìn thấy bờ biển Thụy Điển rồi sau đó là trực chỉ Brantevik. Gã vẫn còn nhìn rõ những con sóng; nhưng những bông tuyết đã rơi mỗi lúc một dày thêm.

Chỉ còn năm chuyến nữa. Rồi mọi chuyện sẽ kết thúc. Năm chuyến đi về, và mình có thể cầm tiền rút. Gã vừa mỉm cười vừa châm một điếu thuốc mới. Gã sẽ sớm đạt được mục đích. Gã sẽ vứt bỏ tất cả ở sau lưng, gã sẽ thực hiện cuộc hành trình dài đến Porto Santos và mở quán bar ở đó. Gã sẽ không còn phải rét run người trong cái khoang lái sặc mùi và thông thoáng gió trong khi Jakobson ngáy o o trên cái giường bần thiu của phòng máy nữa. Gã không biết rõ cuộc đời mới sẽ như thế nào. Gã chỉ muốn được sống ở đó ngay lúc này.

Tuyết ngừng rơi cũng đột ngột như khi bắt đầu. Gã không tin nổi vào mắt mình. Những bông tuyết không còn xoáy tròn ở phía ngoài ô kính nữa. Có lẽ mình sẽ tới được cảng trước cơn bão. Trừ khi nó đang tiến về phía Đan Mạch?

Gã lại rót thêm cà phê vào cốc và khe khẽ huýt sáo. Cái xà cột đựng tiền treo trên tường khoang lái. Porto Santos, hòn đảo nhỏ ngoài khơi Madeira, đã gần thêm được ba mươi nghìn curon nữa. Thiên đường chưa biết tới đang chờ đợi gã...

Mãi khi ấy gã mới nhìn thấy cái xuồng. Nếu tuyết không ngừng lại đột ngột như vậy, hẳn gã đã không bao giờ nhìn thấy nó. Một cái xuồng bơm khí màu đỏ chập chờn trên sóng, cách mạn trái tàu năm mươi mét. Một cái xuồng cứu sinh. Gã lấy tay áo chùi ô kính. Cái xuồng không có người. Gã quyết định giảm tốc độ. Tiếng động cơ thay đổi đánh thức ngay

Jakobson dậy, cái mặt không cạo của gã hiện ra trong ô cửa phòng máy.

- Đến nơi rồi à?

- Bên mạn trái có một cái xuồng. Chúng ta sẽ kéo nó lên, chắc nó cũng đáng giá đến vài nghìn đấy. Mày ra cầm lái thay tao để tao lấy cái sào.

Jakobson vâng lời trong khi Holmgren đội cái mũ bonê lên đầu và rời khoang lái. Ngay khi ra đến ngoài, gió thốc thẳng vào mặt gã khiến gã phải bám chặt vào thành tàu để trụ lại trước những cơn sóng. Cây sào được buộc một đầu vào nóc cabin, đầu kia buộc vào cái tời. Những ngón tay tê dại của gã khó nhọc tháo mấy cái nút. Cuối cùng gã cũng lôi được nó ra. Cái xuồng chỉ còn cách tàu vài mét.

Đột nhiên, gã run lên.

Cái xuồng không phải là không có người. Nó chở hai người. Hai người chết. Jakobson hét câu gì đó từ khoang lái. Gã cũng vừa nhìn thấy bên trong xuồng.

Đây không phải là lần đầu tiên Holmgren nhìn thấy xác chết. Một hôm, khi còn đi nghĩa vụ quân sự, một viên đạn pháo đã phát nổ trong buổi tập, làm tan thây bốn thằng bạn của gã. Và sự nghiệp đánh cá chuyên nghiệp dài dặc của gã đã nhiều lần cho gã cơ hội nhìn thấy những xác chết chìm hoặc trôi nổi trên mặt nước.

Hai người đàn ông. Ăn mặc theo kiểu lạ lùng, com lê và cà vạt. Không phải là dân đánh cá, cũng không phải hải quân. Họ nằm quăn quắt lấy nhau, như thể muốn che chở cho nhau. Gã cố hình dung chuyện gì đã có thể xảy ra.

- Mẹ kiếp chứ, Jakobson đi ra bên cạnh gã, nói. Chúng ta làm gì bây giờ?

- Không làm gì hết. Nếu mang họ lên boong thì sẽ gặp cả đống chuyện rắc rối. Chúng ta đã không nhìn thấy họ. Tuyệt mà.

- Cứ để họ trôi đi như thế à?

- Ủ. Họ chết rồi, có làm được gì nữa đâu. Và tao không muốn bị hỏi từ đâu đến với cái tàu này. Còn mày thì sao?

Jakobson lắc đầu. Họ im lặng nhìn hai người chết. Hai người còn trẻ. Ba mươi tuổi, không hơn. Khuôn mặt trắng bột, cứng đờ. Holmgren rung mình.

- Thật là lạ, Jakobson nói. Không có tên.

Holmgren cầm lấy cây sào đẩy cái xuồng quay sang hướng khác. Jakobson có lý. Không có cái tên nào. Nó thuộc con tàu nào?

- Còn xa Ystad không?

- Sáu dặm.

- Chúng ta có thể thả họ gần bờ hơn. Như thế họ sẽ cập bến và sẽ được tìm thấy.

Holmgren suy nghĩ. Dĩ nhiên là thật khó chịu nếu để mặc hai người kia cho số phận. Nhưng nếu họ kéo xuồng theo, một cái phà hoặc tàu chở hàng rất có thể sẽ nhìn thấy...

Đột nhiên gã quyết định. Gã cởi một sợi dây buộc và nhào người ra ngoài boong tàu. Jakobson chỉnh hướng tàu về phía Ystad. Khi cái xuồng nằm cách mười mét ở phía sau, bên ngoài vệt nước cho chân vịt tạo ra, gã buộc thật chặt nó lại.

Ngay khi nhìn thấy bờ biển Thụy Điển, Holmgren cất

dây buộc. Rất nhanh, cái xuồng biến mất. Hai giờ sau, họ vào cảng Brantevik. Jakobson bỏ túi năm nghìn phần của mình, lên chiếc Volvo của gã và đi về hướng Svarte, chỗ ở của gã. Holmgren khóa cửa khoang lái và kéo bạt che khoang hầm trống. Trong cảng không một bóng người. Gã kiểm tra kỹ càng đóng dây nhợ. Rồi gã cầm cái xà cột đưng tiền và đến chỗ cái xe Ford cũ, phát ra tiếng kêu bạch bạch khi nổ máy.

Bình thường, gã sẽ tìm nơi trú ẩn trong giấc mơ về Porto Santos. Nhưng cái xuồng bom khí cứ nhảy nhót trước mắt gã. Gã tìm cách xác định vị trí mà nó sẽ cập bờ. Dòng chảy rất thất thường, gió thổi thành từng cơn không thể đoán trước; cái xuồng có thể rơi vào bất kỳ đâu... Tuy nhiên, bằng trực giác, gã đánh cược vào các vùng xung quanh Ystad - trừ khi trong thời gian đó nó không được hành khách hoặc thủy thủ đoàn của một trong rất nhiều chuyến phà nối Thụy Điển với Ba Lan phát hiện. Gã không biết. Gã chỉ có thể đoán mò.

Hoàng hôn buông xuống khi gã vào đến thành phố Ystad. Gã dừng lại ở một ngã tư trước khách sạn Continental.

Hai người đàn ông mặc com lê và đeo cà vạt ôm nhau trong một cái xuồng... Có điều gì đó không ổn. Điều gì? Đèn chuyển sang màu xanh. Cùng lúc, gã hiểu ra. Đó không phải là một tai nạn, không phải một vụ đắm tàu: hai người đàn ông đã chết khi họ bị đẩy xuống xuồng. Làm sao mà gã có thể chắc chắn như thế? Hẳn là gã sẽ không thể nói được. Hai người đàn ông đã được đặt vào trong cái xuồng. Đã chết. Thay vì đi tiếp, gã rẽ sang phải ở chỗ quảng trường trung tâm và dừng xe gần

mấy cái cabin điện thoại trước hiệu sách. Gã suy nghĩ về những gì sẽ nói. Rồi gã bấm số cảnh sát. Khi có người trả lời, gã nhận thấy qua những ô cửa kính bẩn của cabin là tuyết lại rơi.

Khi đó là ngày 12 tháng Hai 1991.

2

Thanh tra Kurt Wallander ngáp dài trong phòng làm việc của mình. Một dây cơ co thắt lại. Con đau thật khủng khiếp. Ông cố ngậm miệng lại, lấy tay dấm mạnh vào quai hàm. Một thanh tra trẻ tuổi xuất hiện ở ngưỡng cửa phòng, đứng sững, do dự. Sự đau đớn đã giảm mức độ, nhưng Wallander tiếp tục nắn bóp hàm. Người đồng nghiệp có vẻ muốn quay đi.

- Vào đi! Cậu chưa bao giờ bị chuột rút vì ngáp à?

- Chưa. Nói đúng ra là tôi đang tự hỏi không biết anh làm cái quái gì.

- Giờ thì cậu biết rồi đấy. Sao nào?

Martinsson nhăn mặt ngồi xuống. Anh đặt cuốn sổ bloc xuống mặt bàn.

- Chúng ta vừa nhận được một cú điện thoại kỳ cục lắm.

- Ngày nào chúng ta chẳng nhận được những cú điện thoại kỳ cục.

- Tôi không biết phải nghĩ gì nữa. Một thằng cha gọi điện từ cabin điện thoại công cộng đến để thông báo rằng một

chiếc xuồng chở hai xác chết sắp cập vào bờ. Rồi hấn bỏ máy luôn. Không để lại tên, không nói thêm gì hết.

- Ai nghe điện thoại?

- Tôi. Và tôi tin lời hấn.

- Gì cơ?

- Chắc là do thói quen. Đôi khi người ta biết ngay lập tức là chuyện vớ vẩn. Nhưng có vẻ như là tay kia rất chắc chắn vào điều hấn nói.

- Hai cái xác trong một chiếc xuồng sắp cập vào bờ?

- Đúng.

Wallander cố tìm một cái ngáp.

- Các báo cáo có nói gì không? Hôm nay có tai nạn biển nào không?

- Không có.

- Chuyển tin cho các khu vực ven biển đi. Báo cho Cứu hộ biển. Còn thì chúng ta chờ đợi thôi. Không thể phát lệnh báo động căn cứ vào một cú điện thoại vô danh được.

- Tôi nhất trí, Martinsson đứng dậy, nói. Chúng ta đợi thôi.

Wallander liếc nhìn ra cửa sổ.

- Đêm nay chắc sẽ kinh lắm. Tuyệt...

- Dù thế nào thì tôi cũng sẽ về nhà. Tuyệt hay không tuyệt cũng vậy thôi.

Còn lại một mình, Wallander vươn vai thả lỏng toàn thân. Ông thấy mệt. Hai đêm liền, ông bị những cú điện thoại khẩn cấp lôi ra khỏi giường. Lần thứ nhất, một kẻ bị nghi là phạm tội hiếp dâm đã đột nhập một ngôi nhà nghỉ bỏ không

ở Sandskogen. Hắn say thuốc, người ta nghi hắn có vũ khí; họ phải đợi đến năm giờ sáng, tới khi hắn chịu đầu hàng. Ngày hôm sau là một vụ đánh lộn ở trung tâm thành phố, một buổi sinh nhật vui vẻ quá đà. Nhân vật chính của bữa tiệc, một gã đàn ông khoảng bốn mươi tuổi, đã tự lấy dao làm bếp đâm vào thái dương.

Wallander đứng dậy mặc áo vest. *Mình phải ngủ. Sẽ có người khác lo vụ con bão.*

Trên bãi đỗ xe, gió táp thẳng vào mặt ông. Ông lên chiếc Peugeot của mình. Tuyệt động trên kính trước khiến ông có cảm giác được bao bọc trong một cái tổ kén an cần. Ông cắm chìa khóa, nhét một cuộn băng cát xét vào máy nghe và nhắm mắt lại.

Ngay lập tức, những ý nghĩ của ông trở về với Rydberg. Mới một tháng trôi qua kể từ cái chết của người đồng nghiệp và người bạn ông. Wallander đã biết tin về căn bệnh ung thư của Rydberg một năm trước, khi họ đang cùng nhau khó nhọc phá một vụ án mạng tàn bạo xảy ra ở Lenarp⁽¹⁾. Trong những tháng cuối cùng, khi với mọi người chuyện đã rõ ràng - kể cả với bản thân Rydberg - rằng kết cục đã gần kề, Wallander đã cố sức tưởng tượng ra việc mỗi sáng đến sở làm mà biết rằng Rydberg không còn ở đó nữa. Làm thế nào ông sống được mà không có những lời khuyên, cách đánh giá tình hình và kinh nghiệm của ông già ấy? Vẫn còn quá sớm để trả lời câu hỏi này; kể từ khi Rydberg mất, chưa có vụ lớn nào. Nhưng nổi

1. Chi tiết trong *Faceless Killers* (Những kẻ sát nhân vô diện, 1991).

đau và sự thiếu thốn thì hiện hình rất rõ.

Ông nổ máy, bật hai nút để cần gạt kính hoạt động. Thành phố như bị bỏ hoang, như thể người ta đang chuẩn bị chịu đựng sự vây hãm của cơn bão sắp đến nơi. Ông dừng lại ở một trạm xăng gần Österleden để mua một tờ báo. Ông định tắm và nấu bữa tối; trước khi đi ngủ ông sẽ gọi cho bố. Kể từ cái đêm, một năm trước, khi bố ông đi bộ khỏi nhà, mặc độc bộ pyjama và tâm trí rối loạn⁽¹⁾, Wallander đã có thói quen gọi cho ông mỗi tối. Xuất phát từ lòng cảm thương, nhưng cũng là để giảm nhẹ những cơn cắn rứt lương tâm vì đã rất ít khi đến thăm bố. Kể từ biến cố đó, bố ông có được một người hộ lý do chính quyền địa phương trả tiền. Người phụ nữ này đến thường xuyên, và tâm trạng bố ông nhờ vậy mà đã khá lên một cách rõ rệt. Tuy nhiên, sự cắn rứt lương tâm vẫn còn đó; ông là một đứa con trai không mấy khi có mặt.

Wallander tắm, rán một quả trứng và gọi cho bố. Khi kéo ri đô trong phòng lại, ông liếc nhìn xuống phố vắng người phía dưới. Ngọn đèn chao đảo trên dây; vài bông tuyết nhảy nhót trong luồng sáng. Ba độ celcius dưới không. Có thể là cơn bão đã chuyển hướng về phía Nam chăng? Ông kéo ri đô và chui vào trong chăn. Ông thiếp đi rất nhanh.

Khi tỉnh dậy, ông cảm thấy khỏe hơn rất nhiều. Mới bảy giờ

1. Chi tiết trong *Những kẻ sát nhân vô diện*.

muời lăm phút, ông đã trở lại sở. Ngoài vài tai nạn giao thông không mấy trầm trọng, có vẻ như là đêm đã trôi qua yên tĩnh đến đáng ngạc nhiên. Không có bão tuyết. Ông đến căng tin, gặt đầu chào mấy cảnh sát giao thông mệt mỏi đang ngồi quanh một cái bàn, và lấy một ít cà phê vào một cái cốc nhựa. Ngay khi ngủ dậy, ông đã quyết định dành cả ngày hôm nay để tổng kết mấy hồ sơ đang chờ. Trong số đó, một vụ đánh lộn có thương tích đáng kể đến một nhóm người Ba Lan. Như thường lệ, người này lại đổ lỗi sang cho người khác. Không có nhân chứng đáng tin cậy nào kể được rành mạch diễn biến của vụ việc. Sẽ không có ai bị kết án vì đã đâm vỡ quai hàm người bên cạnh trong một cơn nóng giận. Trong khi chờ đợi, cần phải viết báo cáo.

Mười giờ rưỡi, ông đi lấy một cốc cà phê khác và trở lại phòng, điện thoại đang đổ chuông.

- Anh còn nhớ cái xuồng không?

Martinsson nói tiếp luôn, không để ông có thời gian trả lời.

- Thằng cha gọi điện cho chúng ta không bịa chuyện đâu. Một cái xuồng bơm khí chở hai xác chết đã cập vào bờ ở đoạn Mossby Strand. Một người phụ nữ dắt chó đi dạo đã phát hiện thấy nó. Bà ta có vẻ bị kích động khi gọi điện cho chúng ta.

- Bà ta gọi khi nào?

- Cách đây ba mươi giây.

Hai phút sau, Wallander đã trên đường đến Mossby Strand. Đi trước ông là Peters và Norén trên một chiếc xe cảnh sát bật còi hú. Đằng sau ông, một cái xe cứu thương. Đi cuối

cùng là Martinsson. Con đường kéo dài dọc đường bờ biển. Wallander rung mình khi nhìn thấy những đợt sóng lạnh giá vỡ tan vào bờ nước.

Bãi biển Mossby Strand hoang vắng - ki ốt đóng cửa, mấy cái ghế xích đu kêu kèn kẹt ở đầu dây buộc. Khi xuống khỏi xe, Wallander cảm thấy cú đớp của gió. Trên đỉnh đụn cát phủ đầy cỏ thoải thoải xuống về phía bãi biển, ông nhìn thấy một người đàn bà giữ dây buộc con chó của mình ở một tay còn tay kia vẫy rồi rút ra hiệu. Ông vội rảo bước về phía bà. Đây khó chịu, như vẫn vậy. Ông sẽ không bao giờ quên được với chuyện đó. Người chết cũng giống như người sống; không bao giờ có hai người giống nhau.

- Họ ở kia kia!

Người đàn bà đang hoảng sợ. Wallander nhìn theo hướng tay bà chỉ. Một cái xuồng bơm khí màu đỏ mắc kẹt giữa những tảng đá bên cạnh cây cầu dành cho người tắm biển.

- Đợi chúng tôi ở đây, ông ra lệnh.

Rồi ông đi về hướng đó, chân bước chệch choạc trong cát. Ông đi trên cầu lại gần cái xuồng. Hai người đàn ông đã chết, nhợt nhạt và ôm lấy nhau. Ông tìm cách khắc sâu vào trí nhớ những gì mình đang nhìn thấy. *Ấn tượng đầu tiên*. Kinh nghiệm đã dạy cho ông rằng nó mang tính chất quyết định. Một cái xác gần như lúc nào cũng là mắt xích cuối cùng của một chuỗi sự kiện dài và phức tạp. Đôi khi, người ta có thể đoán định được ngay bản chất của cái chuỗi đó.

Martinsson, đã cẩn thận nghĩ đến chuyện đi bớt, kéo cái xuồng lên bãi cát. Wallander ngồi xổm xuống nhìn hai người

đàn ông trong khi các nhân viên cấp cứu tìm tòi vì lạnh cảm cáng đứng đợi ở bên cạnh. Wallander liếc nhìn về phía đụn cát, nơi Peters đang tìm cách trấn an người đàn bà lên cơn hysteria. Cũng còn may vì bây giờ không phải là mùa hè, khi bãi cát đầy trẻ con... Hai người đàn ông trông không đẹp đẽ gì. Những cái xác đã bắt đầu phân hủy, và mùi của cái chết, không giống với bất kỳ mùi gì khác, tỏa ra rất mạnh dù cho trời có gió.

Ông đi găng tay latex vào và bắt đầu kiểm tra các túi áo túi quần của người đầu tiên. Không có gì hết. Nhưng khi vén vạt áo vest lên một chút, ông nhận ra cái áo sơ mi trắng bị vấy bẩn ở khoảng ngực. Ông ngẩng đầu về phía Martinsson.

- Đây không phải là một tai nạn. Mà là một án mạng. Ít nhất là người này đã nhận một phát đạn vào giữa tim.

Ông đứng dậy lùi ra vài bước để nhường chỗ cho Norén chụp ảnh cái xuồng.

- Cậu nghĩ gì?

Martinsson nhăn mặt.

- Không nghĩ được gì cả.

Wallander chậm rãi đi vòng quanh cái xuồng, mắt không rời khỏi hai người đàn ông. Cả hai đều tóc vàng và khoảng ba mươi tuổi, không hơn. Nhìn vào bàn tay và quần áo, họ không phải là người lao động tay chân. Nhưng họ là ai? Tại sao trong túi quần túi áo của họ không có gì hết?

Vừa đi vòng quanh xuồng, Wallander vừa thỉnh thoảng trao đổi vài câu với Martinsson. Sau nửa giờ, ông cho là mình đã nhìn đủ rồi. Trong thời gian ấy, đội kỹ thuật đã bắt tay vào việc; một cái lều nhựa nhỏ được dựng phía trên cái xuồng.

Norén đã chụp ảnh xong. Mọi người đều lạnh và muốn đi khỏi đây.

Rydberg sẽ nói gì? Wallander quay về xe, bật hệ thống sưởi. Biển xám và đầu ông rỗng. Những người đàn ông đó là ai?

Nhiều giờ sau - vào lúc đó, Wallander đã lạnh đến mức run lấy bẫy từ đầu đến chân - cuối cùng ông cũng nghĩ là đã có thể cho các nhân viên cứu thương làm công việc của mình. Nhưng hai người đàn ông như thể dính chặt vào nhau; phải bẻ vài cái xương để tách họ ra. Khi hai cái xác đã được mang đi khỏi, ông xem xét kỹ lưỡng cái xuồng. Ông không tìm thấy gì hết; ngay cả bóng của một cuộc ẩu đả cũng không. Wallander nhìn ra biển, như thể lời giải đáp nằm ở phía đường chân trời.

- Cậu phải nói chuyện với người đàn bà, ông nói với Martinsson.

- Gì cơ? Tôi đã nói chuyện rồi mà.

- Thật kỹ vào. Với cái thứ gió như thế này thì không thể nói được chuyện gì. Dẫn bà ta về sở đi. Norén sẽ lo việc chuyển cái xuồng về. Bảo cậu ấy làm việc đó đi.

Lúc này mình rất cần Rydberg, ông nghĩ khi đã ở trong xe. Ông ấy sẽ nhìn thấy gì? Ông ấy sẽ nghĩ gì?

Về đến sở, ông đi thẳng vào phòng cảnh sát trưởng báo cáo ngắn gọn về những gì đã xảy ra ở Mossby Strand. Björk lắng nghe, vẻ lo lắng. Wallander thường có cảm giác Björk thấy chính bản thân mình bị gây hấn khi có một vụ án mạng nghiêm trọng xảy ra trong khu vực của ông. Ngoài đó ra, ông

cảm thấy khá kính trọng Björk. Björk không bao giờ nhúng mũi vào công việc của các cảnh sát tại hiện trường, và không bao giờ ngần ngại khích lệ khi một cuộc điều tra giẫm chân tại chỗ. Cùng lúc đó, ông cũng có thể tỏ ra hết sức kỳ quặc, nhưng điều này thì Wallander đã quen.

- Anh sẽ phụ trách vụ này, Björk lên tiếng khi ông đã nói xong. Martinsson và Hansson sẽ giúp anh. Tôi nghĩ là chúng ta có thể huy động rất nhiều người.

- Hansson đang lo vụ tên hiệp dân mà chúng ta bắt đêm hôm trước. Có thể là Svedberg chăng?

Björk im lặng gật đầu. Gần như lúc nào Wallander cũng có được những gì mà ông yêu cầu.

Khi rời khỏi phòng cảnh sát trưởng, ông thấy đói. Vì có nguy cơ béo lên, thường thì ông bỏ bữa trưa. Nhưng những người chết trong cái xuồng làm ông lo lắng. Ông đi xe, bỏ nó lại ở Stickgatan và đi vào mạng lưới chằng chịt những phố nhỏ cho đến Fridolfs Konditori, nơi ông ngón ngấu vài cái sandwich, uống một cốc sữa và tóm tắt tình hình. Tối qua, không lâu trước mười tám giờ, một người xa lạ gọi điện đến sở cảnh sát và để lại một lời nhắn vô danh, hóa ra lại có cơ sở. Một cái xuồng bơm khí màu đỏ chở hai xác chết cập vào bờ biển ở đoạn Mossby Strand. Ít nhất một trong hai người đã bị giết bởi một viên đạn vào tim. Trong túi quần túi áo của họ không tìm được gì có khả năng tiết lộ danh tính.

Vậy đấy. Chỉ có thế.

Wallander nguệch ngoạc vài chữ lên tờ khăn ăn. Ngay lập tức đã có hàng loạt câu hỏi chờ được trả lời. Trong đầu,

ông không ngừng trò chuyện với Rydberg. *Tôi lập luận có đúng không? Tôi có quên điều gì không?* Ông tìm cách hình dung ra những phản ứng của ông già. Thỉnh thoảng có kết quả, thỉnh thoảng ông chỉ nhìn thấy nét mặt đau đớn của người bạn trên giường hấp hối.

Mười lăm giờ ba mươi phút, đã quay về sở, ông gọi Martinsson và Svedberg vào phòng mình, đóng cửa lại và yêu cầu tổng đài điện thoại không chuyển cuộc gọi nào cho đến khi có lệnh khác.

- Sẽ không dễ dàng đâu, ông bắt đầu. Chúng ta có thể hy vọng là khám nghiệm pháp y cung cấp được thông tin nào đó, cũng như việc phân tích cái xương và chỗ quần áo. Tuy nhiên có vài câu hỏi mà tôi muốn chúng ta tìm cách trả lời ngay từ bây giờ.

Svedberg vẫn đứng, lưng dựa vào tường, cuốn sổ bloc cầm trên tay. Bốn mươi tuổi, đầu gần như hói trội, sinh ở Ystad - những lời đồn đại độc địa nói là vì yêu quê nên anh rất hiếm khi rời khỏi thành phố - Svedberg có thể tạo ra cảm giác về một sự chậm chạp gần như khó chịu. Nhưng anh rất tỉ mỉ, và với Wallander phẩm chất này hết sức quan trọng. Martinsson trái ngược hẳn với Svedberg ở nhiều khía cạnh. Mới ba mươi tuổi, người gốc Trollhättan, anh muốn xây dựng sự nghiệp. Mặt khác, anh gia nhập đảng trung hữu *Folkpartiet* và, theo lời đồn, có nhiều khả năng trúng cử hội đồng thành phố vào mùa thu tới. Với tư cách cảnh sát, Martinsson nhiều khi làm việc theo bản năng và thỉnh thoảng không chu đáo. Nhưng anh có nhiều ý tưởng hay và tham

vọng mang lại cho anh nhiều năng lượng khi anh nghĩ là mình đang nắm được chìa khóa để giải quyết một vấn đề.

- Tôi muốn biết cái xuồng từ đâu đến, Wallander tiếp tục. Khi nào biết được giờ giấc cái chết của hai người kia, chắc là cũng sẽ xác định được khoảng cách đã đi qua và điểm xuất phát của nó.

Cái bưu môi đầy vẻ đắn đo của Svedberg.

- Anh nghĩ là có thể à?

- Phải gọi cho trung tâm dự báo thời tiết SMHI. Họ giỏi lắm. Hẳn là chúng ta sẽ có được một lộ trình tương đối chính xác. Ngoài ra, tôi muốn biết tất cả những gì chúng ta có thể biết được về cái xuồng. Nó được sản xuất ở đâu, thường tìm thấy trên loại tàu nào. Tất cả.

Ông quay sang Martinsson.

- Đó sẽ là việc của cậu.

- Liệu tôi có nên bắt đầu bằng việc xem qua hồ sơ lưu trữ trên máy tính không - trong trường hợp hai tay kia có ở đó?

- Được. Liên lạc với các đội Cứu hộ biển của tất cả các quận ven biển vùng phía Nam đi. Và gặp Björk hỏi xem liệu có cần liên lạc với Interpol không. Theo tôi, chúng ta cần mở rộng phạm vi tìm kiếm.

Martinsson ghi chép. Svedberg tư lự cắn đầu bút chì.

- Về phần mình, Wallander nói tiếp, tôi sẽ lo việc xem xét quần áo của họ. Hẳn là sẽ phải có một manh mối gì đó.

Có người gõ cửa. Norén xuất hiện cùng với một tấm bản đồ hàng hải.

- Tôi nghĩ rằng có thể nó sẽ có ích.

Wallander trải rộng tám bản đồ trên bàn, và cả bốn người cúi xuống đó như thể đang chuẩn bị cho một trận thủy chiến.

- Một cái xuồng có thể chạy với tốc độ bao nhiêu, trong hoàn cảnh gió và các dòng chảy không nhất định theo một hướng nào?

Câu hỏi là của Svedberg. Họ im lặng nhìn tám bản đồ. Sau vài phút, Wallander cuộn nó lại và xếp vào một góc, sau ghế pho toại của ông. Không ai có câu trả lời.

- Chúng ta bắt tay vào việc thôi, ông kết luận. Tôi đề nghị gặp lại vào mười tám giờ để tổng kết tình hình.

Svedberg và Norén ra khỏi phòng. Wallander giữ Martinsson lại.

- Bà ấy đã nói gì?

Martinsson nhún vai.

- Bà Forsell. Góa chồng, giáo viên trung học đã về hưu. Bà ta sống trong một ngôi nhà ở Mossby - mới năm nay, sau khi nghỉ làm - cùng con chó tên là Tegnér⁽¹⁾. Tên thật là kỳ cục cho một con chó. Ngày nào bà ta cũng dẫn nó đi dạo trên bờ biển. Tối qua chưa hề có cái xuồng nào; hôm nay nó đã nằm đấy. Bà ta phát hiện nó vào khoảng mười giờ mười lăm phút và đã gọi điện ngay.

- Mười giờ mười lăm phút, Wallander nhắc lại. Không phải là quá muộn để dắt chó đi dạo à?

- Tôi đã đặt cho bà ta câu hỏi ấy. Nhưng hóa ra là trước

1. Isaias Tegnér (1782-1846), nhà thơ lãng mạn nổi tiếng của Thụy Điển (chú thích của bản tiếng Pháp).

đó, vào lúc bảy giờ sáng, bà ta đã dắt nó đi dạo một lần rồi, theo một lối khác.

Wallander chuyển chủ đề.

- Người kia gọi điện vào hôm qua. Anh ta thế nào?

- Như tôi đã nói rồi đấy. Rất đáng tin.

- Âm điệu? Tuổi?

- Giọng Skåne, giống Svedberg ấy. Hơi khàn. Hắn ta hút thuốc lá, tôi nghĩ thế. Bốn mươi đến năm mươi tuổi. Cách nói đơn giản và rõ ràng. Có thể hình dung ra bất kỳ cái gì, nhân viên ngân hàng, nông dân...

- Tại sao anh ta lại gọi điện?

- Tôi cũng đã tự hỏi mình về điều này. Cũng có thể hắn có liên quan. Hoặc là do hắn nghe ngóng được điều gì đó. Có rất nhiều khả năng.

- Cậu nghĩ khả năng nào logic nhất?

- Khả năng thứ hai, Martinsson nói. Có thể là hắn đã nhìn thấy hoặc nghe thấy điều gì đó. Tôi nghĩ vụ án mạng không thuộc loại những vụ mà tác giả muốn thu hút sự chú ý của cảnh sát.

Wallander cũng có chung lập luận đó.

- Thế thì thử đi xa hơn xem sao. Nếu không dính dáng, thì hẳn là anh ta đã không tham dự vụ giết người. Có thể nghĩ rằng anh ta chỉ nhìn thấy cái xuống thôi.

- Một cái xuống trôi trên mặt nước. Có thể nhìn thấy nó ở đâu? Trên boong một con tàu.

- Chính xác. Nhưng nếu anh ta không dính dáng thì tại sao anh ta lại không muốn xưng tên?

- Nhiều người không thích gặp chuyện rắc rối. Anh cũng biết rõ điều đó như tôi.

- Có thể. Nhưng còn có một khả năng nữa. Anh ta không muốn lôi thôi với cảnh sát vì những lý do hoàn toàn cá nhân.

- Giả thuyết đó không mạo hiểm quá ư?

- Tôi chỉ vừa nghĩ vừa nói thôi. Chúng ta phải tìm cách truy ra anh ta, bằng một cách nào đó.

- Anh muốn thông báo rộng rãi để yêu cầu hẩn liên lạc lại với chúng ta à?

- Phải. Nhưng không phải là hôm nay. Trước hết tôi muốn biết thêm về hai người chết kia đã.

Wallander đi sang bệnh viện. Mặc dù đã nhiều lần đến đây, ông vẫn lẫn lộn đường đi lối lại trong khu nhà mới. Ông dừng lại ở căng tin dưới tầng trệt, mua một quả chuối và hỏi đường đến phòng khám nghiệm.

Bác sĩ Mörth, người phụ trách khám nghiệm pháp y, chưa bắt đầu việc xem xét kỹ càng mấy cái xác. Tuy vậy ông vẫn có thể trả lời được cho câu hỏi đầu tiên của Wallander.

- Hai người đó đã bị bắn một viên đạn vào tim, từ một khoảng cách rất ngắn. Tôi cho đó là nguyên nhân dẫn đến cái chết.

- Tôi muốn biết các kết quả càng sớm càng tốt. Ngay lúc này anh có thể nói cho tôi biết họ đã chết từ bao giờ không?

- Không. Và câu trả lời cũng rất hiển nhiên.

- Nghĩa là?

- Là họ đã chết từ khá lâu. Trong trường hợp đó, sẽ khó xác định được thời điểm chết chính xác hơn.

- Hai ngày? Ba ngày? Một tuần?
- Tôi không thích chơi trò đoán mò.

Mörth đi khỏi về hướng phòng mổ. Wallander lấy áo vest, đi găng tay latex vào và bắt đầu xem xét chỗ quần áo, để trên một cái bệ giống như bồn rửa bếp đã lỗi thời.

Bộ com lê đầu tiên may ở Anh, bộ thứ hai ở Bỉ. Hai đôi giày Ý, và Wallander đoán rằng chúng rất đắt tiền. Cũng như vậy với áo sơ mi, cà vạt và quần áo lót. Chất lượng tuyệt hảo. Wallander xem xét toàn bộ hai lần trước khi ngừng lại. Điều chắc chắn duy nhất, hai người này không nghèo. Nhưng vì tiền, nhẫn, đồng hồ đeo tay của họ đâu mất rồi? Điều đáng kinh ngạc nhất là cả hai đều không mặc áo vest vào thời điểm chết. Không hề có vết rách, không có dấu của thuốc súng trên quần áo họ.

Wallander tìm cách hình dung ra cảnh đó. Hai người đàn ông bị bắn chết từ một khoảng cách rất ngắn. Rồi người ta mặc lại áo vest cho họ trước khi vớt họ xuống một cái xuống cứu sinh. Tại sao?

Ông xem xét đồng quần áo lần thứ ba. Có điều gì đó vuột mắt khỏi tay mình. *Rydberg, giúp tôi với.*

Nhưng Rydberg im lặng. Wallander quay về sở. Cuộc mổ khám nghiệm sẽ kéo dài hàng giờ và các kết quả sơ bộ sớm nhất sáng mai mới có thể có được. Ông tìm thấy trên bàn làm việc của mình một mẫu giấy của Björk nói rằng có lẽ tốt hơn hết là đợi một vài ngày trước khi liên lạc với Interpol. Wallander thấy bức mình. Ông thường thấy khó lòng hiểu nổi sự thận trọng quá đáng của sếp mình.

Cuộc họp lúc mười tám giờ rất ngắn gọn. Martinsson thông báo rằng không hề có lệnh tìm kiếm nào liên quan đến hai người đàn ông trên xuồng. Svedberg đã có một cuộc nói chuyện dài với một chuyên gia thời tiết của trạm Norrköping, người đã hứa là sẽ giúp anh nếu có yêu cầu chính thức của cảnh sát Ystad.

Wallander khẳng định hai người kia đã bị giết. Nhưng tại sao người ta lại mặc lại áo vest cho họ sau khi họ đã chết?

- Chúng ta sẽ tiếp tục vài tiếng nữa, ông kết luận. Nếu các anh đang phải làm việc gì đó thì cứ để đấy đã, hoặc giao cho người khác. Vụ này sẽ không dễ dàng đâu. Ngay ngày mai tôi sẽ yêu cầu tiếp viện.

Khi chỉ còn lại một mình, Wallander trải tấm bản đồ hàng hải lên bàn và lấy ngón tay dò theo đường bờ biển cho đến Mossby Strand. Cái xuồng đã có thể trôi nổi trên một khoảng rất dài, nhưng cũng có thể đập dềnh theo một hướng rồi sau đó chuyển hướng khác. Hoặc đi đích đích.

Điện thoại đổ chuông. Ông do dự; đã muộn và ông muốn về nhà để có thể yên tĩnh suy nghĩ. Ông nhấc điện thoại và nhận ra giọng của Mörrth.

- Anh đã xong việc rồi à?

- Chưa. Nhưng có một chi tiết mà tôi cho là quan trọng. Tôi muốn nói ngay với anh.

Wallander nín thở.

- Hai người đó không phải là người Thụy Điển. Ít nhất thì họ không sinh ở Thụy Điển.

- Làm sao mà anh biết được?

- Tôi đã xem miệng họ. Răng của họ không được một bác sĩ Thụy Điển chăm sóc. Có vẻ như nha sĩ là người Nga.

- Gì cơ?

- Ít nhất thì cũng là một bác sĩ Đông Âu. Các phương pháp của họ hoàn toàn khác với chỗ chúng ta.

- Anh có chắc không?

- Nếu không thì tôi đã không gọi cho anh rồi.

- Tất nhiên. Tôi tin anh.

- Một việc khác. Hẳn là hai người đó đã khá hài lòng vì được chết, xin lỗi vì đã tỏ ra vô sỉ nhé. Họ đã bị tra tấn một cách tàn tệ. Bị đốt, bị lột da, tất cả những gì kinh khủng nhất mà chúng ta có thể tưởng tượng được.

Wallander nín lặng.

- Anh còn ở đó chứ?

- Có. Tôi đang suy nghĩ về những điều anh vừa nói.

- Tôi chắc chắn về việc tôi làm.

- Tôi không nghi ngờ gì hết. Nhưng chuyện này không hề bình thường.

- Anh sẽ có báo cáo hoàn chỉnh của tôi vào ngày mai. Trừ các kết quả của một số khám nghiệm của phòng thí nghiệm sẽ phải đợi thêm.

Sau khi bỏ máy, Wallander đi xuống căng tin vắng tanh, uống những giọt cà phê cuối cùng trong bình pha cà phê và ngồi xuống một cái bàn.

Người Nga? Bị tra tấn?

Hẳn là ngay cả Rydberg cũng sẽ nghĩ cuộc điều tra sẽ khó khăn.

Mười chín giờ ba mươi phút, ông đặt tách cà phê xuống bồn rửa. Rồi ông đi lấy xe rồi lái về nhà.

Gió đã ngừng. Đột nhiên trời lạnh hơn hẳn.

3

Wallander choàng tỉnh vì một cơn đau dữ dội ở ngực. Hai giờ sáng. Thôi rồi, đây rồi, ông nghĩ trong bóng tối. Làm việc quá nhiều, stress quá nhiều. Giờ tính sổ đã điểm. Ông nằm bất động, thấy ngập tràn nỗi xấu hổ và tuyệt vọng với ý nghĩ cuối cùng thì cả đời mình đã không làm được gì. Nỗi hoang mang tăng lên cùng với sự đau đớn. Không thể kiểm soát nỗi nỗi sợ. Ông đã nằm như thế bao nhiêu lâu? Châm chậm, bằng một nỗ lực ý chí ghê gớm, ông ngồi dậy.

Ông thận trọng đứng lên, mặc quần áo và đi xuống phố. Sự đau đớn trở đi trở lại theo từng đợt, lan tỏa trong hai cánh tay ông và theo cách đó có vẻ giảm bớt một chút cường độ. Ông lấy xe, tự bắt mình phải thở thật chậm và đi ngang qua thành phố vắng tanh đến chỗ cấp cứu. Một nữ y tá với cái nhìn nhân hậu tiếp ông. Thay vì đuổi ông về như một kẻ mắc chứng hysteria bị căn bệnh béo phì đe dọa, cô lắng nghe ông nói và tỏ vẻ coi sự hoang mang của ông là hoàn toàn nghiêm túc. Từ phòng chăm sóc bệnh nhân bên cạnh vang ra một thứ tiếng gầm gừ, như của một kẻ say rượu. Wallander nằm dài

trên một cái giường lắn, sự đau đớn tiếp tục kéo đến theo từng đợt; đột nhiên một viên bác sĩ trẻ đứng trước mặt ông. Ông miêu tả các triệu chứng thêm một lần nữa. Người ta đưa ông vào một căn phòng khác, nơi ông bị nối vào một màn hình. Ông được đo huyết áp và nhịp tim, người ta lại đặt cho ông những câu hỏi mới. Không, ông không hút thuốc; không, ông chưa bao giờ bị đau vùng ngực một cách bất ngờ như thế này; không, theo ông biết thì trong gia đình ông không ai mắc chứng đau tim mãn tính. Người bác sĩ xem xét điện tâm đồ.

- Không có gì phải lo cả, anh ta nói. Tất cả đều có vẻ bình thường. Ông có nghĩ tại sao có sự lo lắng kinh khủng đó không?

- Tôi không biết.

- Ông là cảnh sát. Tôi hình dung là việc đó dẫn đến không ít stress, nhiều khi.

- Đây nhất định không phải là stress.

- Mức độ rượu ông uống như thế nào?

- Chắc là cũng bình thường thôi.

Người bác sĩ ngồi lên một góc bàn và đặt hồ sơ xuống. Wallander thấy là anh ta đang rất mệt.

- Tôi không nghĩ là ông bị đột quỵ, anh ta nói. Đúng hơn là một dấu hiệu cảnh báo, một thông điệp từ các cơ quan nội tạng của ông chuyển tới. Có thể mọi chuyện sẽ không tốt lắm, nhưng ông là người duy nhất có khả năng đánh giá điều đó.

- Có chuyện ấy đấy. Ngày nào tôi cũng tự hỏi chuyện gì đang xảy ra thế này, cái cuộc sống này là gì thế này. Và tôi nhận ra là mình không có ai để trò chuyện cả.

- Như thế là không tốt. Ai cũng cần có người tâm giao.

Máy nhắn tin của bác sĩ rung lên trong túi áo bờ lu như một con chim nhỏ. Anh ta đứng dậy.

- Đêm nay ông phải ở đây. Cố mà nghỉ ngơi đi.

Wallander nằm im trên giường nghe tiếng rì rì của một cái quạt vô hình. Những tiếng nói vang đến tai ông từ hành lang.

Sự đau đớn nào cũng có lời giải thích. Nếu không phải là tim, thì là gì? Sự cắn rứt lương tâm thường trực vì dành quá ít thời gian cho bố mình chẳng? Lo lắng cho con gái mình chẳng? Nỗi sợ rằng bức thư của nó đã nói dối chẳng - bức thư nói rằng ở Stockholm nó rất thoải mái, học hành tốt, rằng cuối cùng nó cũng đã tìm ra được cái mà nó tìm kiếm từ bấy lâu nay? Nỗi sợ âm ỉ rằng nó sẽ lại một lần nữa tìm cách tự sát, như khi nó mười lăm tuổi? Hay là sự ghen tuông, nỗi đau vì đã bị Mona bỏ? Nhưng chuyện đó đã xảy ra được hơn một năm rồi...

Ánh sáng trong phòng khá chói. Ông nghĩ rằng toàn bộ cuộc đời mình đã được đánh dấu bằng một sự cô độc mà ông không sao loại bỏ đi được. Một nỗi đau đớn như ông đã cảm thấy vào đêm nay liệu có thể gán cho sự cô đơn không? Những giả thuyết của chính ông không hề khiến ông cảm thấy tin tưởng một chút nào.

- Mình không thể tiếp tục như thế này được, ông nói to ý nghĩ của mình lên. Mình phải quản lý được cuộc đời mình. Nhanh chóng. Ngay lập tức.

Ông choàng tỉnh vào lúc sáu giờ. Bác sĩ nhìn thẳng vào mặt ông.

- Không đau nữa chứ?
- Không, ổn rồi. Đó có thể là gì?
- Căng thẳng. Stress. Ông biết rõ hơn tôi.
- Phải, Wallander nói. Chắc chắn rồi.

- Theo tôi, ông cần thực hiện một cuộc khám toàn diện thật kỹ càng, dù việc đó chỉ là để làm ông yên tâm. Sau đó ông sẽ có đủ thời gian để khám phá những bí mật tâm hồn của chính ông.

Wallander về nhà, tắm và uống một tách cà phê. Nhiệt kế chỉ ba độ celcius dưới không. Bầu trời trong vắt, không một gợn gió. Ông ngồi một lúc lâu gặm nhấm lại những suy nghĩ hồi đêm. Sự đau đớn, việc đến bệnh viện - tất cả đều có vẻ không thực. Nhưng ông không thể vòng tránh sự hiển nhiên. Ông phải có trách nhiệm với cuộc đời mình.

Tám giờ mười lăm phút, ông tự buộc mình quay trở lại làm cảnh sát.

Vừa đến sở, ông đã bị Björk lôi xềnh xệch ra một chỗ. Tại sao ông không gọi điện ngay cho cơ quan kỹ thuật Stockholm để nhờ xem xét kỹ càng hiện trường án mạng?

- Hiện trường án mạng nào? Wallander đắp lại. Nếu chúng ta có thể chắc chắn vào một điều, thì đó là hai người đàn ông ấy không bị giết trong cái xuống.

- Giờ đây khi Rydberg không còn nữa, chúng ta buộc

phải nhờ đến sự giúp đỡ từ bên ngoài. Chúng ta không có đủ những năng lực cần thiết. Tại sao anh lại không cho phong tỏa lối vào bãi biển?

- Cái xuồng không nằm trên bãi biển. Nó dạt từ ngoài vào. Anh thực sự nghĩ là chúng ta cần lập hàng rào an ninh trên sông à?

Wallander tức tối. Nhất trí, ông không có kinh nghiệm của Rydberg. Nhưng dù sao ông cũng có đủ khả năng đánh giá xem có cần nhờ đến các kỹ thuật viên Stockholm hay không.

- Hoặc anh để mặc tôi hành động, ông nói, hoặc anh rút tôi khỏi vị trí chỉ huy cuộc điều tra đi.

- Không có chuyện đó đâu. Nhưng tôi vẫn cho không báo với Stockholm là một sai lầm.

- Tôi không có cùng ý kiến đó.

Ông không có gì để nói thêm nữa.

- Lát nữa tôi sẽ qua gặp anh, Wallander kết luận. Tôi có một số chi tiết muốn báo cáo với anh.

- Những chi tiết nào? Tôi cứ nghĩ chúng ta đang sa lầy.

- Không hoàn toàn. Mười phút nữa tôi sẽ qua.

Wallander đi đến phòng mình và gọi điện sang bệnh viện. Thật ngạc nhiên vì người ta chuyển thẳng điện thoại cho Mörtz.

- Có gì mới không?

- Tôi đang viết báo cáo đây. Anh không thể kiên nhẫn được thêm một hay hai tiếng nữa à?

- Tôi phải báo cáo với sếp. Ít nhất thì cũng nói cho tôi họ chết được bao lâu rồi chứ.

- Còn phải chờ các kết quả phân tích. Trong dạ dày có gì, tình trạng phân hủy của vãi, vân vân.

- Nhưng còn ý kiến cá nhân của anh?

- Tôi không thích giải đổ.

- Anh có nhiều kinh nghiệm. Anh biết công việc của anh. Các kết quả chắc là sẽ khẳng định các giả thuyết của anh. Thế nên cứ nói đi. Tôi hứa là mọi chuyện sẽ chỉ có hai chúng ta biết.

Möth suy nghĩ.

- Một tuần. Tối thiểu. Nhưng không được nói cho ai đâu đấy.

- Tôi đã quên rồi. Và anh vẫn chắc chắn họ là người nước ngoài, người Nga hoặc có nguồn gốc Đông Âu chứ?

- Phải.

- Một điều gì khác?

- Tôi không biết gì về đạn dược. Nhưng tôi chưa bao giờ nhìn thấy loại đạn đó.

- Nhất trí. Gì nữa không?

- Một trong hai người có hình xăm ở vai. Tôi nghĩ đó là một yatagan.

- Một gì?

- Một loại gươm cong. Nghe này, người ta không thể đòi hỏi một bác sĩ cảnh sát đồng thời cũng là chuyên gia về các thứ vũ khí cổ được.

- Có chữ viết trên đó không?

- Gì cơ?

- Thỉnh thoảng trên những hình xăm có một dòng chữ, một cái tên phụ nữ hoặc tên địa điểm.

- Đây thì không có đâu.
- Gì nữa không?
- Lúc này thì không.
- Cảm ơn anh.

Wallander đi lấy một cốc cà phê và sau đó tiến về phía phòng Björk. Cửa phòng Martinsson đang mở, cũng như cửa phòng Svedberg, nhưng không thấy các đồng nghiệp của ông đâu. Björk đang nói chuyện điện thoại. Wallander ngồi xuống, vừa uống cà phê vừa đợi. Björk có vẻ rất tức tối. Wallander nhảy dựng lên khi ông dập mạnh điện thoại xuống.

- Mẹ kiếp, Björk nói. Làm việc thì được lợi ích gì cơ chứ?
- Câu hỏi hay đấy. Nhưng lại nữa à?

Björk run lên vì tức giận. Wallander chưa bao giờ nhìn thấy ông ở trong trạng thái đó.

- Tôi không biết liệu có thể nói cho anh không. Dù thế nào đi nữa, tôi cũng không có lựa chọn nào. Một trong những kẻ giết người ở Lenarp - kẻ có biệt danh Lucia - mấy hôm trước được phép ra ngoài. Hiển nhiên là hắn không hề quay lại. Hắn là đã rời khỏi đất nước rồi. Chúng ta sẽ không bao giờ còn nhìn thấy hắn nữa.

Wallander không tin vào tai mình.

- Được ra ngoài? Nhưng hắn mới vào tù được một năm cơ mà! Với một trong những tội ác nghiêm trọng nhất từng xảy ra trên đất nước này! Làm sao mà hắn lại có thể được ra ngoài?

- Hắn phải về dự tang mẹ hắn.

- Nhưng mẹ hắn chết từ cách đây mười năm rồi! Tôi vẫn

còn nhớ, điều đó được viết rõ trong báo cáo mà cảnh sát Séc gửi cho chúng ta.

- Có một người đàn bà đến nhà tù Hall nhận là chị gái của hắn. Cô ta năn nỉ. Không ai nghĩ đến chuyện thẩm tra. Cô ta có một tấm thiệp in, đám tang sẽ được tổ chức tại một nhà thờ ở Ängelholm. Ở cái đất nước này một số người vẫn còn ngây thơ đến mức không tin là người ta có thể làm giả một tờ giấy báo tang lễ. Người ta đã cho phép hắn ra ngoài, dưới sự theo dõi của cảnh sát. Hôm kia. Dĩ nhiên là không có đám tang nào cả, không có mẹ chết, không có chị gái. Chúng đã tấn công người gác, trói anh ta lại và ném vào một khu rừng bên ngoài Jönköping. Thậm chí chúng còn cả gan lấy xe của nhà tù để xuống phà ở Limhamn. Người ta đã tìm thấy cái xe ở sân bay Copenhagen. Và chúng đã biến mất.

- Không thể thế được. Ai đã cho phép hắn ra ngoài?

- Thụy Điển là một đất nước điên rồ. Tôi phát điên mất.

- Nhưng ai là người chịu trách nhiệm? Kè nào làm việc đó xứng đáng bị bỏ tù. Làm sao lại có thể như vậy được?

- Tôi sẽ tìm hiểu. Trong khi chờ đợi, phải làm việc thôi. Thằng cha đã biến mất rồi.

Wallander nhìn thấy lại trong đầu cặp vợ chồng già cả bị giết ở Lenarp. Một vụ giết người tàn bạo khó tưởng tượng. Ông liếc nhìn Björk vẻ trống vắng.

- Như thế có nghĩa là gì? Chúng ta lao tâm khổ tứ để làm gì trong những điều kiện như thế này?

Björk không trả lời. Wallander đứng dậy lại gần cửa sổ.

- Tôi không biết còn chịu đựng thêm được bao lâu nữa.

- Chúng ta không có lựa chọn. Anh muốn nói gì với tôi về hai người trong cái xuồng?

Wallander báo cáo. Ông cảm thấy nặng nề, kiệt sức, thất vọng. Björk ghi chép.

- Người Nga..., ông lẩm bẩm khi Wallander đã nói xong.

- Dù sao cũng chắc chắn là người Đông Âu. Mörrth có vẻ chắc chắn lắm.

- Trong trường hợp này, tôi sẽ phải thông báo với Bộ Ngoại giao. Họ sẽ liên lạc với cảnh sát Nga. Hoặc Ba Lan, hoặc gì đó khác.

- Nếu quả là như vậy, họ là người Nga sống ở Thụy Điển. Hoặc ở Đức. Hoặc Đan Mạch, tại sao lại không?

- Dù sao thì phần lớn người Nga vẫn sống ở Liên Xô, Björk nói. Tôi sẽ lo việc này ngay. Bộ biết cách giải quyết loại vụ việc như thế này mà.

- Chúng ta có thể cho mấy cái xác trở lại xuồng và yêu cầu lính gác biển kéo họ ra hải phận quốc tế. Thế là phủi tay xong.

Björk làm ra vẻ không nghe thấy.

- Chúng ta cần giúp đỡ để nhận diện họ, ông nói. Ảnh, dấu tay, quần áo.

- Có một hình xăm. Một yatagan.

- Một gì?

- Một yatagan. Một thanh gươm cong.

Björk lắc đầu và cầm lấy điện thoại.

- Đợi đã!

Björk dừng lại.

- Tôi nghĩ đến người đã gọi điện báo tin. Theo Martinsson, anh ta nói giọng Skåne. Chắc là chúng ta có thể tìm ra anh ta.

- Có dấu vết gì không?

- Không. Tôi đề nghị phát lời kêu gọi nhân chứng. Theo cách rất chung chung. Có ai nhìn thấy một cái xuồng bơm khí màu đỏ trôi nổi trên mặt nước không? Xin liên hệ với cảnh sát, vân vân.

Björk đồng ý.

- Dù thế nào đi nữa tôi cũng sẽ phải tổ chức một cuộc họp báo. Cảnh phóng viên vây tôi dữ quá. Làm cách nào mà họ biết chuyện xảy ra trên một bãi biển không một bóng người nhanh đến thế được? Tôi không sao hiểu nổi. Hôm qua, chỉ mất nửa giờ là họ đã biết.

- Anh cũng biết rõ là có những rò rỉ mà.

Wallander lại nghĩ đến hai vụ giết người ở Lenarp.

- Rò rỉ? Ở đâu mới được chứ?

- Ở đây. Cảnh sát Ystad.

- Ai là thủ phạm?

- Làm sao tôi biết được đây? Việc của anh là nhắc nhở toàn bộ nhân viên cần phải kín đáo.

Björk đập tay xuống bàn, như một cái tát mang tính biểu tượng. Nhưng ông không bình luận gì thêm nữa.

- Chúng ta phát lệnh kêu gọi nhân chứng, ông chỉ nói vậy. Mười hai giờ trưa, bản tin thời sự trên truyền hình. Tôi muốn anh dự cuộc họp báo. Còn bây giờ, tôi phải gọi cho Stockholm để lấy chỉ thị.

Wallander đứng dậy.

- Không phải làm thì tốt hơn.

- Làm gì cơ?

- Tìm ra những kẻ đã giết những người đó.

- Tôi sẽ nói chuyện với Stockholm, Björk tránh trở.

Wallander đi ra. Cửa phòng Martinsson và Svedberg vẫn mở, nhưng vẫn không thấy hai người đâu. Chín giờ rưỡi. Ông xuống tầng hầm, nơi cái xuống đồ đã được đặt lên trên giá. Ông chăm chú xem xét nó trong luồng sáng của một cái đèn pin mạnh, nhưng không phát hiện được gì. Không hề có tên nhãn hiệu, không có nước sản xuất. Giải thích điều này thế nào đây? Đột nhiên, sự chú ý của ông hướng đến một mẫu dây thừng. Khác với những sợi dây khác dùng để buộc tám ván xuống đáy xuống, sợi dây này như thể bị dao cắt đứt. Tại sao? Ông tìm cách hình dung các kết luận mà Rydberg có thể rút ra được từ đây, nhưng óc ông trống không.

Mười giờ, ông quay về phòng mình. Ông bấm số phòng Martinsson, rồi phòng Svedberg, nhưng không có ai trả lời. Ông nhặt một cuốn sổ bloc và bắt tay vào tóm tắt vài yếu tố ít ỏi liên quan đến các nạn nhân mà ông biết được. Hai người gốc Đông Âu, bị giết bởi một viên đạn vào tim từ một khoảng cách rất gần, trước khi được mặc lại áo vest và ném xuống một cái xuống cứu sinh không thể xác định nguồn gốc. Bị tra tấn. Ông đẩy quyển sổ ra xa. Một ý nghĩ vừa chạy thoáng qua óc ông. Những người bị tra tấn rồi sau đó bị giết... Người ta giấu

họ, người ta đào cho họ một cái hố, hoặc buộc đá vào chân họ rồi ném họ xuống nước. Vứt họ xuống một cái xuồng, điều đó đồng nghĩa với nguy cơ họ được tìm thấy.

Liệu đó có phải là một việc đã được trù liệu? Liệu có phải là người ta muốn những cái xác được tìm thấy không? Sự có mặt của họ trong cái xuồng ám chỉ rằng họ đã bị giết ngoài biển...

Ông xé tờ giấy ra và ném nó vào sọt rác. *Mình còn biết quá ít. Rydberg hẳn sẽ nói mình phải bớt sốt ruột hơn.*

Điện thoại đổ chuông. Mười một giờ kém mười lăm phút. Đúng lúc nhận ra giọng của bố ông, ông nhớ là hôm nay họ hẹn gặp nhau. Lẽ ra ông phải qua Löderup vào lúc mười giờ chở bố đến Malmö để mua toan vẽ và màu.

- Thế nào? Anh làm cái quái quỷ gì thế?

Wallander quyết định rất nhanh là sẽ nói thật.

- Xin lỗi bố, con quên mất.

Im lặng một lúc lâu.

- Ít nhất thì đó cũng là một câu trả lời trung thực, cuối cùng bố ông nói.

- Con muốn đến vào ngày mai.

- Thế thì ngày mai vậy.

Wallander nguệch ngoạc vài chữ vào một mẩu giấy dán và dán lên điện thoại. Lần này thì sẽ không được phép quên nữa.

Ông lại bấm số điện thoại phòng Svedberg. Không có ai trả lời. Nhưng Martinsson nhắc máy ngay ở lần chuông đổ đầu tiên. Wallander sang gặp anh.

- Hôm nay tôi biết thêm được một việc, Martinsson bắt đầu. Gần như không thể miêu tả một cái xương cứu sinh. Tất cả chúng đều giống nhau, chỉ các chuyên gia mới đủ sức phân biệt được. Thế nên tôi đã lái xe đến Malmö gặp các nhà nhập khẩu.

Họ đi xuống cảng tin lấy cà phê. Martinsson nhặt thêm mấy cái bánh và đi theo Wallander vào phòng ông.

- Thế là bây giờ, cậu đã biết mọi điều về xương cứu sinh rồi...

- Không. Tôi chỉ biết hai hay ba điều thôi. Nhưng tôi không biết cái xương đó từ đâu tới.

- Thật kỳ lạ vì không thể tìm được chữ viết gì ở trên đó. Thường thì các thiết bị cứu sinh phải được dán mấy cái thứ ấy.

- Các nhà nhập khẩu Malmö cũng nghĩ thế. Nhưng có thể lời giải đáp nằm ở đội gác biển. Thuyền trưởng Österdahl.

- Ai cơ?

- Một người đã bỏ cả đời sống trên những con tàu tuần tiễu của hải quan. Mười lăm năm ở Arkösund, mười năm tại quần đảo Gryt, và sau đó là ở Simrishamn. Rồi về hưu. Theo năm tháng, ông ấy đã dựng ra cả một hồ sơ cá nhân về tất cả các loại thuyền bè có thể có và có thể tưởng tượng ra, trong đó có cả xương cứu sinh.

- Ai đã nói với cậu chuyện ấy?

- Tôi đã gặp may. Người mà tôi đã nói chuyện từng làm việc dưới quyền ông thuyền trưởng.

- Tốt lắm. Có thể là ông ấy sẽ giúp được chúng ta.

- Nếu ông ấy không thể, thì sẽ không ai có thể đâu, Martinsson nói, giọng đầy vẻ triết lý. Ông ấy sống về phía

Sandhammaren. Tôi đã nghĩ đến việc triệu ông ấy đến đây để xem xét cái xuống. Ngoài đó ra? Có gì mới không?

Wallander thông báo cho anh về các kết luận của Mörrth. Martinsson chăm chú lắng nghe.

- Điều đó có nghĩa là có thể chúng ta sẽ phải làm việc chung với cảnh sát Liên Xô. Anh có nói được tiếng Nga không?

- Không nói được lấy một từ. Điều đó chủ yếu có nghĩa là có thể chúng ta sẽ rảnh nợ được vụ này.

- Lúc nào chúng ta cũng có thể hy vọng chuyện đó...

Đột nhiên Martinsson tỏ ra tự lự.

- Đúng vậy, anh tiếp tục. Thỉnh thoảng tôi ngạc nhiên vì phải lùi bước trước một số cuộc điều tra. Quá khó chịu. Quá nhiều máu đổ, quá không thực. Ở trường cảnh sát, người ta không bao giờ dạy chúng tôi đối mặt với những xác chết bị tra tấn rồi vứt xuống xuống. Tôi có cảm giác không theo kịp. Thế mà tôi mới ba mươi tuổi đấy.

Wallander cũng thường xuyên có những suy nghĩ tương tự trong những năm vừa qua. Ngày càng khó làm công, đối mặt với thứ tội phạm mới mà họ chưa từng bao giờ có kinh nghiệm. Người ta nói rằng nhiều người đã rời khỏi ngành và chuyển sang làm cho khu vực tư nhân vì lý do tài chính. Nhưng đó là một huyền thoại. Trên thực tế, phần lớn các vụ từ nhiệm đều có thể giải thích bằng nỗi sợ hãi.

- Có thể là chúng ta sẽ phải đến gặp Björk yêu cầu được gửi đi dự một chuyến huấn luyện đặc biệt. Làm thế nào để xử lý các vụ tra tấn...

Trong giọng nói của Martinsson không hề có sự mỉa mai.

Wallander chỉ nhận ra trong đó sự không chắc chắn mà chính ông cũng rất thường xuyên cảm thấy.

- Mỗi thế hệ cảnh sát đều ca lại đúng bài đó, ông nói. Chúng ta không thoát được ra ngoài quy luật.

- Rydberg chưa bao giờ ta thán, theo tôi được biết.

- Rydberg là một ngoại lệ. Một câu hỏi nữa thôi, trước khi cậu đi. Người đã gọi điện đến... Liệu có thể là một người nước ngoài không?

- Không thể được. Hắn là người Skåne.

- Điều gì khác liên quan đến cuộc nói chuyện?

- Không có.

- Tôi đi Sandhammaren đây, Martinsson đứng dậy, nói. Thử đi tìm thuyền trưởng Österdahl xem sao.

- Chúc may mắn. À, cậu có biết Svedberg trốn đâu không?

- Không biết. Thậm chí tôi còn không biết anh ấy đang lo chuyện gì nữa. Có thể là bên dự báo thời tiết chăng?

Wallander lấy xe và đi vào trung tâm thành phố để ăn trưa. Cái đêm phi thực tế mà ông vừa trải qua lại trở lại trong trí nhớ. Ông chỉ ăn một đĩa xa lát.

Ông quay lại sở không lâu trước khi bắt đầu cuộc họp báo. Ông đã chuẩn bị trước vài điều cần nói ra giấy và đi thẳng vào phòng Björk.

- Tôi ghét các cuộc họp báo, Björk nói. Chính vì thế tôi sẽ không bao giờ có được các chức vụ ở tầm quốc gia. Chưa tính

đến các lý do khác nữa...

Họ cùng nhau đi vào căn phòng nơi các phóng viên đã đợi sẵn. Không có gì chung với đám đông ồn ào hồi năm ngoái, dịp điều tra về hai vụ giết người ở Lenarp. Lần này, chỉ có ba người. Wallander nhận ra nữ phóng viên đại diện của tờ *Ystads Allehanda*, người thường xuyên có những bài báo sủa sả và ngắn gọn, và phóng viên tại chỗ của tờ *Arbetet*, mà ông đã gặp một hoặc hai lần. Phóng viên thứ ba, trẻ nhất, có mái tóc dựng đứng và đeo kính. Wallander chưa bao giờ nhìn thấy anh ta.

- Những người khác đâu rồi? Björk thì thăm. *Sydsvenskan*? *Skånska Dagbladet*? Đài phát thanh?

- Tôi biết làm sao được. Nào, đến lúc anh làm việc rồi đấy.

Björk leo lên cái bục nhỏ và cất tiếng, giọng ủ rũ. Chỉ mong sao ông ấy nói ngắn, Wallander nghĩ.

Rồi đến lượt ông.

- Một cái xuồng cứu sinh chở xác hai người đàn ông đã cập vào bờ biển ở đoạn Mossby Strand. Chúng tôi chưa xác định được danh tính của họ. Theo chúng tôi được biết, không có vụ đắm tàu nào là nguyên nhân của sự việc này. Chúng tôi chưa nhận được thông tin về vụ mất tích trên biển nào. Vì vậy chúng tôi cần sự giúp đỡ của công chúng. Nói cách khác là sự giúp đỡ của các bạn.

Ông không nói gì về cú điện thoại vô danh mà nói thẳng sang chuyên kêu gọi nhân chứng.

- Chúng tôi muốn là tất cả những ai từng nhìn thấy hoặc nghe thấy điều gì đó thông báo ngay cho cảnh sát. Một cái

xuồng bơm khí màu đỏ trôi nổi dọc theo bờ biển, hoặc mọi chi tiết quan trọng khác. Tôi đã nói xong.

Björk lại leo lên bục.

- Nếu có câu hỏi gì, thì bây giờ các bạn có thể hỏi.

Nữ phóng viên từ *Ystads Allehanda* lên tiếng. Liệu có phải là đã bắt đầu có quá nhiều tội ác ở vùng Skåne yên bình rồi hay không?

Wallander thăm thở dài. *Yên bình*. Nơi này chưa bao giờ yên bình cả.

Björk phản đối câu nói đó bằng cách nói rằng số lượng án mạng được biết đến không tăng lên nhiều lắm. Nữ phóng viên không gắng hỏi. Phóng viên từ *Arbetet* không có gì để nói thêm. Björk chuẩn bị kết luận thì người thanh niên đeo kính giờ tay.

- Tôi có một câu hỏi. Tại sao các ông không nói rằng mấy người đó đã bị sát hại?

Wallander liếc nhìn nhanh về phía Björk.

- Chúng tôi còn chưa làm sáng tỏ được hoàn cảnh cái chết của hai người đàn ông đó, Björk nói.

- Không đúng. Tất cả mọi người đều biết rằng họ bị giết bởi một phát đạn vào tim.

- Câu hỏi tiếp theo.

Wallander nhận ra là Björk đang toát mồ hôi.

- *Câu hỏi tiếp theo*, tay nhà báo nhai. Tại sao tôi lại phải đặt một câu hỏi khác khi ông còn chưa trả lời câu hỏi trước?

- Anh đã có được câu trả lời mà tôi có thể cung cấp vào lúc này.

- Cứ như là mơ ngủ nhỉ! Nhưng cứ đặt thêm một câu hỏi khác nhé. Tại sao các ông không nói rằng các nạn nhân có thể là người Nga? Và tại sao các ông lại tổ chức một cuộc họp báo nếu các ông không chịu trả lời các câu hỏi và không nói ra sự thật?

Rò rỉ, Wallander nghĩ. Hắn ta có được thông tin từ chỗ quý quái nào vậy? Và tại sao Björk vẫn khẳng khẳng không chịu trả lời? Hắn ta có lý. Tại sao lại không công nhận các sự kiện có thật?

- Như thanh tra Wallander vừa nói, chúng tôi còn chưa xác định được danh tính hai người đó. Chính vì vậy chúng tôi phải phát lời kêu gọi nhân chúng, với hy vọng báo chí sẽ chuyển yêu cầu của tôi đến công chúng.

Tay nhà báo trẻ tuổi gấp cuốn sổ bloc lại về buồng bình.

- Cảm ơn vì đã đến, Björk kết luận.

Trong hành lang, Wallander hỏi nữ phóng viên của tờ *Ystads Allehanda*.

- Tay đó là ai vậy?

- Không biết nữa. Những gì anh ta nói có đúng không?

Wallander không trả lời. Nữ phóng viên đủ lịch thiệp để không hỏi thêm.

- Tại sao anh không nói cho họ sự thật? ông hỏi khi đuổi kịp Björk.

- Tôi ghét cánh phóng viên. Hắn ta lấy được thông tin từ đâu? Ai gây ra vụ rò rỉ này?

- Có thể là bất kỳ ai. Ngay cả tôi.

Björk đứng sững lại nhìn chăm chăm vào mặt ông. Rồi ông chuyển chủ đề.

- Bộ yêu cầu chúng ta kín tiếng, ông nói.

- Tại sao?

- Hỏi họ ấy. Tôi hy vọng chiều nay sẽ có các chỉ thị mới.

Wallander quay về phòng. Đột nhiên ông thấy chán ngán tất cả. Trong ngăn kéo khóa kín, ông để bản sao một lời tuyển dụng: công ty Gummifabrik, đặt trụ sở ở Trelleborg, tìm một người phụ trách an ninh mới. Đính kèm với nó là thư xin dự tuyển của ông, viết vài tuần trước. Ông đọc lại nó; ông nghiêm túc tính đến chuyện gửi đi. Nếu công việc của cảnh sát trở thành một dạng trò chơi xung quanh những vụ rò rỉ hoặc kiểm duyệt thông tin không có lý do xác đáng, thì ông không còn muốn tham gia nữa. Hai cái xác dạt vào một bãi biển với ông là một sự việc nghiêm trọng, đòi hỏi sự hiện diện hoàn toàn và đầy đủ của ông. Ông không thể nghĩ đến một cuộc sống nơi công việc của cảnh sát không còn tương ứng với những nguyên tắc vô hình, theo một quan điểm duy lý và một quan điểm luân lý nữa.

Bài đả kích châm lạng của ông bị cắt ngang giữa chừng bởi sự xuất hiện của Svedberg, đang lấy chân mở cửa.

- Cậu vừa đi đâu về đấy?

Svedberg tỏ ra ngạc nhiên.

- Tôi để lại lời nhắn trên bàn anh rồi cơ mà. Anh không thấy à?

Mẫu giấy dán nằm dưới sàn nhà. Wallander nhặt nó lên và biết rằng có thể gọi điện cho Svedberg ở chỗ các chuyên gia thời tiết tại sân bay Sturup.

- Tôi đã hình dung ra một lối đi tắt, Svedberg nói. Tôi

biết một tay ở sân bay, anh ta tên là Janne, chúng tôi thường đến Falsterbo xem chim. Anh ta đã giúp tôi ước lượng điểm xuất phát của cái xuồng.

- Tôi lại nghĩ là các chuyên gia của SMHI lo việc đó chứ?

- Tôi cho là sẽ nhanh hơn nếu làm như vậy.

Svedberg đặt đồng giấy tờ của mình lên bàn. Những sơ đồ, những cột số.

- Chúng tôi xuất phát với giả thuyết cái xuồng đã trôi dạt trong vòng năm ngày. Mấy tuần gần đây gió không hề đổi hướng. Như vậy chúng ta có thể có được một ước lượng. Nhưng điều này không giúp chúng ta tiến lên được nhiều đâu.

- Nghĩa là?

- Hẳn là nó đã trôi dạt một quãng đường dài.

- Nghĩa là?

- Là nó có thể đến từ rất xa. Từ Estonia hoặc Đan Mạch. Im lặng.

- Nghiêm túc không đấy?

- Có. Anh có thể hỏi Janne.

- Tốt lắm, Wallander nói. Đến gặp Björk và nói ông ấy chuyển thông tin cho Bộ Ngoại giao đi. Với một ít may mắn, chúng ta sẽ có thể phui tay hoàn toàn được khỏi vụ này.

- Nghĩa là?

Wallander tóm tắt cho anh các sự việc trong ngày. Svedberg tỏ ra thất vọng.

- Tôi không thích bỏ mặc một cuộc điều tra đang tiến hành.

- Vẫn chưa có gì chắc chắn cả. Tôi chỉ thông báo cho cậu những gì xảy ra thôi.

Khi Svedberg đi khỏi, Wallander nhìn thư xin dự tuyển của mình. Trong đầu, ông không ngừng nhìn thấy cái xuống và hai người đàn ông bị sát hại.

Mười sáu giờ, người ta chuyển cho ông biên bản khám nghiệm tử thi - phân tích sơ bộ, trong khi chờ đợi các kết quả của phòng thí nghiệm. Nhưng có vẻ như là hai người kia đã chết được một tuần. Cũng có vẻ như là trong suốt khoảng thời gian đó họ đã phơi người trên biển. Một trong hai người hai mươi tám tuổi, người kia hơn vài tuổi. Họ có sức khỏe rất tốt. Trước khi chết, cả hai đều bị tra tấn; và rằng họ quả thực được chăm sóc bởi một nha sĩ Đông Âu.

Wallander đẩy bản báo cáo ra xa và nhìn qua cửa sổ. Bóng tối đổ xuống, và ông thấy đói. Björk gọi điện thông báo bộ sẽ truyền chỉ thị xuống trong sáng mai.

- Thế thì tôi về đây.

- Về đi. Tôi tự hỏi tay phóng viên đó là ai...

Họ có câu trả lời vào ngày hôm sau. Từ *Expressen* đăng lên trang nhất tin về một phát hiện giết gân trên bờ biển vùng Skåne. Bài báo khẳng định nhiều khả năng các nạn nhân là công dân Liên Xô. Bộ Ngoại giao đã vào cuộc và cảnh sát Ystad đã nhận được lệnh bùng bít thông tin về vụ việc. Tờ báo đòi phải được giải thích.

Mười lăm giờ Wallander mới phát hiện những dòng tít đậm đó.

Trong thời gian ấy, các sự việc đã dồn dập xảy ra.

4

Wallander bước qua ngưỡng cửa sở cảnh sát vào lúc tám giờ. Thời tiết đã ấm lên, vài độ celcius; một cơn mưa nhỏ rơi xuống thành phố. Ông đã ngủ ngon giấc, không có cảnh báo trong đêm nào từ phía trái tim, ông cảm thấy khỏe khoắn. Mối lo duy nhất là không biết bố ông sẽ ở vào tâm trạng nào khi gặp ông trong buổi sáng.

Martinsson ra gặp ông trong hành lang. Nào, nào. Khi Martinsson bồn chồn đến mức không thể ngồi lại trong phòng làm việc, thì nghĩa là trong không khí có điều gì đó bất thường.

- Ông thuyền trưởng đã giải xong câu đố về cái xuống! Anh có thời gian không?

- Lúc nào tôi cũng có thời gian. Chúng ta vào phòng tôi nhé.

Vài phút sau họ gặp lại nhau.

- Quả thực, Martinsson bắt đầu, chúng ta phải lập một hồ sơ riêng về những người như ông ấy. Và dựng ra một đơn vị ở phạm vi toàn quốc với nhiệm vụ duy nhất là hợp tác với những người nắm giữ các hiểu biết đặc biệt.

Wallander nhất trí. Ví dụ được biết đến nhiều nhất là ông già tiều phu ở Härjedalen, người vài năm trước đã nhận diện được nắp một chai bia châu Á từng khiến cả cảnh sát lẫn các chuyên gia của hãng *Vin & Sprit* phải bối rối. Sự giúp đỡ của ông tiều phu đã cho phép kết án một tên giết người, kẻ, nếu không có ông tiều phu, hoàn toàn có khả năng thoát tội.

Martinsson thao thao bất tuyệt.

- Tôi thích các ông thuyền trưởng như Österdahl nghìn lần hơn tất cả các tay chuyên viên tư vấn chạy nhăng lên ở khắp nơi để phát biểu những điều hiển nhiên với những cái giá cắt cổ. Ông thuyền trưởng rất vui vì giúp được chúng ta.

- Chuyện như thế nào?

Martinsson vút cuốn sổ bloc của mình lên bàn. Giống như một con thỏ được kéo ra từ một cái mũ vô hình, điều này làm Wallander cảm thấy bức mình. Lúc nào cũng vẫn là cái khía cạnh trình diễn đó ở Martinsson. Nhưng đó cũng có thể là một lối xử sự bình thường của một chính trị gia hàng tỉnh tương lai...

- Chúng ta đều đang hết sức sốt ruột, ông nói.

- Tối qua, khi mọi người đều đã về, thuyền trưởng Österdahl và tôi đã xuống dưới tầng hầm vài tiếng. Chúng tôi không làm được việc đó sớm hơn, vì chiều nào ông ấy cũng chơi bài bridge và từ chối không vì chúng ta mà làm một ngoại lệ. Đó là một quý ngài rất biết mình muốn gì. Tôi rất muốn được như thế khi bằng tuổi ông ấy bây giờ.

- Tiếp tục đi.

Wallander đã biết quá rõ về những quý ông nhiều tuổi

tính tình kiên quyết. Mà trước hết là bố ông.

- Ông ấy đã bò bốn chi quanh cái xương như một con chó. Thậm chí ông ấy còn đánh hơi nó nữa. Rồi ông ấy nói rằng cái xương này có tuổi đời ít nhất là hai mươi năm, và được sản xuất ở Nam Tư.

- Làm thế nào mà ông ấy biết được điều đó?

- Dựa vào cách thức sản xuất. Nguyên liệu. Không có lúc nào ông ấy nghi ngờ về các kết luận của mình. Mọi lập luận của ông ấy đều được ghi lại trong cuốn sổ này. Tôi ngưỡng mộ những người biết rõ điều mình nói.

- Làm thế nào mà chúng ta không thể tìm ra được dấu hiệu xuất xứ nào của nó?

- Ông ấy có một lời giải thích tuyệt vời cho điều này. Người Nam Tư xuất xương của mình sang Hy Lạp và Ý, nơi các hãng cấp cho chúng những thứ tựa như là giấy tờ giả. Cũng như các loại đồng hồ sản xuất ở châu Á nhưng lại mang nhãn hiệu châu Âu.

- Ngoài đó ra, ông ấy còn nói gì nữa?

- Nhiều lắm. Tôi nghĩ là ông ấy thuộc lòng lịch sử xương cứu sinh. Có vẻ như là nó đã xuất hiện từ thời tiền sử. Hình như những cái đầu tiên được làm bằng sậy. Còn về cái xương của chúng ta, nó thường nằm trên boong những con tàu chở hàng loại nhỏ của Liên Xô hoặc Đông Âu. Chưa bao giờ có trên tàu Scandinavia. Kiểm định đường thủy không chấp nhận chúng.

- Tại sao?

Martinsson nhún vai.

- Chất lượng tồi. Nhiều nguy cơ bị rách. Trộn lẫn cao su phẩm chất kém.

- Nếu Österdahl có lý, cái xuồng đó đã không được chuyển sang Ý hoặc Hy Lạp. Vậy thì thế nào? Nó nằm trên boong một con tàu của Nam Tư à?

- Không nhất thiết. Một số xuồng sản xuất ở Nam Tư đi thẳng sang Liên Xô, trong khuôn khổ hiệp định hàng đổi hàng giữa Matxcova và các nước vệ tinh. Mặt khác ông ấy cũng khẳng định là đã nhìn thấy một cái giống hệt thế này trên boong một tàu đánh cá Nga bị chặn ngoài khơi Häradskår.

- Nhưng chúng ta có thể tập trung vào giả thuyết về một con tàu Đông Âu chứ?

- Theo thuyền trưởng Österdahl thì đúng vậy.

- Tốt, Wallander nói. Như vậy là giảm bớt được một điều không chắc chắn.

- Đó cũng là điều duy nhất, Svedberg nói xen vào.

- Nếu người báo tin vô danh của chúng ta không gọi lại, chúng ta sẽ chỉ biết được rất ít. Nhưng có vẻ như đúng là mấy cái xác đã trôi đến đây từ biển Baltic. Và họ không phải là người Thụy Điển.

Ông bị ngắt lời bởi tiếng gõ cửa. Một nữ thư ký đến đưa cho ông một cái phong bì - các kết quả bổ sung của khám nghiệm pháp y. Wallander bảo Svedberg và Martinsson đợi trong khi ông đọc qua chúng. Đột nhiên ông run lên.

- Xem này! Người ta đã phát hiện một điều thú vị trong máu họ.

- Bệnh AIDS à? Svedberg hỏi.

- Không. Một lượng amphetamin lớn.

- Dân nghiện người Nga, Martinsson nói. Mấy tay nghiện Nga bị tra tấn và sát hại. Trong bộ đồ com lê và đeo cà vạt. Trôi dạt trong một cái xuồng cứu sinh Nam Tư. Khác hẳn chuyện bọn buôn rượu lậu và những kẻ thích trưng diện ngày Chủ nhật...

- Chúng ta còn chưa biết liệu họ có phải là người Nga hay không. Thật ra là chúng ta chẳng biết gì hết cả.

Ông bấm số điện thoại của Björk.

- Björk đây.

- Wallander. Tôi đang ở cùng Svedberg và Martinsson. Anh nhận được các chỉ thị của bộ chưa?

- Vẫn chưa có gì. Nhưng tôi đang đợi.

- Tôi sẽ vòng qua Malmö một lúc. Sẽ mất vài giờ.

- Đi đi. Tôi sẽ gọi cho anh ngay khi có tin gì mới. Anh có bị cánh phóng viên quấy rầy không?

- Không, tại sao?

- Năm giờ sáng nay tôi bị tờ *Expressen* đánh thức. Kể từ đó, điện thoại không ngừng reo. Tôi phải nói là tôi hơi lo lắng đấy.

- Không có chuyện gì đâu. Dù thế nào thì họ vẫn viết những gì họ muốn mà.

- Đó chính là vấn đề. Nếu các tờ báo cứ chăm chăm đoán mò lung tung, thì công việc của chúng ta sẽ bị ảnh hưởng.

- Trong trường hợp tốt nhất, việc đó sẽ thúc đẩy một nhân chứng mới đến gặp chúng ta.

- Tôi thì nghi ngờ. Và tôi không thích bị đánh thức vào

lúc năm giờ sáng. Vào những lúc đó người ta không biết là mình nói gì nữa.

Wallander kết thúc cuộc nói chuyện.

- Kiên nhẫn đi, ông nói. Trong khi chờ đợi, các anh sẽ tiếp tục làm việc theo các hướng riêng. Tôi có một vụ việc cũ cần làm sáng tỏ ở Malmö. Chúng ta sẽ gặp lại ở phòng tôi sau bữa trưa.

Còn lại một mình, Wallander thấy tiếc vì đã nói là mình sẽ đi Malmö vì lý do công việc. Cũng giống như mọi người, cảnh sát cũng dành một phần thời gian làm việc của mình cho các việc riêng. Dù có biết vậy, ông vẫn cảm thấy khó ở.

Ông thông báo với người trực tổng đài là mình sẽ về đến nơi sau bữa trưa. Rồi ông rời khỏi thành phố, đi qua Sandskogen và rẽ ở đoạn Kåseberga. Con mưa bụi đã ngừng. Đổi lại, gió bắt đầu nổi lên.

Ông vào làng và đỗ lại đỗ xăng. Vì còn sớm, ông đi ra cảng và để xe lại đó. Không có lấy một con mèo. Ki ốt và mấy chỗ sấy khô cá khóa kín.

Thời đại kỳ cục. Một số vùng của đất nước này chỉ mở cửa trong mùa hè. Nhiều ngôi làng đóng kín mít trong phần thời gian còn lại...

Mặc cho trời lạnh, ông vẫn ra đến mép nước. Mặt biển không bóng người. Không nhìn thấy con tàu nào. Ông nghĩ đến những người chết trong cái xuồng màu đỏ. Chuyện gì đã xảy ra? Tại sao họ lại bị tra tấn? Kẻ nào đã mặc lại áo vest cho

họ sau khi họ chết?

Ông liếc nhìn đồng hồ đeo tay, quay lại xe và tiếp tục đi thẳng cho đến Löderup, nơi bố ông sống, trong một ngôi nhà như thể bị vô ý ném ra trên cánh đồng.

Vẫn như mọi khi, ông thấy ông già đang cắm cũi vẽ trong cái chuồng ngựa cũ. Wallander bước vào trong bầu không khí đậm đặc mùi nhựa thông và dầu vẽ. Giống như là đi thẳng vào tuổi thơ của mình. Cái đó thuộc vào những kỷ niệm đầu tiên của ông, cái mùi lạ lùng lúc nào cũng bao quanh bố ông, đang ngồi trước giá vẽ. Môtip mà ông vẽ cũng luôn luôn như vậy: cảnh mặt trời lặn. Thỉnh thoảng, khi khách hàng tỏ ý muốn, ông sẽ vẽ thêm một con gà rừng ở ngay phía trước, bên trái.

Wallander bố là một họa sĩ chuyên nghiệp trong sự nghiệp dư. Việc không bao giờ thay đổi môtip giống như một sự an bài, sự hoàn thiện của thiên hướng nơi ông. Mất rất nhiều thời gian Wallander mới hiểu được đó không phải là một vấn đề liên quan đến lười biếng hay thiếu tài năng. Sự thiếu vắng của sáng tạo mang lại cho bố ông cảm giác về sự an toàn mà có vẻ như là ông cần để có thể sống được cuộc đời mình.

Bố ông bỏ bút vẽ xuống và chùi tay vào một cái giẻ bẩn thỉu. Như thường lệ, ông mặc một bộ đồ lao động xanh và đi boots cao su cắt ống.

- Bố sẵn sàng rồi đây, ông nói.

- Bố không thay đồ à?

- Tại sao lại phải thay đồ? Ngày nay người ta phải ăn mặc nghiêm chỉnh để đến hàng bán màu vẽ à?

Wallander từ bỏ ý định tranh cãi. Sự bướng bỉnh của bố ông là không có giới hạn. Cũng có nguy cơ là ông sẽ nổi giận, và trong trường hợp đó chuyến đi Malmö sẽ trở thành địa ngục.

- Bố cứ làm những gì bố muốn, ông chỉ nói vậy.

- Phải. Bố sẽ làm như bố muốn.

Họ lên xe. Bố ông ngắm nhìn cảnh vật qua kính trước.

- Xấu quá, đột nhiên ông nói.

- Gì cơ?

- Vào mùa đông Skåne rất xấu xí. Bùn màu ghi, cây cối màu ghi, bầu trời màu ghi. Và mặt người còn ghi hơn nữa.

- Có thể là bố có lý.

- Tất nhiên là bố có lý. Chẳng có gì phải bàn cãi hết. Vào mùa đông Skåne rất xấu xí.

Cửa hiệu bán màu vẽ nằm ở trung tâm Malmö. Wallander may mắn tìm được một chỗ đỗ xe ngay trước cửa. Bố ông biết chính xác những gì ông muốn. Toan, màu, bút, vài cái dao cạo giấy... Khi thanh toán, ông rút từ trong túi ra một mớ tiền nhàu nát. Wallander đứng lui ra xa một chút. Thậm chí ông còn không được phép xách đồ ra xe.

- Được rồi, bố xong rồi, bố ông nói. Chúng ta có thể về.

Wallander đột nhiên nảy ra ý đề nghị dừng lại trên đường để ăn trưa. Ông ngạc nhiên vì bố ông đồng ý. Họ dừng xe trước khách sạn Svedala.

- Nói với quản lý là chúng ta muốn một cái bàn tốt đi.

- Đây là quán tự phục vụ mà, bố. Con không nghĩ là có quản lý đâu.

- Thế thì đi chỗ khác. Nếu ăn quán thì bố muốn được phục vụ.

Wallander liếc nhìn tuyệt vọng về phía bộ quần áo lao động đầy vết bẩn. Rồi ông nhớ ra là có một quán pizza lâu năm ở Skurup. Ở đó, sẽ không ai để ý đến cách ăn mặc của bố ông. Họ lại lên xe. Khi đã ngồi vào bàn, cả hai đều chọn món ăn mà quán gợi ý sẵn. Món cá môruy. Trong khi ăn, Wallander nhìn bố ông và nghĩ rằng hẳn là ông sẽ không bao giờ học được cách hiểu bố mình trước khi mọi chuyện quá muộn. Ông vẫn luôn nghĩ là mình hoàn toàn không giống bố. Nhưng từ vài năm nay, sự nghi ngờ bắt đầu xuất hiện. Mona vẫn thường xuyên trách ông về cùng cái tính bướng bỉnh gây mệt mỏi, cùng sự ích kỷ cao ngạo đó. Có thể là mình từ chối không chịu chấp nhận những điểm giống nhau, khi ấy ông đã nghĩ vậy. Có thể là mình sợ sẽ giống ông ấy chăng? Một cái đầu bò chỉ nhìn thấy những gì mà nó muốn thấy?

Ở khía cạnh khác, cái đầu bò có tầm quan trọng lớn trong công việc của ông. Không có một sự cứng đầu đến bất bình thường ở một số điểm, hẳn là nhiều cuộc điều tra đã sa lầy vĩnh viễn. Đó không phải là một thứ méo mó nghề nghiệp, mà đúng hơn là một phẩm chất cần thiết để làm cái nghề này.

- Tại sao anh không nói gì? đột nhiên bố ông hỏi.

- Xin lỗi. Con đang suy nghĩ.

- Bố không muốn ăn trưa ở quán với anh nếu anh không nói gì cả.

- Bố muốn con nói gì?

- Anh có thể kể cho bố tình hình của anh. Và về con gái

của anh. Anh có thể nói cho bố biết liệu anh đã tìm được một cô vợ mới chưa.

- Cái gì?

- Anh vẫn tiếp tục than khóc về sự ra đi của Mona đấy à?

- Con không than khóc. Nhưng không phải như vậy có nghĩa là con đã tìm được một cô vợ mới, như bố vừa nói.

- Tại sao?

- Không dễ dàng đâu.

- Thế thì sao? Anh làm gì?

- Gì cơ?

- Có khó hiểu gì đâu nhỉ. Bố hỏi anh làm gì để tìm được một cô vợ!

- Con không đi khiêu vũ, nếu đó là điều mà bố nghĩ.

- Bố không nghĩ gì cả. Bố chủ tự hỏi thôi. Bố thấy là càng ngày anh càng lạ lùng hơn đấy.

Wallander đặt cái đĩa xuống.

- Thế nào cơ, lạ lùng à?

- Lẽ ra anh phải nghe bố. Lẽ ra anh không bao giờ nên trở thành cảnh sát.

Lại bắt đầu đây, Wallander nghĩ. Quay lại điểm xuất phát. Chẳng có gì thay đổi cả...

Mùi nhựa thông. 1967. Một ngày mùa xuân, lạnh và gió. Họ vẫn sống trong cái lò rèn cũ, gần Limhamn, nhưng sẽ không còn ở đó lâu nữa. Ông rình mò xe của người đưa thư. Nhìn thấy nó, chạy ra, mở phong bì. Đây rồi! Ông đã được nhận vào trường đào tạo cảnh sát, mùa thu tới sẽ bắt đầu. Ông

chạy thẳng vào nhà, ầm ĩ lao vào căn phòng nhỏ nơi bố ông đang vẽ bức tranh phong cảnh vịnh cửa và hét lên: “Con được nhận vào trường cảnh sát rồi!” Nhưng bố ông không hề chúc mừng ông. Thậm chí còn không đặt bút vẽ xuống. (Ông còn nhớ lúc đó bố ông đang vẽ những đám mây bị nhuộm đỏ màu mặt trời đang xuống.) Và ông hiểu rằng bố ông cảm thấy thất vọng. Bởi ông, người sẽ trở thành cảnh sát.

Người phục vụ mang đĩa của họ đi và quay trở lại với hai tách cà phê.

- Con vẫn chưa bao giờ hiểu tại sao bố lại phản đối lựa chọn đó, Wallander nói.

- Anh đã làm như anh muốn.

- Đó không phải là một câu trả lời.

- Thế anh nghĩ gì nào? Bố chưa bao giờ tưởng tượng được là sẽ có một đứa con trai về nhà ăn tối với mấy con sâu đất chui ra từ hai cái ống tay áo sơ mi.

Wallander điếng người. *Mấy con sâu?*

- Bố muốn nói gì?

Bố ông uống cạn tách cà phê ấm.

- Bố xong rồi. Chúng ta có thể đi.

Wallander gọi thanh toán và trả tiền.

Mình sẽ không bao giờ có được câu trả lời. Mình sẽ không bao giờ hiểu.

Họ quay về Löderup. Gió thổi mạnh hơn. Bố ông mang toan vẽ và màu vào xưởng.

- Anh sẽ sớm đến chơi bài với bố chứ?

- Để vài ngày nữa đi.

Wallander lên đường về Ystad mà không biết liệu mình có đang giận dữ hay không, hay chỉ là bị chấn động. *Mấy con sâu chui ra từ hai cái ống tay áo sơ mi.* Ông ấy định nói gì?

Mười hai giờ bốn mươi lăm phút, ông về đến phòng làm việc. Quyết định như đinh đóng cột là sẽ đòi một lời giải thích từ ông bố khi gặp lại lần sau.

Rồi ông trở lại làm cảnh sát. Trước hết, phải gọi cho Björk. Nhưng tiếng chuông điện thoại đã reo.

- Wallander.

Tiếng lạo xạo trên máy. Ông nhắc lại tên mình.

- Ông phụ trách vụ cái xuống phải không?

Một giọng nói lạ. Một người đàn ông nói rất nhanh, giả giọng.

- Ai đấy?

- Quan trọng gì. Tôi đang nói với ông về cái xuống.

Wallander nhồm người lên trong ghế phô toi với lấy một cái bút chì.

- Anh là người gọi điện hôm trước phải không?

- Tôi? Tôi không hề gọi.

Người đàn ông tỏ vẻ ngạc nhiên thực sự.

- Không phải là hôm trước anh đã gọi điện để thông báo là một cái xuống sẽ cập vào bờ à?

Một quãng im lặng dài.

- Thế thì tôi không có gì để nói cả, người đàn ông nói, và bỏ máy.

Wallander chép vội những lời đối thoại. Ông đã phạm phải một sai lầm. Người đàn ông muốn nói về hai người chết

trong cái xuống; khi biết là đã có một cuộc gọi trước đó, sự kinh ngạc - hoặc có thể là nỗi sợ - đã khiến anh ta bỏ máy xuống.

Với Wallander, kết luận đã rõ ràng. Người mà ông vừa nói chuyện không phải là người đã nói chuyện với Martinsson.

Nói một cách khác, những người khác cũng nắm được thông tin. Điều này không thực sự đáng ngạc nhiên; ông đã nói chuyện ấy với đồng nghiệp của mình. Những người từng nhìn thấy điều gì đó hẳn phải ở trên boong một con tàu. Chính xác hơn là các thủy thủ, vì ngoài họ ra không ai phiêu lưu một mình trên biển vào mùa đông. Nhưng tàu nào? Có thể là một cái phà, một tàu đánh cá, một tàu chở hàng hoặc một trong rất nhiều tàu chở dầu vẫn hay chạy trên biển Baltic.

Martinsson hiện ra ở cửa.

- Đến giờ họp chưa nhỉ?

Wallander nhanh chóng quyết định hiện tại chưa nói gì về cú điện thoại. Ông bối rối với ý nghĩ cần phải cung cấp cho các đồng nghiệp một cái nhìn có chiều sâu về tình hình.

- Tôi vẫn chưa nói chuyện với Björk, ông chỉ nói vậy. Chúng ta sẽ gặp nhau trong nửa tiếng nữa.

Martinsson biến mất và ông bấm số.

- Björk đây.

- Wallander. Thế nào?

- Sang phòng tôi đi, anh sẽ không thất vọng đâu.

Quả thực, các tin tức rất đáng kinh ngạc.

- Sẽ có người đến thăm chúng ta, Björk nói. Họ gửi một người sang để giúp chúng ta tiến hành cuộc điều tra này.

- Một công chức của Bộ Ngoại giao à? Ông ta có thể biết gì về một cuộc điều tra hình sự cơ chứ?

- Không hiểu nữa. Nhưng chiều nay ông ấy sẽ đến. Tôi đề nghị anh ra đón ông ấy. Ông ấy sẽ hạ cánh ở Sturup vào lúc mười bảy giờ hai mươi phút.

- Bực mình quá. Ông ta đến giúp chúng ta hay để theo dõi chúng ta?

- Làm sao tôi biết được. Nhưng đây mới chỉ là khởi đầu thôi. Thử đoán xem ai gọi điện thông báo đi.

- Sếp lớn.

Björk run lên.

- Làm sao mà anh biết?

- Chính anh bày trò giải câu đố còn gì. Ông ấy muốn gì?

- Ông ấy đòi được thông tin thường xuyên. Muốn gửi người đến chỗ chúng ta. Một người bên hình sự và một bên phòng chống ma túy.

- Cả họ nữa, lại cũng phải ra sân bay đón à?

- Không. Họ sẽ tự xoay xở.

- Tôi thấy lạ đấy, Wallander nói sau một hồi im lặng. Nhất là chuyện về ông công chức kia. Họ đã liên lạc với cảnh sát Liên Xô chưa?

- Mọi chuyện đều diễn ra rất hợp lệ. Đó là điều họ nói với tôi. Đừng hỏi tôi như thế có nghĩa là gì.

- Làm thế nào mà họ lại có thể thông báo với anh một cách không đúng đắn cho được?

Björk dang rộng hai cánh tay ra.

- Tôi đã ở trong cái nghề này đủ thời gian để biết đất

nước này bây giờ như thế nào. Thỉnh thoảng người ta không thông tin gì cho tôi. Thỉnh thoảng một ông bộ trưởng Tư pháp bị giết đây. Nhưng phần lớn thời gian, dân chúng Thụy Điển không hề được thông tin về những gì đang diễn ra - hoặc là chỉ một phần rất nhỏ mà thôi.

Wallander gật đầu. Những vụ bê bối tư pháp vài năm gần đây đã hé lộ hệ thống những đường hầm vô hình đặt dưới tầng ngầm của Nhà nước, kết nối nhiều cơ quan và tổ chức khác nhau. Những nghi ngờ lâu nay vẫn bị gạt đi vì lý do phe phái bè cánh hóa ra lại có cơ sở. Phần lớn quyền lực thực thụ được vận hành trong các hành lang bí mật và ít ánh sáng rọi tới đó, xa hẳn sự minh bạch chính thức của nhà nước pháp quyền.

Có người gõ cửa. "Mời vào!" Björk nói to. Đó là Svedberg, tay vung vẩy một tờ báo khổ nhỏ.

- Tôi nghĩ là các anh sẽ quan tâm đến cái này.

Wallander nhảy dựng lên khi nhìn thấy trang nhất tờ *Expressen*, nơi những dòng tit lớn đầy tính gây sự thông báo phát hiện gây chấn động trên bờ biển vùng Skåne. Björk giật lấy tờ báo trong tay ông. Svedberg và Wallander xích lại gần để đọc ghé qua vai ông, và Wallander kinh hoàng nhận ra khuôn mặt nhàu nhĩ của chính ông. Bức ảnh khá mờ. Hẳn là nó đã được chụp trong cuộc điều tra về hai vụ giết người ở Lenarp.

Cuộc điều tra được đặt dưới sự điều hành của thanh tra Knut Wallman.

Đồng chữ chú thích khoác cho ông một cái tên lạ hoắc.

Björk ném tờ báo xuống mặt bàn. Cái bột màu tía trên trán ông thể hiện một con búng phát sắp nổ ra. Svedberg kín đáo tìm đường đi ra.

- Tất cả ở trong đó! Björk hét lên. Cứ như thể là chính anh, Wallander, hay cậu, Svedberg, đã viết bài báo. Họ biết rằng bộ đang theo dõi sát sao vụ này, rằng sếp lớn kiểm soát chặt chẽ cuộc điều tra. Thậm chí họ còn biết là cái xuồng có xuất xứ Nam Tư. Tôi còn không biết chuyện đó. Đúng hay không?

- Đúng, Wallander nói. Sáng nay Martinsson vừa nói cho tôi.

- Sáng nay? Chúa ơi! Tờ báo khốn kiếp này in vào lúc nào vậy?

Björk đi vòng vòng quanh phòng. Wallander và Svedberg nhìn nhau. Khi nổi giận, Björk có khả năng gây ra những hành động vô cùng cực đoan.

Ông nhặt lấy tờ báo và đọc to lên:

- *Những đội hành quyết Xô viết. Châu Âu mới đã mở các cánh cửa vào Thụy Điển cho một thứ tội ác đầy nhánh rẽ chính trị.* Nghĩa là gì? Anh giải thích cho tôi được không? Wallander?

- Không hiểu nổi. Tôi nghĩ tốt nhất là mặc kệ đi.

- Làm sao mà anh lại muốn mặc kệ được? Chúng ta sẽ bị bọn báo chí bao vây chặt!

Như thể ông vừa tung ra một lời tiên tri, vì điện thoại đổ chuông ngay lập tức. Một nhà báo của tờ *Dagens Nyheter* muốn có một lời bình luận. Björk lấy tay bịt ống nghe.

- Phải tổ chức một cuộc họp báo. Hoặc viết thông báo. Theo các anh thì cách nào tốt hơn?

- Cả hai, Wallander đề nghị. Nhưng họp báo thì cứ để đến mai đi. Có thể là tay công chức sẽ có ý kiến về vấn đề đó.

Björk chuyển lại thông tin cho tay nhà báo và bỏ máy, không buồn nghe những câu hỏi. Svedberg ra khỏi phòng. Björk và Wallander cùng nhau thảo một thông cáo báo chí ngắn.

- Chúng ta phải lo vụ rò rỉ thông tin này, Björk nói. Tôi đã quá ngây thơ, chắc thế. Tôi còn nhớ hồi năm ngoái anh đã nói với tôi chuyện này, trong vụ điều tra mấy cái chết ở Lenarp. Hình như hồi đó tôi có nói là anh lo lắng quá mức. Chúng ta có thể làm gì đây?

- Không gì cả. Lúc ấy tôi đã nghĩ vậy. Cần phải học cách sống chung thôi.

- Tôi sẽ rất sung sướng nếu được về hưu, Björk nói sau một lúc im lặng. Thỉnh thoảng, tôi có cảm giác không nắm bắt được thời gian.

- Chúng ta đều có chung cảm giác đó. Tôi ra sân bay đón tay công chức đây. Ông ta tên là gì nhỉ?

- Törn.

- Tên cơ mà?

- Không biết.

Wallander quay về phòng, nơi các đồng nghiệp đang đợi ông. Svedberg kể cho Martinsson việc anh vừa chứng kiến trong phòng làm việc của Björk.

Wallander quyết định rút ngắn thời gian cuộc họp. Ông

nói đến cú điện thoại vô danh và thông báo cho họ kết luận của mình: có nhiều hơn một nhân chứng.

- Tay đó có phải là người Skåne không? Martinsson hỏi.

- Có.

- Trong trường hợp này, hẳn là chúng ta sẽ có thể tìm được cả hai. Loại bỏ tàu chở dầu và tàu chở hàng lớn thì còn lại những gì?

- Tàu đánh cá. Có bao nhiêu cái dọc theo bờ biển phía Nam?

- Rất nhiều. Nhưng bây giờ là tháng Hai, chắc một số không ra biển... Nhưng dù có như vậy thì cũng sẽ phải mất nhiều công lắm.

- Ngày mai chúng ta sẽ quyết định. Có thể là từ giờ đến lúc đó mọi chuyện sẽ thay đổi.

Ông tóm tắt những gì Björk vừa nói với ông. Martinsson cũng phản ứng giống ông, với một hỗn hợp của kinh ngạc và tức tối. Svedberg chỉ nhún vai.

- Hôm nay sẽ không làm được gì nhiều đâu, Wallander kết luận. Tôi sẽ viết một báo cáo về những sự kiện đã xảy ra cho đến lúc này. Các cậu cũng vậy nhé. Ngày mai, chúng ta sẽ tổng kết tình hình cùng các đồng nghiệp bên hình sự và ma túy. Và với cái tay tên là Törn.

Wallander đến sân bay trước giờ máy bay hạ cánh. Ông uống một tách cà phê với các đồng nghiệp bên kiểm soát không lưu và biên giới, lắng nghe lời phàn nàn quen thuộc, giờ giấc làm

việc, lương lậu, vân vân... Mười bảy giờ mười lăm phút, ông ngồi trên một cái ghế băng lơ đãng nhìn lên màn hình vô tuyến treo trên cao đang phát chương trình quảng cáo. Cuối cùng người ta cũng thông báo máy bay đã đến nơi. Tay công chức có chờ đợi được một cảnh sát mặc đồng phục đón tiếp không? *Nếu mình chấp tay sau lưng và lắc lư người từ trước ra sau, có thể là ông ta sẽ nhận ra được...*

Ông nhìn hành khách đi ra, trong đó không ai tỏ ra đang tìm kiếm một khuôn mặt xa lạ. Khi tất cả đã đi hết, ông hiểu ra hẳn mình đã không nhận ra ông ta. Một nhân viên Bộ Ngoại giao có thể trông thế nào? Giống mọi người khác? Giống một nhà ngoại giao? Nhưng một nhà ngoại giao trông thế nào?

- Kurt Wallander?

Ông quay lại. Một người phụ nữ khoảng ba mươi tuổi đứng trước mặt ông. Cô tháo một chiếc găng và chìa tay cho ông.

- Birgitta Törn, của Bộ Ngoại giao. Có lẽ anh đang chờ một người đàn ông chẳng?

- Chắc chắn rồi.

- Trong nghề ngoại giao không có nhiều phụ nữ lắm, nhưng một phần quan trọng của bộ được phái nữ điều hành đấy.

- À ra thế. Xin chào mừng đến với Skåne.

Trong khi chờ lấy hành lý, ông nhìn trộm sang cô. Cô có một dáng vẻ rất khó nắm bắt. Nhất là đôi mắt... Khi nhắc cái va li mà cô chỉ cho ông, cái nhìn của ông bắt gặp cái nhìn của cô

và ông chợt hiểu. Cô đeo kính áp tròng. Mona cũng từng đeo kính áp tròng trong những năm cuối cuộc hôn nhân của họ.

Họ đi ra chỗ để xe. Wallander hỏi cô về thời tiết ở Stockholm, về chuyến đi, và cô trả lời. Hơi có vẻ lạnh lùng, ông nghĩ.

- Người ta đã đặt trước cho tôi một phòng ở khách sạn tên là Sekelgården. Tôi muốn đến xem qua các báo cáo có sẵn. Tôi nghĩ là người ta đã báo cho các anh rằng tôi được quyền xem xét tất cả các chi tiết của cuộc điều tra.

- Không. Người ta không báo gì cho tôi cả. Nhưng không có gì bí mật hết, nên sẽ không có vấn đề. Hồ sơ nằm trên ghế sau ấy.

- Anh thật biết lo xa.

- Thật tình thì tôi chỉ có một câu hỏi. Tại sao cô lại ở đây?

- Tình trạng bất ổn ở Đông Âu buộc bộ phải lưu tâm đến mọi sự kiện bất bình thường. Hơn nữa, chúng tôi có thể trợ giúp các anh trong những bước quan hệ với các nước không phải là thành viên của Interpol.

Cô ta nói năng như một chính trị gia, Wallander nghĩ. Không có chỗ cho sự thiếu chắc chắn.

- Một sự kiện bất bình thường..., ông lặp lại. Chúng ta có thể gọi điều đó như vậy. Nếu cô muốn, tôi có thể chỉ cho cô cái buồng ở sở cảnh sát.

- Cám ơn, không cần đâu. Tôi không nhúng mũi vào công việc của cảnh sát. Nhưng sẽ rất tốt nếu có một cuộc họp vào sáng mai. Tôi muốn có một cái nhìn chính xác về tình hình.

- Chúng tôi có thể tổ chức một cuộc họp vào lúc tám giờ. Có lẽ cô còn chưa biết là trên đã gửi cho chúng tôi hai điều tra viên?

- Tôi đã được thông tin.

Khách sạn Sekelgården nằm trên một phố nhỏ phía sau quảng trường trung tâm. Wallander tắt máy xe và nhặt tập hồ sơ trước khi mở cốp lấy va li của Birgitta Törn.

- Cô đã bao giờ đến Ystad chưa?

- Tôi nghĩ là chưa.

- Trong trường hợp đó, tôi đề nghị cảnh sát Ystad mời cô ăn tối.

Cô nở một nụ cười thoáng qua.

- Anh thật dễ mến. Nhưng tôi phải làm việc.

Câu trả lời đó làm ông bực bội. Với cô ta một cảnh sát của một thành phố nhỏ tỉnh lẻ không thể là một người bạn đường thú vị ư?

- Ăn ngon nhất chắc là khách sạn Continental. Bên tay phải tính từ quảng trường. Cô có muốn sáng mai tôi qua đón không?

- Tôi sẽ tự xoay xở được. Cảm ơn vì đã ra đón tôi.

Wallander về nhà. Khi đó là mười tám giờ ba mươi phút và đột nhiên ông cảm thấy chán ngán cuộc đời. Không chỉ là sự trống rỗng mà ông cảm nhận được khi về đến một cái căn hộ nơi không ai chờ đợi ông. Mà còn là cái cảm giác mỗi lúc càng khó định hướng trong sự tồn tại của mình... Ngay cả cơ thể

ông cũng bắt đầu gây ra những mối lo. Còn về công việc thì... Cái phần cần cước mang tính nghề nghiệp vẫn luôn tạo cho ông một cảm giác an toàn. Giờ đây thì không được như thế nữa.

Sự không chắc chắn đã bắt đầu vào năm trước, trong quá trình cuộc điều tra về hai vụ giết người ở Lenarp. Ông vẫn thường cùng Rydberg nói đến chuyện một đất nước như Thụy Điển, đang biến chuyển và mất phương hướng, cần đến một kiểu cảnh sát mới mẻ. Càng ngày ông càng thấy mình bất lực hơn và - nói thế nào bây giờ? - trật ra bên rìa. Sự không chắc chắn đó không thể hóa giải được trong bất cứ kỳ đào tạo nào mà sở chỉ huy Stockholm đều đặn tổ chức.

Ông lấy một chai bia trong tủ lạnh, bật vô tuyến và thả mình xuống sofa. Một cuộc tranh luận đang nhỏ to trên màn hình, một trong vô số những cuộc tranh luận mà ngày nào đài truyền hình cũng phục vụ, mỗi lúc một thêm nhạt nhẽo hơn.

Ông lại nghĩ đến công việc mà công ty ở Trelleborg đề nghị. Biết đâu đó lại là thay đổi mà ông đang cần chẳng? Biết đâu ông lại cần rời khỏi ngành cảnh sát sau một số lượng năm tháng nhất định và bắt đầu một thứ hoàn toàn mới mẻ chẳng?

Ông ngồi thật lâu trong ghế sofa. Khoảng nửa đêm, ông quyết định đi nằm.

Ông vừa tắt đèn thì điện thoại đổ chuông. Ôi không, ông nghĩ. Đừng có thêm người chết nữa đấy... Ông nhồm dậy, cầm lấy điện thoại và nhận ngay ra giọng nói đã gọi cho ông vào buổi chiều.

- Có thể là tôi biết điều gì đó về cái xuống.

- Mọi giúp đỡ đều được hoan nghênh.
- Ông sẽ không được nói với ai là tôi đã gọi.
- Anh có thể giữ bí mật danh tính.
- Như thế vẫn chưa đủ. Tôi muốn có một sự đảm bảo của cảnh sát. Thậm chí còn không được nói là đã có cú điện thoại này.

Wallander suy nghĩ thật nhanh. Rồi ông hứa. Người đàn ông vẫn còn do dự. Gã ta sợ.

- Tôi lấy danh dự cảnh sát để thề với anh, Wallander nói thêm.

- Nó không đáng giá đến thế đâu.
- Anh nhầm đấy.

Im lặng. Wallander nghe thấy gã thở mạnh ở đầu dây bên kia.

- Ông có biết Industrigatan không? đột nhiên người đàn ông hỏi.

- Có.

Đó là phố nằm trong một khu công nghiệp phía Đông thành phố.

- Đến đó đi. Ban đêm không có ai đâu. Tắt máy, tắt đèn pha.

- Bây giờ?

- Bây giờ.

- Tôi phải dừng lại ở đâu? Đó là một phố dài.

- Cứ đến đó đi. Tôi sẽ tìm được ông. Và đến một mình đấy. Nếu không thì thôi luôn.

Cuộc nói chuyện bị cắt ngang.

Wallander thoáng nghĩ đến chuyện gọi cho Martinsson hoặc Svedberg; rồi ông tự buộc mình suy luận một cách lạnh lùng. Chuyện gì có thể xảy đến với ông?

Ông đẩy chân ra và đứng dậy. Vài phút sau, ông đã ở dưới phố; không một bóng người. Nhiệt độ đã tụt xuống dưới không. Ông rung mình khi mở cửa xe.

Năm phút sau, ông rẽ vào góc Industrigatan, vương quốc của các nhà buôn xe hơi và nhiều loại công ty nhỏ. Không có chút ánh sáng nào. Ông dừng xe, tắt máy và đèn pha, ngồi chờ trong bóng tối. Đồng hồ dạ quang trên bảng điều khiển chỉ nửa đêm quá bảy phút.

Mười hai giờ ba mươi phút. Vẫn không có gì. Ông quyết định chờ đến một giờ sáng. Sau đó ông sẽ về nhà đi ngủ.

Ông không nhìn thấy gã đến. Cái bóng như thể tách ra từ bóng tối. Ông hạ kính xe xuống. Khuôn mặt người đàn ông tối mò. Không thể nhìn rõ các đường nét. Nhưng ông nhận ra giọng nói đó.

- Đi theo xe tôi, người đàn ông nói, trước khi biến mất.

Vài phút sau một chiếc xe vượt lên trước xe ông, đèn hậu bật sáng.

Wallander nổ máy đi theo.

Họ rời khỏi thành phố, đi về hướng Đông.

Đột nhiên Wallander nhận ra là ông đang sợ.

5

Cả Brantevik trông như bị bỏ hoang.

Chỉ có vài đốm sáng nhảy nhót trên mặt nước tối đen và bất động. Tại sao không có ánh sáng? Có phải là có phá hoại? Hay nguyên do là chiến dịch cắt giảm ngân sách thành phố không cho phép thay những cái bóng đèn hỏng? Mình đang sống trong một thế giới tàn phai, Wallander nghĩ. Một hình ảnh mang tính biểu tượng biến đổi thành thực tế sát sườn.

Đèn xe tắt. Wallander tắt đèn pha xe mình rồi ngồi chờ trong bóng tối. Đồng hồ trên bảng điều khiển nhích dần với những lần giật cục điện tử. Một giờ hai mươi lăm phút. Đột nhiên một cái đèn pin chiếu thẳng vào bóng tối, giống như một con đom đóm lo lắng. Wallander mở cửa đi xuống. Cái lạnh chụp lấy ông. Người đàn ông cầm đèn pin dừng lại cách đó vài mét. Wallander vẫn không nhìn rõ mặt hắn ta.

- Chúng ta ra chỗ mép nước.

Giọng gã sắc như dao cạo. Không có gì có vẻ thực sự đáng lo ngại, Wallander nghĩ, khi mà đó là âm sắc Skåne. Ông

không biết một phương ngữ nào khác đậm nét *tính ân cần* đến thế.

Tuy vậy ông vẫn ngần ngừ.

- Tại sao?

- Ông sợ à? Chúng ta ra chỗ mép nước vì ở đó có một con tàu.

Gã bắt đầu bước đi. Wallander khó nhọc đi theo gã trong cơn gió ngược. Họ dừng lại trước cái bóng sẫm màu của một con tàu đánh cá. Mùi của biển và dầu rất nặng. Người đàn ông chìa cái đèn cho Wallander.

- Chiếu vào đồng dây rợ đi.

Khi đó lần đầu tiên Wallander nhìn rõ mặt gã. Khoảng bốn mươi tuổi, hoặc hơn một chút, da hằn dấu vết sóng nước. Một bộ đồ xanh lao động và một cái áo vest màu ghi, một chiếc mũ bonê đen sẫm trùm xuống sát mắt.

Gã đàn ông nắm lấy một sợi dây, trèo lên boong và biến mất vào bóng tối về phía khoang lái. Wallander chờ đợi. Một cái đèn bật lên. Gã đàn ông lại gần, những thanh gỗ sàn nghiêng lên kèn kẹt.

- Đến đây đi.

Wallander vụng về bám lấy thành tàu lạnh giá và trèo lên boong. Ông đi theo gã đàn ông lên boong tàu nghiêng về một phía và vấp vào một cuộn dây chèo.

- Đừng có mà rơi xuống nước. Lạnh lắm đấy.

Wallander đi theo gã. Họ xuống phòng máy tỏa ra mùi dầu và mùi diesel. Gã đàn ông treo cái đèn lên móc và vịn thấp bậc đèn xuống.

Cử chỉ của gã có vẻ rối loạn. Đột nhiên Wallander hiểu ra là gã đàn ông đang sợ; gã muốn mọi chuyện chấm dứt càng nhanh càng tốt.

Wallander ngồi xuống cái giường hẹp phủ một cái chăn bẩn thỉu.

- Ông có giữ lời hứa không?

- Lúc nào tôi cũng giữ lời, Wallander nói.

- Không ai làm điều đó cả. Tôi nghĩ đến vụ việc có liên quan đến tôi.

- Anh có một cái tên không?

- Cái đó không có gì quan trọng cả.

- Nhưng anh đã nhìn thấy một cái xuồng màu đỏ chở hai người chết phải không?

- Có thể.

- Nếu không anh đã không gọi điện.

Gã đàn ông mở tấm bản đồ cáu bẩn đặt trên giường ra.

- Ở đây, gã nói, chỉ vào một điểm trên bản đồ. Tôi đã nhìn thấy nó ở chính chỗ này. Khi đó là mười ba giờ năm mươi hai phút. Ngày 12. Tức là thứ Ba vừa rồi. Và tôi đã suy nghĩ. Để hiểu xem nó từ đâu đến.

Wallander lục túi để tìm một mẫu giấy và một cái bút chì. Tất nhiên là không tìm thấy.

- Nói chậm thôi, ông nói. Bắt đầu lại từ đầu đi. Anh là người phát hiện cái xuồng à?

- Tôi đã ghi lại cả ở đây. Cách Ystad sáu dặm, hướng chính Nam. Cái xuồng trôi về phía Đông Bắc. Tôi đã ghi lại tọa độ chính xác.

Gã chìa cho Wallander một mẫu giấy nhàu nát. Wallander có cảm giác là các thông tin đó đáng tin, ngay cả khi ông không hiểu gì về những con số.

- Cái xuồng trôi, gã đàn ông nói tiếp. Nếu có tuyết thì chắc là tôi đã không bao giờ nhìn thấy nó.

Chắc là không bao giờ *chúng tôi* nhìn thấy nó, Wallander nghĩ rất nhanh. Mỗi lần nói *tôi*, gã lại để lộ một sự do dự khó đoán định. Như thế gã phải cố nhắc nhở mình, để chỉ nói một phần sự thật.

- Nó nằm bên phía mạn trái. Tôi đã kéo nó theo tàu. Khi nhìn thấy bờ biển, tôi đã thả nó ra.

Điều này giải thích vì sao có sợi dây buộc bị cắt. Họ vội vã, lo lắng. Họ đã không ngần ngại hy sinh một sợi dây buộc...

- Anh làm nghề đánh cá à?

- Phải.

Không, Wallander nghĩ. Anh nói dối. Nhưng tại sao?

- Khi đó tôi đang trên đường trở về.

- Anh có điện đàm cơ mà. Tại sao anh không báo động cho đội cứu hộ biển?

- Tôi có những lý do riêng.

Wallander hiểu là cần phải đánh tan nỗi sợ của gã đàn ông mặc bộ đồ lao động màu xanh này, nếu không ông sẽ không thu gặt được điều gì cả. *Lòng tin*, ông nghĩ. Gã cần phải cảm thấy có thể đặt lòng tin vào mình.

- Tôi cần biết nhiều hơn. Sẽ không ai biết những gì anh sắp nói.

- Không có ai nói gì cả. Không có ai gọi điện cả.

Đột nhiên, Wallander hiểu ra. Có một cách giải thích hoàn toàn logic cho nỗi ám ảnh về sự vô danh này. Đã có hai người trên tàu. Không phải ba, không thể nhiều hơn hai. Và gã đang sợ người kia.

- Không ai gọi điện hết, Wallander đồng ý. Đây là tàu của anh à?

- Điều đó thì quan trọng gì?

Wallander bắt đầu tiến hành lập luận lại từ đầu. Giờ đây ông đã chắc chắn rằng gã đàn ông này không có gì liên quan đến hai người chết ngoài việc đã ở trên con tàu phát hiện ra cái xuồng. Điều này đơn giản hóa tình hình, ngay cả khi ông vẫn không hiểu được nỗi sợ này. *Người còn lại là ai?*

Buồn lậu, đột nhiên ông nghĩ. Chuyên chở hàng lậu hoặc rượu. Con tàu này được dành để làm chuyện ấy. Chính vì vậy mà mình không hề nghĩ thấy mùi cá.

- Anh có nhìn thấy cái tàu nào ở gần khi phát hiện cái xuồng không?

- Không.

- Anh chắc không?

- Tôi chỉ nói những gì tôi biết.

- Nhưng anh đã suy nghĩ rồi, phải không?

Gã đàn ông trả lời không chút do dự.

- Cái xuồng đã ở trong nước khá lâu rồi. Cái đó thì tôi chắc chắn.

- Tại sao?

- Đã có tảo dính lên trên rồi.

Wallander không nhớ là đã từng nhìn thấy.

- Khi chúng tôi tìm thấy nó, không hề có dấu vết của tào.
Gã đàn ông suy nghĩ.

- Chắc là đã bị bật đi mất khi tôi kéo nó theo sau.

- Theo anh thì nó đã ở trong nước được bao nhiêu thời gian rồi?

- Khó nói lắm. Có thể là một tuần.

Wallander nhìn gã. Gã đàn ông có vẻ lúc nào cũng đề phòng, lén lút.

- Gì nữa không? Tất cả đều có thể quan trọng.

- Tôi nghĩ là từ phía các nước Baltic đến.

- Tại sao? Tại sao lại không phải là từ Đức?

- Tôi biết khu vực này. Tôi nghĩ cái xuồng từ bờ bên kia biển Baltic đến.

Wallander nhìn vào bản đồ.

- Thế thì xa lắm, ông nói. Phải đi qua bờ biển Ba Lan. Rồi nước Đức. Tôi thấy rất khó tin.

- Cái đó đã từng xảy ra hồi chiến tranh rồi. Thủy lôi trôi đi rất xa trong một khoảng thời gian ngắn. Với cái gió như mấy ngày vừa rồi, điều đó là hoàn toàn có thể.

Ánh sáng ngọn đèn run rẩy.

- Tôi không còn gì khác để nói, gã đàn ông nói và gấp tấm bản đồ lại. Ông có nhớ lời hứa của ông không đấy?

- Tôi còn nhớ. Nhưng tôi vẫn còn một câu hỏi nữa. Tại sao anh lại sợ gặp tôi như vậy? Tại sao lại phải vào giữa đêm?

- Tôi không sợ. Và ngay cả khi có như thế thật, thì cũng không liên quan gì đến ông.

Gã đàn ông nhét tấm bản đồ vào một cái khe. Wallander

cố gắng tìm ra một câu hỏi khác trước khi quá muộn.

Cả hai đều không để ý đến thoáng rung động của thân tàu. Một thoáng rung động khó nhận biết, giống như một tàn dư của lớp sóng dồi đang chạy vào cảng.

Khi quay lại khoang lái, Wallander chìa nhanh đèn pin lên các bức tường, nhưng không nhìn thấy gì có khả năng giúp ông sau này nhận ra con tàu.

- Tôi có thể liên lạc với anh ở đâu khi cần thiết? ông hỏi khi họ đã quay lên đề chắn sóng.

- Ông sẽ không thể liên lạc với tôi. Và ông cũng sẽ không cần làm việc đó. Tôi không còn gì khác để nói cả.

Wallander đếm bước chân mình trên đề chắn sóng. Đến bước thứ bảy mươi ba, ông cảm thấy dưới đế giày mình nền đất trải sỏi của cảng. Gã đàn ông như thể bị bóng tối nuốt chửng; gã đã lấy lại cái đèn pin và biến mất, không nói một câu. Wallander lên xe và đợi vài phút trước khi nổ máy. Đột nhiên ông nghĩ mình vừa nhìn thấy một cái bóng. Rất có khả năng đó chỉ là một ảo ảnh. Ông hiểu là mình sẽ phải là người đi trước. Khi đã ra đến đường, ông đi chậm lại. Nhưng không có ánh đèn pha nào hiện ra trong gương chiếu hậu.

Ông mở cửa căn hộ của mình vào lúc ba giờ kém mười lăm phút. Ông ngồi xuống bàn bếp và chép lại cuộc nói chuyện vừa diễn ra trong phòng máy của con tàu. Các nước Baltic... Cái xuồng đã thực sự trôi dạt xa đến thế? Ông đi sang phòng khách. Trong tủ, dưới những chồng tạp chí cũ và các chương trình opera, ông rút ra quyển bản đồ atlas học sinh của mình. Ông mở đến trang vẽ vùng phía Nam Thụy Điển và

biển Baltic. Các nước Baltic vừa có vẻ rất xa vừa có vẻ rất gần.

Minh không biết gì về biển cả. Minh không biết gì về những cơn gió và những dòng chảy ngầm. Có lẽ là hẳn đã có lý chẳng? Hẳn có lý do gì để nói dối?

Ông lại nghĩ đến nỗi sợ hiển hiện của gã đàn ông. Ai là thành viên còn lại của thủy thủ đoàn, kẻ có khả năng làm gã e ngại đến mức ấy?

Ông đi nằm lại vào lúc bốn giờ sáng. Khá lâu ông mới thiếp ngủ được.

Khi mở mắt, ông cảm thấy mình đã ngủ quá lâu.

Đồng hồ báo thức chỉ bảy giờ bốn mươi sáu phút. Ông bật ra tiếng chửi thề, bật dậy và cuống cuồng mặc quần áo, quơ vội bàn chải đánh răng và thuốc đánh răng cho vào túi áo. Ông đến sở vào tám giờ kém ba phút. Ebba, ở chỗ tiếp tân, ra hiệu bảo ông lại gần.

- Björk đợi anh đấy. Xem kìa, trông anh rất mệt mỏi. Không dậy được à?

- Lại còn thế nữa!

Wallander vào toa lét đánh răng, cố gắng tập hợp các suy nghĩ của mình lại. Ông sẽ nói về chuyến dạo chơi ban đêm trên cảng Brantevik thế nào đây?

Phòng làm việc của Björk trống không. Ông đi về phía phòng họp rộng nhất và gõ cửa như một cậu học trò đi muộn.

Sáu người đang ngồi quanh chiếc bàn hình ô van. Sáu khuôn mặt quay về phía ông.

- Tôi nghĩ là tôi đến hơi muộn, ông lảm bảm và ngồi xuống cái ghế gần nhất.

Björk ném một cái nhìn nghiêm khắc về phía ông. Martinsson và Svedberg mỉm cười tò mò nhìn ông - thậm chí Svedberg còn có vẻ giễu cợt. Birgitta Törn ngồi bên trái Björk, vẻ vô cảm.

Còn có thêm hai người mà Wallander chưa bao giờ gặp. Ông đứng dậy và đi vòng qua bàn để đến bắt tay họ. Cả hai đều khoảng năm mươi tuổi, và giống nhau đến lạ lùng: cao lớn, lực lưỡng, khuôn mặt dễ mến. Người đầu tiên tự giới thiệu tên là Sture Rönnlund. Người thứ hai tên là Bertil Lovén.

- Tôi ở bên phòng chống tội phạm hình sự, Lovén nói. Sture có mặt ở đây là người bên phòng chống ma túy.

- Kurt là người chỉ huy cuộc điều tra này, Björk nói. Các anh muốn uống cà phê không?

Khi tất cả đã rót đầy cà phê vào cốc, Björk khai mạc cuộc họp.

- Mọi sự giúp đỡ đều được hoan nghênh, ông nói. Chắc tất cả đều đã nhận ra mối quan tâm lớn mà sự phát hiện ở bờ biển của chúng ta gây ra đối với báo chí. Đó là một trong những lý do khiến chúng ta sẽ phải tiến hành cuộc điều tra này với toàn bộ sức lực và sự cả quyết. Birgitta Törn đến đây trước hết với tư cách người quan sát. Cô ấy cũng có thể giúp chúng ta có được các liên lạc với những nước không phải thành viên của Interpol. Nhưng điều đó không ngăn cản chúng ta lắng nghe quan điểm của cô ấy về công việc của cuộc điều tra.

Đến lượt Wallander. Vì mọi người có mặt đều đã có một bản sao tập hồ sơ, ông chỉ tóm tắt ngắn gọn tình hình và cung cấp một sơ đồ về thời gian. Ngược lại, ông dành nhiều thời gian để nói về các kết quả của khám nghiệm pháp y. Khi ông nói xong, Lovén yêu cầu ông nói rõ hơn về một số chi tiết. Chỉ có vậy. Björk nhìn xung quanh.

- Được rồi. Bây giờ chúng ta sẽ làm gì đây?

Wallander bức mình với thái độ khúm núm của Björk đối với nữ đại diện của bộ và các cảnh sát Stockholm. Ông không thể tự ngăn mình bày tỏ phản ứng.

- Quá nhiều điều còn chưa sáng tỏ, ông nói. Và trước hết tôi chưa muốn nói đến tình trạng của cuộc điều tra. Tôi không hiểu tại sao Bộ Ngoại giao lại nghĩ là cần gửi Birgitta Törn đến chỗ chúng ta. Tôi không thể tin rằng chỉ là để giúp chúng ta trong các liên lạc với cảnh sát Liên Xô. Việc đó có thể được thực hiện bằng fax, thông qua Stockholm. Với tôi, có vẻ như là bộ đã quyết định giám sát công việc của chúng ta. Nếu quả thực là như vậy, tôi muốn biết giám sát nghĩa là như thế nào, và vì những lý do gì. Dĩ nhiên tôi ngờ rằng bộ biết điều gì đó mà chúng ta không biết. Nhưng có thể là quyết định đến từ một nơi khác. Nếu đúng là như vậy thì là từ đâu?

Im phẳng phắc quanh bàn. Björk có vẻ hoảng sợ.

Cuối cùng Birgitta Törn lên tiếng.

- Không có lý do gì để nghi ngờ những mục đích chính thức của việc tôi đến Ystad. Tình hình bất ổn tại các nước Đông Âu đòi hỏi chúng tôi phải chăm chú theo sát vụ việc này.

- Thậm chí chúng tôi còn không biết liệu họ có phải là người Đông Âu hay không. Trừ khi, thêm một lần nữa, bên các cô biết được điều gì đó mà chúng tôi không biết. Nếu quả là như vậy, tôi muốn biết đó là điều gì.

- Có lẽ là chúng ta phải bình tĩnh một chút, Björk nói xen vào.

- Tôi muốn có một câu trả lời! Tôi không thể hài lòng với những lời nhận định chung chung về một tình hình chính trị bất ổn được.

Đột nhiên Birgitta Törn đánh mất dáng vẻ vô cảm của mình. Cái nhìn mà cô ném về phía Wallander, không thể rõ ràng hơn nữa, mang dấu ấn của sự xa lạ, thậm chí là khinh bỉ. Mình đã tự biến mình thành kẻ đáng ghét rồi, ông nghĩ. Mình đã trở thành một tay nhân viên quèn gây rắc rối.

- Tôi đã nói điều cần phải nói, cô đáp. Nếu suy nghĩ đúng mực, anh sẽ phải hiểu rằng không có lý do gì để giận dữ cả.

Wallander lắc đầu và quay sang Lovén và Rönnlund.

- Còn các anh? Chỉ thị mà các anh nhận được là gì? Stockholm không bao giờ gửi người của mình đi trừ khi có một yêu cầu chính thức từ phía chúng tôi. Theo tôi được biết, chúng tôi không hề yêu cầu gì cả. Tôi có nhầm không nhỉ?

Đầy vẻ uy quyền, ông quay sang Björk; Björk lắc đầu.

- Như vậy đây là ý định của sở chỉ huy. Nếu chúng ta phải hợp tác, tôi muốn biết là theo danh nghĩa nào. Năng lực địa phương của chúng tôi không thể bị đặt thành vấn đề ngay cả trước khi công việc bắt đầu!

Loven cựa quậy trên ghế. Rönnlund là người trả lời. Bằng một cái giọng đầy vẻ thân ái.

- Sếp cho rằng có thể các anh cần giúp đỡ. Việc của chúng tôi là sẵn sàng để trợ sức. Không gì khác cả. Các anh là người tiến hành công việc. Nếu chúng tôi có thể giúp các anh, thì hết sức sẵn lòng. Bertil cũng như tôi đều không hề đặt nghi vấn về khả năng tự tiến hành cuộc điều tra của các anh. Cá nhân mà nói, tôi thấy rằng các anh đã tỏ ra hết sức nhanh chóng và tập trung trong những ngày vừa qua.

Wallander gật đầu đón nhận lời khen. Martinsson mỉm cười, Svedberg tư lự xĩa răng bằng một mảnh dằm gỗ gõ ra từ mặt bàn.

- Vậy thì có lẽ là chúng ta đã có thể chuyển sang bước tiếp theo, Björk đề nghị.

- Rất tốt, Wallander nói. Tôi có một vài giả thuyết muốn trình bày với mọi người. Nhưng trước hết, tôi muốn kể một cuộc phiêu lưu ban đêm nho nhỏ.

Cơn giận của ông đã biến mất. Ông đã tự chường mặt ra đấu với Birgitta Törn và đã không thua cuộc. Ông sẽ nhanh chóng hiểu ra những lý do khiến cô đến đây. Cảm tình của Rönnlund đã củng cố thêm sự tự tin ở ông. Ông kể tóm tắt về cú điện thoại và chuyến đi đến cảng Brantevik. Ông nhấn mạnh sự chắc chắn của gã đàn ông khi khẳng định cái xuống có nguồn gốc từ các nước Baltic. Trong một thoáng cả quyết hiếm hoi, Björk gọi điện cho tổng đài yêu cầu ai đó tìm ngay cho họ một tấm bản đồ chi tiết và rõ ràng về toàn bộ vùng có liên quan. Wallander hình dung ra cảnh Ebba tóm lấy cảnh sát

viên đầu tiên đi qua sảnh đợi và ra lệnh đi tìm ngay tám bản đồ. Ông rút cà phê và tiếp tục nói.

- Tất cả đều cho thấy những người kia đã bị giết trên boong một con tàu. Tại sao họ không bị ném xuống nước? Tôi chỉ tìm được một cách giải thích cho việc đó. Tên hoặc những tên giết người muốn người ta tìm ra mấy cái xác. Tại sao? Thêm nữa, hẳn là sẽ phải vô cùng khó khăn mới có thể xác định được thời điểm và địa điểm cái xuống bị ném xuống. Hai người đàn ông đã bị giết bằng một phát đạn từ khoảng cách rất gần, sau khi bị tra tấn. Thường thì tra tấn đồng nghĩa với một sự trả thù hoặc để moi thông tin... Một điểm khác mà chúng ta luôn phải nhớ đến: các nạn nhân say ma túy. Nói chính xác hơn, thuốc amphetamin. Theo một cách nào đó, ma túy có dính dáng đến câu chuyện này. Thêm nữa, cảm giác cá nhân của tôi là hai người đàn ông đó là người có tiền. Quần áo của họ cho thấy điều này. Theo các tiêu chí của các nước Đông Âu, thậm chí hẳn là họ còn rất giàu. Như tôi chẳng hạn, tôi sẽ không bao giờ có đủ tiền mua loại com lê hoặc giày đó.

Lovén phá lên cười. Birgitta Törn nhìn chằm chằm xuống mặt bàn.

- Như vậy là chúng ta đã biết được khá nhiều điều, Wallander tiếp tục, ngay cả khi chúng ta không thể tập hợp tất cả các chi tiết thành một tổng thể có khả năng giải thích vụ giết hai người kia. Hiện tại, chúng ta chỉ có một mục đích: tìm ra danh tính của họ. Chúng ta sẽ phải tập trung vào chuyện đó. Trước hết, có được một khám nghiệm nhanh về đường đạn. Sau đó, danh sách toàn bộ những người mất tích hoặc

đang được tìm kiếm ở Thụy Điển và Đan Mạch. Dấu tay, ảnh, dấu hiệu nhận biết, chúng ta phải rất nhanh chóng gửi tất cả những cái đó cho Interpol. Có thể là chúng ta cũng sẽ tìm thấy điều gì đó trong hồ sơ chẳng? Mặt khác, phải liên lạc với cảnh sát các nước Baltic thuộc Liên Xô, nếu việc đó còn chưa được thực hiện. Có thể là Birgitta Törn sẽ trả lời được câu hỏi này chẳng?

- Việc đó sẽ được làm trong ngày hôm nay. Chúng tôi sẽ liên lạc với bộ phận quốc tế của cảnh sát Matxcova.

- Cũng cần phải liên lạc với cảnh sát Estonia, Litva và Latvia.

- Tất cả đều phải thông qua Matxcova.

Wallander nhìn cô vẻ bối rối và quay sang Björk.

- Có vẻ như là hồi mùa thu vừa rồi cảnh sát Litva có sang đây học tập phải không?

- Hẳn là Birgitta Törn có lý. Tại các nước đó đều có cảnh sát quốc gia. Nhưng Matxcova vẫn nắm quyền quyết định chính thức.

- Tôi thấy ngạc nhiên đấy. Nhưng chắc là bộ phải biết rõ hơn tôi...

- Đúng thế, Birgitta Törn nói. Chắc chắn rồi.

Björk kết thúc cuộc họp trước khi cùng nữ pháp viên của bộ đi khỏi. Một cuộc họp báo sẽ được tổ chức vào lúc mười bốn giờ.

Wallander nán lại trong phòng để điều hành việc phân chia nhiệm vụ. Svedberg sẽ đi tìm cái túi ny lông đựng hai viên đạn, và Lovén nhận đảm trách việc khám nghiệm đường

đạn. Những người khác chia nhau khối lượng công việc đồ sộ liên quan đến thông tin về những người mất tích. Martinsson, người có nhiều liên lạc cá nhân với Copenhagen, phụ trách việc gọi điện thoại cho các đồng nghiệp Đan Mạch.

- Mọi người sẽ không phải đến dự cuộc họp báo đâu, Wallander kết luận. Tôi sẽ làm cùng với Björk.

Rönnlund mỉm cười.

- Liệu chúng có khó chịu ngang với ở Stockholm không?

- Tôi không biết ở Stockholm thì thế nào. Nhưng ở đây thì chắc chắn là không thích thú gì.

Phần còn lại của ngày được dành cho việc thông báo dấu hiệu nhận dạng của hai người đàn ông đến cảnh sát tất cả các quận ở Thụy Điển và đến các nước khác trên bán đảo Scandinavia. Rất nhanh chóng, kết quả cho thấy dấu tay của họ không hề có trong hồ sơ của cả Thụy Điển lẫn Đan Mạch. Interpol không thể cung cấp ngay câu trả lời. Wallander và Lovén có một cuộc nói chuyện dài về chủ đề Cộng hòa Dân chủ Đức cũ. Liệu kể từ nay nó đã hoàn toàn trở thành thành viên của Interpol hay chưa? Hồ sơ của nó đã được chuyển sang cho một chương trình tin học trung tâm của toàn nước Đức hay chưa? Liệu đã từng bao giờ có một kho hồ sơ tội phạm ở Đông Đức hay chưa? Ranh giới giữa lưu trữ của Stasi⁽¹⁾ và một hồ sơ, nếu có, của cảnh sát thường là ở đâu?

Loven chịu trách nhiệm trả lời những câu hỏi đó trong khi Wallander chuẩn bị cho cuộc họp báo.

1. Tức là Cơ quan An ninh Quốc gia Đông Đức.

Khi ông gặp lại Björk không lâu trước mười bốn giờ, ông nghĩ là mình thoáng nhận ra một sự khó chịu ngấm ngầm.

Tại sao ông ấy không nói gì? Nếu ông ấy nghĩ rằng mình đã thiếu tôn trọng quý bà thanh lịch của bộ...

Phòng họp chật ních người. Wallander đưa mắt tìm tay phóng viên trẻ của tờ *Expressen*; có vẻ như là anh ta không có ở đó. Björk lên tiếng đầu tiên, như thường lệ. Ông tấn công mạnh mẽ một cách bất thường những “lời đồn đại đáng ngờ” đang lan rộng trong giới báo chí. Wallander nghĩ tới chuyến đi hồi đêm đến Brantevik của mình. Khi đến lượt mình, ông bắt đầu bằng cách lặp lại lời kêu gọi nhân chứng. Trước câu hỏi của một phóng viên, ông trả lời là không, chưa có nhân chứng nào xuất hiện. Cuộc họp báo diễn ra trong một bầu không khí thù địch đáng kinh ngạc. Sau đó, trong hành lang, Björk tuyên bố là ông cảm thấy hài lòng.

- Quý bà ở bộ đang làm gì rồi? Wallander hỏi.

- Cô ấy ngồi gọi điện thoại. Anh nghĩ chúng ta có nên đặt máy nghe trộm không?

- Có lẽ đó không phải là một ý dở.

Ngày trôi qua mà không có biến cố đáng kể nào. Giờ đây vấn đề là phải kiên nhẫn. Họ đã đặt lưới. Chắc chắn là sẽ phải có kết quả.

Không lâu trước mười tám giờ, Martinsson thò đầu vào phòng làm việc của Wallander và đề nghị ông đến ăn tối ở nhà anh

cùng Lovén và Rönnlund; hai người có vẻ như đã bắt đầu nhớ Stockholm.

- Svedberg có kế hoạch khác rồi, anh giải thích. Birgitta Törn nói tối nay phải đi Malmö. Anh muốn đến không?

- Không có thời gian. Rất tiếc là tối nay tôi bận.

Điều đó chỉ đúng một phần. Ông vẫn chưa thực sự quyết định là sẽ quay lại Brantevik để xem xét kỹ con tàu hơn.

Mười tám giờ ba mươi phút, ông gọi cú điện thoại hằng ngày cho bố ông và nhận được lệnh đi mua một bộ bài mới rồi mang đến vào lần tới. Ngay sau khi bỏ máy, ông rời khỏi sở. Gió đã ngừng. Bầu trời trong vắt. Ông dừng lại trước một siêu thị nhỏ để mua đồ. Sau khi ăn xong, ông pha một tách cà phê. Hai mươi giờ. Ông vẫn chưa quyết định. Chuyến đi Brantevik có thể đợi đến mai. Ông cảm thấy mệt mỏi, sau cuộc dạo chơi đêm qua.

Ông ngồi thật lâu ở bàn bếp với tách cà phê của mình. Ông tìm cách hình dung ra Rydberg đang ở trước mặt ông, bình luận các sự kiện trong ngày. Từng bước, ông đi qua mảnh đất của cuộc điều tra cùng với người khách vô hình. Ba ngày đã trôi qua kể từ khi phát hiện cái xuống ở Mossby Strand. Chừng nào còn chưa xác định được danh tính các nạn nhân, họ sẽ không thể tiến lên thêm được một xăngtimet nào. Câu đó có đầy đủ các cơ may để vĩnh viễn không bao giờ được giải.

Ông đặt cái tách vào bồn rửa. Một bông hoa héo rũ trên bậu cửa sổ làm ông chú ý. Ông rót nước vào đầy một cái cốc và tưới cho nó trước khi quay trở vào phòng khách. Ông chọn

một cái đĩa của Maria Callas. Ngay từ những nốt nhạc đầu tiên của bản *La Traviata*, ông đã quyết định được là cứ để con tàu đợi ở đó.

Một lúc sau, ông gọi điện cho con gái. Điện thoại đổ chuông vào khoảng trống. Hai mươi hai giờ ba mươi phút, ông đi nằm và thiếp đi gần như ngay lập tức.

Sự kiện mà tất cả chờ đợi xảy ra vào ngày hôm sau - ngày thứ tư của cuộc điều tra. Không lâu trước mười bốn giờ, Birgitta Törn bước vào phòng của Wallander và chìa cho ông một bản telex. Thông qua các thượng cấp Matxcova, cảnh sát Latvia thông báo cho Bộ Ngoại giao Thụy Điển rằng rất có thể hai người chết tìm được trong một cái xuồng dạt vào bờ biển vùng Skåne là công dân Latvia. Để làm cho cuộc điều tra được dễ dàng hơn, thiếu tá Litvinov của cảnh sát Matxcova đề nghị các đồng nghiệp Thụy Điển liên lạc trực tiếp với đội phòng chống tội phạm Riga.

- Như vậy là nó có tồn tại nhé, Wallander nói. Cảnh sát Latvia ấy.

- Thì có ai định nói ngược lại đâu? Nhưng nếu trước đó anh liên hệ trực tiếp với Riga thì sẽ gây ra những chuyện phức tạp về mặt ngoại giao. Có thể là chúng ta sẽ không bao giờ có được câu trả lời. Tôi nghĩ anh biết tình hình ở Latvia đang vô cùng căng thẳng.

Wallander có biết. Mới chỉ một tháng trước các lực lượng đặc biệt của Liên Xô, được biết đến dưới cái tên đáng sợ "Mũ

nồi đen", đã bắn vào tòa nhà của Bộ Nội vụ ngay giữa trung tâm Riga. Nhiều dân thường đã bị giết trong cuộc đổ súng. Wallander đã nhìn thấy trên báo hình ảnh các chiến lũy dựng bằng những tảng đá và đoạn ống nước. Nhưng không phải vì thế mà ông có cảm giác hiểu được chuyện đang xảy ra. Ông vẫn thường biết rất ít về những gì diễn ra xung quanh mình.

- Chúng ta phải làm gì đây? ông hỏi.

- Chúng ta liên lạc với cảnh sát Riga. Trước hết là cần có một lời khẳng định.

Wallander đọc lại bản telex. Gã đàn ông trên tàu đã không nhầm. Cái xuồng quả thực đã đến từ một nước Baltic.

- Chúng ta vẫn chưa biết những người đó là ai, ông nói.

Ba tiếng đồng hồ sau, ông có câu trả lời. Người ta thông báo sẽ có một cú điện thoại từ Riga, cả nhóm điều tra liền họp lại ngay. Björk căng thẳng đến mức làm đổ cà phê lên áo com lê của mình.

- Có ai nói được tiếng Latvia không? Wallander hỏi.

- Chúng ta sẽ dùng tiếng Anh, Birgitta Törn nói. Chúng tôi đã yêu cầu rõ ràng điều đó.

- Anh lo việc này nhé, Björk nói với Wallander.

- Tiếng Anh của tôi tồi lắm.

- Chắc chắn là tiếng Anh của họ cũng vậy thôi, Rönnlund nói. Mà ông ấy tên là gì nhỉ? Thiếu tá Litvinov... Hẳn là các anh có cùng cấp bậc đấy.

- Thiếu tá Litvinov là người ở Matxcova cơ, Birgitta Törn xen vào. Chúng ta đang chờ một cú điện thoại từ cảnh sát Riga. Ở Latvia.

Điện thoại đổ chuông vào lúc mười bảy giờ mười chín phút. Đường dây nghe rõ đến đáng ngạc nhiên. Một giọng nói tự giới thiệu: thiếu tá Liepa, thuộc đội phòng chống tội phạm Riga. Wallander vừa nghe vừa ghi chép. Thỉnh thoảng ông trả lời một câu hỏi. Thiếu tá Liepa nói một thứ tiếng Anh khùng khiếp; Wallander không chắc là mình hiểu được tất cả. Tuy vậy, khi bỏ máy, ông cũng đã nắm được những điều chính yếu.

Hai cái tên. Hai danh tính.

Janis Leja và Juris Kalns.

- Dấu tay trùng khớp, Wallander nói. Theo thiếu tá Liepa, không phải nghi ngờ gì nữa. Chắc chắn là hai người đó.

- Tốt lắm, Björk nói. Hai quý ngài đó là ai?

Wallander cúi xuống xem trong cuốn sổ bloc.

- *Notorious criminals*. Những tên tội phạm khét tiếng?

- Ông ấy có cho biết gì về lý do họ bị giết không?

- Không. Nhưng ông ấy không hề tỏ vẻ ngạc nhiên. Nếu tôi hiểu đúng, ông ấy sẽ chuyển các hồ sơ cho chúng ta. Ông ấy cũng hỏi liệu chúng ta có muốn ông ấy gửi sang một điều tra viên người Latvia để giúp đỡ không.

- Ý hay đấy, Björk nói. Như thế chúng ta sẽ rũ bỏ được chuyện này một cách hết sức nhanh chóng.

- Dĩ nhiên là bộ ủng hộ đề xuất này, Birgitta Törn nói.

Quyết định được thông qua. Ngày hôm sau - ngày thứ năm của cuộc điều tra - thiếu tá Liepa gửi một bản telex thông báo chính ông sẽ đi máy bay sang vào chiều hôm sau. Ông sẽ đổ xuống Sturup, sau khi dừng ở Stockholm.

- Một thiếu tá, Wallander nói. Như thế có nghĩa là gì?
- Không biết nữa, Martinsson nói. Trong cái nghề này chắc tôi chỉ là một anh cai đội.

Birgitta Törn quay về Stockholm. Wallander nghĩ rằng mình sẽ không gặp lại cô. Giờ đây khi cô đã đi khỏi, ông thấy khó khăn trong việc nhớ về ngoài và giọng nói của cô.

Mình sẽ không gặp lại cô ta. Mình sẽ không bao giờ biết tại sao cô ta đến đây.

Đích thân Björk nhận trách nhiệm đi đón viên thiếu tá Latvia ở sân bay. Như vậy Wallander được rảnh rỗi vào tối hôm ấy để đến nhà bố ông chơi bài. Trên đường đến Löderup, ông nghĩ rằng cái xuồng Mossby Strand sẽ nhanh chóng là một vụ việc được xếp lại. Viên cảnh sát Latvia có thể sẽ cung cấp cho họ một động cơ. Rồi cuộc điều tra sẽ được chuyển sang cho Riga. Những cái xác sẽ được đưa về Latvia, nơi hẳn là những kẻ thủ phạm vẫn còn ở, và nơi có lời giải cho câu đố.

Ông đã nhầm hoàn toàn.

Vẫn chưa có gì bắt đầu.

6

Wallander tưởng thiếu tá Liepa sẽ mặc quân phục. Nhưng người đàn ông mà Björk giới thiệu với ông sáng hôm đó lại mặc một bộ com lê màu ghi xộc xệch và đeo một cái cà vạt buộc lệch. Hơn nữa, trông ông lại rất nhỏ bé, hai vai nhô đến mức tưởng chừng như ông không có cổ; Wallander không phát hiện được dấu hiệu nào, thái độ nào cho thấy có sự hiện diện của một quân nhân. Thiếu tá, tên ông là Karlis, liên tục rít những điếu thuốc lá loại nặng, mà ông kẹp giữa hai ngón tay vàng khè vì nicôtin.

Chúng nghiện thuốc lá của viên thiếu tá Latvia ngay lập tức đặt ra vấn đề cho sở cảnh sát. Những người cảm thấy khó chịu phàn nàn với Björk, vì ông thiếu tá không hề tôn trọng các khu cấm hút thuốc. Björk đáp rằng họ phải tỏ ra biết điều với vị khách của mình. Rồi ông chuyển việc đó sang cho Wallander, và ông, với thứ tiếng Anh khập khiễng, tóm tắt cho thiếu tá biết quan điểm của người Thụy Điển về việc này. Liepa nhún vai và dập điếu thuốc. Sau đó, ông không hút thuốc ở đâu nữa, trừ trong phòng họp và trong phòng làm

việc của Wallander, người cuối cùng cũng không chịu đựng nổi. Cuối cùng một giải pháp cũng được tìm ra: Svedberg tạm thời chuyển sang phòng Martinsson, và Liepa đến ngồi trong phòng Svedberg.

Thiếu tá Liepa bị cận thị rất nặng. Cặp kính thủy tinh trần của ông có vẻ không đủ để ông có thể nhìn rõ. Khi xem một tài liệu, có thể nói rằng ông ngửi giấy thay vì đọc văn bản. Những người khác cố gắng lắm mới không bật cười. Thậm chí Wallander còn nghe được vài lời bình luận thiếu tôn trọng dành cho viên thiếu tá nhỏ bé lưng gù, nhưng ông không gặp khó khăn gì trong việc nhắc nhở những kẻ xấu miệng ngừng việc đó lại. Quả thực ông đã phát hiện Liepa là một cảnh sát ở trình độ rất cao. Về nhiều mặt, Liepa làm ông nhớ đến Rydberg. Cũng giống như ông già, đó là một con người đầy lòng say mê, người không chấp nhận rằng khía cạnh lặp đi lặp lại của công việc cảnh sát có thể được viện làm cái cớ cho một lối suy nghĩ cũ mòn. Thiếu tá Liepa là một cảnh sát hùng hực như lửa. Cái vẻ bên ngoài ủ dột của ông che giấu một điều tra viên đầy kinh nghiệm, với một trí óc sắc sảo đáng kể.

Buổi sáng xám xịt và lộng gió. Có thông báo về một trận bão tuyết vào buổi tối. Nhân viên của sở cảnh sát phải chịu đựng một trận dịch cúm, và Björk buộc phải rút Svedberg khỏi nhóm điều tra để sử dụng trong các nhiệm vụ gấp gáp khác. Trong thời gian đó Lovén và Rönnlund đã quay về Stockholm. Bản thân Björk cũng cảm thấy không khỏe; ngay khi giới thiệu xong xuôi, ông vừa ho vừa rời khỏi phòng họp,

để Martinsson và Wallander lại với thiếu tá Liepa. Thiếu tá châm một điếu thuốc lá mới.

Wallander - sau khi trải qua một buổi tối chơi bài với bố - đã dậy vào lúc năm giờ sáng để đọc cuốn sách giới thiệu về đất nước Latvia mà ông vừa lấy ở chỗ người bạn bán sách của mình. Có thể sẽ là thích hợp, như một cách giới thiệu, nếu cả hai bên cùng tìm hiểu cách tổ chức cảnh sát ở mỗi nước chẳng? Chỉ riêng việc người Latvia sử dụng quân hàm theo lối quân đội đã báo trước những khác biệt lớn. Vừa uống tách cà phê đầu tiên trong bếp, ông vừa tìm cách đặt bằng tiếng Anh vài câu giải thích sơ qua về cách tổ chức của cảnh sát Thụy Điển. Đột nhiên sự không chắc chắn xâm chiếm ông. Thật ra thì ông biết gì về cách tổ chức đó - thậm chí còn chưa nói đến những cải cách mới được sắp lớn thông báo, bằng uy quyền quen thuộc của mình? Ông nghĩ đến vô số bản ghi nhớ lúc nào cũng được soạn thảo rất cầu thả dành để thông báo những thay đổi được quyết định từ thượng cấp. Ông đã thử nói về chuyện đó với Björk. Thật ra thì cải cách mới này nhằm đến điều gì? Ông chỉ nhận được những câu trả lời mơ hồ. Giờ đây khi sắp phải gặp viên thiếu tá, ông quyết định thôi không giải thích sơ qua gì nữa. Nếu có hiểu nhằm gì, thì vẫn có thể giải quyết theo từng trường hợp riêng lẻ.

Bắt đầu cuộc nói chuyện bằng cách nào đây? Có thể là cần vài câu xã giao. Ông hỏi thiếu tá Liepa xem ông ở đâu trong thời gian ở Ystad.

- Trong một khách sạn. Tôi không biết nó tên là gì.

Wallander tắc tị. Rõ ràng là Liepa chỉ quan tâm đến cuộc

điều tra đang tiến hành.

Thôi để dành mấy trò xã giao cho sau này. Cái tập hợp chúng ta lại vào lúc này, là việc làm sáng tỏ một vụ giết người, ngoài ra không có gì khác nữa cả.

Thiếu tá Liepa trình bày hết sức kỹ càng về các chi tiết mà các đồng nghiệp của ông và ông đã dựa vào để xác định danh tính của hai người đàn ông. Rõ ràng là thứ tiếng Anh tồi của ông làm chính ông cũng cảm thấy bực mình. Trong lúc nghỉ, Wallander gọi điện đến hiệu sách. Có quyển từ điển Thụy Điển-Latvia nào không? Không. Thôi kệ. Họ sẽ buộc phải làm việc cùng nhau một cách chặt vật mà không chờ đến sự trợ sức của một thứ ngôn ngữ chung.

Sau chín tiếng đồng hồ giải mã cật lực - mất Martinsson và Wallander dính chặt vào bản sao một biên bản trên giấy nén không thể hiểu nổi mà thiếu tá Liepa vừa tìm từ vừa dịch lại từng câu một cho họ - Wallander cho rằng mình đã có một hình ảnh khá bao quát về vụ việc. Janis Leja và Juris Kalns, mặc dù còn khá trẻ, đã là những tên tội phạm rất nổi tiếng trong giới cảnh sát. Những tên tội phạm vừa táo gan vừa khó đoán định. Wallander nhận ra được sự khinh bỉ mà thiếu tá Liepa sử dụng khi nói họ thuộc cộng đồng thiểu số người Nga ở Latvia. Wallander mơ hồ biết rằng người Nga, có mặt ở Latvia kể từ khi đất nước này sáp nhập vào Liên Xô, chống lại phong trào đòi độc lập ở đây. Tuy nhiên ông còn chưa biết tầm vóc của vấn đề - hiểu biết về chính trị của ông quá ít ỏi. Nhưng thiếu tá Liepa công khai biểu lộ sự khinh bỉ của mình, với vẻ vô cùng thách thức.

- *Russian bandits*, ông nói. *Members of our Eastern mafia*⁽¹⁾.

Leja hai mươi tám tuổi và Kalns ba mươi mốt; cả hai đều có một hồ sơ hình sự dày cộp. Cướp ngân hàng, buôn lậu và buôn tiền. Thậm chí đã ba lần bọn họ bị nghi ngờ là đã giết người. Nhưng cảnh sát Latvia không tìm ra bằng chứng.

Khi thiếu tá Liepa đã dịch xong toàn bộ các báo cáo, Wallander đặt một câu hỏi mà ông thấy là mang tính quyết định.

- Những người đó đã phạm các tội nghiêm trọng, ông nói. (Ông không tìm được tính từ, cuối cùng Martinsson phải đề xuất từ tiếng Anh *serious*.) Nhưng có vẻ như là họ chỉ phải ngồi tù những đợt ngắn. Tại sao?

Lần đầu tiên, thiếu tá Liepa mỉm cười. Một nụ cười đồng tình tỏa rạng khuôn mặt tái của ông.

Ông ấy đã hy vọng là có câu hỏi này, Wallander nghĩ. Nó đáng giá bằng tất cả các thủ tục xã giao.

- Tôi phải giải thích cho các anh về đất nước của tôi, thiếu tá Liepa nói và châm một điếu thuốc mới. Người Nga chỉ chiếm mười lăm phần trăm dân số Latvia. Nhưng kể từ khi Thế chiến thứ hai kết thúc, họ cai quản mọi chuyện. Việc đưa người Nga sang ở đó là một trong các phương pháp, có thể là phương pháp hiệu quả nhất, của chính quyền Matxcova nhằm chế ngự đất nước chúng tôi. Anh hỏi tôi tại sao Leja và Kalns lại ngồi tù ít đến thế, trong khi lẽ ra bọn chúng đã phải ngồi

1. Tiếng Anh, nghĩa là: Bọn kẻ cướp người Nga. Thành viên của mafia Đông Âu.

tù chung thân, thậm chí bị xử tử? Tôi không định nói là mọi thẩm phán và công tố viên đều tham nhũng. Đó sẽ là một cách đơn giản hóa quá đà, một sự khiêu khích và một nhầm lẫn về chiến thuật. Ngược lại, tôi tin rằng Leja và Kalns có được một sự bảo trợ, nhiều quyền lực hơn một cách rõ ràng.

- Mafia, Wallander nói.

- Đúng và không. Tại các đất nước của chúng tôi, mafia cũng cần có người bảo trợ. Tôi tin là Leja và Kalns dành một phần thời gian của chúng để làm lợi cho KGB. Cảnh sát mật không thích nhìn thấy người của mình sau song sắt nhà tù - trừ trong trường hợp có sự phản bội. Cái bóng của Stalin vẫn còn lơ lửng trên đầu những kẻ đó.

Điều này cũng đúng cả ở Thụy Điển nữa, Wallander nghĩ rất nhanh - ngay cả khi chúng ta không thể tự tán dương về việc có được một bóng ma lẩn khuất phía sau. Một mạng lưới phụ thuộc lẫn nhau vô cùng phức tạp, cái đó không chỉ tồn tại ở các chế độ toàn trị.

- KGB, thiếu tá Liepa kết luận. Sau đó là mafia. Liên quan đến nhau. Tất cả liên quan đến nhau bằng những sợi dây kết nối vô hình.

- Mafia..., Martinsson nhắc lại, cho đến giờ anh chỉ nói xen vào để giúp Wallander dịch những suy nghĩ của mình sang tiếng Anh. Với chúng tôi, ở Thụy Điển này, thật mới mẻ khi phát hiện là ở Đông Âu tồn tại những nghiệp đoàn tội ác. Cách đây vài năm cảnh sát đã phát hiện sự hiện diện của các mạng lưới có nguồn gốc từ Liên Xô, nhất là ở Stockholm. Nhưng chúng tôi còn biết quá ít. Cho đến giờ, dấu hiệu duy

nhất là hai hoặc ba vụ thanh toán nội bộ vô cùng đẫm máu. Giống như một lời cảnh báo. Chúng tôi có thể phải chờ đợi việc những kẻ đó tìm cách xâm nhập cái xứ khổ ho cò gầy của chúng tôi trong những năm tới, để chiếm lấy các địa điểm chiến lược.

Wallander lắng nghe Martinsson nói tiếng Anh với một con ghen tị nhoi nhói. Phát âm của anh thật khủng khiếp, nhưng vốn từ của anh thì lớn hơn hẳn vốn từ của ông. Tại sao sở chỉ huy không tổ chức các lớp học tiếng Anh? Thay vì những những trò vớ vẩn về đào tạo quản lý nhân viên và dân chủ nội bộ...

- Chắc chắn là đúng, thiếu tá Liepa nói. Các đất nước trên quá trình rẽ đăm giống hệt với những con tàu đắm. Những con chuột đầu tiên rời khỏi tàu là bọn tội phạm. Chúng có nhiều liên lạc, có tiền, có nguồn lực. Rất thường xuyên, những người xin tị nạn chính trị không phải là những người chạy trốn sự áp bức, mà là bọn kẻ cướp trên đường tìm kiếm những mảnh đất sẵn bán mới. Rất dễ làm giả một căn cước và một câu chuyện cá nhân nào đó.

- Thiếu tá Liepa, anh nói ông *tin* vào điều đó. *You believe. You do not know?*⁽¹⁾

- Tôi chắc chắn. Nhưng tôi không thể chứng minh được. Chưa thể.

Wallander nhận ra trong câu trả lời đó những hàm ý mà ông không nắm được nghĩa, và lại càng không đánh giá đúng

1. Tiếng Anh, nghĩa là: Ông tin. Nhưng ông không biết?

được tầm vóc. Tại đất nước của thiếu tá Liepa, tội phạm gắn liền với một tầng lớp tinh hoa chính trị sở hữu quyền lực về luật pháp đủ sức ảnh hưởng trực tiếp đến bộ máy tư pháp. Hai người dạt vào bờ biển Thụy Điển là những kẻ mang một thông điệp vô hình, về một hậu cảnh còn chưa được biết đến và vô cùng phức tạp.

Đột nhiên Wallander hiểu ra rằng, với thiếu tá Liepa, mỗi cuộc điều tra là một cơ hội để khám phá những bằng chứng liên quan đến cái hậu cảnh chính trị ấy. Có lẽ là ở Thụy Điển này chúng ta cũng phải làm việc theo cách đó chăng? Nếu đúng là như vậy, chúng ta vẫn chưa hề đào đủ sâu vào thứ tội phạm ngày nay đang vây bủa chúng ta.

- Hai người đó, Martinsson nói tiếp. Kẻ nào đã giết họ? Tại sao?

- Tôi không biết. Chúng đã bị hành quyết, cái đó rất rõ ràng. Nhưng tại sao lại bị tra tấn? Bởi bàn tay của kẻ nào? Bọn họ muốn biết điều gì trước khi giết chúng? Liệu bọn họ có bắt được chúng nói ra không? Với tôi cũng vậy, vẫn còn lại rất nhiều câu hỏi không lời giải đáp.

- Lời giải không nằm ở Thụy Điển đâu, Wallander nói. Ông nghĩ sao?

- Tôi biết. Có thể là nó nằm ở Latvia.

Wallander run lên. Tại sao lại "có thể"?

- Nếu lời giải không nằm ở Latvia, thì nó ở đâu?

- Xa hơn.

- Về phía Đông? Martinsson đề xuất.

- Hoặc về phía Nam.

Wallander và Martinsson hiểu rằng lúc này thiếu tá không muốn nói nhiều hơn nữa.

Họ kết thúc cuộc họp. Wallander cảm thấy chóng đau lưng kinh niên đang nhắc nhở ông sau những giờ đồng hồ bất động cần massage. Martinsson đề nghị đưa thiếu tá đi đổi tiền ở một ngân hàng. Wallander cũng bảo anh liên lạc với Lovén ở Stockholm. Họ đã đi đến đâu trong việc khám nghiệm đường đạn rồi? Về phần mình, ông sẽ viết một báo cáo về các kết quả của cuộc họp. Nữ công tố viên Anette Brolin đã thông báo là muốn được thông tin thật nhanh chóng về những tiến triển của cuộc điều tra.

Cô *Brolin*, Wallander nghĩ khi rời khỏi căn phòng mù mịt khói thuốc. Lần này thì cô gặp may rồi, cô sẽ không phải đến tòa án. Chúng tôi sẽ hết sức mau chóng gửi báo cáo sang Riga, cùng với hai xác chết và một cái xuống màu đỏ. Rồi chúng tôi sẽ khép hồ sơ cuộc điều tra sơ bộ lại, đóng dấu và bình thần coi như là đã hoàn thành nghĩa vụ.

Ông viết báo cáo sau bữa trưa, trong khi Martinsson dẫn thiếu tá Liepa vào thành phố vì ông muốn mua quần áo cho vợ. Ông vừa gọi cho văn phòng công tố viên và biết rằng Anette Brolin có thể tiếp ông thì Martinsson hiện ra ở cửa.

- Thiếu tá đâu rồi? Wallander hỏi.

- Ông ấy đang hút thuốc trong phòng. Ông ấy đã làm rơi tàn thuốc xuống cái thảm đẹp của Svedberg.

- Ông ấy ăn chưa?

- Tôi đã mời ông ấy vào quán. Có món thịt bò nướng. Tôi nghĩ là ông ấy không thích lắm. Ông ấy chủ yếu uống cà phê và hút thuốc.

- Cậu đã nói chuyện với Lovén chưa?

- Anh ta bị cúm.

- Thế có người nào khác không?

- Không thể tìm được ai qua điện thoại. Không có ai cả, không ai biết khi nào thì có người quay lại. Tất cả đều hứa sẽ gọi lại, nhưng không ai làm cả.

- Rönnlund có thể giúp được gì chẳng?

- Tôi đã thử rồi. Nhưng anh ta đi công tác. Không ai biết anh ta đi đâu và khi nào trở về.

- Thử nữa đi. Tôi đến gặp công tố viên đây. Tôi nghĩ là chúng ta sẽ có thể sớm bàn giao hồ sơ lại cho thiếu tá Liepa. Cùng với hai cái xác và cái xuồng. Tôi thấy là ông ấy có thể chuyển mọi thứ về Riga.

- Tôi muốn nói với anh chính chuyện đó đây.

- Gì cơ?

- Cái xuồng.

- Có chuyện gì?

- Thiếu tá Liepa muốn xem xét nó.

- Thế thì sao? Chỉ cần đi xuống tầng hầm thôi.

- Không đơn giản vậy đâu.

Wallander cảm thấy cơn bức bối đang dâng lên. Thỉnh thoảng Martinsson vẫn không chịu đi thẳng ngay vào vấn đề.

- Đi xuống một cái cầu thang thì có gì mà phức tạp đến thế?

- Cái xuống đã biến mất.

- Gì cơ?

- Anh nghe thấy rồi đấy.

- Cậu nói cái quái gì thế? Nó được đặt trên mấy cái bệ dưới đó. Ở đúng chỗ mà Österdahl đã xem xét nó. Mặt khác chúng ta sẽ phải viết thư cảm ơn ông ấy nữa.

- Mấy cái bệ thì vẫn ở đó. Nhưng cái xuống thì không.

Wallander bỏ đồng giấy tờ xuống và đi theo Martinsson xuống hầm.

Quả thực, cái xuống đã biến mất. Hai cái bệ nằm trơ trọi trên nền bê tông.

- Chuyện quý quái gì thế này?

Martinsson không trả lời ngay, như thể anh đang nghi ngờ về chính lời nói của mình.

- Có kẻ đột nhập. Tối qua khi đi qua Hansson còn nhìn thấy cái xuống. Sáng nay, một cảnh sát giao thông phát hiện cửa bị phá. Hẳn là nó đã bị ăn trộm vào đêm qua.

- Không thể thế được. Một vụ trộm ở sở cảnh sát? Ngày đêm đều có người cơ mà. Có mất cái gì khác không? Tại sao không có ai nói gì?

- Tay cảnh sát giao thông nói với Hansson, nhưng cậu ấy quên không báo cho anh. Nhưng ở đây không có gì khác ngoài cái xuống cả. Những cánh cửa khác đều đóng, ổ khóa nguyên vẹn. Không, những kẻ làm việc đó chỉ muốn cái xuống thôi, không gì khác cả.

Wallander nhìn hai cái bệ đổ với một con chó ở khó tả.

- Martinsson, ông chậm rãi nói. Cậu có nhớ là đã đọc trên

một tờ báo rằng cái xuống được để dưới tầng hầm sở cảnh sát không?

Martinsson suy nghĩ.

- Có. Tôi nghĩ là có. Thậm chí tôi còn tin rằng đã có một tay chụp ảnh đến đây. Nhưng kẻ nào dám mạo hiểm đột nhập một sở cảnh sát để lấy một cái xuống cứu sinh?

- Chính là như vậy đấy. Kẻ nào dám mạo hiểm làm điều đó?

- Tôi không hiểu gì hết cả.

- Có thể là thiếu tá Liepa sẽ hiểu. Đi tìm ông ấy đi. Sau đó chúng ta sẽ xem xét kỹ tầng hầm. Và gọi tay cảnh sát đến đây. Anh ta là ai?

- Peters, chắc thế. Chắc là anh ta đã về nhà và đang ngủ. Nếu đêm nay có bão tuyết theo đúng dự báo, hẳn là sẽ có nhiều việc để làm đấy.

- Mặc kệ. Phải đánh thức anh ta dậy.

Còn lại một mình, Wallander xem xét cánh cửa bị phá. Một cánh cửa sắt vững chãi với hai ổ khóa.

Những kẻ đó biết là mình tìm kiếm cái gì. Những kẻ biết phá khóa...

Ông lại nhìn hai cái bệ đồ. Ông đã tự tay lục tìm trong cái xuống, và ông chắc chắn là không bỏ sót điều gì.

Martinsson và Österdhal cũng đã xem xét nó, cũng như Rönnlund và Lovén.

Chúng ta đã không nhìn thấy gì?

Martinsson quay trở lại cùng thiếu tá Liepa, đang hút một điếu thuốc. Wallander bật tắt cả các bóng đèn tuýp trên

trần lên. Martinsson tóm tắt tình hình với thiếu tá, trong khi Wallander quan sát ông. Đúng như dự đoán, Liepa không tỏ ra quá ngạc nhiên. Ông chỉ gật đầu thông báo mình đã hiểu, và quay sang Wallander.

- Anh đã xem xét cái xuồng. Một thuyền trưởng già khẳng định là nó đã được sản xuất ở Nam Tư phải không? Chắc chắn là đúng như vậy. Có rất nhiều xuồng cứu sinh Nam Tư trên những con tàu Latvia. Kể cả tàu của cảnh sát. Nhưng anh đã xem xét nó...

- Đúng, Wallander nói.

Cùng lúc đó, ông hiểu ra sai lầm khủng khiếp của mình.

Đã không ai xịt hơi cái xuồng. Đã không ai tìm kiếm ở *bên trong*. Chính ông cũng không hề nghĩ đến chuyện ấy.

Có vẻ như là thiếu tá Liepa đoán ra ý nghĩ của ông. Wallander thấy vô cùng xấu hổ. Làm sao mà ông lại có thể bỏ qua việc đó được? Tất nhiên là sớm hay muộn ông cũng sẽ nảy ra ý đó, nhưng quỷ quái thế nào mà ông lại không làm ngay?

Không cần phải giải thích gì lời thôi. Ông chỉ đưa ra câu hỏi cấp thiết nhất.

- Bên trong nó có thể có gì?

Thiếu tá Liepa nhún vai.

- Chắc chắn là ma túy.

- Khó có thể như vậy lắm. Hai người chết bị bỏ mặc trong một cái xuồng đựng ma túy rồi quảng đó trôi dạt mặc theo chiều gió?

- Đúng thế. Đó hẳn là một sai lầm khiến chúng đã đến tận đây để sửa chữa.

Giờ đồng hồ tiếp theo đó được dành để khám xét một cách có hệ thống tầng hầm. Wallander chạy lên chỗ tiếp tân để nhờ Ebba nghĩ ra một cái cớ cáo lỗi với Anette Brolin. Trong thời gian đó tin về vụ trộm đã lan ra. Björk lao xuống cầu thang.

- Nếu tin này bị tung ra, chúng ta sẽ bị tất cả chế nhạo.

- Lần này thì sẽ không có chuyện rò rỉ thông tin đâu đấy nhé, Wallander nói. Sẽ mệt óc lắm.

Ông nói lại những nghi ngờ của mình. Kể từ nay Björk đã có những lý do để nghi ngờ khả năng điều hành các cuộc điều tra khó khăn của ông. Sai lầm thật khó tha thứ.

Mình có trở nên lười biếng hay không? Thậm chí liệu mình có đủ khả năng để phụ trách về an ninh cho một nhà máy ở Trelleborg hay không? Hay là mình phải quay lại Malmö mà trở lại làm một cảnh sát hạng bét?

Không tìm được gì cả. Không dấu tay, không dấu vết nào trên nền bê tông đầy bụi. Lối đi lát sỏi ở phía bên kia cánh cửa không ngừng có xe cảnh sát đi qua. Không thể tìm được một dấu bánh xe.

Khi đã rõ ràng là những tìm kiếm không mang lại kết quả nào, họ quay lại phòng họp. Peters bước vào, vẻ tức tối vì đã bị đánh thức. Anh chỉ có thể xác nhận giờ giấc mà anh phát hiện cửa bị phá. Wallander đã tra hỏi nhóm trực đêm. Không ai nghe thấy hoặc nhìn thấy gì hết. Không có kết quả nào ở mọi nơi.

Đột nhiên Wallander thấy kiệt sức. Ông đau đầu vì phải hít quá nhiều khói thuốc lá của viên thiếu tá.

Mình phải làm gì đây? Ở vào địa vị của mình Rydberg sẽ làm gì?

Hai ngày sau, bí ẩn về vụ biến mất của cái xuồng vẫn còn nguyên.

Theo thiếu tá Liepa, không việc gì phải lãng phí sức lực vào việc tìm lại nó. Wallander miễn cưỡng đồng ý với ông. Cảm giác đã phạm phải một sai lầm khó tha thứ không rời khỏi ông. Ông thấy chán nản và sáng nào tỉnh dậy cũng cảm thấy một cơn đau đầu âm ỉ.

Cuối cùng cơn bão tuyết cũng đổ xuống Skåne. Trên đài phát thanh, cảnh sát khuyến cáo người dân nên ở lại nhà và chỉ ra đường khi có việc vô cùng cần thiết. Bố Wallander bị tuyết bao vây trong nhà; nhưng khi trong điện thoại Wallander hỏi thăm, thì ông bảo là thậm chí chả để ý thấy là có tuyết. Giữa sự hỗn loạn chung, cuộc điều tra vẫn giậm chân tại chỗ. Thiếu tá Liepa, nhốt mình trong phòng Svedberg, nghiên cứu báo cáo khám nghiệm đường đạn do Lovén gửi đến. Wallander có một cuộc họp kéo dài với Anette Brolin để thông báo về tình trạng cuộc điều tra. Mỗi lần gặp cô, ông lại nhớ đến giai đoạn khó xử hồi năm trước - tại sao ông lại thấy say mê người phụ nữ này⁽¹⁾? Ông thấy điều đó có vẻ không thật. Anette Brolin liên lạc với công tố viên hoàng gia và bộ phận tư pháp của Bộ Ngoại giao để xin chuyển hồ sơ cho cảnh

1. Chi tiết trong *Những kẻ sát nhân vô điện*.

sát Latvia. Về phần mình thiếu tá Liepa đã yêu cầu thượng cấp của ông có yêu cầu chính thức với Bộ Ngoại giao Thụy Điển.

Một buổi tối khi cơn bão vẫn còn dữ dội, Wallander mời thiếu tá đến ăn tối ở nhà ông. Ông đã mua một chai whisky, mà họ uống cạn trong buổi tối. Sau vài cốc, Wallander nhận ra là mình đã say. Còn thiếu tá thì vẫn tỏ ra bình thường. Wallander đã có thói quen gọi ông là "thiếu tá", điều đó không có vẻ gì làm ông phật ý. Ngoài đó ra, viên cảnh sát Latvia không mấy lảm nhảm. Khó biết được liệu sự kín tiếng đó có phải là do tiếng Anh của ông dở, do ông rụt rè, hay vì một sự giữ kẽ có phần cao ngạo. Wallander nói với ông về gia đình ông, về Linda hiện đang học ở Stockholm. Thiếu tá Liepa chỉ nói ông đã có vợ và vợ ông tên là Baiba; họ không có con. Buổi tối nặng nề trôi đi. Có những khoảng im lặng kéo dài, mỗi người nhìn chăm chăm vào cốc rượu của mình.

- Thụy Điển và Latvia, Wallander thử mạo hiểm. Có gì giống nhau không, hay chỉ có những khác biệt? Khi nghĩ đến Latvia, tôi không biết gì hết. Thế mà chúng ta lại là hàng xóm với nhau đấy.

Đúng vào lúc nói câu đó ra, Wallander nhận ra toàn bộ sự phi lý của câu hỏi. Thụy Điển chưa từng bị một nước lớn xa lạ điều hành như một thuộc địa. Người ta không dựng chiến lũy trên phố phường Thụy Điển. Ở đây không ai bị hành quyết, cũng không bị xe tăng cán lên. Liệu còn có thể có gì khác ngoài những khác biệt?

Câu trả lời của thiếu tá làm ông kinh ngạc.

- Tôi là người theo đạo, ông nói. Tôi không tin Chúa, nhưng điều đó không ngăn cản tôi có lòng tin, như một thứ vượt sang bên kia ranh giới của những gì được giới hạn bởi lý trí. Bản thân chủ nghĩa Marx cũng bao hàm một phần rất lớn là lòng tin, mặc dù nó khẳng định mình là một khoa học chứ không phải là một ý hệ. Đây là lần đầu tiên tôi đi sang phương Tây. Cho đến giờ tôi mới chỉ có thể đi lại trong Liên Xô, đến Ba Lan và những nước Baltic khác. Ở đây, tôi nhận ra một sự dồi dào có vẻ như không có giới hạn về tài sản vật chất. Nhưng sự khác biệt này rất có thể lại che giấu một sự giống nhau. Một sự nghèo nàn chung - mặc dù nó không có cùng khuôn mặt. Sự dồi dào của các anh thì chúng tôi không có; tự do lựa chọn của các anh thì chúng tôi không có. Nhưng ở đất nước này, tôi nghĩ mình nhìn thấy một *sự nghèo nàn* khác. Trong việc không phải tranh đấu để sống còn. Với tôi, sự tranh đấu đó mang một ý nghĩa tôn giáo. Tôi không muốn ở vào địa vị của các anh.

Thiếu tá đã chuẩn bị một cách chu đáo cho câu trả lời của mình. Ông không phải lựa chọn từ ngữ.

Nhưng thật ra thì ông đã nói gì? Sự nghèo nàn của Thụy Điển? Wallander cảm thấy cần phải phản đối.

- Anh nhầm rồi, thiếu tá. Cả ở đây, người ta cũng phải tranh đấu. Rất nhiều người bị gạt ra khỏi - tôi có chọn đúng từ không nhỉ? - sự dồi dào mà anh vừa nói đến. Không có ai chết đói, cái đó đúng. Nhưng nếu anh nghĩ là chúng tôi không phải tranh đấu, thì anh nhầm đấy.

- Người ta chỉ có thể tranh đấu cho sự sống còn của

mình. Tôi cũng muốn nói đến cả sự tranh đấu cho tự do và độc lập. Ngoài đó ra thì chỉ là chuyện lựa chọn. Chứ không phải là sự cần thiết.

Cuộc nói chuyện tắc tị. Wallander những muốn hỏi ông về những gì đã xảy ra ở Riga trong tháng trước, nhưng ông không dám. Ông không muốn bày tỏ sự thiếu hiểu biết trầm trọng của mình. Ông đứng dậy, chọn một cái đĩa của Maria Callas và đặt vào máy quay.

- *Turandot*, người khách của ông bình luận ngay sau những nốt đầu tiên. Bản nhạc rất hay.

Thiếu tá cáo từ không lâu sau nửa đêm. Tuyết xoáy tròn. Từ cửa sổ, Wallander nhìn ông đi xa dần, người quần trong cái áo padoxuy nhàu nhĩ, dáng người còng xuống chống chọi lại cơn gió.

Con bão ngừng lại vào ngày hôm sau. Các nhân viên dọn tuyết bắt tay vào việc để khai thông đường sá. Wallander tỉnh dậy với một cái miệng đắng ngắt; nhưng một dự định đã hình thành trong giấc ngủ của ông. Trong khi chờ quyết định của công tố viên hoàng gia, ông vẫn có thể dẫn thiếu tá đến chỗ cảng Brantevik.

Không lâu sau chín giờ, họ rời khỏi thành phố trong xe của Wallander. Phong cảnh ngập tuyết ánh lên dưới mặt trời. Ba độ celsius dưới không, không một chút gió.

Cảng không một bóng người. Nhiều chiếc tàu đánh cá buộc vào dề chắn sóng. Cái nào là cái ông cần tìm? Wallander đếm bảy mươi ba bước tính từ ke.

Con tàu tên là *Byron*. Thân tàu bằng gỗ sơn trắng, dài

bốn mươi bộ. Wallander đặt tay lên dây buộc và nhắm mắt lại. Có đúng là nó không? Rất khó nói. Họ treo lên boong. Một tấm vải bạt màu đỏ sẫm che lấy miệng khoang dưới. Khi đi về phía khoang lái, Wallander vấp phải một cuộn dây. Như vậy là đúng cái tàu này. Cửa khoang lái khóa. Thiếu tá vạch tấm vải che và chiếu đèn pin xuống hầm. Trống không.

- Không hề có mùi cá, Wallander bình luận. Không vảy cá, không một mảnh lưới. Đây là một con tàu dùng để buôn lậu. Nhưng nó chở gì?

- Tất cả, thiếu tá trả lời. Ở chỗ chúng tôi thiếu mọi thứ nên buôn gì cũng được hết.

- Tôi phải hỏi thông tin mới được. Ngay cả khi đã hứa, tôi cũng vẫn có quyền xác định danh tính của người chủ con tàu. Liệu ở vào địa vị tôi anh có hứa như vậy không, thiếu tá?

- Không bao giờ.

Không có gì nhiều nhận để xem. Về đến Ystad, Wallander dành cả buổi chiều để tìm tung tích người chủ một chiếc tàu đánh cá mang tên *Byron*. Việc này rất khó. Con tàu đã được mua đi bán lại nhiều lần trong những năm vừa qua. Một hãng thương mại ở Simrishamn - mang cái tên đầy chất phóng túng *Ruskpricks Fisk* - đã bán lại cho một thuyền trưởng tên là Öhrström, thợ đánh cá chuyên nghiệp, vài tháng sau đó đến lượt mình ông ta lại bán nó đi. Cuối cùng ông biết được rằng người chủ hiện nay là một người có tên Sten Holmgren, sống ở Ystad. Thật ngạc nhiên vì người đó ở cùng phố với ông. Nhưng trong danh bạ điện thoại không có số của ông ta. Wallander tiếp tục tìm kiếm; không có công ty nào

được đăng ký ở Ystad dưới cái tên Holmgren. Để được chắc chắn, ông tìm cả ở Kristianstad và Karlskrona, nhưng không thấy gì.

Wallader ném cái bút chì xuống bàn và đi lấy một cốc cà phê. Khi quay lại, đón chờ ông là tiếng chuông điện thoại.

- Thử đoán xem tại sao tôi gọi cho anh? giọng của Anette Brolin.

- Có thể là cô có những lời chỉ trích tôi chẳng, thêm một lần nữa.

- Đúng. Nhưng gì nữa?

- Tôi chịu.

- Cuộc điều tra đã được xếp lại. Hồ sơ đã được chuyển cho Riga.

- Chắc không?

- Công tố viên hoàng gia và Bộ Ngoại giao đã đồng ý. Tôi vừa biết tin. Họ đang gấp rút tiến hành các thủ tục. Viên thiếu tá của anh có thể quay về Riga được rồi. Cùng với những cái xác, nếu có thể được.

- Ông ấy sẽ rất hài lòng. Tôi muốn nói là khi được trở về ấy.

- Điều đó làm anh buồn à?

- Không hề.

- Anh có thể gửi ông ấy đến chỗ tôi. Tôi đã thông báo cho Björk rồi. Anh biết ông ấy ở đâu không?

- Ông ấy đang hút thuốc trong phòng Svedberg. Tôi chưa bao giờ gặp ai hút thuốc nhiều như ông ấy.

Thiếu tá Liepa lên máy bay ngay ngày hôm sau. Hai quan tài kẹp chì được đưa đến Stockholm bằng ô tô và cũng được đưa lên một cái máy bay.

Wallander và thiếu tá chia tay ở chỗ *check-in* của sân bay Sturup. Wallander đã mang đến một món quà tạm biệt: một cuốn sách ảnh về vùng Skåne. Ông không tìm được ý tưởng nào hay ho hơn.

- Thông báo tin tức thường xuyên cho tôi nhé, ông nói.

- Đừng lo. Anh sẽ được thông tin liên tục.

Họ bắt tay. Thiếu tá biến mất.

Một người thật lạ lùng, Wallander nghĩ khi lái xe về Ystad. Minh tự hỏi không biết trong thâm tâm ông ấy nghĩ gì về mình.

Ngày hôm sau là một thứ Bảy. Wallander ngủ muộn và sau đó đến nhà bố ông. Buổi tối, ông ăn trong một quán pizza và gọi một chai rượu vang. Những ý nghĩ của ông xoay quanh một chủ đề duy nhất: chỗ làm có thể xin được ở Trelleborg. Vài ngày nữa sẽ hết hạn nộp đơn. Liệu ông có nên gửi hồ sơ dự tuyển không? Buổi sáng ngày Chủ nhật trôi qua với việc giặt giũ ở phòng giặt của tòa nhà, và công việc dọn dẹp nhà cửa nhàm chán. Tối đến, ông đến rạp chiếu phim duy nhất còn mở cửa ở Ystad, xem một bộ phim Mỹ và phải tự thú nhận là mình rất thích sự giật gân, mặc cho toàn bộ những giả tạo và quá đà của kịch bản.

Sáng thứ Hai, ông đến sở không lâu sau tám giờ. Ông vừa cởi áo vest thì Björk xuất hiện.

- Chúng ta vừa nhận được một bản telex từ Riga.

- Thiếu tá Liepa gửi à? Ông ấy nói gì?

- Không gì cả, tôi sợ là vậy.

Wallander ngẩng đầu lên, cảm thấy bị báo động vì giọng nói đầy lo lắng của Björk.

- Gì cơ?

- Thiếu tá Liepa đã bị ám sát. Đúng vào ngày ông ấy về đến nơi. Bản telex ký tên một trung tá tên là Putnis. Họ yêu cầu chúng ta giúp đỡ. Điều đó có nghĩa là anh sẽ phải đi sang đó.

Wallander ngồi xuống đọc bản telex.

Thiếu tá đã chết? Bị ám sát?

- Thật là đáng tiếc, Björk nói. Kinh khủng quá. Tôi sẽ gọi cho sếp để xin lời khuyên.

Wallander như thể bị tê liệt trong ghế pho toì. Cổ họng ông thắt lại. Kẻ nào đã giết người đàn ông cận thị nhỏ bé? Và tại sao?

Ông nghĩ đến Rydberg. Đột nhiên ông cảm thấy vô cùng cô độc.

Ba ngày sau, ông sang đến Latvia. Không lâu trước mười bốn giờ, ngày 28 tháng Hai, chiếc máy bay của hãng Aeroflot lượn một vòng rộng phía trên vịnh Riga.

Wallander ngấm nhìn mặt biển rộng lớn và tự hỏi điều gì đang chờ đợi mình.

7

Ý nghĩ đầu tiên của ông hướng tới cái lạnh.

Nhiệt độ trong sảnh đợi sân bay buồn thảm không cao hơn nhiệt độ khi bước ra khỏi máy bay. Ông đã đặt chân đến một đất nước nơi cả bên trong lẫn bên ngoài đều đông cứng, và ông tiếc vì đã không mang theo mấy cái quần len.

Hàng dài những người hành khách run rẩy chậm chạp tiến lên trước ghi sê kiểm tra hộ chiếu. In lặng phăng phắc. Chỉ có hai người Đan Mạch ồn ào phàn nàn trước về những gì đang chờ đợi họ ở Latvia. Người nhiều tuổi hơn đã từng đến Riga; ông ta miêu tả cho đồng nghiệp của mình cái hỗn hợp đáng nản của sự ác cảm và mất an ninh mà theo ông là đang ngự trị tại đất nước. Chuyện này làm Wallander bực mình. Như thể ông ngấm ngấm muốn được nhìn thấy người ta tôn trọng hơn một thiếu tá cận thị bị sát hại vài ngày trước đó.

Nhưng bản thân ông, ông biết gì về đất nước này? Một tuần trước, hẳn là ông còn chưa thể định vị được ba nước Baltic trên một tấm bản đồ. Tallinn hoàn toàn có thể là thủ đô của Latvia và Riga là một thành phố cảng của Estonia. Những

ký ức trường lớp xa xôi chỉ để lại trong ông vài mảnh nhỏ của châu Âu. Trước khi rời khỏi Ystad, ông đã tìm đọc vài quyển sách, chúng hé lộ cho ông về một đất nước nhỏ bé không ngừng làm mới cho những trò đồng đánh của Lịch sử và những xung đột của những nước lớn hơn. Cả Thụy Điển cũng đã từng nhiều lần dự phần vào đó với một sự căm quyết đẫm máu. Nhưng có vẻ như là tình hình hiện nay bắt nguồn từ mùa xuân năm 1945, khi Liên Xô, lợi dụng sự thua cuộc của Đức, đã không báo trước mà xâm chiếm và sáp nhập đất nước này. Ý muốn tạo ra một chính phủ độc lập đã bị đàn áp trong biển máu, và quân đội giải phóng đến từ phía Đông - với cái sở thích kỳ quái dành cho những đảo ngược lối bạch - đã chuyển hóa thành đối cực của chính nó: một chế độ bóp nghẹt toàn thể quốc gia Latvia, một cách lạnh lùng và đầy tính toán.

Tuy nhiên, ông vẫn thấy mình còn chưa biết gì hết. Những hiểu biết của ông chỉ là một mớ lổ hổng.

Trong lúc đó, hai người Đan Mạch, rõ ràng là làm việc trong ngành xuất nhập khẩu máy móc nông nghiệp, đã tiến đến chỗ ghi sê. Tới lượt Wallander sắp sửa trình hộ chiếu thì một bàn tay chạm nhẹ lên vai ông. Ông nhẩy dựng. Như một tên tội phạm, như một người đang sợ hãi. Ông quay lại. Một người đàn ông mặc quân phục màu ghi-xanh đang đứng trước mặt ông.

- Kurt Wallander? Tên tôi là Jazeps Putnis. Xin lỗi vì đã đến muộn, nhưng máy bay đã xuống sớm hơn lịch. Tất nhiên là chúng ta sẽ được miễn các loại thủ tục. Mời anh đi theo tôi.

Tiếng Anh của Jazeps Putnis rất chuẩn. Wallander nhớ

đến những nỗ lực thường trực của thiếu tá để tìm từ đúng và phát âm chúng một cách đúng đắn tương đối. Ông đi theo Putnis đến một cánh cửa có lính gác. Họ bước vào một cái sảnh khác, cũng u tối như vậy, và lấy một cái xe đẩy.

- Hy vọng là hành lý của anh sẽ không bị muộn quá, Putnis nói. Cho phép tôi chào mừng anh đến với Latvia. Anh đã bao giờ đến đất nước chúng tôi chưa?

- Chưa, chưa bao giờ tôi có cơ hội cả.

- Tôi những muốn chuyển đi của anh được thực hiện trong những hoàn cảnh khác hẳn. Cái chết của thiếu tá Liepa là một điều vô cùng đáng tiếc.

Wallander đợi đoạn sau, nhưng Jazeps Putnis - người, theo bản telex, đeo quân hàm trung tá - đột nhiên im lặng và rào bước đến chỗ một người đàn ông mặc bộ đồ lao động màu xanh phai màu và đội mũ da đang đứng dựa lưng vào tường. Người đàn ông đứng thẳng dậy khi Putnis nói với anh ta bằng một giọng uy quyền, và biến mất về phía trong sân bay.

- Sự chậm chạp khủng khiếp này, Putnis vừa mỉm cười vừa nói. Ở Thụy Điển có vấn đề đó không?

- Thịnh thoảng. Cũng có lúc chúng tôi phải chờ.

Trung tá Putnis hoàn toàn trái ngược với thiếu tá Liepa. Rất cao, những cử chỉ dứt khoát, gương mặt góc cạnh, và đôi mắt màu ghi dường như không để sót bất kỳ điều gì diễn ra ở xung quanh.

Wallander nghĩ đến một con thú. Có thể là một con linh miêu, hoặc một con báo, mặc quân phục màu ghi-xanh.

Ông cố đoán tuổi của trung tá. Có thể là khoảng bốn

mười. Có thể ít hơn rất nhiều.

Một cái xe đẩy móc đằng sau một cái xe kéo tiến lại gần trong một làn khói xả mù mịt. Ngay lập tức Wallander nhận ra va li của mình, nhưng không thể ngăn trung tá Putnis xách hộ. Bên ngoài, cạnh dãy taxi, một chiếc xe màu đen hiệu Volga đang đợi họ. Người lái xe đứng nghiêm chào. Wallander sững sốt, nhưng cũng phác được một động tác chào theo lối quân sự trước khi trèo lên ghế sau.

Lẽ ra Björk phải nhìn thấy cảnh này. Trong thâm tâm thiếu tá Liepa nghĩ gì về các điều tra viên Thụy Điển mặc quần jeans xanh và không bao giờ đứng nghiêm chào?

- Chúng tôi đã đặt một phòng ở khách sạn Latvia, trung tá Putnis nói trong xe. Khách sạn tốt nhất của thành phố. Hai mươi lăm tầng.

- Chắc là rất tuyệt. Tôi muốn chuyển đến anh lời chia buồn của các đồng nghiệp của tôi ở Ystad. Thiếu tá Liepa chỉ ở chỗ chúng tôi vài ngày, nhưng mọi người đều rất quý ông ấy.

- Cảm ơn. Sự ra đi của thiếu tá là một tổn thất lớn đối với tất cả chúng ta.

Lại một lần nữa, Wallander chờ đợi một đoạn tiếp theo không chịu đến.

Tại sao ông ta không nói gì thêm? Tại sao ông ta không kể cho mình chuyện đã xảy ra thế nào? Thiếu tá đã bị giết vì lý do gì, bởi bàn tay của kẻ nào, bằng cách nào... Và tại sao họ lại yêu cầu mình sang đây? Họ nghi ngờ đến một mối liên quan với chuyến đi Thụy Điển của thiếu tá chẳng?

Ông nhìn phong cảnh lướt qua. Những cánh đồng tiêu điều, trên đó tuyết xếp thành từng đám không đều đặn. Đôi lúc một ngôi nhà màu ghi, hàng rào trần trụi, một con lợn vục mõm vào một đồng phân... Một sự xám xịt không có điểm kết, làm ông nhớ đến lần tới Malmö gần đây cùng bố mình. Có thể là Skåne rất xấu xí vào mùa đông; nhưng ở đây, sự xấu xí là một nỗi trống rỗng ghê gớm, vượt xa tất cả những gì mà ông có thể hình dung.

Nỗi buồn - đó là cảm giác đến với ông khi ngấm nhìn khung cảnh đó. Như thể lịch sử đau thương của đất nước đã nhúng cái chổi lông của mình vào một thùng sơn màu ghi vô cùng lớn.

Nhưng ông không đến Riga để tự làm mình mất tinh thần vì một khung cảnh thiên nhiên.

- Tôi muốn được thông tin về tình hình càng nhanh càng tốt, ông nói. Tôi không biết gì hết, ngoài việc thiếu tá Liepa đã bị sát hại vào đúng ngày ông ấy về đến Riga.

- Khi nào anh đã lấy phòng khách sạn xong xuôi rồi, tôi sẽ ghé qua tìm anh. Tối nay sẽ có một cuộc họp.

- Tôi chỉ cần để va li lại đó thôi. Sẽ chỉ tốn khoảng hai phút.

- Cuộc họp đã được ấn định vào lúc mười chín giờ ba mươi phút, trung tá Putnis đáp, và Wallander hiểu rằng dù cho cố sức đến mấy ông cũng sẽ không thể thay đổi được kế hoạch.

Trời đã tối khi họ đi ngang qua khu ngoại ô Riga. Wallander ngấm nhìn những vùng dân cư ẩm đạm trải dài hai

bên đường đi. Ông không biết phải nghĩ gì về những điều đang chờ đợi mình.

Khách sạn nằm ở trung tâm, cuối một lối đi rộng. Ông nhìn thấy một bức tượng và nhận ra Lênin. Khách sạn Latvia dựng đứng như một cây cột màu xanh thẫm vươn về phía bầu trời.

Trung tá Putnis dẫn ông vào sảnh đợi không một bóng người. Wallander có cảm giác đang ở trên một bãi đỗ xe được cải tạo qua quýt thành khách sạn. Dọc tường, một hàng thang máy nhấp nháy đèn; các cầu thang dẫn về mọi hướng.

Ông không cần chìa khóa. Trung tá Putnis cầm lấy cái chìa khóa mà nhân viên trực chìa cho. Họ đi thang máy lên đến tầng mười lăm. Phòng của Wallander mang số 1506, nhìn xuống các mái nhà của thành phố. Liệu ban ngày từ đây có thể nhìn được ra đến vịnh Riga không?

Trung tá Putnis để ông lại một mình sau khi đã hỏi ông có hài lòng về căn phòng không. Hai tiếng nữa ông ta sẽ quay lại để chở ông đến đại bản doanh của cảnh sát.

Đứng cạnh cửa sổ, Wallander ngắm nhìn những mái nhà trải dài dưới mắt. Không khí lạnh của đêm lọt vào phòng qua những ô cửa kính lắp không khít. Lò sưởi chỉ hơi ấm một chút. Một cái điện thoại đồ chuông không ngừng kêu đó.

Quần len, ông nghĩ. Thứ đầu tiên phải mua vào sáng mai.

Ông lấy đồ từ va li ra, xếp mấy thứ vật dụng vệ sinh cá nhân vào phòng tắm rộng mênh mông. Ông đã mua một chai whisky ở sân bay. Ông do dự, rồi rót một chút vào cái cốc

thủy tinh Liên Xô và bật cái đài do Liên Xô sản xuất đặt trên bàn cạnh giường. Đài phát giọng của một người đàn ông đang phấn khích, như thể anh ta đang bình luận một trận thi đấu thể thao đến đoạn cao trào. Wallander kéo tấm vải phủ giường ra và nằm xuống.

Giờ đây mình đã ở Riga. Mình vẫn chưa biết chuyện gì đã xảy ra cho thiếu tá Liepa, cũng như điều mà trung tá Putnis chờ đợi ở mình.

Trời quá lạnh không sao nằm im một chỗ được. Ông quyết định lấy thang máy xuống quầy tiếp tân để đổi tiền. Không biết khách sạn có quán bar để uống một tách cà phê không?

Ở dưới, ông ngạc nhiên nhận ra hai nhà kinh doanh Đan Mạch lúc ở sân bay đã làm ông khó chịu. Người già hơn hua hua một tấm bản đồ thành phố trước mặt nhân viên tiếp tân. Như thể ông ta đang chỉ cho người kia cách gấp một con chim giấy, và thiếu điều thì Wallander phá lên cười. Rồi ông nhìn thấy tấm biển của quầy đổi tiền. Một người phụ nữ đứng tuổi tươi cười cầm lấy hai tờ một trăm đô la của ông và đưa lại cho ông một xấp tiền dày. Khi ông quay lại chỗ tiếp tân, hai người Đan Mạch đã đi khỏi. Đáp lại câu hỏi của ông, cô nhân viên chỉ vào phòng ăn rộng mênh mông. Một người phục vụ dẫn ông đến một cái bàn gần cửa sổ và chìa cho ông một tờ thực đơn. Ông gọi món trứng rán và một tách cà phê. Bên ngoài, ông nhìn thấy những người quần áo kín mít và những chuyến tramway đung đưa qua lại. Những mảnh bật nặng nề bay phàn phật theo gió.

Ông nhìn xung quanh. Một cặp đứng tuổi đang im lặng

ăn tối, một người đàn ông mặc com lê xám ngồi một mình uống trà. Không còn ai khác trong quán nữa.

Wallander nhớ lại những sự kiện xảy ra vào ngày hôm trước. Ông đã lên máy bay ở Sturup. Ở Stockholm, ông đi xe bus của sân bay đến ga trung tâm, nơi Linda đã đợi sẵn. Ông đã đặt hai phòng ở khách sạn Central, khu Vasagatan; một cho ông và một cho Linda, để cô khỏi phải đi về tận Bromma - khu ngoại ô nơi cô có một căn phòng sinh viên. Buổi tối, ông dẫn cô đi ăn tối trong khu phố cổ. Họ đã không gặp nhau từ nhiều tháng, và cuộc nói chuyện hết sức rời rạc. Ông cảm thấy sự lo lắng xâm chiếm mình. Trong thư, cô nói cô thích ở Stockholm. Nhưng giờ đây, khi ông có dịp hỏi thẳng cô điều đó, cô lại gần như không muốn trả lời. Khi ông hỏi cô, không hoàn toàn che giấu được sự bức bối của mình, rằng cô có những dự định gì, thì cô đáp là cô không biết.

- Con không cho là đã đến lúc nghĩ đến tương lai rồi à?

- Việc đó thì không đến lượt bố phải lo.

Cuộc tranh cãi nổ ra. Không lên giọng, ông nói với cô rằng cô không thể tiếp tục lang thang vô định từ ngành học này sang ngành học khác như vậy, và cô trả lời rằng cô đã đủ lớn để có thể làm những gì mà cô thích.

Đột nhiên ông nghĩ Linda giống hệt ông. Theo cách nào? Ông không biết. Nhưng cảm giác nhận ra giọng nói của chính mình ở con gái... Điều gì đó đang lặp lại. Điều gì đó thuộc mối quan hệ phức tạp với bố ông.

Đó là một bữa tối dài, đắm rượu vang. Dần dần, sự căng thẳng biến mất. Wallander nói với cô về chuyến đi và suýt nữa đề nghị cô đi cùng. Quá nửa đêm ông mới thanh toán tiền ăn. Mặc dù trời lạnh, họ vẫn đi bộ về khách sạn, bước đi lằng lằng, và sau đó chuyện gẫu trong phòng ông cho tới ba giờ sáng. Khi cuối cùng cô cũng đi khỏi, Wallander có cảm giác dù sao đó cũng là một buổi tối tốt đẹp. Nhưng ông không chắc lắm. Lúc nào cũng là sự lo lắng âm ỉ đó, rằng ông không biết thực sự con gái mình ra sao, cuộc đời của nó như thế nào...

Khi ông rời khách sạn vào sáng hôm sau, cô vẫn còn đang ngủ. Ông trả tiền hai phòng và viết một bức thư ngắn mà nhân viên tiếp tân hứa sẽ đưa lại cho Linda.

Ông bị kéo ra khỏi cơn mộng tưởng khi cặp đứng tuổi rời khỏi phòng ăn. Trong khoảng thời gian đó không có ai vào thêm. Còn lại người đàn ông ngồi một mình trước tách trà. Ông nhìn đồng hồ đeo tay. Còn phải chờ thêm gần một tiếng nữa.

Ông gọi thanh toán, trong óc tìm cách chuyển đổi số tiền ghi trên giấy tính tiền và thấy rằng đó là một món tiền thật khô khan. Về đến phòng, ông giờ một phần tài liệu mang theo ra đọc. Chầm chậm, ông quay trở lại cuộc điều tra - cuộc điều tra mà ông cứ ngỡ đã hoàn toàn xếp được vào kho hồ sơ lưu trữ. Ông lại tưởng như ngửi thấy lại mùi thuốc lá của thiếu tá.

Trung tá Putnis gõ cửa phòng ông vào lúc mười chín giờ mười lăm phút. Xe ô tô đợi trước khách sạn. Họ đi ngang qua

thành phố cho đến trụ sở cảnh sát. Không có mấy người trên đường phố tối om. Wallander có cảm giác mình đang nhìn thấy những hình nhân cắt bằng bìa các tông đi đi lại lại. Xe vượt qua một cánh cổng khổng lồ và dừng lại ở một thứ giống như sân trong của một pháo đài. Trung tá Putnis không nói năng gì trong suốt quãng đường và Wallander vẫn tiếp tục chờ đợi được biết lý do khiến mình có mặt tại Riga. Họ đi dọc theo những hành lang vắng lặng, xuống một đoạn cầu thang, đi vào một hành lang khác. Cuối cùng trung tá Putnis dừng lại trước một cánh cửa rồi, không hề gõ, mở nó ra.

Wallander bước vào một căn phòng lớn ấm áp nhưng không nhiều ánh sáng, đặt ở giữa một bàn hợp hình ô van trải dạ xanh lá cây. Mười hai cái ghế đặt xung quanh. Ở giữa bàn là một bình nước và mấy cái cốc.

Một người đang đợi trong bóng tối. Ông ta quay đầu lại khi Wallander bước vào và tiến đến chỗ họ.

- Xin chào mừng anh đến Riga. Tên tôi là Juris Murniers.
- Trung tá Murniers và tôi phụ trách cuộc điều tra về cái chết của thiếu tá Liepa, Putnis nói thêm.

Wallander nhận ra ngay sự căng thẳng giữa hai người.

Trung tá Murniers khoảng năm mươi tuổi. Mái tóc màu ghi cắt ngắn, một khuôn mặt nhợt nhạt và phì phệ như thể ông ta bị bệnh béo phì. Người ông ta thấp gọn và đi lại không tiếng động.

Lại một con thú họ nhà miêu nữa. Hai con mèo mặc quân phục màu xám.

Wallander và Putnis cởi áo măng tô rồi ngồi xuống.

Murniers lên tiếng. Ông ta ngồi ở chỗ cả khuôn mặt bị che khuất. Giọng nói vang lên, một thứ tiếng Anh cầu kỳ, như thể phát ra từ bóng tối. Trung tá Putnis nhìn thẳng ra trước mặt, như thể đang không thực sự lắng nghe.

- Cái chết của thiếu tá vẫn là một câu đố, Murniers bắt đầu. Ngay hôm từ Stockholm về, ông ấy đã báo cáo cho chúng tôi. Chúng tôi ngồi trong căn phòng này, trung tá Putnis, thiếu tá và tôi. Sau đó chúng tôi đã bàn luận về cuộc điều tra; kết luận cuối cùng là thiếu tá sẽ phụ trách vụ đó. Chúng tôi chia tay nhau vào khoảng mười chín giờ. Sau này, chúng tôi được biết là thiếu tá Liepa đã về thẳng nhà, sau cuộc họp. Theo lời kể của vợ ông ấy, ông ấy vẫn bình thường, không có gì thay đổi. Hài lòng vì được về nhà, dĩ nhiên rồi. Họ ăn tối cùng nhau và ông ấy kể lại mấy ngày ở Thụy Điển. Ngoài ra có vẻ như là anh đã tạo cho ông ấy một ấn tượng rất tốt, thua thanh tra Wallander. Không lâu trước hai mươi ba giờ, khi họ chuẩn bị đi ngủ, điện thoại đổ chuông. Vợ ông ấy không thể nói cho chúng tôi người gọi đến là ai. Nhưng thiếu tá đã mặc lại quần áo và nói ông ấy phải quay lại đại bản doanh. Bà ấy không thấy ngạc nhiên lắm. Ông ấy không nói ai gọi điện và cũng không nói tại sao phải đi vào lúc nửa đêm như vậy.

Murniers ngừng lời và chìa tay về phía bình nước. Wallander liếc nhìn Putnis, người vẫn tiếp tục nhìn thẳng ra trước mặt.

- Phần tiếp theo thì rất mù mờ, Murniers tiếp tục. Sáng sớm hôm sau, các công nhân cảng tìm thấy xác thiếu tá Liepa ở khu Daugavgriva - khu vực xa nhất của cảng Riga. Ông ấy

nằm trên ke. Sau đó chúng tôi nhận ra ông ấy đã bị một vật cứng đập vỡ đầu, một thanh sắt hoặc một tảng gỗ. Theo các bác sĩ pháp y, ông ấy đã bị sát hại một hoặc hai giờ sau khi rời khỏi nhà. Đó là tất cả những gì chúng tôi biết. Không có nhân chứng nào nhìn thấy ông ấy, cả ở cảng cũng như các nơi khác. Đó là một câu đố. Ở đất nước chúng tôi gần như không bao giờ có chuyện một cảnh sát bị giết. Nhất là một cảnh sát ở cấp bậc cao như ông ấy. Tất nhiên là chúng tôi muốn tìm được kẻ hoặc những kẻ sát nhân trong thời gian ngắn nhất.

- Như vậy là cú điện thoại không phải là của cảnh sát à?

- Không, Putnis vội trả lời. Chúng tôi đã kiểm tra điều đó. Đại úy Kozlov - sĩ quan trực đêm hôm ấy - đã khẳng định là không hề gọi cho thiếu tá Liepa.

- Còn lại hai khả năng.

Putnis gật đầu.

- Đúng vậy, ông ta nói. Hoặc là ông ấy đã nói dối vợ. Hoặc là ông ấy bị giăng bẫy.

- Ở giả thuyết thứ hai, hẳn là ông ấy phải nhận ra giọng nói. Ít nhất, tác giả cuộc gọi cũng phải nói theo cách nào đó để ông ấy không cảm thấy nghi ngờ.

- Đó cũng là điều mà chúng tôi nghĩ.

- Chúng ta không thể loại trừ khả năng về một liên hệ với chuyển công cán Thụy Điển của ông ấy, Murniers nói vọng ra từ chỗ ngồi lún sâu trong bóng tối của mình. Đó chính là lý do khiến chúng tôi phải nhờ đến sự giúp đỡ của anh, thưa thanh tra Wallander. Hướng đi nào cũng cần phải tính đến. Anh sẽ có được từ phía chúng tôi mọi hỗ trợ cần thiết.

Murniers đứng dậy.

- Tôi đề nghị tối nay chúng ta dừng lại ở đây. Chắc là anh mệt lắm sau khi phải đi xa đến vậy.

Wallander hoàn toàn không cảm thấy mệt. Ông rất sẵn sàng làm việc cả đêm nếu cần. Nhưng khi cả Putnis cũng đứng dậy, ông hiểu rằng cuộc họp đã kết thúc.

Murniers nhấn vào một cái nút gắn ở rìa bàn. Cửa mở ngay ra và một cảnh sát trẻ tuổi mặc đồng phục xuất hiện.

- Đây là trung sĩ Zids, Murniers nói. Cậu ấy sẽ là lái xe cho anh trong thời gian anh ở Riga.

Zids đứng nghiêm chào. Wallander không có tâm trí đâu để tìm ra một cách chào nào khác ngoài một cái gật đầu. Vì Putnis và Murniers không mời ông đi ăn tối, ông hiểu rằng mình được tự do làm gì thì làm. Ông đi theo Zids ra đến ngoài sân, nơi cái lạnh khô khốc túm chặt lấy ông; sự tương phản với cái nóng nực trong phòng họp thực sự dữ dội. Ông trèo lên ghế sau một chiếc xe màu đen. Zids đóng cửa lại.

- Lạnh quá, Wallander nói khi họ đi qua cổng.

- Vâng, thưa trung tá. Vào thời gian này ở Riga rất lạnh.

Trung tá. Có vẻ như là với anh ta không thể có chuyện một cảnh sát Thụy Điển lại có cấp bậc thấp hơn Putnis và Murniers. Ý nghĩ đó làm ông thấy vui. Rồi ông nghĩ rằng các đặc ân chắc chắn là thứ người ta quen được nhanh nhất. Ôtô kèm tài xế, sự kính trọng, quan tâm theo mọi cách...

Trung sĩ Zids lái khá nhanh. Wallander không hề cảm thấy mệt. Viên cảnh sát phòng khách sạn lạnh giá làm ông thấy sợ.

- Tôi đói, ông nói. Chỉ cho tôi một quán ăn ngon không đắt quá đi.

- Quán ngon nhất là quán ở khách sạn Latvia.

- Tôi ăn ở đó rồi.

- Đó là quán ngon nhất, Zids nhắc lại, ngoặt tay lái thật mạnh để tránh một chiếc tramway vừa đi ra từ một phố ngang.

Wallander vẫn cố nằn nì.

- Chắc là cũng phải có hơn một quán ăn đáng giá trong một thành phố một triệu dân chứ.

- Đồ ăn không ngon đâu. Trừ ở khách sạn Latvia.

Rõ ràng là mình không có lựa chọn. Có thể anh ta đã nhận được lệnh không thả cho mình tự do trong thành phố chẳng? Có vẻ như là một người tài xế, ở một số trường hợp, lại chủ yếu là một cái xiềng ngăn cản với tự do.

Zids dừng xe trước khách sạn. Wallander không có thời gian chìa tay về phía chốt cửa; viên trung sĩ đã mở cửa xong rồi.

- Trung tá muốn tôi đến đón vào mấy giờ sáng mai?

- Tám giờ đi, Wallander nói.

Sảnh đợi của khách sạn còn có vẻ hoang vắng hơn cả hồi đầu buổi tối. Tiếng vọng của một thứ nhạc xa vắng vẳng đến tai ông. Ông lấy chìa khóa và hỏi phòng ăn còn mở không. Người gác đêm - mí mắt nặng trĩu và màu da tái nhợt làm ông nhớ đến trung tá Murniers - gật đầu. Wallander lợi dụng lúc đó để hỏi nhạc vọng đến từ đâu.

- Ở night-club đang có khiêu vũ, người gác đêm trả lời, giọng ngái ngủ.

Khi đi khỏi quầy tiếp tân, Wallander nhìn thấy một người đàn ông mà ông nhận ra ngay: người ngồi uống trà một mình trong phòng ăn. Lúc này, anh ta đang ngồi trên một cái ghế băng cũ đọc một tờ báo. Không nghi ngờ gì nữa, vẫn là anh ta.

Mình bị theo dõi, giống như trong thứ tiểu thuyết hạng bét về thời chiến tranh lạnh, bởi một kẻ mặc com lê xám vờ tỏ ra là đang vô hình. Có vẻ như là Putnis và Murniers không tin tưởng. Nhưng theo họ thì mình có thể làm được gì chứ?

Phòng ăn không kém vắng vẻ hơn so với lúc trước là bao. Vài người đàn ông mặc com lê sẫm màu hạ giọng nói chuyện với nhau quanh một cái bàn dài. Wallander ngạc nhiên vì lại được dẫn đến đúng chỗ cũ. Ông ăn một món canh rau kèm với sườn. Ngược lại, bia Latvia có vị khá ngon. Ông cảm thấy bồn chồn; ông quyết định không đợi cà phê mà đi tìm nightclub của khách sạn luôn. Người đàn ông mặc com lê xám vẫn ngồi trên cái ghế băng.

Đột nhiên Wallander có cảm giác đang ở trong một mê cung. Một ma trận những cầu thang như thể không dẫn đi đâu đưa ông đến trước lối vào phòng ăn. Ông tìm cách định hướng theo tiếng nhạc và cuối cùng cũng nhìn thấy một tấm pa nô màu ở cuối một hành lang. Một người đàn ông mở cửa cho ông, miệng lẩm bẩm điều gì đó không thể hiểu nổi bằng tiếng Latvia. Ông bước vào một quán bar. Không khí hoàn toàn trái ngược với phòng ăn. Ở đây đông nghẹt người. Sau tấm màn ngăn quầy bar và sàn nhảy, một dàn nhạc đang chơi một bản nhạc chói tai. Wallander nghĩ là mình nhận ra một trong những thành công của ban nhạc Abba. Không khí ngột

ngạt; ông lại nhớ đến những điều thuốc lá của thiếu tá. Chặt vật đi đến được một cái bàn không có người ngồi, ông cảm thấy có những cái nhìn đang dán chặt lên người mình. Ông có tất cả các lý do để thận trọng. Ở những nước Đông Âu, các hộp đêm nổi tiếng là hang ổ của các băng nhóm kiếm sống bằng cách lột tiền của khách du lịch phương Tây.

Ông phải hét lên mới gọi được đồ uống. Vài phút sau một cốc whisky hiện ra trên bàn. Giá tiền gần bằng cả bữa ăn ông vừa dùng. Ông hít ngửi cái cốc, tưởng tượng ra một âm mưu đánh thuốc độc vào rượu - và nhần nhin nâng cốc tự chúc mừng.

Cô gái bất ngờ hiện ra. Ông chỉ nhìn thấy sự có mặt của cô khi cô cúi xuống sát người ông. Nước hoa cô dùng làm ông nhớ đến những quả táo mùa đông. Cô nói với ông bằng tiếng Đức, rồi, vì ông lắc đầu, bằng một thứ tiếng Anh ngập ngừng, kém hơn rất nhiều so với tiếng Anh của thiếu tá. Ông nghĩ là mình hiểu cô đang đề nghị được ngồi với ông và đang muốn uống gì đó. Ông cảm thấy sững sốt. Chắc là một cô gái điếm... Ông cố đuổi ý nghĩ đó đi. Trong cái thành phố lạnh lẽo này, ông muốn được nói chuyện với ai đó không phải là cảnh sát. Một cốc, tại sao lại không? Ông là người định ra các giới hạn cơ mà. Với điều kiện không được say bí tỉ. Khi điều đó xảy đến, tất nhiên là rất hiếm khi, ông có khả năng làm tất cả. Lần cuối cùng là cái đêm khi, trong một cơn phấn khích trộn lẫn với điên giân, ông đã lao vào nữ công tố viên Anette Brolin⁽¹⁾.

1. Chi tiết trong *Những kẻ sát nhân vô diện*.

Ông run rẩy khi nhớ lại chuyện ấy. Sẽ không bao giờ như thế nữa. Nhất là không phải ở đây, ở Riga này.

Cùng lúc đó, ông không thể chối rằng sự chú ý của cô gái này làm ông thấy hãnh diện.

Nhưng cô ta đến sớm quá. Mình mới chỉ vừa đến nơi, mình vẫn còn chưa quen được với cái đất nước kỳ lạ này.

- Không phải tối nay, ông nói. Có thể là mai.

Khi nhìn cô, đột nhiên ông nhận ra cô còn chưa đến hai mươi tuổi. Dưới lớp phấn son trang điểm, ông thoáng nhìn thấy một khuôn mặt nhắc ông nhớ tới con gái mình.

Ông uống hết cốc rượu, đứng dậy và rời khỏi quán bar.

Thiếu điều thì đã có chuyện. Mình phải chú ý mới được.

Trong sảnh, người đàn ông mặc đồ xám vẫn ngồi đọc báo. *Ngủ ngon nhé, chắc chắn chúng ta sẽ còn gặp lại.*

Wallander loay hoay suốt đêm. Cái chăn quá nặng, đệm thì không êm... Tận sâu trong cơn mộng mị, ông nghe thấy tiếng một cái điện thoại đổ chuông không ngừng. Ông muốn dậy để trả lời, nhưng khi rút cuộc cũng mở được mắt ra, thì tất cả đều im ắng.

Ông bị đánh thức bởi tiếng gõ cửa.

- Vào đi! ông hét lên.

Lại có tiếng gõ. Ông nhận ra chìa khóa vẫn nằm trong ổ. Ông mặc quần dài và ra mở cửa. Một người phụ nữ mặc áo bờ lu bê một cái khay đựng đồ ăn sáng. Ông ngạc nhiên; ông không hề gọi đồ ăn. Nhưng có thể đó là một trong những cái

lệ của khách sạn. Trừ khi trung sĩ Zids đã tự ý lo chuyện đó?

Người phục vụ phòng chào ông bằng tiếng Latvia. Ông cố nhớ câu đó. Cô đặt cái khay lên bàn, rụt rè mỉm cười và định đi ra. Wallander đi theo sau cô để khóa cửa lại.

Mọi chuyện diễn ra rất nhanh. Thay vì đi ra, cô đóng cửa và quay đầu lại, một ngón tay đặt lên môi. Rồi cô rút từ trong túi ra một tờ giấy. Wallander muốn phản đối nhưng cô lấy tay bịt miệng ông lại. Ông nhận ra rất rõ ràng là cô đang sợ, rằng chắc chắn cô không phải là người phục vụ, nhưng không hề có ý đe dọa ông. Ông cầm lấy tờ giấy và đọc những gì viết bằng tiếng Anh trên đó. Ông chậm rãi đọc lại, ghi nhớ nó. Rồi ông nhìn cô. Lúc này cô chìa cho ông một thứ khác, giống như một tờ poster vo lại. Ông gỡ ra. Đó là bìa bao cuốn sách ảnh về vùng Skåne mà tuần trước ông vừa tặng cho thiếu tá Liepa. Ông lại nhìn cô. Trên khuôn mặt cô, ngoài nỗi sợ, có một biểu hiện hoàn toàn khác, một ý chí mạnh mẽ, có thể là sự thách thức. Ông đi ngang phòng, lấy một cái bút chì trên bàn và viết ba từ vào sau cái bìa sách chụp nhà thờ lớn Lund. *I have understood*. Tôi đã hiểu. Ông chìa cho cô, nghĩ rằng Baiba Liepa hoàn toàn không giống như ông từng tưởng tượng. Nhưng thật ra ông đã tưởng tượng điều gì vào buổi tối khi thiếu tá, ngồi trên ghế sofa nhà ông khu Mariagatan ở Ystad, nói về vợ mình, bảo rằng tên cô là Baiba?

Ông húng hắng ho. Cô đã nhẹ nhàng mở cửa. Rồi biến mất.

Cô đã đến vì cô muốn nói với ông về thiếu tá, chồng cô. Cô sợ. Sẽ có người gọi điện đến phòng ông, hỏi *Mr. Eckers*.

Khi đó ông sẽ phải đi thang máy xuống đến quầy tiếp tân, rồi theo cầu thang dẫn đến chỗ tắm hơi của khách sạn. Ông sẽ tìm thấy, cạnh lối vào phụ của phòng ăn, một cánh cửa bằng sắt màu ghi không khóa. Cánh cửa đó dẫn ra ngoài đường, phía sau khách sạn. Cô sẽ chờ ông ở đó.

Please, cô đã viết. Please, please. Giờ đây ông đã hoàn toàn chắc chắn được là khuôn mặt cô không chỉ biểu hiện nỗi sợ, mà cả sự thách thức, có thể là cả sự căm ghét.

Chuyện này vượt quá tất cả những gì mà mình có thể tưởng tượng. Cần phải có đến một nữ sú giả trong vai người phục vụ mới làm mình hiểu ra được. Mình vẫn không ngừng quên mất là mình đang ở trong một thế giới khác.

Không lâu trước tám giờ, ông đi thang máy xuống tầng trệt.

Người đàn ông đọc báo đã biến mất. Một người khác đang đứng ngó nghiêng ở giá bán bưu ảnh.

Wallander ra ngoài phố. Thời tiết đã dịu lại một chút. Trung sĩ Zids, đứng cạnh xe, chào ông. Ông trèo lên ghế sau. Trời bắt đầu sáng ở Riga. Giao thông nhộn nhịp, buộc viên trung sĩ phải đi chậm lại.

Trong óc, Wallander nhìn thấy khuôn mặt Baiba Liepa.

Rồi, dù không có gì báo trước, cái sợ thắt chặt lấy người ông.

8

Tám giờ rưỡi, Wallander phát hiện Murniers hút cùng loại thuốc lá nặng với thiếu tá Liepa. Ông nhận ra nhãn hiệu - PRIMA - trên cái bao mà trung tá vừa rút ra từ túi áo quân phục và đặt lên mặt bàn.

Ông lại có, và còn mạnh hơn lúc còn ở khách sạn, cảm giác đang ở trung tâm một mê cung. Trung sĩ Zids dẫn ông vào một ma trận cầu thang trước khi dừng lại trước một cánh cửa - cửa phòng Murniers. Giống như một trò chơi đánh lạc hướng che giấu một ý đồ được nghiền ngẫm kỹ từ trước. Chắc chắn là có một lối đi khác đơn giản hơn để đến được phòng làm việc của viên trung tá; nhưng họ không muốn ông biết.

Căn phòng khá hẹp và được bày biện theo lối Sparta⁽¹⁾. Một chi tiết khiến Wallander chú ý: có không ít hơn ba cái điện thoại. Sát một trong các bức tường dựng một cái tủ đựng tài liệu xập xệ. Trên bàn làm việc, ngoài mấy cái điện thoại, ông nhìn thấy một cái gạt tàn lớn bằng gang trang trí họa tiết

1. Ý nói đơn sơ, khắc kỷ.

rối rắm. Một đôi thiên nga, đầu tiên ông cứ nghĩ vậy. Rồi ông nhận ra đó là một người đàn ông hai cánh tay cơ bắp cuộn cuộn đang cầm một lá cờ đi ngược chiều gió.

Gạt tàn, điện thoại... nhưng không hề có giấy. Mành của hai cái cửa sổ cao, sau lưng trung tá, hạ xuống một nửa. Hoặc giả chúng bị hỏng chẳng?

Wallander ngấm nhìn chúng và nghĩ đến cái tin quan trọng mà Murniers vừa thông báo với ông.

- Chúng tôi đã bắt được một kẻ tình nghi. Trong đêm, những tìm kiếm của chúng tôi đã mang lại kết quả mà chúng tôi mong đợi.

Wallander cứ nghĩ ông ta đang nói đến kẻ giết thiếu tá. Nhưng té ra là Murniers nói đến những người nằm trên cái xuống.

- Hẳn ta là thành viên một băng nhóm có chân rết ở Tallinn và Vacsava. Chuyên về buôn lậu, ăn cắp, đột nhập, tất cả những gì mang lại tiền. Thời gian gần đây, bọn chúng cũng dính dáng cả vào hoạt động buôn ma túy mới bắt đầu bùng phát tại đất nước chúng tôi. Trung tá Putnis đang thẩm vấn hắn. Chúng ta sẽ còn biết được nhiều điều hơn nữa.

Ông ta nói những từ sau cùng với một vẻ tự tin bình thản, như một lời nhận định được nâng đỡ bằng cả một kinh nghiệm dày dặn. Wallander nhìn thấy ngay một người đàn ông đang bị trung tá Putnis chậm rãi dùng những ngón đòn tra tấn rút tĩa từng lời thú tội. Ông biết gì về cảnh sát Latvia? Liệu có tồn tại một giới hạn cho các phương pháp được cho phép dưới một chế độ độc tài? Latvia có phải là một nước độc tài?

Ông lại nghĩ đến khuôn mặt Baiba Liepa, đến biểu hiện của khuôn mặt ấy. Nỗi sợ, và rồi ngược lại nỗi sợ.

Ai đó sẽ gọi cho ông, hỏi tên Mr. Eckers. Ông sẽ phải đến.

Murniers mỉm cười, như thể không gặp khó khăn gì trong việc đọc thấu những suy nghĩ của viên cảnh sát Thụy Điển. Wallander tìm cách bảo vệ bí mật của mình bằng cách tung ra một thông tin không dính dáng gì đến sự thật.

- Thiếu tá Liepa đã nói với tôi rằng ông ấy lo lắng cho sự an toàn của mình. Nhưng ông ấy không nói rõ các lý do của sự lo lắng ấy. Đó là một trong những câu trả lời mà trung tá Putnis phải tìm cách có được. Liệu có tồn tại một liên hệ trực tiếp giữa những người trên cái xuống và vụ ám sát thiếu tá Liepa không?

Ông nghĩ là mình nhận ra một thay đổi rất nhỏ trong cách biểu cảm của Murniers. Như vậy điều ông vừa nói chứa đựng một chi tiết chưa được tính đến. Nhưng đó là chi tiết nào? Ông quyết định nói tiếp.

- Điều gì đã đẩy thiếu tá Liepa đi ra khỏi nhà vào giữa đêm? Kẻ nào có thể có lý do để giết ông ấy? Cần phải hướng đến một động cơ ở mức độ cá nhân. Điều này lúc nào cũng đúng, ngay cả ở trường hợp của một nhân vật chính trị thuộc loại quan trọng nhất. Đó là chuyện đã xảy đến với Kennedy, hoặc là với Thủ tướng Thụy Điển, bị bắn hạ giữa phố cách đây vài năm.⁽¹⁾ Hẳn là các anh đã nghĩ đến giả thuyết đó rồi, và đã

1. Ý nói Olof Palme, bị ám sát năm 1986.

biết là không phải vậy. Nếu không phải thì các anh đã không gọi tôi đến rồi.

- Chính xác, thưa thanh tra Wallander. Thiếu tá Liepa rất hạnh phúc trong cuộc sống gia đình. Ông ấy không hề mắc nợ. Ông ấy không đánh bạc, không có tình nhân. Đó là một cảnh sát chu đáo, tin rằng mình đang làm việc để phụng sự đất nước. Quả thực chúng tôi nghĩ rằng cái chết của ông ấy có liên quan đến công việc của ông ấy. Thời gian gần đây, ông ấy tập trung hoàn toàn vào cuộc điều tra về cái xuồng dạt vào bờ biển Thụy Điển. Chính vì vậy mà chúng tôi đã gọi anh. Có thể ông ấy đã nói với anh điều gì đó mà ông ấy không có thời gian hoặc ý định nói cho chúng tôi khi từ đó quay về chăng? Chúng tôi cần phải biết.

- Thiếu tá Liepa đã nói đến ma túy. Ông ấy đã nhắc đến việc các sản phẩm amphetamin gần đây lan tràn tại các nước Đông Âu. Ông ấy tin là hai người đàn ông kia là nạn nhân của một vụ thanh toán nội bộ. Nhưng đó có phải là một vụ trả thù không? Hay là một cách để moi thông tin, và đã thất bại? Mặt khác, ông ấy ngờ rằng cái xuồng có chở ma túy, và đó chính là lý do khiến nó bị đánh cắp khỏi sở cảnh sát chúng tôi. Nhưng chúng tôi còn chưa nối kết được các chi tiết ấy theo một cách thức khả dĩ.

- Tôi hy vọng rằng trung tá Putnis sẽ có được những câu trả lời mà chúng ta còn thiếu. Anh ấy rất có năng lực trong việc đó. Trong lúc ấy, tôi đề nghị anh đến xem hiện trường vụ án mạng. Trung tá Putnis sẽ không do dự đầu tư rất nhiều thời gian cho một cuộc thẩm vấn nếu cần thiết đâu.

- Cái bờ ke nơi người ta tìm thấy cái xác có phải là hiện trường vụ án không?

- Không có gì chỉ ra điều ngược lại. Đó là một nơi rất vắng vẻ. Trong đêm, khu vực cảng không có một bóng người.

Không, Wallander nghĩ. Hẳn là thiếu tá sẽ chống cự. Sẽ rất khó lôi kéo được ông ấy đến tận bờ ke đó. Lập luận liên quan đến một nơi vắng vẻ không đứng vững.

- Tôi muốn gặp người vợ góa của thiếu tá Liepa, ông nói. Tôi nghĩ rằng các anh đã nghe bà ấy nói nhiều lần, nhưng với tôi một cuộc nói chuyện với bà ấy có thể sẽ rất có ích.

- Vâng, Murniers nói. Chúng tôi đã nghe bà ấy nói hết sức chi tiết. Nhưng nếu anh muốn, dĩ nhiên chúng tôi sẽ tổ chức cho anh gặp bà ấy.

Buổi sáng lạnh giá và xám xịt. Trung sĩ Zids đã nhận được lệnh liên hệ với Baiba Liepa trong khi Wallander và trung tá Murniers đi đến khu vực cảng.

Họ đi dọc theo sông, ngồi ở ghế sau xe của Murniers, rộng và êm ái hơn nhiều so với chiếc xe được giao phục vụ Wallander.

- Giả thuyết của anh là gì?

- Ma túy, Murniers trả lời không ngần ngại. Những kẻ có thể lực nhất trong ngành này có riêng những đội quân vệ sĩ, gần như tất cả đều là con nghiện sẵn sàng làm bất cứ điều gì để có thuốc. Có thể bọn trùm đó cho rằng thiếu tá Liepa đã sắp vô được chúng.

- Có thật là như vậy không?

- Không. Nếu không, chắc chắn là khoảng một chục sĩ

quan cao cấp đã phải nằm trong danh sách đen trước ông ấy. Thiếu tá chưa bao giờ phụ trách các vụ việc liên quan đến ma túy. Hoàn toàn vì tình cờ mà ông ấy được chọn để gửi sang Thụy Điển.

- Thiếu tá Liepa thường phụ trách loại vụ việc như thế nào?

Mất Murniers không rời khỏi phong cảnh đang lướt qua bên ngoài cửa xe.

- Đó là một điều tra viên rất giỏi. Mới đây ở Riga xảy ra vài vụ án kinh khủng. Thiếu tá Liepa đã xuất sắc vượt qua tất cả các trở ngại và tìm được thủ phạm. Chúng tôi thường phải gọi đến ông ấy ở những vụ mà các điều tra viên khác, dù cũng rất có kinh nghiệm, đã thất bại.

Xe dừng ở một chỗ đèn đỏ. Wallander ngấm nhìn một nhóm người đang run rẩy vì lạnh ở một bên xe bus. Ông có cảm giác xe bus sẽ không bao giờ đến.

- Ma túy, ông nói sau một lúc im lặng. Với chúng tôi, ở phương Tây, là một mối lo lắng rất cũ. Với các anh thì lại là một vấn đề mới.

- Không hoàn toàn. Sự mới mẻ chủ yếu nằm ở tầm vóc của hiện tượng. Việc mở các biên giới đã tạo ra một trào lưu và hé lộ một thị trường cho đến khi đó còn chưa tồn tại. Tôi sẵn sàng công nhận rằng đã có lúc chúng tôi cảm thấy bất lực. Sẽ phải tăng cường hợp tác với cảnh sát các nước Tây Âu, bởi vì một phần lớn số lượng ma túy trung chuyển qua Latvia hướng đến các thị trường đó. Vẫn luôn là câu chuyện về các loại ngoại tệ mạnh. Với chúng tôi, không phải bàn cãi gì nữa,

Thụy Điển là một trong các thị trường được các băng nhóm Latvia thèm muốn nhất, vì những lý do hết sức hiển nhiên: đi tàu từ Ventspils sang bờ biển Thụy Điển mất không nhiều thời gian lắm, thêm nữa bờ biển đó lại dài và khó kiểm soát. Thậm chí còn có thể nói rằng một con đường buôn lậu cổ điển đã được mở lại. Trước đây, những thùng tó nô đựng rượu cũng từng đi theo con đường đó.

- Cứ tiếp tục đi, Wallander nói. Những kẻ nào sản xuất ma túy? Các nhân vật chủ chốt?

- Anh phải hiểu rằng đây là một đất nước thiếu sinh khí, nghèo đói và tiêu điều ngang với các nước láng giềng của nó. Trong nhiều năm, chúng tôi đã sống như thể bị nhốt trong một cái lồng, buộc phải quan sát sự phồn vinh của phương Tây từ xa. Đột nhiên, sự phồn vinh đó tiến lại gần. Nhưng kèm với một điều kiện: có tiền. Với kẻ nào không ngần ngại trong việc lựa chọn các phương tiện, ma túy là cách nhanh nhất để kiếm được số tiền đó. Khi giúp chúng tôi phá sập những bức tường và mở những cánh cửa của cái lồng ra, các anh cũng đồng thời giải phóng một sự thèm muốn không thể kiểm soát nổi. Chúng tôi là những kẻ đói khát. Đói tất cả những gì trong suốt nhiều năm bị buộc phải nhìn từ xa mà không được phép chạm tới. Tất nhiên, chúng tôi còn chưa biết mọi chuyện sẽ kết thúc thế nào.

Murniers nói vài lời với người lái xe và anh ta dừng ngay xe lại. Murniers chỉ vào mặt tiền một tòa nhà.

- Vết đạn đấy, ông ta nói. Mới được khoảng một tháng thôi.

Wallander thò đầu ra để nhìn rõ hơn. Bức tường nham nhở lỗ thủng.

- Tòa nhà này là gì?

- Văn phòng của một bộ. Tôi chỉ cho anh để anh hiểu. Chúng tôi không biết mọi chuyện sẽ kết thúc thế nào. Tự do liệu có lớn dần lên hay không? Hay là lại bị giảm bớt đi? Hoặc biến mất hoàn toàn? Anh phải hiểu, thanh tra Wallander ạ, rằng anh đang ở tại một đất nước đang phải chờ đợi mọi thứ.

Cuối cùng họ cũng đến được khu vực cảng. Wallander tìm cách hiểu cặn kẽ những gì Murniers vừa nói với ông. Đột nhiên ông cảm thấy quý mến người đàn ông nhợt nhạt với khuôn mặt phì phì này. Như thể tất cả những gì ông ta nói cũng liên quan đến ông, có thể là còn ở mức độ cao hơn bất kỳ ai khác.

- Chúng tôi biết rằng có những phòng thí nghiệm chuyên sản xuất amphetamin và có thể cả các loại ma túy tổng hợp như moócphin và ephedrin, Murniers tiếp tục. Ngoài ra chúng tôi ngờ rằng một số các ten châu Á và Nam Mỹ đang tìm cách xây dựng các chi nhánh lưu chuyển để thay thế những đường dây đã bị phá tan tành ở Tây Âu. Về khía cạnh này các nước Đông Âu là một vùng đất hoang, nơi những kẻ đó nhìn ra được khả năng thoát khỏi những người cảnh sát quá cảnh giác. Nói thẳng ra rằng chúng tôi dễ bị hối lộ hơn.

- Chẳng hạn như là thiếu tá Liepa?

- Thiếu tá Liepa sẽ không bao giờ hạ mình nhận của đút.

- Tôi muốn nói điều ngược lại. Có thể đó là một cảnh sát quá mức cảnh sát.

- Nếu điều đó là nguyên nhân cái chết của ông ấy thì hẳn trung tá Putnis đã biết rồi.

- Ai là kẻ bị tình nghi?

- Một thằng cha mà chúng tôi từng gặp phải trong nhiều vụ việc liên quan đến hai tên tội phạm chết trên cái xuồng. Một tay trước đây làm nghề đồ tể sau trở thành một trong những tên trùm của tội phạm có tổ chức tại đất nước này, và cũng là kẻ, điều này hết sức kỳ lạ, luôn luôn thoát được nhà tù. Lần này rất có thể sẽ có kết quả gì đó.

Xe dừng lại trên một bờ ke chất đầy sắt vụn và bộ phận cần cầu. Họ xuống xe và lại gần mép nước.

- Chúng tôi đã tìm thấy thiếu tá Liepa ở đây, Murniers nói.

Wallander nhìn ra xung quanh. Cố thiết lập những ấn tượng cơ bản nhất.

Làm thế nào mà thiếu tá và những kẻ sát nhân đến được chỗ này? Tại sao lại là chỗ này? Bờ ke nằm ở vị trí tách biệt, nhưng điều đó còn chưa đủ. Wallander nhìn đồng hồ cát của một cái cần cầu. *Please*, Baiba Liepa đã viết. Cách xa một chút, Murniers hút một điếu thuốc và giậm chân xuống đất cho đỡ lạnh.

Tại sao ông ấy lại từ chối nói cho mình biết về hiện trường án mạng? Tại sao Baiba Liepa lại muốn bí mật gặp mình? Sẽ có người gọi điện đến, hỏi Mr. Eckers, ông sẽ phải đến. Mình đang làm gì ở Riga đây?

Cơn khó ở của buổi sáng ào ạt trở về. Chắc chắn đó là cảm giác là người nước ngoài đang ở một đất nước xa lạ. Với

tư cách là cảnh sát, ông có thói quen điều chỉnh một thực tế mà bản thân ông là một bộ phận. Ở đây, ông vẫn nằm ở bên ngoài. Có thể là ông sẽ xâm nhập được cái khung cảnh đóng kín này trong vai *Mr. Eckers* chăng? Cảnh sát Kurt Wallander thì bất lực trong bối cảnh này.

Ông quay lại xe.

- Tôi muốn nghiên cứu các báo cáo. Khám nghiệm pháp y, phân tích hiện trường án mạng, những bức ảnh.

- Chúng tôi sẽ cho dịch hồ sơ.

- Dịch miệng có nhanh hơn không? Tiếng Anh của trung sĩ Zids rất tốt.

Murniers mỉm cười vẻ xa vắng và châm một điếu thuốc khác.

- Anh là người làm việc nhanh, ông ta nói. Tất nhiên rồi, trung sĩ Zids có thể dịch miệng cho anh hồ sơ.

Quay về trụ sở, họ đi vào một căn phòng nơi họ có thể nhìn thấy trung tá Putnis và kẻ bị tình nghi qua tấm gương một chiều. Phòng thẩm vấn trống không, trừ một cái bàn gỗ nhỏ và hai cái ghế. Putnis đã cởi áo vest đồng phục. Người đàn ông ngồi đối diện với anh ta có bộ râu hai ngày chưa cạo và dường như đã kiệt sức. Ông ta trả lời các câu hỏi hết sức chậm chạp.

- Sẽ mất thời gian đấy, Murniers tư lự nói. Nhưng sớm hay muộn, chúng tôi cũng sẽ biết được sự thật.

- Sự thật nào?

- Rằng chúng tôi có lý hay không.

Họ quay lại những hành lang mê cung. Wallander được

dẫn vào một phòng làm việc nhỏ không xa phòng Murniers. Trung sĩ Zids tới cùng tập hồ sơ liên quan đến vụ ám sát thiếu tá. Trước khi để họ lại, Murniers nói vào câu bằng tiếng Latvia với viên trung sĩ. Ở ngưỡng cửa, ông ta quay đầu lại.

- À tôi quên mất. Baiba Liepa sẽ ở đây vào lúc mười bốn giờ để thẩm vấn.

Wallander giật thót người. Ông đã phản bội tôi, Mr. Eckers. Tại sao?

- Tôi chỉ định nói chuyện thôi. Không phải là thẩm vấn.

- Lẽ ra tôi phải dùng từ khác. Cho phép tôi được nói là bà ấy rất vui vì được gặp anh.

Murniers đi khỏi. Hai giờ sau, Zids dịch xong cho ông toàn bộ hồ sơ. Wallander đã nhìn những bức ảnh mờ mịt chụp cái xác của thiếu tá. Niềm tin của ông càng được củng cố thêm: mọi thứ không ăn nhập với nhau. Bằng kinh nghiệm ông biết rằng mình suy nghĩ sáng suốt hơn trong khi bận rộn, ông nhờ viên trung sĩ chở đến một cửa hàng có bán quần len. *Long underwear*, ông nói, và viên trung sĩ không hề tỏ ra chút ngạc nhiên nào. Wallander nhận ra toàn bộ sự phi lý của tình thế khi bước vào cửa hàng, viên trung sĩ kè kè ngay bên cạnh. Như thể ông đang đi mua quần dưới sự áp giải của cảnh sát vậy. Zids nói hộ ông, và nằng nặc bắt Wallander thử đồ trước khi quyết định mua. Ông mua hai đôi, được người bán hàng gói vào gói giấy buộc dây xung quanh. Trên phố, ông đề nghị đi ăn trưa.

- Nhưng không phải là ở khách sạn. Đâu cũng được, nhưng không phải là khách sạn Latvia.

Trung sĩ Zids rời khỏi những trục đường chính để đi vào các phố nhỏ của khu phố cổ. Wallander có cảm giác đang xâm nhập một mê cung mới mà ông sẽ không bao giờ có thể thoát ra được nếu chỉ có một mình.

Quán ăn tên là Sigulda. Wallander chọn món trứng rán, viên trung sĩ một đĩa xúp. Không khí ngọt ngào, khói mù mịt. Khi họ bước vào, tất cả các bàn đều đã có khách. Nhưng vài câu của viên trung sĩ là đủ để làm xuất hiện một cái bàn trống như một trò ảo thuật. Trong khi ăn, Wallander bình luận về điều đó.

- Ở Thụy Điển thì không thể làm được chuyện ấy đâu. Một cảnh sát vào một quán ăn và có được một cái bàn trong khi đã chật kín khách rồi.

- Ở chỗ tôi thì khác. Người ta thích giữ quan hệ tốt với cảnh sát.

Anh ta nói điều đó như một sự hiển nhiên. Wallander cảm thấy bức mình vì điều ấy. Viên trung sĩ Zids còn quá trẻ mà đã thể hiện một sự cao ngạo lớn đến vậy.

- Sau này, tôi không muốn có được đặc quyền đó nữa.

Viên trung sĩ tỏ ra ngạc nhiên.

- Thế thì chúng ta sẽ không thể ăn được.

- Phòng ăn khách sạn Latvia lúc nào cũng vắng, Wallander khô khốc đáp lời.

Không lâu trước mười bốn giờ, họ về đến đại bản doanh. Wallander dành đoạn cuối của bữa ăn để im lặng suy nghĩ về một điểm trong báo cáo mà viên trung sĩ đã dịch cho ông. Có thể là khía cạnh *tất định* của nó. Như thể nó đã được viết ra

với ý đồ rõ ràng là biến tất cả mọi điều trở nên thừa thãi. Ông không đẩy lập luận của mình đi xa hơn, và nghi ngờ vào sự đánh giá của chính mình. Biết đâu ông lại nhìn thấy những bóng ma ở những nơi không hề có thì sao...

Murniers không có ở đây, và trung tá Putnis vẫn còn ở trong phòng thẩm vấn. Viên trung sĩ đi đón Baiba Liepa; Wallander còn lại một mình trong phòng làm việc được cấp cho. Liệu ông có bị nghe trộm không? Liệu người ta có rình mò ông sau một cái gương một chiều giấu ở đâu đó không? Như để chứng tỏ sự vô tội của mình, ông mở cái gói giấy, cởi quần dài và mặc vào một cái quần lót. Ông vừa nhận ra nó làm ông ngứa thì có tiếng gõ cửa. "Vào đi!", ông kêu lên. Viên trung sĩ đứng dẹp sang một bên nhường lối cho Baiba Liepa. *Giờ đây tôi là Wallander. Chứ không phải Mr. Eckers. Chính vì vậy mà tôi muốn gặp chị.*

- Bà có nói tiếng Anh không?

Baiba gật đầu.

- Thế thì anh để chúng tôi lại đi, Wallander nói với viên trung sĩ.

Ông đã chuẩn bị cho cuộc gặp. *Lúc nào mình cũng phải nhớ rằng mỗi cử chỉ và hành động của mình đều bị theo dõi. Không được phép lấy ngón tay đặt lên môi để ra hiệu, và cũng không được trao đổi bằng cách viết giấy. Và Baiba Liepa phải hiểu rằng Mr. Eckers vẫn còn tồn tại.*

Cô mặc một cái măng tô sẫm màu, đội mũ bonê da và đeo kính - khác hẳn với hồi sáng. Cô bỏ mũ và lắc lắc mái tóc đen.

- Mời bà ngồi, thưa bà Liepa.

Ông mỉm cười, rất nhanh, như thể đang dùng đèn pin để truyền đi một tín hiệu bí mật. Rõ ràng là cô nắm bắt được điều đó, không chút ngạc nhiên, như thể cô không chờ đợi ở ông điều gì khác nữa cả. Lúc này ông buộc phải đặt tất cả những câu hỏi mà ông đã biết câu trả lời. Nhưng biết đâu cô sẽ có thể truyền đạt cho ông một thông điệp vô cùng tinh tế, một thứ thuộc vào những bí mật chỉ dành riêng cho *Mr. Eckers* chăng?

Ông ngỡ ý chia buồn, một cách trang trọng đúng phép tắc nhưng cũng đầy tình cảm. Rồi ông đặt những câu hỏi buộc phải đặt, không lúc nào quên rằng một kẻ nào đó đang lắng nghe và quan sát từng lời nói, từng cử chỉ của họ.

- Bà lấy thiếu tá Liepa được bao nhiêu lâu rồi?

- Tám năm.

- Tôi nhớ là hai người không có con.

- Chúng tôi muốn chờ đợi thêm. Tôi phải làm việc.

- Bà làm gì?

- Tôi là kỹ sư. Nhưng mấy năm gần đây chủ yếu là tôi dịch các tài liệu kỹ thuật. Cho viện đào tạo kỹ thuật của chúng tôi, ngoài ra còn nhiều chỗ nữa.

Chị đã làm thế nào để có thể mang bữa sáng vào phòng cho tôi? Đồng lõa với chị ở khách sạn Latvia là ai?

Không được phép lơ đãng.

- Công việc đó không thích hợp với việc có con à?

Ông hối tiếc ngay vì câu hỏi về đời tư không có chút ăn nhập nào đó. Ông sửa lỗi bằng cách hỏi sang chuyện khác ngay.

- Thừa bà Liepa, hẳn là bà đã suy nghĩ đến điều xảy đến với chồng bà. Tôi đã đọc bản tường thuật những buổi thẩm vấn bà. Bà nói là bà không biết gì, không hiểu gì, không đoán ra điều gì. Chắc chắn là đúng như vậy. Hơn ai hết, bà muốn kẻ sát nhân được tìm ra và bị trừng trị. Tuy nhiên tôi muốn quay trở lại cái ngày chồng bà từ Thụy Điển về. Có thể là bà đã quên mất điều gì đó. Điều này là có thể hiểu được, sau cú sốc mà bà đã phải chịu.

Câu trả lời mang dấu hiệu bí mật đầu tiên.

- Tôi đã không quên gì hết. Không gì hết. Ông *Eckers*, tôi đã không bị sốc vì một sự kiện không thể đoán trước. Điều mà chúng tôi lo ngại đã xảy đến.

- Có thể là còn phải quay lại quãng thời gian sớm hơn nữa kia, Wallander thận trọng tiếp tục, để không làm cô vấp phải những khó khăn quá lớn.

- Chồng tôi không nói về công việc. Anh ấy không bao giờ chịu tiết lộ bí mật mà anh ấy phải giữ kín với tư cách cảnh sát. Đó là một người có ý thức rất cao về đạo đức nghề nghiệp.

Hoàn toàn đúng, Wallander nghĩ. Và cái đạo đức đó đã giết chết ông ấy.

- Đó là cảm giác mà ông ấy gây cho tôi, mặc dù tôi chỉ tiếp xúc với ông ấy trong vài ngày ở Thụy Điển.

Giờ đây liệu cô đã hiểu là ông đứng về phía cô chưa? Rằng chính vì thế mà ông đã cho mời cô đến đây? Rằng cần phải dựng ra cái màn kịch của những câu hỏi không chút ý nghĩa nào này?

Ông nhắc lại yêu cầu của mình. Một chi tiết, một kỷ niệm

mà rất có thể là cô đã quên mất trong những buổi thăm vấn trước đó... Họ tiếp tục như vậy một lúc cho đến khi Wallander cho rằng đã có thể kết thúc. Ông nhấn vào cái nút chuông gắn trên bàn, mà âm thanh hẳn là đi thẳng đến chỗ trung sĩ Zids. Rồi ông đứng dậy bắt tay cô.

Chị biết tôi ở Riga bằng cách nào? Hẳn là đã có ai đó nói với chị. Ai đó muốn chúng ta gặp nhau. Nhưng tại sao? Chị nghĩ một cảnh sát tỉnh lẻ Thụy Điển có thể giúp chị điều gì?

Viên trung sĩ xuất hiện và dẫn Baiba Liepa đi về phía một lối ra xa xôi. Wallander ngồi lại trong luồng gió thổi vào từ cửa sổ và ngắm nhìn cái sân trong. Một cơn mưa trộn lẫn với tuyết rơi xuống thành phố. Phía bên kia những bức tường của pháo đài, ông nhìn thấy những tháp chuông và ngọn của mấy tòa nhà.

Đột nhiên ông nghĩ là mình đang tự huyễn hoặc. Ông đã để mặc cho trí tưởng tượng của mình lang thang mà không chịu chặn nó lại bằng chút ít sự kháng cự hữu lý nào. Ông ngờ đến những âm mưu không hề tồn tại, ông nhồi nhét vào đầu mình những thứ huyễn thoại liên quan đến các nền độc tài Đông Âu, nơi ai ai cũng âm mưu chống lại người khác, theo một thứ sắp đặt tinh vi. Đây là những lý do khách quan khiến ông phải thách thức Murniers và Putnis? Việc Baiba Liepa xuất hiện ở khách sạn của ông, cải trang thành người hầu phòng, có thể hàm chứa một cách giải thích ít tính bi thảm hơn nhiều so với ông tưởng.

Những suy nghĩ của ông bị cắt đứt vì Putnis bước vào. Trung tá có vẻ mệt mỏi, nụ cười xoắn lại.

- Cuộc thẩm vấn tạm ngừng, ông ta nói. Thật không may là kẻ bị tình nghi không chịu thú nhận. Lúc này chúng tôi đang kiểm tra các thông tin mà hắn cung cấp. Sau đó tôi sẽ hỏi hắn tiếp.

- Các nghi ngờ dựa vào điều gì?

- Chúng tôi biết rằng hắn thường xuyên sử dụng Leja và Kalns làm việc cho mình. Chúng tôi hy vọng có thể chứng minh rằng chúng có liên quan trong các vụ buôn ma túy trong năm vừa qua. Hagelman - đó là tên của kẻ bị tình nghi - là một kẻ không do dự trong việc tra tấn và sát hại những kẻ đồng lõa với mình khi thấy cần thiết. Tất nhiên, hắn không hành động một mình. Lúc này chúng tôi cũng đang tìm kiếm các thành viên khác của mạng lưới. Nhiều kẻ trong số đó là công dân Liên Xô; có thể hiện nay chúng đã ở đó, và việc này làm công việc của chúng tôi trở nên khó khăn hơn. Nhưng phải kiên nhẫn thôi... Hơn nữa, chúng tôi đã tìm được nhiều thứ vũ khí mà Hagelman từng dùng. Chúng tôi đang kiểm tra điều này: liệu những viên đạn đã giết chết Leja và Kalns có được bắn ra từ những khẩu súng đó hay không.

- Còn mối liên hệ với cái chết của thiếu tá Liepa thì sao?

- Hiện tại thì chưa có gì. Nhưng đó là một vụ giết người có tính toán, một vụ hành quyết. Thậm chí đồ của ông ấy còn không bị lấy đi cơ mà. Chúng ta buộc phải tin rằng cái chết của ông ấy có liên quan đến công việc của ông ấy.

- Liệu thiếu tá Liepa có thể có một cuộc sống hai mặt không?

Putnis nở một nụ cười yếu ớt.

- Chúng tôi sống tại một đất nước có hình thức kiểm soát công dân đạt đến mức độ hoàn hảo. Chưa nói đến chuyện kiểm soát nội bộ của cảnh sát. Nếu thiếu tá Liepa có một cuộc sống hai mang, thì chúng tôi đã phải biết rồi.

- Trừ khi ông ấy được bảo trợ.

Putnis tỏ ra ngạc nhiên.

- Bởi ai?

- Tôi không biết. Tôi chỉ vừa nghĩ vừa nói thôi. Tôi sợ đó là một ý nghĩ không mấy chính xác.

Putnis đứng dậy để đi.

- Tôi muốn mời anh ăn tối nay. Thật không may là không được, vì tôi phải tiếp tục cuộc thẩm vấn. Nhưng biết đâu trung tá Murniers lại có cùng ý đó? Thật là hết sức thiếu lịch sự khi để anh phải ở một mình trong một thành phố xa lạ.

- Khách sạn Latvia rất tốt. Mặt khác, tôi sẽ cần thời gian để tổng hợp các ý nghĩ nảy ra trong óc tôi xung quanh cái chết của thiếu tá. Cả tối nay chưa chắc đã đủ được.

- Thế thì để mai đi. Tôi sẽ rất hân hạnh được mời anh đến nhà. Ausma vợ tôi nấu bếp giỏi lắm.

- Tôi rất sẵn lòng.

Putnis đi khỏi, Wallander nhấn cái nút. Ông muốn rời khỏi pháo đài mà không chờ đợi lời mời có thể tới của Murniers.

- Tôi về đây, ông nói khi trung sĩ Zids xuất hiện ở ngưỡng cửa. Tối nay tôi sẽ làm việc trong phòng. Anh có thể qua đón tôi vào tám giờ sáng mai.

Khi viên trung sĩ thả ông xuống trước khách sạn, Wallander mua vài cái bưu ảnh và tem ở quầy tiếp tân. Ông cũng hỏi luôn một tấm bản đồ thành phố, thấy nó quá sơ lược nên hỏi đường đến hiệu sách gần nhất.

Ông đưa mắt nhìn quanh sảnh nhưng không nhìn thấy người đàn ông mặc đồ ghi uống trà hoặc đọc báo nào.

Điều đó có nghĩa là họ vẫn còn ở đây. Nhưng chỉ xuất hiện hai ngày một lần, để mình đâm ra nghi hoặc về sự tồn tại của họ.

Ông đi tìm hiệu sách. Trời đã tối; vỉa hè loang loáng nước mưa. Ngoài đường đông người. Thỉnh thoảng Wallander dừng lại trước một cửa kính. Hàng hóa ít và giống hệt nhau. Đến được hiệu sách, ông liếc nhìn nhanh về phía sau nhưng không thấy ai đi chậm lại.

Một người đàn ông nhiều tuổi không nói được tiếng Anh bán cho ông một tấm bản đồ thành phố, miệng không ngừng tuôn những câu tiếng Latvia, như thể vẫn nuôi hy vọng rằng dù thế nào Wallander cũng sẽ hiểu được. Ông quay về khách sạn. Đâu đó, trước hoặc sau ông, có một cái bóng mà ông không thể nhìn thấy. Ông quyết định ngay hôm sau sẽ hỏi các trung tá. Tại sao lại theo dõi ông? Ông sẽ dùng một giọng dễ chịu. Không mĩa mai cũng không tức tối.

Ở quầy tiếp tân, ông hỏi có ai gọi điện thoại cho ông không. Nhân viên trực lắc đầu. *No calls, mister Wallander.*

Ông đi thang máy lên đến phòng, dịch cái bàn ra khỏi cửa sổ để tránh gió lùa và ngồi viết bưu ảnh. Bức gửi cho Björk có hình nhà thờ lớn Riga. Baiba Liepa sống ở khu này, chính ở

nơi đó thiếu tá Liepa đã nhận được cú điện thoại vào buổi tối xảy ra cái chết của ông. *Kẻ nào đã gọi điện, Baiba? Mr. Eckers đang đợi trong phòng, mong muốn có được một câu trả lời.*

Ông viết cho Björk, Linda và bố ông. Trước tấm bưu ảnh cuối cùng, ông do dự. Rồi ông cũng viết và đề địa chỉ chị gái ông, Kristina.

Mười chín giờ. Ông xả đầy nước vào bồn tắm, một cốc whisky đặt trên gờ. Nước ấm. Ông nhắm mắt và chiếu lại trong đầu những sự kiện xảy ra kể từ khởi đầu.

Những người chết trên cái xuồng, cách ôm chặt nhau lạ lùng của họ... Ông cố gắng nhìn thấy điều gì đó mà ông đã không nắm bắt được. Rydberg thường xuyên nói đến việc *nhìn thấy cái vô hình*. Phát hiện cái bất ngờ trong những gì mới nhìn qua có vẻ hết sức vô tội. Ông thực hiện việc đó một cách có phương pháp. Đây là hướng đi cho đến lúc đó ông vẫn lo là?

Ông ra khỏi bồn tắm, mặc lại quần áo, ngồi vào bàn và bắt đầu ghi chép. Giờ đây ông đã tin rằng hai cảnh sát Latvia đang đi đúng hướng. Không có gì phủ nhận được giả thuyết những người chết trên cái xuồng là nạn nhân của một cuộc thanh toán lẫn nhau. Việc họ bị giết khi không mặc áo vest không thực sự quan trọng, cũng như ý tưởng về việc cố tình để người ta phát hiện ra những cái xác. Nhưng còn cái xuồng... *Kẻ nào đã đánh cắp nó? Làm thế nào mà những kẻ đó có thể từ Latvia sang nhanh đến thế được? Nó đã bị đánh cắp bởi hoặc người Thụy Điển, hoặc bởi người Latvia sống ở Thụy Điển, những kẻ có khả năng tổ chức được việc đó tại chỗ*

chẳng? Ông ghi lại những câu hỏi ấy và tiếp tục suy luận. Thiếu tá Liepa đã bị sát hại đúng vào buổi tối từ Thụy Điển trở về. Mọi thứ đều dẫn đến chỗ nghĩ rằng có kẻ muốn làm cho ông im miệng. *Thiếu tá Liepa biết điều gì? Và tại sao người ta lại cho mình xem một bản báo cáo thiếu lỗ chỗ, nhất là hoàn toàn không có tất cả những gì liên quan đến hiện trường vụ án?*

Ông đọc lại các ghi chép và tiếp tục. *Baiba Liepa. Cô ấy biết gì, những điều mà cô ấy không muốn nói cho cảnh sát?* Ông đẩy quyển sổ bloc ra xa và rót thêm một cốc whisky. Hai mươi một giờ, ông thấy đói. Sau khi đã kiểm tra để biết điện thoại có hoạt động, ông xuống chỗ tiếp tân và thông báo với người trực là có thể tìm ông trong phòng ăn. Ông nhìn xung quanh. Có vẻ như là không hề có kẻ bám đuôi nào... Người phục vụ lại dẫn ông đến đúng cái bàn đó. *Có thể là trong gạt tàn có đặt micro chẳng? Hoặc một kẻ trốn dưới gầm bàn để ghi lại những tiếng tim mình đập?* Ông uống một nửa chai rượu vang Armenia và ăn món gà hầm khoai tây. Mỗi lần hai cánh cửa mở ra, ông lại chờ nhìn thấy người nhân viên trực đi vào để thông báo là có người đang muốn nói chuyện với ông. Ông uống một ly cognac cùng cà phê và nhìn xung quanh. Tối nay, phòng ăn gần như kín chỗ. Vài người Nga ở một góc, một nhóm người Đức ngồi quanh một bàn dài cùng với mấy người Latvia. Ông thanh toán món tiền nhỏ đến hài hước ghi ở hóa đơn vào lúc hai mươi hai giờ ba mươi phút. Ông ngập ngừng một lúc, không biết có nên đến night-club không, rồi quyết định từ bỏ ý định đó và trèo lên tầng thứ mười lăm. Đúng lúc

quay chìa khóa trong ổ, ông nghe tiếng điện thoại đổ chuông. Vừa buột miệng chữ thề, ông vừa chạy vội đến chỗ điện thoại. *Tôi muốn nói chuyện với Mr. Eckers.* Giọng đàn ông, nói tiếng Anh giọng rất nặng. Wallander trả lời như đã thỏa thuận, rằng người đó nhầm máy, ở đây không có Mr. Eckers nào. Người đàn ông xin lỗi và bỏ máy. *Đi ra theo lối cửa phụ. Please, please.*

Ông mặc áo măng tô và đội mũ bonê trùm tai. Rồi ông nghĩ lại, cho cái mũ vào túi áo. Xuống đến tầng trệt, ông đi sát bờ tường để không bị nhìn thấy từ quầy tiếp tân. Cùng lúc đó nhóm người Đức cũng từ phòng ăn đi ra. Ông vội đi xuống cái cầu thang dẫn đến phòng sauna và đi vào hành lang dẫn ra những cánh cửa hậu. Cánh cửa màu xám hoàn toàn giống với miêu tả của Baiba Liepa. Ông nhẹ nhàng mở nó ra; gió lạnh quạt mạnh lên mặt ông. Ông dò dẫm lần theo tay cầm cầu thang dành cho người phục vụ và ra đến ngoài phố, phía sau khách sạn.

Phố tối om. Càng tối. Ông lặn sâu vào bóng tối. Ngoài một ông già đang dắt chó đi dạo, không có ai cả. Ông chờ đợi. Vẫn không có ai. Con chó ghếch chân lên một thùng rác trong khi ông già đứng đợi. Khi đi qua trước mặt Wallander, ông ta nói rất nhanh, bằng tiếng Anh: *Khi nào tôi rẽ ở góc phố thì đi theo tôi.* Một chiếc tramway đi qua từ xa, tiếng bánh xe nghiêng lên đường ray. Wallander đội mũ bonê lên đầu. Con mưa trộn lẫn với tuyết đã ngừng rơi và nhiệt độ lại giảm dữ dội. Khi ông già đi khuất, Wallander bèn bước theo ngay, không hề rảo bước chân. Một phố nhỏ khác hiện ra trước mắt ông; không

nhìn thấy ông già dắt chó đâu cả. Đột nhiên, một cánh cửa xe mở ra bên cạnh ông. Ông *Eckers*, một giọng nói vang lên từ bên trong xe, *chúng ta phải đi thôi*. Ông chui vào băng ghế sau, cùng lúc với một ý nghĩ đầy lo ngại chạy qua óc. *Lẽ ra mình không nên làm việc này. Thật là điên rồ*. Ông nhớ lại cảm giác của buổi sáng hôm đó, trong một chiếc xe khác, do trung sĩ Zids cầm lái.

Nỗi sợ đã quay trở lại.

Mùi hắc của thứ len ảm.

Đó là những gì Wallander còn nhớ về cuộc đi xuyên qua Riga đêm ấy. Ông vừa trườn vào xe thì những bàn tay xa lạ đã trườn lên đầu ông một cái mũ chụp. Bằng len! Ngay khi bắt đầu toát mồ hôi là những con ngựa trở nên không thể chịu đựng nổi. Nhưng nỗi sợ, cảm giác căng thẳng tràn ngập về một sai lầm chết người đã biến mất ngay khi cánh cửa đóng lại và một giọng nói bình tĩnh - hẳn là của những đôi tay vừa trườn cái mũ lên đầu ông - cất lên. *We are no terrorists. We just have to be cautious.*⁽¹⁾ Ông nhận ra giọng nói trong điện thoại, cái giọng xin được gặp *Mr. Eckers* trước khi xin lỗi vì nhầm số. Giọng nói đó có sức mạnh trấn an rất lớn. Sau này, ông sẽ nghĩ rằng những người sống trong cơn hỗn loạn của các nước Đông Âu giai đoạn tan rã ấy buộc phải thành thạo một thứ nghệ thuật: tỏ ra có sức trấn an người khác bằng cách nói rằng

1. Tiếng Anh, nghĩa là: Chúng tôi không phải khủng bố. Chúng tôi chỉ buộc phải cẩn trọng thôi.

không có nguy hiểm gì đâu, trong khi trên thực tế sự đe dọa hiện diện ở khắp nơi.

Cái xe không hề tiện nghi chút nào. Tiếng ồn của máy cho thấy đó là một sản phẩm của Liên Xô. Chắc là một chiếc Lada. Có bao nhiêu người trên xe? Ít nhất là hai, ngoài ông. Ai đó ngồi trước vừa lái xe vừa húng hắng ho, và người đàn ông vừa nói với ông, trên băng ghế sau. Thành thạo, ai đó hạ cửa kính xuống để làm thông thoáng bên trong xe ám khói và ông cảm thấy luồng không khí lạnh. Trong một lúc, ông tưởng như mình ngửi thấy dấu vết mùi nước hoa - của Baiba Liepa - hẳn đó chỉ là một ảo giác, hoặc đúng hơn là một điều mà ông thực tâm mong ước. Không thể biết họ đi nhanh hay chậm. Nhưng đột nhiên mặt đường biến đổi, và ông đoán rằng họ đã rời khỏi thành phố. Cái xe phanh lại, rẽ hai lần, quành qua một bùng binh, rẽ lần thứ ba, rồi tiếp tục đi thẳng, nhảy chồm chồm như thể đã rời khỏi đường chính. Người lái xe tắt máy, những cánh cửa mở ra, và ông được đỡ xuống khỏi xe.

Trời lạnh. Wallander nghĩ rằng mình ngửi thấy mùi nhựa thông. Ai đó nắm lấy tay ông để dẫn ông đi khỏi vấp. Người ta đưa ông lên một cầu thang, một cánh cửa mở ra, bản lề kêu kèn kẹt. Ông bước vào một căn phòng có lò sưởi sặc mùi dầu. Không hề báo trước, cái mũ trùm được kéo ra. Ông điếng người; cú sốc vì được nhìn thấy lại bên ngoài mạnh hơn cú sốc bị che kín mắt. Ông đang đứng trong một căn phòng có tường làm bằng những khúc gỗ tròn. Ý nghĩ đầu tiên là ông đang ở trong một cái chòi thợ săn. Bộ gạc hươu treo phía trên lò sưởi, những thứ đồ đạc bằng gỗ sáng màu... Hai ngọn đèn

dầu là nguồn ánh sáng duy nhất.

Người đàn ông giọng bình thản lại cất lời. Khuôn mặt ông ta không hề giống như Wallander hình dung - nếu quả thực ông đã hình dung ra điều gì đó. Người đàn ông thấp nhỏ và gầy guộc vô cùng, như thể đã phải chịu đựng những đau đớn kéo dài hoặc trải qua một đợt tuyết thực. Ông ta rất nhợt nhạt. Cặp kính gọng sừng của ông ta có vẻ quá to và quá nặng đối với đôi gò má hóp lại. Khó mà đoán được tuổi của ông ta. Ông ta có thể hai mươi lăm, hoặc năm mươi tuổi. Nhưng ông ta mỉm cười. Rồi ông ta chỉ một cái ghế. *Sit down please*⁽¹⁾, ông ta nói, giọng hiền lành. Một người đàn ông khác im lặng tách mình khỏi bóng tối, cầm đến một cái phích Thermos và vài cái tách. Có thể là người lái xe lúc này chăng? Ông ta già hơn người kia, vẻ u tối. Hẳn là ông ta không mấy khi cười... Wallander ngồi xuống và nhận lấy tách trà mà ông ta chìa cho. Hai người đàn ông ngồi bên kia bàn. Người lái xe thận trọng xoay cái nút tròn bằng sứ màu trắng. Wallander nghĩ là mình nghe thấy một tiếng động rất nhỏ trong bóng tối, bên ngoài quảng sáng. Còn có những người khác nữa. Ai đó đang đợi chúng ta, ai đó đã chuẩn bị trà...

- Chúng tôi chỉ có trà để mời ông thôi, người đàn ông giọng bình thản nói. Nhưng ông đã ăn tối rồi, thưa ông Wallander. Và chúng tôi sẽ không giữ ông lại lâu đâu.

Wallander cảm thấy sự khó ở quay trở lại xâm chiếm mình. Khi mà ông còn là *Mr. Eckers*, các sự kiện không thực

1. Tiếng Anh, nghĩa là: Xin mời ngồi.

sự liên quan đến bản thân ông. Nhưng giờ đây họ đã gọi ông là Mr. Wallander; họ đã theo dõi ông, đã nhìn thấy ông ăn tối ở khách sạn. Sai lầm duy nhất của họ là đã gọi điện sớm mất vài giây, trước khi ông kịp mở cửa phòng.

- Tôi có tất cả các lý do để nghi ngại. Tôi không biết các anh là ai. Baiba Liepa đâu?

- Xin ông thứ lỗi vì chúng tôi thiếu lịch thiệp quá. Tên tôi là Upitis. Cuối cuộc nói chuyện, ông sẽ được quay về khách sạn, tôi xin hứa với ông.

Upitis, Wallander nghĩ. Dù cho tên của ông ta có là như thế nào, thì mình cũng chắc là không phải cái tên đó.

- Lời hứa của một người không quen biết có giá trị gì đâu. Các anh đã tóm lấy tôi giữa lúc đêm khuya và chụp mũ lên đầu tôi (từ tiếng Anh để chỉ “mũ trùm đầu” có thật là *hood* không?). Tôi đã chấp nhận gặp bà Liepa theo các điều kiện của bà ấy, bởi vì tôi có quen chồng bà ấy và có vẻ như là bà ấy có thể giúp tôi làm sáng tỏ cái chết của thiếu tá. Còn về phía các anh, xin nói thêm một lần nữa, tôi không biết các anh là ai và tôi không có lý do gì để tin các anh hết cả.

Người đàn ông tự giới thiệu với cái tên Upitis chậm rãi gạt đầu.

- Tôi đồng ý. Nhưng đừng nghĩ rằng những việc làm thận trọng vừa rồi là thừa. Thật không may là chúng tôi không có lựa chọn. Tối nay bà Liepa không thể đến chỗ chúng ta được. Tôi nói thay cho bà ấy đây.

- Làm thế nào mà tôi biết được điều đó? Và các anh muốn gì?

- Muốn ông giúp đỡ.

- Tại sao lại phải chơi trò bịa tên giả với tôi? Tại sao lại có cuộc hẹn gặp bí mật này?

- Dù có phải nhắc lại, tôi cũng xin nói rằng thật không may là chúng tôi không có lựa chọn. Ông mới ở Latvia chưa được lâu, thưa ông Wallander. Rồi ông sẽ hiểu thôi.

- Thế các anh tin là tôi có thể giúp được việc gì?

Lại có một tiếng động nhỏ trong bóng tối. Baiba Liepa, ông nghĩ. Cô không chịu xuất hiện, nhưng cô ở đó...

- Tôi xin ông kiên nhẫn vài phút, Upitis nói. Trước hết cho phép tôi giải thích về tình hình Latvia đã.

- Điều đó có thực sự cần thiết không? Latvia là một đất nước như mọi đất nước khác. Ngay cả khi tôi phải thú nhận là tôi không biết màu cờ của các anh.

- Tôi nghĩ là một sự giải thích là rất cần thiết. Ngay khi ông nói rằng Latvia là một đất nước như mọi đất nước khác, tôi đã cho rằng cần phải nói rõ cho ông một số chi tiết.

Wallander nhắm nháp nước trà ấm và đưa cái nhìn dò xét về phía bóng tối, nơi ông nghĩ là mình nhìn thấy một sợi ánh sáng mảnh, giống như ánh sáng mà một cánh cửa khép không chặt để lọt vào.

Người tài xế khum tay quanh cái tách để sưởi ấm. Anh ta đã hạ mắt xuống, nên Wallander hiểu rằng cuộc trò chuyện sẽ diễn ra giữa Upitis và ông.

- Các anh là ai? Ít nhất thì cũng phải nói cho tôi điều đó chứ.

- Chúng tôi là những người Latvia. Vì tình cờ mà sinh ra

tại cái đất nước khổ sở trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt đen tối của nó. Con đường đi của chúng tôi giao nhau, và chúng tôi đã hiểu ra rằng chúng tôi có chung một sứ mệnh, một sứ mệnh mà chúng tôi không thể thoát ra.

- Thiếu tá Liepa...?

- Cho phép tôi bắt đầu từ đầu nhé. Hẳn ông cũng hiểu là đất nước của chúng tôi đang ở bên bờ của sự sụp đổ. Hoàn toàn giống với hai nước Baltic còn lại và các nước vệ tinh nằm dưới quyền quản lý của Liên Xô như những tỉnh thuộc địa, chúng tôi muốn giành lại tự do đã mất kể từ sau Thế chiến thứ hai. Nhưng tự do sinh ra trong hỗn loạn, thưa ông Wallander, ở giữa những con quái vật nuôi dưỡng các dự định khủng khiếp. Thật là một ảo tưởng, một ảo tưởng đầy tai họa, khi tin rằng người ta có thể chỉ đơn giản là theo hoặc chống tự do. Tự do có nhiều bộ mặt. Cái thiếu số Nga đầy quan trọng cấm ở đất nước nhằm mục đích "làm tan rã" người dân Latvia theo một cách nào đó, và nhằm buộc chúng tôi phải biến mất về lâu về dài - nhóm người ấy không chỉ lo lắng về việc người ta đặt câu hỏi đối với sự hiện diện của nó. Nó e ngại cho các đặc quyền của mình. Lịch sử chưa từng bao giờ nêu được ví dụ nào về những con người tự nguyện từ bỏ các đặc quyền. Chính vì vậy bọn họ tự vũ trang để bảo vệ mình, một cách bí mật nhất. Đó chính là nguyên nhân của các sự kiện hồi mùa thu năm ngoái, khi lực lượng quân sự Liên Xô can thiệp và thiết lập tình trạng khẩn cấp. Một ảo tưởng khác nằm ở chỗ tin rằng người ta có thể yên ổn mà chuyển từ một chế độ chuyên chính hà khắc sang một thứ có thể gọi tên là dân chủ.

Với chúng tôi, tự do là một điều cấm dũ, giống như một người phụ nữ đẹp mà người ta không thể kìm lòng được khi đứng trước mặt. Với những người khác, tự do là một sự đe dọa cần phải đánh giáp đầu bằng mọi phương cách.

Upitis im lặng, như thể những lời của ông chứa đựng một sự hé lộ khiến chính ông cũng bị chấn động.

- Một sự đe dọa? Wallander nhắc lại.

- Có nguy cơ xảy ra nội chiến. Cuộc tranh luận chính trị có thể nhường bước lại cho sự điên rồ của những kẻ trong tim chỉ chất chứa ham muốn báo thù. Lòng say mê tự do có thể bị chuyển hóa thành một nỗi kinh hoàng không thể miêu tả. Những con quái vật rình rập ở hậu cảnh; đêm đến, người ta mài sẵn dao. Hậu quả của cuộc thanh toán lẫn nhau này cũng khó đoán định ngang với bản thân tương lai.

Một sứ mệnh mà chúng tôi không thể thoát ra. Wallander cố nắm bắt hàm ý những lời của Upitis. Nhưng ông đã biết trước rằng mình sẽ không thể làm được. Hiểu biết của ông về các thay đổi đang diễn ra tại châu Âu gần như là con số không. Thực tiễn chính trị chưa bao giờ có chỗ trong cái thế giới cảnh sát của ông. Ông đi bỏ phiếu ở các kỳ bầu cử, chỉ vậy thôi. Không ham mê và cũng không có một dự định thực thụ nào. Với ông các thay đổi không trực tiếp liên quan tới cuộc sống riêng là những thứ hoàn toàn xa lạ.

- Cuộc săn đuổi những con quái vật không thực sự nằm trong khuôn khổ công việc của tôi, ông nói, với chủ ý biện hộ cho sự ngu dốt của mình. Tôi tiến hành điều tra các tội ác có thực do những kẻ có thực gây ra. Tôi đã chấp nhận trở thành

Mr. Eckers với ý nghĩ Baiba Liepa muốn gặp tôi mà không có nhân chứng nào. Cảnh sát Latvia đã đề nghị tôi giúp đỡ làm sáng tỏ vụ ám sát thiếu tá Liepa và điều tra về một mối liên quan với hai công dân Latvia bị tìm thấy xác ở Thụy Điển. Đột nhiên, các anh lại nhờ tôi giúp đỡ. Hẳn là chúng ta hoàn toàn có thể nói chuyện với nhau theo một cách đơn giản hơn, không có những trớ trêu ngoại đề dông dài về các vấn đề xã hội mà dù gì thì tôi cũng có hiểu đâu.

- Quả thực là như vậy. Tốt hơn là nói chúng ta giúp đỡ lẫn nhau.

Wallander tìm từ tiếng Anh chỉ “trò chơi chữ” nhưng không tìm được.

- Tôi thấy mù mờ quá, ông thú nhận. Chỉ cần nói cho tôi biết các anh muốn gì thôi. Không vòng vèo gì cả.

Upitis chìa một quyển sổ bloc cho đến khi ấy vẫn khua tay sau cái đèn lại gần, và rút ra một chiếc bút chì từ cái áo vest sờn rách.

- Thiếu tá Liepa đã đến thăm ông ở Thụy Điển bởi vì hai công dân Latvia bị giết đã dạt vào bờ biển Thụy Điển. Ông đã hợp tác với ông ấy?

- Đúng. Đó là một cảnh sát rất có năng lực.

- Nhưng ông ấy chỉ ở Thụy Điển có vài ngày.

- Đúng.

- Làm sao mà ông có thể đánh giá được năng lực của ông ấy trong ít thời gian đến vậy?

- Năng lực, cũng như kinh nghiệm, lộ ra ngay lập tức.

Những câu hỏi đó có vẻ rất vô hại. Nhưng ngay lập tức

ông đoán ra ý định của Upitis. Như một điều tra viên trình độ rất cao, ông ta đang dệt tấm lưới của mình, mắt nhìn chăm chăm vào một cái đích cụ thể. Có thể ông ta là người bên cảnh sát? Có thể trong bóng tối không phải Baiba Liepa đang ẩn nấp, mà là trung tá Putnis? Hay Murniers?

- Như vậy là ông đánh giá cao công việc của thiếu tá Liepa.

- Dĩ nhiên rồi. Tôi vừa nói đấy thôi.

- Và nếu loại bỏ đi kinh nghiệm và năng lực của ông ấy?

- Làm thế nào mà loại bỏ được chúng?

- Ông có ấn tượng gì về ông ấy với tư cách một con người?

- Cũng vậy. Ông ấy bình tĩnh, cẩn trọng, kiên nhẫn, có văn hóa, thông minh.

- Thiếu tá cũng có chung ấn tượng như vậy về ông, thưa ông Wallander. Rằng ông là một cảnh sát rất có năng lực.

Wallander cảm thấy tín hiệu báo động quen thuộc ấy. Bằng trực giác, ông hiểu rằng Upitis vừa bước vào lãnh thổ của những câu hỏi mang tính quyết định. Mặt khác ông đang phải đối mặt với một câu đố. Thiếu tá Liepa về nhà mới được vài giờ thì đã bị giết. Thế mà tay Upitis này lại nắm được các thông tin chi tiết về chuyến đi của thiếu tá sang Thụy Điển. Những thông tin chỉ có thể được đích thân thiếu tá nói ra.

- Tôi thấy rất vinh hạnh, ông đáp.

- Trong chuyến viếng thăm của thiếu tá Liepa ông đã phải làm rất nhiều việc.

- Một cuộc điều tra án mạng hiểm khi nhẹ nhàng được.

- Như vậy là hai người không có thời gian để thân thiết với nhau?

- Tôi không hiểu câu hỏi.

- Thân thiết với nhau. Giải trí với nhau. Cười, hát. Tôi nghe nói người Thụy Điển rất thích hát.

- Thiếu tá Liepa và tôi không hề hát đồng ca, nếu đó là điều anh nghĩ. Tôi có mời ông ấy đến nhà chơi một tối, vậy thôi. Chúng tôi vừa nghe nhạc vừa cạn một chai whisky. Tối đó có một trận bão tuyết. Rồi ông ấy quay về khách sạn.

- Thiếu tá Liepa rất mê nhạc. Ông ấy phân nản là mình có quá ít thời gian để đi nghe hòa nhạc.

Tín hiệu báo động mỗi lúc một mạnh hơn. Ông ta muốn biết điều gì? Tay Upitis này là ai? Baiba Liepa ở đâu?

- Tôi có thể hỏi các ông đã nghe nhạc gì không?

- Opera. Maria Callas. Tôi không nhớ rõ lắm. Hình như là bản *Turandot*.

- Gì cơ?

- Một trong những tác phẩm hay nhất của Puccini.

- Và hai người đã uống whisky?

- Đúng.

- Và có một trận bão tuyết?

- Đúng.

Đây rồi nhé, Wallander sôi lên trong ý nghĩ. Ông ta muốn mình buột miệng mà nói gì đây?

- Các ông uống loại whisky nào?

- J&B, tôi nghĩ vậy.

- Thiếu tá Liepa uống không nhiều. Nhưng thỉnh thoảng

ông ấy cũng thích thư giãn bằng một cốc.

- À ra thế.

- Ông ấy luôn chùng mực về mọi chuyện.

- Tôi nghĩ là tôi say hơn ông ấy. Nếu đó là điều anh muốn biết.

- Có vẻ như là ông có một ký ức rất rõ nét về buổi tối hôm ấy?

- Chúng tôi đã nghe nhạc. Chúng tôi đã uống rượu. Chúng tôi đã chuyện gẫu. Tại sao tôi lại không nhớ cơ chứ?

- Dĩ nhiên là các ông đã nói về hai cái xác dạt vào bờ biển chứ?

- Theo trí nhớ của tôi thì không. Chủ yếu là thiếu tá Liepa nói. Về Latvia. Mặt khác cũng vào tối đó tôi biết ông ấy đã có vợ.

Đột nhiên ông cảm thấy một sự thay đổi trong bầu không khí. Upitis chăm chú nhìn ông, người tài xế vô thức cựa quậy trên ghế. Wallander hoàn toàn tin vào trực giác của mình, và trực giác nói với ông là họ vừa vượt qua cái điểm mốc mà Upitis hướng đến kể từ đầu cuộc trò chuyện. Nhưng có chuyện gì mới được chứ? Trong thâm tâm, ông nhìn thấy lại thiếu tá trên chiếc sofa, cái cốc Durablex tì vào một đầu gối, nhạc phát ra từ những cái loa âm thanh vòng của phòng sách.

Nhưng hẳn là phải có điều gì đó khác nữa... Điều gì đó biện minh cho việc tạo ra Mr. Eckers, căn cước bí mật cho một cảnh sát người Thụy Điển.

- Ông đã tặng cho thiếu tá Liepa một cuốn sách khi ông ấy về.

- Tôi đã mua một quyển sách ảnh về vùng Skåne. Có thể là nó không được độc đáo cho lắm, nhưng tôi không tìm được ý tưởng nào hay hơn.

- Thiếu tá Liepa rất thích món quà.
- Làm sao mà anh biết được chuyện ấy?
- Vợ ông ấy đã nói cho chúng tôi.

Cuộc trò chuyện kết thúc được rồi, Wallander nghĩ. Những câu hỏi này chỉ được mỗi một việc là làm trọng tâm câu chuyện bị dịch chuyển đi.

- Ông đã bao giờ hợp tác với cảnh sát các nước Đông Âu chưa?

- Có một lần chúng tôi từng đón tiếp một điều tra viên người Ba Lan. À, đúng, cả một nhóm tham quan người Litva nữa.

Upitis đẩy cuốn sổ bloc ra xa. Có vẻ như ông không hề ghi chép gì về cuộc trò chuyện, nhưng Wallander chắc chắn là ông đã biết được điều muốn biết. Gì cơ? *Mình đã nói gì quan trọng đến vậy trong khi chính bản thân mình còn không ý thức được đó là gì?*

Ông nhấp một ngụm trà lúc này đã lạnh ngắt. Đến lượt mình, ông nghĩ. Mình phải kéo lợi thế trong cuộc trò chuyện này về phía mình mới được.

- Tại sao thiếu tá lại chết?

- Thiếu tá Liepa rất quan tâm đến tình hình đất nước, Upitis chậm rãi trả lời. Chúng tôi thường xuyên nói về chuyện đó. Để biết liệu chúng tôi có thể làm gì.

- Và chính vì vậy mà ông ấy chết?

- Nếu không thì tại sao chúng lại giết ông ấy?

- Đó không phải là một câu trả lời. Đó là một câu hỏi khác.

- Đó là sự thật, tôi e là như vậy.

- Kẻ nào có lý do để giết ông ấy?

- Ông nhớ lại điều tôi vừa nói lúc nãy đi. Về những kẻ e sợ tự do ấy.

- Những con dao mà người ta mài sắc vào ban đêm?

Upitis gật đầu. Wallander cố suy nghĩ, tiêu hóa tất cả những gì ông vừa nghe được.

- Nếu tôi hiểu đúng, ông nói, thì các anh đại diện cho một tổ chức.

- Đúng hơn là một nhóm phi chính thức. Một tổ chức thì dễ định vị và nghiền nát hơn.

- Các anh muốn gì?

Upitis có vẻ ngần ngại.

- Chúng tôi là những người tự do, thưa ông Wallander. Mặc dù chúng tôi không có được tự do khách quan. Chúng tôi tự do theo cái nghĩa chúng tôi có khả năng phân tích những gì diễn ra xung quanh mình. Có lẽ cần phải nói thêm rằng phần lớn trong chúng tôi là trí thức. Các nhà báo, các nhà nghiên cứu, các nhà thơ. Có lẽ chúng tôi là hạt nhân của một phong trào chính trị có khả năng cứu đất nước này khỏi thảm họa. Nếu xảy ra tình cảnh hỗn loạn. Nếu Liên Xô can thiệp quân sự. Nếu không thể tránh được nội chiến.

- Thiếu tá Liepa có dính líu đến nhóm của các anh không?

- Có.

- Với tư cách là thủ lĩnh?

- Chúng tôi không có các thủ lĩnh, thưa ông Wallander. Nhưng thiếu tá Liepa là một thành viên quan trọng của chúng tôi. Nhờ công việc, ông ấy có được một vị trí quan sát lợi hại. Chúng tôi nghĩ là ông ấy đã bị phản thù.

- Phản thù?

- Cảnh sát đất nước này nằm trong tay lực lượng chiếm đóng. Thiếu tá Liepa là một ngoại lệ. Ông ấy chơi trò hai mang với các đồng nghiệp của mình. Ông ấy đã rất liều lĩnh.

Wallander nhớ đến những lời của các trung tá. *Chúng tôi sống tại một đất nước có hình thức kiểm soát công dân đạt đến mức độ hoàn hảo. Nếu thiếu tá Liepa có một cuộc sống hai mang, thì chúng tôi đã phải biết rồi.*

- Anh có nghĩ là một kẻ ở bên cảnh sát chính là thủ phạm giết ông ấy không?

- Chúng tôi không chắc chắn được. Nhưng chúng tôi ngờ rằng mọi việc đã diễn ra như vậy. Đó là giả thuyết duy nhất có thể đứng vững.

- Trong trường hợp ấy thì đó là kẻ nào?

- Chúng tôi hy vọng ông sẽ giúp chúng tôi tìm ra hắn.

Rốt cuộc thì đây rồi, Wallander nghĩ. Mọi chuyện đã bắt đầu ăn nhập với nhau. Ông nghĩ đến các lỗ hổng của cuộc điều tra liên quan đến cái chết của thiếu tá, và đến sự theo dõi mà bản thân ông là đối tượng kể từ khi đến Riga này. Một loạt mưu mẹo đánh lạc hướng đột nhiên hiện ra thật rõ ràng.

- Một trong hai viên trung tá, ông đề xuất ý kiến. Putnis hay Murniers?

Upitis đáp không chút do dự. Sau đó Wallander nghĩ là trong giọng nói của ông có một dấu hiệu chiến thắng nào đó.

- Chúng tôi nghi ngờ trung tá Murniers.

- Tại sao?

- Chúng tôi có các lý do của mình.

- Chúng là gì?

- Trung tá Murniers nổi bật về nhiều khía cạnh ở tư cách một công dân Liên Xô trung thành.

- Ông ta là người Nga?

Wallander kinh ngạc.

- Murniers đến đây trong chiến tranh. Bố ông ta chiến đấu trong Hồng quân. Ông ta bắt đầu làm việc trong ngành cảnh sát từ năm 1957. Hồi đó ông ta rất trẻ. Rất trẻ và rất hứa hẹn.

- Chắc là ông ta không sát hại một thuộc cấp của mình chứ?

- Không còn cách giải thích nào khác. Nhưng chúng tôi còn chưa biết liệu có phải ông ta đã tự tay làm việc ấy hay không. Có thể là một kẻ khác.

- Tại sao thiếu tá lại bị giết đúng vào buổi tối ông ấy từ Thụy Điển về?

- Thiếu tá Liepa là một người rụt rè. Đó là một điều mà người ta học được khi sống tại đất nước này. Chúng tôi rất thân với nhau. Nhưng, ngay cả với tôi, ông ấy cũng chỉ nói những gì tối thiểu mà thôi. Chúng tôi học được cách không chất lên bạn bè của mình những lời tâm sự. Tuy vậy ông ấy cũng đã cho chúng tôi biết là ông ấy đã dò ra một đầu mối.

- Đầu mối gì?

- Chúng tôi không biết.

- Nhưng các anh cũng phải biết điều gì đó chứ?

Upitis lắc đầu. Đột nhiên ông có vẻ kiệt sức. Người tài xế vẫn bất động trên chiếc ghế của mình.

- Làm sao các anh biết được là có thể tin vào tôi?
Wallander nói tiếp.

- Chúng tôi không biết. Nhưng chúng tôi phải liều thôi. Chúng tôi hình dung rằng một cảnh sát Thụy Điển sẽ không có ham muốn dính líu vào cuộc hỗn loạn đang ngự trị tại đất nước của chúng tôi.

Quá đúng, Wallander nghĩ. Mình không thích bị theo dõi, mình không thích đang nửa đêm mà bị dẫn đến một cái chòi thợ săn giữa rừng thông này. Quả thực, điều mình muốn nhất là được về lại Ystad.

- Tôi phải gặp Baiba Liepa, ông nói.

Upitis đồng ý.

- Chúng tôi sẽ liên lạc lại với ông bằng cách hỏi *Mr. Eckers*. Có lẽ là ngay ngày mai.

- Tôi có thể đòi được thăm vấn bà ấy một lần nữa.

- Không. Có quá nhiều cái tai rình mò nghe trộm. Chúng tôi sẽ tổ chức một cuộc gặp.

Im lặng trở lại. Upitis có vẻ đắm chìm trong các suy nghĩ. Wallander liếc nhìn về phía tay phải. Vệt sáng đã biến mất.

- Anh có nhận được câu trả lời mà anh trông đợi không?

Upitis mỉm cười không đáp.

- Buổi tối thiếu tá Liepa đến nhà tôi uống rượu whisky

và nghe bản *Turandot*, ông ấy không nói điều gì ngỡ hâu làm sáng tỏ được cái chết của ông ấy. Lẽ ra anh có thể đặt thẳng câu hỏi cho tôi.

- Tại đất nước của chúng tôi không có các đường tắt. Thường thì đường vòng là cách duy nhất khả dĩ và chắc chắn.

Upitis đứng dậy. Người tài xế vội làm theo.

- Tôi không muốn lại bị trùm đầu trên đường về nữa, Wallander nói. Ngứa lắm.

- Dĩ nhiên rồi. Ông phải hiểu rằng sự thận trọng của chúng tôi cũng là nhằm để bảo vệ ông nữa.

Chiếc xe lên đường quay trở lại Riga. Trời lạnh. Nhờ ánh trăng, Wallander nhìn rõ được hình bóng những ngôi làng say ngủ. Họ đi qua các ngoại ô, bóng các tòa nhà bất tận, các phố chìm trong bóng tối.

Chiếc xe thả ông lại đúng chỗ lúc trước. Upitis khuyên ông dùng đúng con đường cũ để quay trở vào khách sạn, nhưng ông thấy cửa bị khóa. Ông đang tự hỏi không biết phải làm gì thì đột nhiên nó nhẹ nhàng mở ra từ bên trong. Ngạc nhiên, ông nhận ra người đàn ông hai ngày trước đã mở cửa night-club của khách sạn cho ông. Anh ta dẫn ông đi theo cầu thang thoát hiểm và chỉ để ông lại sau khi ông đã mở cửa căn phòng số 1506. Đồng hồ chỉ hai giờ quá ba phút.

Trong phòng rất lạnh. Ông tự rót cho mình một cốc whisky, quần xung quanh người một cái chăn và ngồi vào bàn. Dù rất mệt, ông biết mình sẽ không thể ngủ được trước

khi dùng bút tóm tắt lại các sự kiện xảy ra trong đêm. Cái bút bị lạnh ngắt giữa các ngón tay ông. Ông gộp hết các ghi chép lại, nhắm nháp rượu whisky và bắt đầu suy nghĩ.

Quay trở lại từ đầu, Rydberg sẽ nói vậy. Bỏ qua những lỗ hổng và các vùng tối. Bắt đầu từ những gì anh biết chắc.

Nhưng thật ra thì ông biết gì? Hai người Latvia bị giết trôi dạt vào Mossby Strand trong một cái xuồng cứu sinh Nam Tư. Đó là một điểm khởi đầu không thể chối cãi. Một vị thiếu tá cảnh sát của Riga đến Ystad vài ngày trong khuôn khổ cuộc điều tra. Chính ông đã phạm phải sai lầm không thể tha thứ là đã không kiểm tra cái xuồng thật kỹ càng. Cái xuồng đã bị đánh cắp. Bởi tay kẻ nào? Thiếu tá Liepa quay về Riga. Ông trình báo cáo cho hai viên trung tá, Putnis và Murniers. Rồi ông về nhà và đưa cho vợ xem quyển sách được viên cảnh sát Thụy Điển Wallander tặng. *Ông ấy nói gì với vợ? Tại sao cô ấy lại nhờ tới sự giúp đỡ của Upitis? Tại sao cô ấy lại cải trang thành người phục vụ phòng? Tại sao cô ấy lại tạo ra Mr. Eckers?*

Wallander uống cạn cốc rượu và lại rót đầy thêm một lần nữa. Các ngón tay của ông trắng bệch; ông nhét hai bàn tay vào trong chăn để ủ ấm.

Hãy tìm mối liên hệ ngay ở nơi anh nghĩ sẽ không thể tìm được, Rydberg vẫn thường nói thế. Nhưng mối liên hệ nào mới được? Đầu mối chung duy nhất là thiếu tá Liepa. Người đã nói đến buôn lậu, buôn bán ma túy. Trung tá Murniers cũng vậy. Nhưng không có bằng chứng nào, chỉ có các giả thuyết.

Wallander đọc lướt qua các ghi chép của mình, vừa làm vậy vừa nghĩ đến một câu của Upitis. Ông ấy cũng đã cho chúng tôi biết là ông ấy đã dò ra một đầu mối.

Một đầu mối dẫn đến một trong số những con quái vật mà chính tay Upitis đó từng nói đến?

Tư lự, ông ngắm nhìn tấm ri đô đang động đậy nhẹ nhẹ trong một luồng không khí lưu chuyển.

Ông ấy đã bị phản thù. Chúng tôi nghi ngờ trung tá Murniers.

Liệu có thể như vậy được không? Wallander lại nghĩ đến một chuyện xảy đến hồi năm trước ở Malmö. Một cảnh sát đã lạnh lùng bắn chết một người đến xin tị nạn. Mọi chuyện đều có thể xảy ra.

Ông lại cầm lấy cái bút bi. *Những cái xác trong xuồng - ma túy - thiếu tá Liepa - trung tá Murniers.* Chuỗi sự kiện này có ý nghĩa gì? Upitis tìm kiếm điều gì? Liệu ông ta có tin rằng thiếu tá đã nói gì đó cho mình trong khi ngồi trên sofa nhà mình mà nghe Maria Callas hát? Ông ta muốn biết những gì đã nói tối hôm đó, hay chỉ đơn giản là liệu thiếu tá Liepa có tâm sự gì đó với mình hay không?

Ba giờ mười lăm phút. Wallander hiểu rằng ông sẽ không thể gặt hái thêm điều gì từ đêm nay nữa cả. Ông đi vào phòng tắm để đánh răng. Trong gương, ông nhận ra cái mũ trùm đầu đã để lại trên mặt ông những vết hằn đỏ.

Baiba Liepa biết những gì? Mình còn chưa nhìn thấy những gì?

Ông cởi quần áo và chui vào giường sau khi đã đặt

chuông báo thức bảy giờ. Không cách gì ngủ nổi. Ông nhìn đồng hồ đeo tay. Bốn giờ kém mười lăm phút. Những cái kim của chiếc đồng hồ báo thức sáng lấp lánh trong màn đêm. Ba giờ ba mươi lăm phút. Ông chỉnh lại gối rồi nhắm mắt lại. Đột nhiên ông rùng mình và nhìn lại một lần nữa vào đồng hồ đeo tay. Bốn giờ kém chín phút. Đồng hồ báo thức chỉ bốn giờ kém mười chín phút. Ông nhồm dậy. Đồng hồ đeo tay của ông chạy nhanh à? Điều này chưa bao giờ xảy ra. Ông với lấy đồng hồ báo thức để chỉnh lại theo đồng hồ đeo tay. Bốn giờ kém sáu phút. Rồi ông tắt đèn và nhắm mắt. Ngay trước khi chìm vào giấc ngủ, ông lại bị kéo giật trở lại. Nằm bất động trong bóng tối, ông nghĩ rằng đó là một ảo ảnh. Để kết thúc mọi chuyện, ông bật lại đèn, ngồi dậy trên giường và tháo hộp chiếc đồng hồ báo thức.

Máy nghe trộm không lớn hơn một đồng mười xăng tim; dày ba hay bốn milimet.

Nó được kẹp vào giữa hai cục pin. Thoạt tiên Wallander cứ tưởng đó là một đám bụi hay một mẫu băng dính màu xám.

Ông nằm im lìm một lúc lâu, cái hộp đồng hồ trên tay. Rồi ông lấp lại nắp.

Không lâu trước sáu giờ, ông rơi vào một dạng mơ màng đầy lo lắng.

Ông đã không tắt đèn đầu giường.

10

Khi tỉnh dậy, cơn giận dữ của ông vẫn còn nguyên. Ông vừa cảm thấy rõ rồi lại vừa cảm thấy hờ thẹn. Khi tắm, trong lúc sự mệt mỏi dần rời khỏi ông, ông quyết định phải làm rõ chuyện này càng sớm càng tốt. Hẳn các trung tá là nguyên do sự việc. Nhưng tại sao lại đề nghị sự giúp đỡ của ông nếu họ nghi ngại ông đến mức ấy? Người đàn ông mặc com lê xám, đó là một việc; một yếu tố của bức tranh mà ông nghĩ là đang tồn tại một cách rất bình thường đằng sau tấm màn sắt dường như vẫn còn chưa biến mất. Nhưng lên vào phòng ông để lắp một cái máy nghe trộm thì...

Bây giờ rồi, ông uống cà phê trong phòng ăn của khách sạn. Ông nhìn xung quanh xem có cái bóng nào không. Nhưng ông chỉ có một mình, cùng với hai người Nhật Bản đang mặt mày nhăn nhó nói chuyện với nhau. Không lâu trước tám giờ, ông bước ra ngoài phố. Không khí đã dịu lại. Tiền cảm của mùa xuân ư? Trung sĩ Zids, đứng bên cạnh xe ô-tô, lấy tay ra hiệu cho ông. Để che giấu sự bức dọc của mình, Wallander giữ cái im lặng khó chịu trên suốt chặng đường và

từ chối có người dẫn đến phòng làm việc. Ông cứ nghĩ mình đã biết hướng, nhưng hóa ra ông lại nhầm hành lang và buộc phải nhiều lần hỏi đường. Ông tức tối. Suýt nữa thì ông đập cửa phòng Murniers, nhưng rồi ông kìm lại được và bước vào phòng làm việc của mình. Ông vẫn còn mệt. Phải tập trung trí lực lại trước khi đối mặt với các viên trung tá. Ông vừa cởi áo vest thì điện thoại đổ chuông.

- Xin chào, thưa ngài Wallander, giọng của Putnis. Tôi hy vọng là anh đã ngủ ngon.

Chắc chắn ông biết là tôi đã không hề chợp mắt. Hẳn là bản báo cáo theo dõi đã nằm trên bàn làm việc của ông rồi.

- Tôi không có gì để phàn nàn cả. Cuộc thẩm vấn của anh ra sao?

- Không tốt lắm, tôi e là như vậy. Nhưng sáng nay tôi sẽ tiếp tục. Chúng tôi đã có các thông tin mới có khả năng làm thay đổi tình hình.

- Tôi cảm thấy mình vô tích sự quá. Tôi thấy thật khó hiểu không biết mình có thể giúp gì cho các anh.

- Các cảnh sát giỏi lúc nào cũng thiếu kiên nhẫn. Tôi đã nghĩ sẽ qua gặp anh, nếu không có gì bất tiện.

- Tôi ở đây mà.

Mười lăm phút sau, trung tá Putnis bước vào, theo sau là một cảnh sát viên trẻ tuổi mang một cái khay đựng hai tách cà phê. Quanh mắt Putnis có những viền màu tím.

- Trông anh có vẻ mệt mỏi đấy, Putnis ạ.

- Không khí trong phòng thẩm vấn rất tệ hại.

- Có lẽ là anh hút thuốc nhiều quá chăng?

Putnis nhún vai.

- Chắc chắn là vậy rồi. Tôi đã nghe nói các cảnh sát Thụy Điển hiếm khi mới hút thuốc. Nhưng tôi không hiểu tại sao mình có thể chịu đựng được một cuộc sống mà không có thuốc lá.

Thiếu tá Liepa, Wallander nghĩ. Không biết là ông ấy có đủ thời gian để nói với anh về cái sở cảnh sát kỳ cục ở Thụy Điển nơi người ta không được phép hút thuốc ngoài các khu vực được phép hay không?

Putnis rút bao thuốc của mình ra.

- Anh cho phép chứ?

- Anh cứ tự nhiên.

Wallander nhấp cà phê. Rất nặng, với một dư vị rất đắng. Putnis tư lự ngắm nhìn bùm khói đang bay lơ lửng lên trần nhà.

- Tại sao các anh lại cho theo dõi tôi? Wallander hỏi.

- Xin lỗi, anh nói gì cơ?

Cơn giận ngay lập tức chiếm lấy ông, trước cái vẻ ngây thơ vờ vịt đó.

- Các anh cho người đi theo tôi, đó mới là một chuyện. Nhưng tại sao lại đến mức có cả một cái máy nghe trộm nhét trong đồng hồ báo thức của tôi?

Putnis nhìn ông vẻ tư lự.

- Chắc là có chuyện hiểu lầm rồi. Một số thuộc cấp của tôi mắc cái thói quá hăng hái. Còn về phần các cảnh sát mặc thường phục thì là để bảo vệ an toàn cho anh.

- Liệu chuyện gì có thể xảy đến với tôi?

- Chúng tôi hy vọng là sẽ không có chuyện gì cả. Nhưng chừng nào vụ ám sát thiếu tá Liepa còn chưa được làm rõ, chúng tôi vẫn phải thận trọng cao độ.

- Tôi biết cách tự vệ. Nếu phát hiện thêm một cái máy nghe trộm nữa, tôi sẽ quay về Thụy Điển ngay đấy.

- Tôi rất tiếc. Tôi sẽ cạo cho người nào có liên quan một mẻ ra trò.

- Nhưng lệnh phải là của anh chứ?

- Không có máy ghi âm đâu. Hẳn là một trong số các đại úy đã tự ý làm cái việc đáng chê trách ấy.

- Cái máy rất nhỏ. Rất tinh vi. Tôi ngờ rằng có ai đó ngồi nghe trong một căn phòng bên cạnh phải không?

- Dĩ nhiên.

- Thế mà tôi cứ nghĩ là chiến tranh lạnh đã chấm dứt rồi cơ đấy.

- Khi một giai đoạn nhường chỗ lại cho một giai đoạn khác, một số người vẫn ở nguyên tại chỗ, Putnis triết lý. Tôi e rằng nhận định vừa rồi cũng đúng cho cả các cảnh sát.

- Anh có cho phép tôi đặt một số câu hỏi không trực tiếp liên quan đến cuộc điều tra không?

Nụ cười mệt mỏi lại xuất hiện trở lại.

- Tất nhiên rồi. Nhưng tôi không chắc là có thể trả lời để anh thỏa mãn được đâu đấy.

Sự lịch thiệp quá đà của người đàn ông này không ăn nhập gì với ý tưởng mà Wallander vẫn có về một cảnh sát Đông Âu. Ông nhớ rằng vào cuộc gặp đầu tiên giữa họ, Putnis đã tạo cho ông cảm giác về một con mèo. Một con đã

thú tươi cười, ông nghĩ. Một con đã thú tươi cười và lịch thiệp.

- Tôi công nhận những thiếu sót về hiểu biết của tôi về những gì liên quan tới tình hình Latvia. Nhưng tôi đã theo dõi các sự kiện hồi mùa thu, những xe tăng Nga trên phố phường, những người chết, những vụ vùi vĩnh của các "Mũ nồi đen". Tôi đã nhìn thấy các mặt tiền nhà nham nhở vết đạn. Ở đây có một ý chí phé bỏ sự chiếm đóng của Liên Xô. Và ý chí ấy vấp phải một sức cản.

- Tính chính đáng của tham vọng ấy, Putnis chậm rãi nói, là một chủ đề cần bàn cãi.

- Cảnh sát đứng ở đâu trong bối cảnh đó?

Putnis có vẻ ngạc nhiên.

- Dĩ nhiên chúng tôi là những người chịu trách nhiệm giữ gìn trật tự.

- Làm thế nào để giữ gìn trật tự được trước xe tăng?

- Chúng tôi lo sao cho mọi người thật yên ổn. Để không ai bị thương một cách vô ích.

- Dù thế nào thì đám xe tăng cũng phải bị coi là nguyên nhân chính của sự bất ổn có phải không?

Putnis cẩn thận dụi điều thuốc đã hút hết trước khi trả lời.

- Anh là một cảnh sát, giống như tôi. Chúng ta chia sẻ cùng một mục đích cao cả, đó là chiến đấu chống lại tội ác và làm thế nào cho mọi người đều cảm thấy được an toàn. Nhưng chúng ta làm việc trong các điều kiện rất khác nhau. Điều này dĩ nhiên gây ảnh hưởng đến cách thức chúng ta

hướng tới sứ mệnh của mình.

- Anh vừa nói đến bàn cãi. Hẳn cái đó cũng có liên quan đến cảnh sát...

- Tôi biết rằng ở phương Tây cảnh sát được coi là các công chức không phải tuân theo chính trị. Cảnh sát không buộc phải đứng về phía chính phủ đương nhiệm, hoặc chống lại. Về nguyên tắc, ở chỗ chúng tôi điều đó cũng đúng.

- Chỉ trừ việc ở chỗ các anh chỉ có một đảng cầm quyền duy nhất.

- Giờ thì không còn nữa rồi. Các tổ chức mới đã được tạo ra trong những năm vừa qua.

Putnis khéo léo né tránh tất cả các câu hỏi. Wallander quyết định chuyển sang tấn công trực diện.

- Vị thế cá nhân của anh là gì?

- Liên quan đến khía cạnh nào?

- Sự độc lập. Sự chấm dứt chiếm đóng.

- Một trung tá cảnh sát Latvia thường không phát biểu về vấn đề này. Ít nhất là khi nói chuyện với một người nước ngoài.

- Ở đây không có máy nghe trộm đâu, như tôi được biết, Wallander vẫn bướng bỉnh. Câu trả lời của anh sẽ không ai biết cả. Thêm nữa, tôi sắp quay về Thụy Điển rồi. Sẽ không có chuyện tôi tìm đến một cơ quan ngôn luận nào đó để nhắc lại những gì anh tâm sự với tôi đâu.

Putnis nhìn ông một lúc lâu trước khi trả lời.

- Tôi tin anh, tất nhiên rồi, thưa ông Wallander. Cứ cho rằng tôi thiện cảm với phong trào đang phát triển ở đất nước

chúng tôi, cũng như ở các nước láng giềng của chúng tôi, cũng như ở Liên Xô. Nhưng tôi e rằng không phải tất cả các đồng nghiệp của tôi đều chia sẻ quan điểm này.

Trung tá Murniers chẳng hạn. Nhưng cái đó thì anh sẽ không bao giờ nói đâu.

Putnis đứng dậy.

- Cảm ơn vì cuộc trò chuyện thú vị này, ông ta nói. Thật không may, một cá nhân rất đáng ghét đang chờ tôi trong phòng thẩm vấn. Thật ra, tôi chỉ đến để nói với anh rằng Ausma vợ tôi hôm nay bận việc và hỏi liệu anh có thể đến nhà chúng tôi ăn tối vào ngày mai hay không.

- Rất vui lòng.

- Trung tá Murniers mong anh qua gặp ông ấy trong sáng nay để cùng nhau định ra các nhiệm vụ được ưu tiên. Nếu về phần mình có được kết quả nào, tôi sẽ báo ngay cho anh.

Putnis rời khỏi phòng. Wallander đọc lại các ghi chép hồi đêm. *Chúng tôi nghi ngờ trung tá Murniers*, Upitis đã nói. *Chúng tôi nghĩ rằng thiếu tá Liepa đã bị phản thù.* *Chúng tôi nghi ngờ trung tá Murniers.*

Ông đứng trước cửa sổ để cho cái nhìn của mình đi lang thang phía trên các mái nhà. Chưa từng bao giờ ông rơi vào một cuộc điều tra giống như thế này. Những người ở đây sống một cuộc đời mà ông hoàn toàn không hiểu. Ông sẽ phải cư xử thế nào đây? Liệu có tốt hơn nếu quay về Thụy Điển luôn không? Cùng lúc, nỗi tò mò gặm nhấm ông, không thể chối điều đó được. Ông muốn biết tại sao viên thiếu tá cận thị nhỏ bé lại bị

giết. *Mối liên hệ nằm ở đâu?* Ông ngồi xuống lại và tiếp tục đọc các ghi chép của mình thêm một lần nữa. Điện thoại trên bàn đổ chuông. Ông nhấc máy, chờ nghe giọng của Murniers.

Tiếng lạo xạo thật kinh khủng. Đột nhiên, ông nhận ra Björk đang cố giải thích điều gì đó bằng thứ tiếng Anh tồi tệ của mình.

- Tôi đây! ông hét lên. Wallander đây!

- Kurt đấy à? Tôi nghe không rõ đâu. Sao đường dây lại kém đến mức này nhỉ? Anh có nghe thấy tôi nói không?

- Tôi có nghe thấy. Không cần phải hét lên đâu.

- Anh nói gì?

- Đừng hét. Nói chậm thôi.

- Khỏe không?

- Chúng tôi không tiến được mấy chút.

- Alô?

- Tôi nói mọi chuyện tiến triển rất chậm chạp. Anh có nghe thấy không đấy?

- Khó nghe lắm. Nói chậm lại và đừng hét lên. Khỏe không?

Đột nhiên đường dây trở nên thông suốt. Như thể Björk đang gọi từ phòng bên cạnh.

- Tốt hơn nhiều rồi đấy, Björk nói. Anh có thể nhắc lại được không?

- Mọi chuyện tiến triển chậm chạp lắm. Và thậm chí tôi còn không biết liệu chúng tôi có tiến lên hay không nữa. Một trung tá tên là Putnis đang thẩm vấn một nghi phạm từ hôm qua. Không cách nào biết được có kết quả gì hay không.

- Anh có làm được gì có ích ở đó không?

Wallander do dự trước khi trả lời.

- Có, cuối cùng ông nói. Tôi tin sự có mặt của tôi ở đây là có ích. Nếu anh không cần đến tôi trong vòng một thời gian nữa.

- Được, ở nhà đang khá yên ổn.

- Có tin tức gì về cái xuống không?

- Không.

- Ngoài đó ra thì sao? Martinsson có ở gần đấy không?

- Cậu ấy mắc cúm phải ở nhà rồi. Chúng tôi đã gác cuộc điều tra lại, vì bên Latvia đã tiếp quản nó. Chúng tôi không có gì mới cả đâu.

- Thế đã có tuyết chưa?

Câu hỏi không nhận được lời đáp; cuộc liên lạc vừa bị ngắt lại như thể có ai đó cắt dây điện thoại. Wallander bỏ máy và nghĩ mình sẽ phải tìm cách gọi điện cho bố. Ông vẫn chưa gửi mấy cái bưu ảnh. Không phải là ông còn phải tìm mua vài đồ lưu niệm Riga ư? Nhưng đồ lưu niệm gì bây giờ? Liệu người ta có thể mang gì từ Latvia về?

Một nỗi nhớ nhà mơ hồ tràn ngập con người ông trong một khoảnh khắc. Rồi ông uống cạn tách cà phê đã nguội lạnh và cắm cúi trở lại vào các ghi chép. Sau nửa tiếng ông đẩy cái phô to ra và đuổi người thư giãn. Sự mệt mỏi rút cuộc đã tóm lấy ông. *Trước hết mình phải nói chuyện với Baiba Liepa. Chừng nào còn chưa làm việc đó, mình không được phép chơi trò giải câu đố. Chính cô ấy mới nắm trong tay các thông tin mang tính quyết định. Mình phải hiểu được ý nghĩa của cuộc*

thăm vắn đêm qua. Điều Upitis hy vọng nghe thấy mình nói ra, hoặc e ngại là mình có biết...

Ông ghi tên Baiba Liepa và lấy bút vẽ một vòng tròn xung quanh, đi kèm với một dấu chấm than; rồi đến tên Murniers, đi kèm với một dấu hỏi. Tập hợp đồng giấy tờ lại, ông đứng dậy và đến gõ cửa phòng trung tá. Một giọng nói cầu nhàu vang lên. Ông bước vào. Murniers đang nói chuyện điện thoại và đưa tay chỉ cho ông một cái ghế. Ông ngồi xuống. Cuộc trò chuyện thật sóng gió. Giọng trung tá thỉnh thoảng giống như tiếng gầm rú, và Wallander lơ đãng nghĩ rằng cái thân hình cũ kỹ và nặng nề kia hóa ra lại chứa đựng những sức lực không thể coi nhẹ. Ông không hiểu lấy một từ của những gì ông ta thốt ra. Nhưng đột nhiên, ông thoáng nhận ra đó không phải là tiếng Latvia; âm điệu rất khác. Sau một lúc, ông nhận ra là Murniers đang nói tiếng Nga. Viên trung tá kết thúc bằng một tràng âm thanh gập ghềnh giống như một mệnh lệnh đầy áp sự đe dọa. Rồi ông ta dập mạnh máy điện thoại xuống.

- Bọn ngu, ông ta lẩm bẩm, tay cầm khăn mùi soa lau mặt.

Khi quay về phía Wallander, ông ta đã lại bình tĩnh và tươi cười.

- Thật là phức tạp khi gặp chuyện với các thuộc cấp kém cỏi. Bên Thụy Điển các anh có cùng vấn đề đó không?

- Thỉnh thoảng, Wallander lịch sự đáp.

Ông ngấm nhìn người đàn ông ngồi đối diện. Liệu ông ta có thể ám sát thiếu tá Liepa không? Dĩ nhiên là có thể. Kinh

nghiệm đã dạy cho ông ít nhất là điều này: không tồn tại những kẻ giết người; mà là những con người phạm tội sát nhân.

- Tôi nghĩ sẽ là có ích nếu chúng ta cùng nhau tóm tắt sự việc, Murniers nói. Tôi tin rằng kẻ đang bị trung tá Putnis thẩm vấn vào lúc này có dính líu theo một cách nào đó tới vụ này. Trong khi chờ đợi, có lẽ chúng ta nên cùng nhau tìm kiếm các góc độ mới, các cách tiếp cận mới chăng?

Wallander đột ngột quyết định chuyển sang thể tấn công.

- Tôi có cảm giác cuộc điều tra về hiện trường án mạng có rất nhiều thiếu sót.

Murniers nhướng mày.

- Như thế nào?

- Khi trung sĩ Zids dịch cho tôi bản báo cáo, tôi thấy có nhiều yếu tố rất lạ. Trước hết, có vẻ như là người ta không hề bận tâm đến bản thân bờ ke.

- Vậy theo anh chúng ta có thể tìm thấy gì ở đó?

- Vết bánh xe ô tô. Đêm ấy thiếu tá Liepa không đi bộ đến cầu.

Wallander chờ đợi một lời bình luận nhưng không thấy.

- Chúng ta cũng không tích cực tìm kiếm khẩu súng, ông nói tiếp. Nhìn chung, tôi thấy sẽ rất khó có chuyện vụ án mạng đã xảy ra ở đó. Trong báo cáo mà trung sĩ Zids dịch lại cho tôi, hiện trường án mạng được hiển nhiên coi như là chỗ ấy. Lời khẳng định này không hề có lập luận nào hỗ trợ. Nhưng điều làm tôi thấy lạ hơn cả là không hề có lời khai nhân chứng nào hết.

- Thì không có nhân chứng mà.

- Làm sao mà anh biết được điều đó?

- Chúng tôi đã nói chuyện với những người làm nhiệm vụ trông coi cây cầu. Không ai nhìn thấy gì cả. Thêm nữa, Riga là một thành phố không nhộn nhịp vào ban đêm.

- Tôi nghĩ nhiều hơn đến khu phố của thiếu tá Liepa. Ông ấy đã ra khỏi nhà rất muộn. Hẳn là ai đó đã nghe thấy tiếng cửa sập lại và tò mò nhìn ra bên ngoài. Có thể một chiếc ô tô đã đỗ lại. Nếu hăng hái một chút, gần như lúc nào người ta cũng có thể tìm được ai đó đã nhìn hoặc nghe thấy điều gì đó.

Murniers gật đầu.

- Chúng tôi đang làm đúng việc ấy vào thời điểm này. Nhiều cảnh sát đang đi khắp khu phố cùng với ảnh của thiếu tá Liepa.

- Liệu có phải là đã hơi muộn rồi không? Người ta quên mọi thứ nhanh lắm. Hoặc họ sẽ nhầm lẫn ngày giờ. Ngày nào thiếu tá Liepa cũng vào ra nhà mình.

- Đôi khi sẽ là tốt hơn nếu chờ đợi một chút. Khi tin đồn về cái chết của thiếu tá Liepa đã lan rộng, nhiều người đã tự tưởng tượng nhìn thấy đủ thứ. Để cho vài ngày trôi qua, chúng ta cho họ thời gian để suy nghĩ, lựa chọn giữa các quan sát có thực và tưởng tượng.

Có lẽ là Murniers có lý. Mặt khác, theo kinh nghiệm của Wallander, người ta có thể thu được lợi ích khi để giãn cách các cuộc gặp, vài ngày chẳng hạn.

- Các nhận xét khác? Murniers hỏi.

- Thiếu tá Liepa ăn mặc thế nào?

- Xin lỗi, anh nói gì cơ?

- Ông ấy mặc đồng phục cảnh sát hay quần áo bình thường?

- Ông ấy mặc đồng phục. Ông ấy đã nói với vợ là mình phải làm việc.

- Trong túi quần áo của ông ấy các anh đã tìm được những gì?

- Những điều thuốc lá và những que diêm. Vài đồng tiền. Một cái bút máy. Tấm thẻ cảnh sát của ông ấy ở túi trong áo vest. Ông ấy đã để ví lại ở nhà.

- Ông ấy có mang súng không?

- Thiếu tá Liepa không thích mang súng, trừ các trường hợp khẩn cấp.

- Ông ấy thường đi làm bằng phương tiện gì?

- Tất nhiên là ông ấy có một cái xe đi kèm với tài xế. Nhưng ông ấy thường chọn cách đi bộ, có Chúa mới biết là tại sao.

- Trong báo cáo về cuộc thẩm vấn Baiba Liepa, tôi đọc thấy rằng bà ấy không nhớ là đã nghe thấy có tiếng xe đỗ ngoài phố.

- Thì rõ là như vậy mà. Chúng tôi đã không gọi ông ấy. Ông ấy đã bị bắt.

- Vào thời điểm đó ông ấy còn chưa biết. Và ông ấy đã không quay về nhà. Hẳn là ông ấy nghĩ cái xe gặp phải chuyện gì đó. Vậy thì ông ấy sẽ làm gì?

- Chắc ông ấy đã chọn cách đi bộ. Nhưng về vấn đề này chúng tôi chưa chắc chắn được.

Wallander không còn câu hỏi nào khác. Cuộc trao đổi với Murniers càng khiến ông có cảm giác rõ rệt về việc cuộc điều tra đã được tiến hành rất cầu thả - một sự lơ là có chủ ý. Nhưng để che giấu điều gì mới được chứ?

- Tôi sẵn sàng bỏ vài giờ đến xem xét khu phố của thiếu tá, Wallander nói. Trung sĩ Zids có thể giúp tôi.

- Anh sẽ không tìm thấy gì đâu. Nhưng cứ làm như anh muốn. Nếu có tin mới từ cuộc thẩm vấn, tôi sẽ báo ngay cho anh.

Ông ta nhấn cái nút và trung sĩ Zids xuất hiện gần như ngay lập tức. Wallander yêu cầu bắt đầu bằng một vòng thành phố. Ông cần hít thở không khí trước khi quay trở lại với số phận của thiếu tá Liepa.

Công việc này có vẻ làm trung sĩ Zids vui, điều đó giúp anh ta giới thiệu các công viên và đại lộ, với rất nhiều lời bình luận. Họ đi dọc theo đại lộ bất tận Aspasia, con sông nằm bên tay trái họ; viên trung sĩ dừng xe lại để chỉ cho ông tượng đài tự do. Wallander cố hiểu ý nghĩa tượng trưng của cái cột trụ khổng lồ. Ông nghĩ đến những lời của Upitis, về tự do mà người ta có thể vừa mong muốn vừa e sợ. Vài người trong bộ dạng thảm hại, ăn mặc rách nát và run rẩy vì lạnh, nằm co ro dưới chân bức tượng. Wallander thấy một trong số họ lượm một đầu mẫu thuốc lá trên vỉa hè. Riga là một thành phố đầy rẫy những tương phản lớn, ông nghĩ. Tất cả những gì mình cảm thấy liền ngay lập tức bị loại trừ bởi một cảm giác trái ngược. Những tòa nhà bê tông trần trụi nằm ngay bên cạnh các kiệt tác đồ sộ có từ trước chiến tranh. Những lối đi bộ

rộng mênh mông dẫn đến các phố hẹp, nằm kề bên những khoảng sân lớn kiểu chiến tranh lạnh cùng các công trình thô kệch bằng đá granit.

Khi chiếc xe dừng lại ở các đèn đỏ, Wallander nhìn những người đi bộ dọc theo các vỉa hè. Họ có sung sướng không? Họ có khác biệt với những người sống ở Thụy Điển không? Không thể nào nói được.

- Công viên Verman, trung sĩ Zids thông báo. Ở kia có hai rạp chiếu phim, Spartak và Riga. Bên tay trái là Esplanade. Giờ đây chúng ta rẽ vào phố Valdemar. Khi nào đi sang bên kia bờ kênh, ông sẽ nhìn thấy nhà hát ở bên tay phải. Đây rồi, chúng ta rẽ sang trái, ke 11 tháng Mười một đấy. Tôi có phải tiếp tục không, thưa trung tá?

- Thôi thế là được rồi, Wallander nói - dĩ nhiên ông không hề có vẻ gì là một trung tá cả. Sau này anh sẽ giúp tôi mua đồ lưu niệm nhé. Ngay bây giờ thì tôi muốn anh dừng xe ở gần nhà thiếu tá Liepa.

- Phố Skarnu. Trung tâm khu phố cổ của Riga.

Anh ta dừng lại sau một cái xe tải bốc mùi thối hoảng đang đổ xuống các bao tải khoai tây. Wallander do dự một lúc, không biết có nên mang theo viên trung sĩ hay không. Không có anh ta, ông sẽ không thể hỏi được ai câu nào. Mặt khác, ông lại muốn được ở một mình với các quan sát và suy nghĩ riêng.

- Nhà thiếu tá Liepa đấy, viên trung sĩ chỉ vào một tòa nhà kẹt giữa hai tòa nhà lớn khác, như thể được chúng nâng đỡ hai bên.

- Căn hộ của ông ấy nhìn ra đường phải không?
- Trên tầng ba ấy, bốn cửa sổ bên tay trái.
- Đợi tôi ở đây nhé, Wallander nói.

Ngoài phố gần như vắng tanh mặc dù đang là giữa ngày. Wallander chậm rãi đi về hướng ngôi nhà mà thiếu tá Liepa đã rời khỏi vào buổi tối cuối cùng của ông. Một lần Rydberg đã nói rằng một cảnh sát phải giống như một kịch sĩ: có khả năng hiểu được người không quen bằng chính cảm giác của người đó, luồn vào bên trong bộ da của một tên giết người hoặc một nạn nhân, tưởng tượng ra các suy nghĩ và sơ đồ phản ứng của một người lạ. Wallander mở cửa và bước vào sảnh, trong đó thoang thoảng mùi nước tiểu hăng hắc. Ông thả tay, cánh cửa im lìm khép lại.

Trực giác đó đến với ông từ đâu? Không bao giờ ông chắc chắn được cả. Nhưng ở đây, đột nhiên, trong cái khung cầu thang lẫn vào bóng tối ấy, có vẻ như là trong một lóe sáng ông chợt hiểu thấu điều có thể đã xảy ra. Đó là một ánh chớp, ngay lập tức tan biến, chiếu sáng một điều vô cùng quan trọng. Không được quên điều gì trong số những cái ông vừa thoáng nhìn thấy. *Đã có chuyện gì đó từ trước.* Trong lúc thiếu tá Liepa tới Thụy Điển, rất nhiều sự kiện đã xảy ra. Cái xuống do bà góa Forsell phát hiện tại Mossby Strand chỉ là một yếu tố trong cái bối cảnh rộng hơn nhiều mà thiếu tá đã dò ra đầu mối. Đó chính là điều mà Upitis muốn hướng tới với các câu hỏi của mình: liệu có phải là thiếu tá Liepa đã hé lộ về các nghi ngờ, liệu ông có nói về những gì ông biết, hoặc đoán được, liên quan đến một tội ác tại đất nước của ông? Đột

nhiên Wallander thấy thật rõ ràng là ông đã nhảy qua một mắt xích cốt yếu trong quá trình lập luận. Nếu thiếu tá Liepa bị một đồng nghiệp phản bội - có thể là trung tá Murniers - thì tại sao lại không nghĩ rằng ngoài Upitis còn có nhiều người khác cũng tự đặt cho mình những câu hỏi ấy? *Thật ra thì viên cảnh sát Thụy Điển Kurt Wallander biết những gì?* Liệu có thể nào thiếu tá Liepa đã nói về những gì ông biết hay nghi ngờ không?

Cùng lúc ấy, ông hiểu ra là nỗi sợ mà ông cảm thấy hai lần liền kể từ khi có mặt ở Riga là một tín hiệu báo động. Có thể là ông đã không đề phòng đúng mức hay chăng? Những kẻ đã giết hai người đàn ông trong chiếc xuồng và thiếu tá Liepa sẽ không ngần ngại một giây lặp lại hành động, nếu chúng thấy điều đó cần thiết.

Ông ra khỏi nhà, đi qua phố và ngẩng đầu về phía các cửa sổ. *Hắn là Baiba Liepa phải biết... Nhưng tại sao cô ấy không tới cái chòi thợ săn? Hay là cô ấy bị theo dõi? Liệu có phải vì lẽ đó mà mình đã trở thành Mr. Eckers không? Tại sao người ta lại để cho mình nói chuyện với Upitis? Upitis là ai? Và ai đã lắng nghe đằng sau cánh cửa khép hờ?*

Cảm giác của kẻ khác, ông nghĩ. Sân khấu đơn độc, lúc này hoặc không bao giờ cả. Đó chính là điều Rydberg sẽ làm nếu ở vào vị trí của mình.

Thiếu tá Liepa từ Thụy Điển trở về. Ông báo cáo cho Putnis và Murniers, rồi ông về nhà. Một điều gì đó trong báo cáo của ông về cuộc điều tra tiến hành ở Thụy Điển vừa ký vào bản án tử hình dành cho ông. Ông ăn tối với vợ, cho cô

xem quyển sách mà ông nhận được từ viên cảnh sát Thụy Điển. Ông hài lòng vì đã về đến nhà, ông không hề nghĩ là mình đang trải qua buổi tối cuối cùng của cuộc đời. Sau khi ông chết, bà vợ góa của ông liên lạc với viên cảnh sát Thụy Điển, tạo ra nhân vật Mr. Eckers. Một người đàn ông tự nhận mình tên là Upitis buộc ông ta phải trải qua một cuộc phỏng vấn với mục đích tìm ra những gì ông ta biết hoặc không biết. Viên cảnh sát Thụy Điển được mời đến để giúp đỡ, mặc dù không hề được nói chính xác cho biết liệu mình có thể có ích theo cách nào. Tuy nhiên ông ta hiểu rằng có tồn tại liên hệ giữa một tội ác và sự căng thẳng chính trị đang ngự trị tại đất nước này. Và đây chính là cái mất xích phụ cần phải cho thêm vào: chính trị. Liệu đó có phải là chủ đề trò chuyện giữa thiếu tá và vợ trong buổi tối cuối cùng ấy không? Không lâu trước hai mươi ba giờ, điện thoại đổ chuông. Kẽ nào gọi? Dù thế nào thì thiếu tá Liepa cũng không hề ngờ đến việc bản án tử hình của mình vừa chuyển sang giai đoạn thực thi. Ông nói là ông bị gọi đi làm việc, ông rời khỏi nhà. Ông không trở về nữa.

Không có cái xe nào đến, Wallander nghĩ. Ông đợi vài phút. Ông vẫn chưa nghĩ ngờ điều gì. Sau một lúc, ông tự nhủ chắc xe bị hỏng. Ông quyết định cuộc bộ.

Wallander rút tấm bản đồ Riga từ túi áo ra và bắt đầu bước đi.

Trung sĩ Zids quan sát ông từ xe ô tô. Anh ta sẽ báo cáo về các hành động của mình cho ai? Wallander nghĩ. Cho trung tá Murniers chăng?

Giọng nói ở điện thoại hẳn đã làm ông tin tưởng. Ông đã

không nghi ngờ gì cả - trong khi đứng ra ông phải nghi ngại tất cả mọi người. Ông tin tưởng vào ai?

Câu trả lời tuột ra ngay: tin tưởng Baiba Liepa, vợ ông.

Wallander hiểu mình sẽ không đạt được gì cả bằng cách đi lang thang như vậy, một tấm bản đồ thành phố cầm trên tay. Những kẻ - hẳn chúng phải có ít nhất hai tên - đến tìm thiếu tá trong chuyến đi cuối cùng của ông hẳn đã vấp phải một sự cảnh giác to lớn. Nếu muốn tiến lên được, ông phải đi theo các hướng khác.

Khi quay trở về chỗ cái xe, ông nghĩ đến sự thiếu vắng kỳ cục của một bản báo cáo viết tay liên quan đến chuyến đi của thiếu tá Liepa sang Thụy Điển. Thiếu tá đã không ngừng ghi chép hồi còn ở Ystad, Wallander đã chính mắt trông thấy điều đó. Và đã nhiều lần ông nhấn mạnh tầm quan trọng của việc viết ngay các báo cáo chi tiết. Ký ức ở dạng lời nói hoàn toàn là không đủ đối với một cảnh sát chu đáo.

Nhưng trung sĩ Zids đã không dịch cho ông một báo cáo nào do chính tay thiếu tá viết. Cả Putnis lẫn Murniers đều chỉ tường thuật bằng lời về cuộc gặp cuối cùng của họ với thiếu tá.

Trong thâm tâm ông như thể nhìn thấy thiếu tá: máy bay vừa cất cánh từ Sturup là ông đã bỏ cái bàn nhỏ gá vào ghế ra và bắt đầu viết bản báo cáo của mình. Trong khi chờ đợi ở sân bay Stockholm ông tiếp tục viết và ở đoạn cuối của chuyến đi, khi đang bay trên bầu trời Baltic, ông vẫn không ngừng làm việc.

Ông trèo lên ghế sau ô tô.

- Thiếu tá Liepa có để lại bản báo cáo nào về chuyến đi Thụy Điển của ông ấy không?

Trung sĩ Zids nhìn ông về kính ngạc trong gương chiếu hậu.

- Làm sao mà ông ấy có đủ thời gian làm việc ấy được?

Ông ấy có đủ thời gian, Wallander nghĩ. Bản báo cáo ấy chắc chắn phải tồn tại ở đâu đó. Nhưng có lẽ ai đó không muốn mình nhìn thấy nó.

- Chúng ta sẽ đi tìm quà lưu niệm, ông nói. Sau đó chúng ta sẽ ăn trưa. Nhưng lần này thì không được chơi trò dọa chủ quán đâu đấy.

Zids đỗ xe trước cửa hàng trung tâm. Wallander đi vòng vòng các giá hàng suốt một tiếng đồng hồ, viên trung sĩ bám sát sau lưng. Rất đông khách, nhưng ít hàng. Sự chú ý của ông chỉ sống dậy khi đến trước đồng sách và đĩa nhạc. Ông tìm được vài đĩa opera do các dàn nhạc và ca sĩ Nga thực hiện, giá rất thấp. Ông lấy thêm vài quyển sách nghệ thuật, cũng rẻ như vậy. Ông còn chưa biết sẽ tặng chúng cho những ai. Người ta gói các thứ đồ ông mua lại, và viên trung sĩ, có vẻ biết rất rõ nơi này, bình thản dẫn ông đi từ quầy tính tiền này sang quầy tính tiền khác. Tiến trình sự việc kéo dài đến mức Wallander bắt đầu toát mồ hôi.

Ngoài phố, ông thẳng thừng đề nghị ăn trưa ở khách sạn Latvia. Viên trung sĩ gật đầu vẻ hài lòng, như thể những lời khuyên của anh ta cuối cùng đã được lắng nghe.

Wallander lên phòng cất các món quà. Ông cởi áo vest để lại đó và tròng trình bật vòi nước rửa tay, với niềm hy vọng

ngu ngốc là điện thoại sẽ đổ chuông và sẽ có ai đó xin được gặp *Mr. Eckers*. Nhưng điện thoại cứ im lìm và ông lại trở ra đi cái thang máy cộc cạch xuống đến tầng trệt. Mặc dù có trung sĩ Zids ở đó, khi đưa chìa khóa cho tiếp tân ông vẫn hỏi có ai để lại lời nhắn cho ông không; không có. Ông liếc mắt nhìn khắp phòng để tìm kiếm một cái bóng. Không có gì cả. Ông bảo Zids đi vào phòng ăn trước để hỏi liệu người ta có thể cho họ ngồi một cái bàn khác được không.

Đột nhiên ông nhìn thấy một người phụ nữ đang ra hiệu với mình. Bà ngồi sau một cái quầy bán báo và bưu ảnh. Ông ngoái nhìn lại đằng sau mình, nhưng rõ ràng là bà đang ra dấu với ông. Ông tiến lại gần.

- Ông Wallander có muốn mua bưu ảnh không?

- Có thể là không phải ngay bây giờ, Wallander nói, ngạc nhiên vì nghe thấy tên mình.

Người phụ nữ trạc năm mươi tuổi. Bà mặc một bộ đồ màu ghi, và môi đánh một loại son quá đỏ hoàn toàn không hợp với bà.

Bà chìa cho ông vài tấm bưu ảnh.

- Không phải là chúng rất đẹp sao? Chúng không làm ông cảm thấy ham muốn khám phá đất nước của chúng tôi sao?

- Thật không may là tôi không có thời gian. Nếu không thì chắc chắn là tôi rất sẵn lòng.

- Nhưng có lẽ là ông có thời gian đến nghe một buổi biểu diễn đàn organ chứ? Dù thế nào thì ông cũng rất thích nhạc cổ điển mà.

Ông rùng mình. Làm thế nào mà bà ta lại biết được sở thích âm nhạc của ông? Chúng không hề được ghi trên hồ chiếu...

- Tối nay có một buổi hòa nhạc ở nhà thờ Saint Gertrude, vào lúc bảy giờ. Đây là đường đi, nếu ông muốn đi bộ đến đó.

Bà chìa cho ông một sơ đồ đường đi vẽ bằng bút chì, mặt sau viết hai chữ. *Mister Eckers*.

- Buổi hòa nhạc miễn phí, bà nói thêm khi nhìn thấy ông rút ví tiền ra.

Wallander gật đầu và cho mẩu giấy vào trong túi. Ông chọn vài tấm bưu ảnh và bước vào phòng ăn.

Lần này, ông chắc chắn mình sẽ được gặp Baiba Liepa.

Trung sĩ Zids ra hiệu cho ông. Anh ta vẫn ngồi ở chỗ cái bàn quen thuộc. Lần này thì phòng đông ních người. Các cô phục vụ có vẻ rất bận rộn.

Wallander ngồi xuống và bày những tấm bưu ảnh ra.

- Chúng tôi sống tại một đất nước rất đẹp, trung sĩ Zids nói.

Một đất nước bất hạnh, Wallander nghĩ. Bị tổn thương, bị chảy máu, giống như một con thú bị lù thợ săn dồn đến bước đường cùng.

Tối nay mình sẽ gặp một trong những con chim mang đôi cánh rướm máu ấy. Baiba Liepa.

11

Wallander rời khỏi khách sạn vào lúc mười bảy giờ ba mươi. Nếu trong một tiếng đồng hồ mà ông không tìm được cách thoát khỏi những cái bóng vẫn theo sát ông khắp nơi, thì ông có thể sẽ phải tuyên bố thua cuộc và chấp nhận mình sẽ không bao giờ làm được việc ấy. Sau khi chia tay trung sĩ Zids sau bữa trưa - ông cáo từ với cái cơ phải làm xong một việc ở trên phòng - ông dành cả buổi chiều để hình dung các chiến lược nhằm đánh lạc hướng những tên lính gác của mình.

Ông không có kinh nghiệm nào trong lĩnh vực này hết. Bản thân ông cũng mới chỉ theo dõi một kẻ bị tình nghi trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt. Ông lục lại trong trí nhớ. Rydberg đã bao giờ nói điều gì khôn ngoan về cái nghệ thuật bám đuôi đầy khó khăn hay chưa? Nhưng theo những gì ông còn nhớ được, Rydberg không hề có ý kiến nào về vấn đề này. Thêm nữa, ông đang rơi vào tình thế tồi tệ nhất, vì ông không hề biết gì về thành phố. Ông sẽ buộc phải nắm ngay lấy cơ hội khi nó đến, và các cơ may thành công của ông có vẻ là rất nhỏ.

Tuy nhiên ông phải thử, ông không có lựa chọn nào cả. Hẳn là Baiba Liepa sẽ không phải nỗ lực nhiều đến thế để bảo vệ các cuộc gặp của họ nếu cô không thấy như vậy là cần thiết. Ông không thể tưởng tượng được chuyện người phụ nữ từng là vợ của thiếu tá lại thích thú những trò bi kịch hóa không ích lợi gì.

Trời bắt đầu tối khi ông rời khỏi phòng. Ông để lại chìa khóa chỗ tiếp tân, không nói mình sẽ quay về vào khoảng mấy giờ. Ngôi nhà thờ nơi buổi hòa nhạc được tổ chức nằm không xa khách sạn. Ông nuôi trong lòng một niềm hy vọng mơ hồ về việc có thể tan biến vào dòng người đang trở về nhà sau giờ làm việc.

Gió đã nổi lên. Ông cài kín cúc áo vest lên đến cổ và liếc nhìn nhanh ra xung quanh. Không thấy một cái bóng nào. Dĩ nhiên rồi. Chúng có bao nhiêu người? Ông đã đọc ở đâu đó rằng các chuyên gia không đi theo mỗi ngấm của mình; họ sẽ đi trước, không ngừng chiếm lấy các vị trí khác nhau. Không hề vội vã, ông bắt đầu bước đi, liên tục dừng lại trước các cửa kính. Vì không có lựa chọn nào tốt hơn, ông quyết định vào vai người dạo chơi buổi tối, một người nước ngoài đang thăm thú Riga, có thể là đang tìm kiếm những món đồ lưu niệm để mang về nước. Ông đi ngang qua Esplanade và đi vào phố chạy chệnh chéch phía sau tòa nhà quốc hội. Trong thoáng chốc, ông định gọi một chiếc taxi để đi một quãng đường trước khi đổi sang xe khác. Nhưng chắc chắn đó là một thứ mưu mẹo quá mức ngây ngô. Những kẻ đi theo ông chắc chắn cũng có xe và khả năng biết được trong một thời gian rất ngắn

đích đến của tất cả những chiếc taxi của thành phố và danh tính hành khách của chúng.

Ông dừng lại trước một cửa hàng tối tăm bán quần áo đàn ông. Ông không nhận ra khuôn mặt nào trong số các khuôn mặt đi qua sau lưng ông có hình ảnh phản chiếu trong kính. *Mình phải làm gì bây giờ? Baiba, lẽ ra cô phải nói cho Mr. Eckers làm thế nào để đến được nhà thờ mà không ai hay biết.* Ông lại tiếp tục đi. Ông thấy lạnh buốt hai bàn tay và tiếc vì đã không mang theo đôi găng.

Tuân theo một ý thích bất chợt, ông bước vào một quán cà phê. Bên trong đông kín người và mù mịt khói, bốc mùi bia, thuốc lá, mồ hôi. Ông đưa mắt tìm một cái bàn nhưng chỉ thấy một cái ghế trống, bên cạnh hai người đàn ông lớn tuổi đang say sưa trò chuyện. Khi ông dùng cử chỉ để hỏi liệu mình ngồi xuống được không, họ chỉ gật đầu ra dấu là được. Một cô phục vụ xách áo đầy những vết mồ hôi loang lổ hét lên điều gì đó với ông, ông bèn đưa tay chỉ vào mấy cái cốc của những người ngồi bên cạnh, mắt vẫn không rời khỏi cửa ra vào. Cô phục vụ mang đến cho ông một cốc bia và đặt tiền thừa xuống mặt bàn dính dáp. Một gã đàn ông vận áo vest da cũ sồn bước vào. Wallander đưa mắt dõi theo hắn. Gã đàn ông ngồi vào giữa những người vây quanh một cái bàn đang có vẻ rất sốt ruột chờ đợi. Wallander nhăm nháp cốc bia và nhìn đồng hồ đeo tay. Mười tám giờ kém năm phút. Cần phải có một quyết định. Toa lét nằm ngay sau lưng ông. Mùi nước tiểu thoang thoảng bay đến mỗi lần có người mở hay đóng cửa. Ông uống hết một nửa cốc bia và cũng đứng dậy. Một bóng đèn không

chup treo trên trần. Ông đứng trong một hành lang hẹp, hai bên là vài khoang vệ sinh nhỏ, và một bồn tiểu ngay trước mặt. Ông đã hy vọng tìm được một cánh cửa thoát hiểm, nhưng chỉ có một bức tường gạch. *Mình sẽ không làm được việc này. Thậm chí còn không đáng để thử nữa. Làm thế nào để thoát được những gì người ta còn không nhìn thấy? Mr Eckers sẽ không may mà dẫn theo người đến buổi hòa nhạc tối nay.* Sự bất lực của chính ông làm ông tức tối. Ông vờ ra đứng trước bồn tiểu. Đúng lúc đó cửa mở ra. Một người bước vào một khoang vệ sinh rồi đóng cửa lại.

Gã đàn ông vào quán sau ông. Ông chắc chắn điều đó, ông vốn có một trí nhớ rất tốt về các khuôn mặt và quần áo. Ông không do dự nữa. Nguy cơ phạm phải một sai lầm là rất lớn. Nhưng mặc kệ thôi. Ông bước ra mà không quay đầu lại, đi ngang căn phòng nồng nặc khói. Khi đã ra ngoài phố, ông dò xét trong bóng tối. Không có gì. Ông quay ngược trở lại, rẽ vào một phố nhỏ và bắt đầu chạy. Đến đoạn cắt với Esplanade, ông nhìn thấy một cái xe bus đang đậu ở bến và leo lên được ngay trước khi các cánh cửa đóng lại. Ông xuống ở bến sau đó - không có ai bắt ông trả tiền - rồi khỏi đại lộ và lại đi sâu vào các phố nhỏ. Ông dừng lại dưới một cột đèn, lấy tấm bản đồ thành phố ra để định hướng. Vẫn còn khá sớm. Ông trốn vào dưới một cổng nhà. Mười phút sau, ông vẫn không thấy có kẻ nào khả nghi đi qua. Ông không thể chắc là mình đã đánh lạc hướng được những tên lính gác, nhưng ít nhất thì ông cũng đã cố gắng hết sức.

Ông bước qua ngưỡng cửa nhà thờ vào lúc mười chín giờ kém chín phút. Có rất đông người ở bên trong. Ông đưa mắt tìm chỗ trống ở đầu một ghế băng và tìm thấy một chỗ trong gian giữa. Ông ngồi xuống và quan sát đám đông vẫn tiếp tục đổ tới. Ông không nhìn thấy một khuôn mặt khả nghi nào, và cũng không nhìn thấy Baiba Liepa.

Tiếng đàn organ bắt đầu vang lên. Đó là một cú sốc. Giống như là không gian nổ tung dưới tác động của âm thanh kỳ vĩ. Wallander nghĩ đến cái ngày bố ông dẫn ông đến một nhà thờ khi ông còn nhỏ. Tiếng đàn organ đã gây cho ông một nỗi sợ hãi lớn đến mức ông òa lên khóc. Ở đây thì ngược lại, nó làm ông thấy dịu lại. Bach đúng là không có tổ quốc, ông nghĩ. Âm nhạc của ông ở khắp mọi nơi. Ông để cho nó xâm nhập con người mình mà không kháng cự. *Cú điện thoại có thể là của Murniers. Một chi tiết nào đó trong những gì thiếu tá nói sau khi từ Thụy Điển trở về hẳn đã buộc ông ta tìm cách làm thiếu tá câm miệng ngay lập tức. Có thể thiếu tá đã nhận lệnh đến ngay tổng hành dinh cảnh sát. Có thể ông đã bị giết ngay tại đó. Không có gì nói ngược lại giả thuyết này.*

Đột nhiên ông bị lôi tuột ra khỏi các suy nghĩ, như thể có ai đó đang quan sát ông. Ông nhìn xung quanh nhưng chỉ thấy những gương mặt khép kín, tập trung cao độ vào âm nhạc. Trước ông toàn lưng và gáy. Ông quay đầu về phía gian bên.

Ánh mắt Baiba Liepa giao với ánh mắt ông. Cô đang ngồi giữa một hàng ghế, vây xung quanh là những người có

tuổi. Cô đội một cái mũ bonê lông. Khi chắc chắn Wallander đã nhìn thấy mình, cô quay đầu đi. Cho đến cuối buổi hòa nhạc kéo dài hơn một giờ, ông cố gắng không nhìn về phía cô. Nhưng cái nhìn của ông như thể gặp lực hút, và ông tự bắt chột mình hai hay ba lần vẫn quan sát cô dù không hề muốn. Cô đang nghe nhạc, hai mắt nhắm lại. Một cảm giác phi thực xâm chiếm lấy ông. Vài tuần trước, chồng của người phụ nữ này đã ngồi trên chiếc sofa tại Mariagatan. Họ đã cùng nhau nghe Maria Callas hát *Turandot*, trong khi cơn bão tuyết gầm thét ở bên ngoài. Giờ đây, ông đang ở trong một nhà thờ Riga, thiếu tá đã chết, và vợ góa của ông đang nhắm mắt lắng nghe một bản fuga của Bach.

Hắn cô ấy phải biết cách đi khỏi đây. Chính cô ấy đã chọn nơi này, chứ không phải mình.

Đến cuối buổi hòa nhạc, đám đông đứng dậy không chờ đợi thêm nữa và đổ dồn về phía cửa. Sự vội vã này làm Wallander kinh ngạc. Như thể âm nhạc chưa hề tồn tại, như thể các thánh giả đang sơ tán khỏi nhà thờ vì có báo động bom vậy. Trong đám người nhộn nhạo, ông không nhìn thấy Baiba Liepa đâu nữa và thấy mình đang bị đám đông cuốn đi. Đột nhiên ông nhìn thấy cô, đang nấu mình trong bóng tối gian phụ phía bên kia. Ông tin là mình vừa trông thấy một tín hiệu từ cô, ông bèn cố gắng tách ra khỏi đoàn người để đến chỗ cô.

- Đi theo tôi, cô thì thầm.

Đi vòng tránh một gian nhỏ dùng làm hầm mộ, Wallander nhìn thấy một cánh cửa nhỏ, Baiba mở nó bằng một cái chìa khóa to hơn bàn tay cô. Họ đã ở bên ngoài. Cô liếc

nhìn nhanh ra xung quanh trước khi đi vào giữa những ngôi mộ không được chăm chút cẩn thận bên trên cắm thập tự bằng sắt đã gỉ. Ông đi theo cô. Đến đầu kia của nghĩa trang, cô mở một cánh cổng dẫn ra một phố nhỏ. Wallander nhìn thấy một cái ô tô tắt hết đèn pha. Nó kêu khùng khục khi được mở máy. Lần này thì ông chắc chắn được đó là một chiếc Lada. Họ lên ngồi ở băng ghế sau. Người tài xế còn rất trẻ, anh ta cũng hút những điếu thuốc lá nặng. Baiba Liepa quay sang ông nở một nụ cười thoáng qua, và chiếc xe lao vào một đường phố huyết mạch mà ông đoán là đại lộ Valdemar. Họ đi về phía Bắc, đi ngang qua một công viên mà Wallander nhận ra được vì đã cùng trung sĩ Zids đến xem. Baiba Liepa hỏi người tài xế một điều gì đó, anh ta lắc đầu. Wallander để ý thấy anh ta thường xuyên liếc nhìn gương chiếu hậu. Chiếc xe rẽ sang trái, rồi lại sang trái một lần nữa. Đột nhiên người tài xế nhấn mạnh cần ga và quay ngoặt xe trở lại. Họ lại đi qua phía trước công viên, giờ đây Wallander đã chắc chắn đó là công viên Verman. Họ lại đi về phía trung tâm thành phố. Baiba Liepa cúi người về phía trước như thể cô đang ra các mệnh lệnh câm lặng cho người tài xế, hơi thở của cô phả cả vào gáy anh ta. Họ đi theo đại lộ Aspasias, rồi một quảng trường không một bóng người khác, trước khi qua sông bằng một cây cầu mà Wallander không biết tên.

Khu phố họ vừa đi vào là một tổ hợp của các nhà máy rệu rã và các tòa nhà u buồn. Người tài xế giảm tốc độ, Baiba Liepa thả lỏng người trên ghế; Wallander nghĩ mình hiểu họ cho rằng tất cả những kẻ bám đuôi đều đã bị đánh lạc hướng.

Vài phút sau, chiếc xe đỗ lại trước một ngôi nhà hai tầng xập xệ. Baiba Liepa ra hiệu cho Wallander theo mình xuống khỏi xe. Cô đi qua một cánh cổng sắt, đi theo lối đi rải sỏi và mở cửa bằng một cái chìa khóa mà cô cầm sẵn trên tay. Wallander nghe thấy tiếng chiếc xe nổ máy ở sau lưng. Ông bước vào một cái sảnh thoang thoang mùi thuốc diệt côn trùng, được chiếu sáng bởi một bóng đèn yếu điện treo dưới một cái chụp vải đỏ - giống hệt lối vào một hộp đêm đáng ngờ. Cô cởi chiếc măng tô nặng trĩu của mình, ông để áo vest xuống một cái ghế và theo cô đi vào một phòng khách nơi thoát đầu ông chỉ để ý đến một cây thập tự lớn treo trên tường. Cô bật vài cái đèn. Giờ đây trông cô rất bình tĩnh. Cô ra hiệu bảo ông ngồi xuống.

Sau này, ông sẽ rất ngạc nhiên vì mình không còn nhớ gì về căn phòng nơi ông đã gặp Baiba Liepa nhiều lần. Không gì hết, ngoài cây thập tự đen dài đến một mét treo giữa hai cửa sổ kéo kín ri đô, và mùi thuốc diệt côn trùng ở lối vào. Nhưng cái phôi toi sần rách nơi ông đã nghe câu chuyện đáng sợ của cô có màu gì? Không thể biết được. Như thể các cuộc nói chuyện của họ đã diễn ra trong một căn phòng có đồ đạc vô hình. Cây thập tự đen như thể có khả năng bay lơ lửng trong không khí, tràn đầy một thứ khí lực thần thánh.

Cô mặc một bộ đồ màu gỉ sắt - sau này ông sẽ biết thiếu tá đã mua nó tại một cửa hàng ở Ystad. Cô mặc nó để tưởng nhớ ông, cô nói. Cùng lúc, đó là một cách thức tàn khốc để gợi nhớ chồng cô đã bị phản bội và giết chết như thế nào. Họ chỉ rời khỏi phòng để đi toa lét, phòng vệ sinh nằm bên trái lối

vào, hoặc khi Baiba đứng dậy vào bếp pha trà. Người nói chủ yếu là ông, đặt đủ mọi loại câu hỏi mà cô trả lời bằng giọng nói chùng mịch của mình.

Ý định đầu tiên của họ là loại bỏ nhân vật *Mr. Eckers*. Ông ta đã hoàn thành chức năng của mình, không còn cần thiết nữa.

- Tại sao lại có cái tên đó? ông hỏi.

- Một cái tên thôi mà. Một người có thể có tồn tại, hoặc có thể là không. Chính tôi bịa ra đấy. Rất dễ nhớ. Có lẽ trong danh bạ điện thoại có người mang tên ấy, tôi cũng không biết nữa.

Thoạt tiên, cách nói năng của cô làm ông nhớ tới Upitis. Như thế cô cần thời gian để có thể đi vào trọng tâm vấn đề - có thể là cô ngần ngại thời điểm phải đề cập nó? Ông lắng nghe cô thật chăm chú, sợ hiểu sai một ẩn ý, một nghĩa bị che giấu nào đó; ông bắt đầu quen với cái xã hội bị mã hóa này. Nhưng cô xác nhận lời của Upitis về những con quái vật, về cái ác đang rình rập trong bóng tối, về cuộc chiến chí tử đang diễn ra tại Latvia. Cô nói về sự trả thù và lòng thù hận, về một nỗi sợ đang chậm rãi buông vòng siết của nó, về một thế hệ bị áp bức kể từ chiến tranh. Ông nghĩ là cô có tư tưởng chống cộng và chống Liên Xô một cách tự nhiên, và cô thuộc vào những người thân thiết với phương Tây mà các nước phía Đông theo một cách nghịch lý vẫn thường xuyên cung cấp cho những kẻ thù chính thức của mình. Nhưng tất cả những lời khẳng định của cô đều được dựa trên các lập luận vững chắc. Dần dần ông nhận ra là cô cố tìm cách làm cho ông *hiếu*. Cô

là cô giáo của ông, cô không muốn ông mơ hồ về cái hậu cảnh bí mật, điều đó giải thích được cho rất nhiều sự kiện vẫn còn rất khó để diễn giải. Ông hiểu là cho đến khi ấy mình còn chưa biết gì về những chuyện đang thực sự diễn ra tại các nước Đông Âu.

- Gọi tôi là Kurt đi, ông nói.

Nhưng cô lắc đầu và vẫn giữ nguyên khoảng cách mà cô đã thiết lập ngay từ khởi đầu. Với cô, ông là ông Wallander.

Ông hỏi cô họ đang ở đâu.

- Trong căn hộ của một cô bạn. Để có thể trụ vững và sống sót được, chúng tôi buộc phải chia sẻ tất cả. Nhất là tại một đất nước và vào một thời kỳ tất cả chỉ chăm chăm nghĩ đến mình.

- Tôi thì lại cứ tưởng là ngược lại chứ. Rằng tại một đất nước như thế này, chỉ có những gì được nghĩ hoặc thực hiện theo tập thể.

- Trước đây thì đúng vậy. Nhưng hiện thời mọi chuyện đã khác rồi. Có lẽ người ta sẽ có thể tái lập giấc mơ ấy một ngày nào đó. Nhưng nếu quả là như vậy, những giấc mơ chết cũng không thể phục sinh được. Cũng như những con người thôi.

- Chuyện gì đã xảy ra?

Cô có vẻ do dự trước khi hiểu ông đang nói đến chồng cô.

- Karlis đã bị phản bội và bị ám sát. Anh ấy đang trên đường lần theo dấu một tội ác khổng lồ, dính líu đến nhiều nhân vật quan trọng ở cấp cao nhất. Anh ấy biết rằng mình

đang gặp phải nguy hiểm lớn. Nhưng anh ấy không nghĩ mình lại bị coi là kẻ phản bội. *A traitor inside the nomenklatura.*⁽¹⁾

- Khi ông ấy từ Thụy Điển về, người ta bảo ông ấy đã đến thẳng trụ sở cảnh sát để báo cáo. Cô có ra sân bay đón ông ấy không?

- Thậm chí tôi còn không được thông báo về việc anh ấy về. Có lẽ anh ấy đã tìm cách liên lạc với tôi chẳng? Sẽ không bao giờ tôi biết được. Có lẽ anh ấy đã gửi một bức điện cho các đồng nghiệp, nhờ họ chuyển thông tin lại cho tôi chẳng? Cái đó tôi cũng sẽ không bao giờ biết được. Mỗi khi về đến Riga anh ấy mới gọi điện cho tôi. Thậm chí ở nhà tôi còn không có gì để nấu nướng ăn mừng anh ấy đã trở về. Một người bạn đã cho tôi một con gà. Tôi vừa nấu xong bữa thì anh ấy về cùng với quyển sách đẹp đẽ ấy.

Wallander như thể cảm thấy một thoáng xấu hổ. Quyển sách, được mua một cách vội vã, với ông không có chút giá trị tình cảm nào. Giờ đây khi nghe cô nói, ông thấy như thể mình đã lừa cô.

- Hẳn khi về nhà ông ấy đã nói với cô điều gì đó, ông nói - càng lúc càng thêm bức bối vì vốn từ tiếng Anh hạn chế của mình.

- Anh ấy rất cao hứng. Cả lo lắng nữa, và tức tối, dĩ nhiên. Nhưng tôi nhớ nhất là niềm vui của anh ấy.

- Như thế nào cơ?

- Anh ấy nói cuối cùng mình đã hiểu được. *Bây giờ thì*

1. Tiếng Anh, nghĩa là: Một kẻ phản bội trong giới chức cao cấp.

anh đã chắc chắn vào mình rồi. Anh ấy nhắc lại câu ấy nhiều lần. Như thể nghi ngờ nhà bị đặt máy nghe trộm, anh ấy kéo tôi vào trong bếp, anh ấy mở tất cả các vòi nước rồi thì thầm vào tai tôi. Anh ấy nói mình vừa khám phá một âm mưu kinh khủng, mọi rợ đến mức các anh ở phương Tây chắc chắn rốt cuộc cũng sẽ hiểu được điều gì đang xảy ra ở các nước Baltic.

- Đó chính là những điều ông ấy đã nói? Một âm mưu tại các nước Baltic? Chứ không phải ở Latvia?

- Đúng. Anh ấy thường tức giận vì các nước Baltic bị coi như là giống hệt nhau, mặc cho các khác biệt lớn giữa chúng tôi. Nhưng lần này, anh ấy không chỉ nói đến Latvia.

- Ông ấy đã dùng từ "âm mưu"?

- Phải. *Conspiracy*.

- Cô có biết điều đó có nghĩa gì không?

- Cũng như mọi người, anh ấy biết là có tồn tại một hệ thống liên quan tới bọn tội phạm, các tay chính trị gia và một số công chức ngành cảnh sát, chúng bảo vệ lẫn nhau và chia nhau chiến lợi phẩm. Bản thân Karlis vẫn thường xuyên nhận được đề nghị, nhưng anh ấy không bao giờ nhận tiền lót tay. Từ lâu anh ấy đã bí mật tiến hành điều tra để tìm ra những kẻ cầm đầu. Lẽ dĩ nhiên là tôi biết tất cả những chuyện ấy. Rằng chúng tôi sống trong một xã hội về bản chất không khác gì một trò âm mưu rộng lớn. Trong thế giới tập thể của chúng tôi đã nảy sinh một con quái vật, cái âm mưu nhằm để xóa sổ ý hệ sống động duy nhất của chúng tôi.

- Ông ấy đã điều tra được bao lâu rồi?

- Chúng tôi lấy nhau được tám năm. Anh ấy đã bắt đầu từ rất lâu trước khi chúng tôi gặp nhau.

- Ông ấy nghĩ sẽ tìm được gì?

- Thoạt tiên chỉ là một sự thật.

- Nghĩa là?

- Cho hậu thế. Cho một giai đoạn tương lai mà anh ấy chắc chắn là sẽ đến. Một thời kỳ có thể hé lộ các bí mật bị giấu kín của thời chiếm đóng.

- Như vậy ông ấy là một người chống đối lại chế độ. Trong trường hợp ấy làm thế nào mà ông ấy lại có thể trở thành một sĩ quan cảnh sát ở cấp cao như vậy?

Câu trả lời của cô thật mãnh liệt, như thể ông vừa tung ra một lời tố cáo nghiêm trọng đối với chồng cô.

- Như vậy là ông không hiểu à? Thì chính là vì thế! Anh ấy là một người cộng sản! Chính sự phản bội to lớn đó làm anh ấy tuyệt vọng. Tham nhũng và sự thờ ơ. Giấc mơ về một xã hội khác hóa ra là một lời nói dối.

- Như vậy là ông ấy sống một cuộc đời hai mặt?

- Ông không thể hình dung được việc bị buộc phải trở thành người khác với bản chất của mình, hết năm này qua năm khác, phải ủng hộ những ý tưởng chính mình căm ghét, phải bảo vệ một chế độ chính mình căm thù. Điều này không chỉ Karlis gặp phải, mà tôi cũng vậy, và cũng vậy đối với tất cả những người sống ở đất nước này mà lại không chịu từ bỏ hy vọng về một thế giới khác.

- Vậy ông ấy đã khám phá được gì để có thể vui sướng như thế?

- Tôi không biết. Chúng tôi không có thời gian để nói về chuyện đó. Chúng tôi phải trùm chán để nói những câu chuyện bí mật, để không bị ai nghe trộm.

- Thực sự là ông ấy không nói gì à?

- Anh ấy đói bụng. Anh ấy muốn ăn tối, muốn uống rượu vang. Tôi chắc anh ấy nghĩ rốt cuộc cũng đã có thể thư giãn trong vài giờ. Được vui vẻ. Nếu điện thoại không đổ chuông, tôi tin anh ấy sẽ vừa nâng cốc rượu lên vừa hát.

Đột nhiên cô ngừng lời. Wallander chờ đợi. Ông nghĩ thậm chí mình còn không biết liệu thiếu tá Liepa đã được chôn cất hay chưa.

- Thử suy nghĩ xem, ông chậm rãi nói. Hẳn là ông ấy cũng phải gợi ý điều gì đó chứ. Khi nắm giữ một bí mật quan trọng, đôi khi người ta vẫn vô ý để lộ ra một đầu mối nào đó.

Cô lắc đầu.

- Tôi đã suy nghĩ. Nhưng tôi rất chắc chắn vào bản thân. Có thể là anh ấy đã tìm ra điều gì đó ở Thụy Điển chẳng? Có thể chỉ đơn giản là thông qua lập luận mà anh ấy đã giải quyết được một bài toán nào đó chẳng?

- Ông ấy có để lại giấy tờ ở nhà không?

- Tôi đã tìm. Nhưng anh ấy vô cùng thận trọng. Các dấu vết văn bản quá là nguy hiểm.

- Ông ấy không để lại gì cho các bạn à? Cho Upitis?

- Không. Bằng không tôi đã biết rồi.

- Ông ấy có tin chị không?

- Chúng tôi tin tưởng nhau.

- Có ai đó khác không?

- Dĩ nhiên là anh ấy cũng tin tưởng các bạn của anh ấy. Nhưng ông cũng phải hiểu ở chỗ chúng tôi bất kỳ lời tâm sự nào cũng có thể trở thành một gánh nặng đối với người nghe. Tôi chắc chắn là ngoài bản thân Karlis, không có ai khác biết nhiều hơn tôi đâu.

- Tôi phải biết tất cả. Chi tiết nhỏ nhất nào cũng quan trọng hết.

Cô im lặng một lúc. Wallander nhận ra sự tập trung đang làm ông toát mồ hôi.

- Vài năm trước khi chúng tôi gặp nhau, hồi cuối những năm bảy mươi, đã có chuyện gì đó xảy ra làm anh ấy mở mắt về những điều đang diễn ra tại đất nước. Anh ấy thường xuyên nói về chúng, bảo rằng mỗi chuyện lại mở mắt cho anh ấy theo một cách riêng biệt. Anh ấy sử dụng một ẩn dụ mà thoát tiên tôi không hiểu. *Một số bị đánh thức bởi tiếng gà gáy, một số khác lại bị đánh thức bởi một sự im lặng quá lớn.* Giờ đây dĩ nhiên tôi đã hiểu anh ấy định nói gì. Sự kiện mà tôi nói đến, chuyện xảy ra cách đây mười năm rồi, là một cuộc điều tra dài và khó khăn và rồi cuối cùng anh ấy tìm ra được một tên tội phạm. Gã đàn ông đó đã ăn cắp rất nhiều đồ thánh rất quý trong các nhà thờ của chúng tôi - những tác phẩm nghệ thuật vô giá mà hẳn ta đã tìm cách mang ra khỏi đất nước để bán với cái giá ngất ngưỡng. Karlis đã thu thập được rất nhiều bằng chứng khó chối cãi và anh ấy chắc chắn gã đàn ông sẽ bị kết án. Nhưng mọi chuyện đã không diễn ra như vậy.

- Thế đã có chuyện gì?

- Thậm chí hẳn ta còn không bị xử. Sự việc đã bị xếp lại.

Karlis, vì không hiểu gì, dĩ nhiên là đòi phải mở phiên tòa. Nhưng đến một ngày đẹp trời, gã đàn ông, đang bị tạm giam, được thả và hồ sơ biến mất khỏi lưu trữ. Karlis bị thượng cấp triệu đến, và anh ấy nhận được lệnh quên sự việc đi. Viên thượng cấp đó tên là Amtmanis. Karlis tin rằng Amtmanis đã đích thân bảo trợ cho tên tội phạm, có thể thậm chí còn chia chác chiến lợi phẩm với hắn. Câu chuyện này đã giáng cho anh ấy một đòn rất nặng.

Wallander nghĩ đến buổi tối bão bùng và viên thiếu tá cận thị ngồi trên sofa nhà ông. *Tôi là người theo đạo*, ông nói. *Tôi không tin Chúa, nhưng điều đó không ngăn cản tôi có lòng tin.*

- Sau đó chuyện gì đã xảy ra?

- Hồi ấy tôi chưa quen Karlis. Nhưng tôi tin anh ấy đã phải trải qua một cơn khủng hoảng trầm trọng. Có thể anh ấy đã tính đến việc xin tị nạn ở phương Tây chẳng? Hoặc có thể anh ấy định rời bỏ ngành cảnh sát chẳng? Trên thực tế, tôi tin chắc chính tôi đã thuyết phục anh ấy tiếp tục.

- Hai người đã gặp nhau như thế nào?

Cô nhìn thẳng vào mặt ông.

- Điều đó có quan trọng không?

- Tôi không biết. Nhưng để có thể giúp đỡ cô, tôi phải được phép hỏi cô một cách tự do.

Cô mỉm cười buồn bã.

- Chúng tôi đã gặp nhau như thế nào à? Qua những người bạn chung. Tôi đã nghe nói về một sĩ quan cảnh sát trẻ tuổi không giống những kẻ khác. Anh ấy không có vẻ ngoài

cuốn hút, nhưng tôi yêu anh ấy ngay vào buổi tối đầu tiên.

- Và sau đó? Hai người lấy nhau? Ông ấy tiếp tục làm việc?

- Hồi đó anh ấy là đại úy. Nhưng anh ấy đã leo lên các cấp bậc với một tốc độ đáng kinh ngạc. Mỗi kỳ thăng chức, anh ấy lại về nhà mà nói rằng thêm một mảnh khăn tang vừa được đính lên ngực vai anh ấy. Anh ấy tìm các bằng chứng về liên hệ giữa giới chóp bu chính trị của đất nước, cảnh sát và những tổ chức tội phạm. Anh ấy đã quyết định định vị mọi mối liên quan, vẽ ra cả tấm bản đồ của mạng lưới. Một hôm thậm chí anh ấy còn nói rằng có cả một sở vô hình ở Latvia với nhiệm vụ duy nhất là điều phối các liên hệ giữa tội phạm, giới chóp bu chính trị và cảnh sát có liên quan. Cách đây khoảng trên dưới ba năm, tôi đã nghe anh ấy lần đầu tiên nói ra từ âm mưu. Ông không được quên là vào thời gian đó anh ấy cảm thấy mình được ủng hộ. Làn gió Cải tổ của Matxcova đã thổi đến chỗ chúng tôi, và chúng tôi càng lúc càng hay tranh luận gần như công khai về những gì có thể làm được tại đất nước chúng tôi.

- Thượng cấp của ông ấy vẫn là Amtmanis chứ?

- Amtmanis đã chết. Thời đó, Murniers và Putnis đã là hai người có cấp bậc ở ngay trên anh ấy. Anh ấy nghi ngờ cả hai, vì anh ấy nghĩ một trong hai người có dính líu đến âm mưu chúng ta đang nói ở đây, có thể là ở mức độ cao nhất. Anh ấy nói trong cảnh sát có một *condor* và một *lapwing*⁽¹⁾.

1. Tiếng Anh, nghĩa là "kên kên" và "chim te te", ý nói có một người theo phe ác và một người theo phe thiện.

Nhưng anh ấy còn chưa biết ai đóng vai trò nào.

- Một condor và một lapwing?

- Condor là một loài kền kền, lapwing là loài chim trong trắng chuyên hót. Hồi còn trẻ Karlis rất quan tâm đến các loài chim. Anh ấy từng mơ ước trở thành một nhà điều học.

- Nhưng ông ấy không biết ai đóng vai trò nào à? Tôi lại cứ tưởng ông ấy đã xác định được trung tá Murniers chứ?

- Cái đó là mãi sau này. Mới được mười tháng thôi.

- Chuyện gì đã xảy ra?

- Karlis đang trên đường lần theo dấu vết một vụ buôn lậu ma túy lớn. Anh ấy nói đó là một kế hoạch xấu xa có khả năng giết chết chúng tôi hai lần.

- Nghĩa là thế nào?

- Tôi không biết.

Cô đứng bật dậy, như thể đột nhiên sợ nói tiếp.

- Tôi sẽ lấy thêm trà cho anh, cô nói. Rất tiếc là tôi không có cà phê.

- Tôi rất sẵn lòng uống trà.

Cô đi vào bếp, trong khi đó Wallander tìm cách sắp xếp các câu hỏi của mình. Những câu hỏi nào cần ưu tiên? Ông có cảm giác cô rất thẳng thắn khi nói chuyện với ông, nhưng ông vẫn chưa biết Upitis và Baiba nghĩ ông có thể giúp gì cho họ. Ông ngò vào việc mình đáp ứng được trông chờ của họ. *Tôi chỉ là một điều tra viên bình thường của thành phố Ystad. Các bạn hẳn phải cần đến Rydberg. Nhưng ông ấy cũng đã chết giống như thiếu tá, ông ấy không thể làm gì cho các bạn được nữa đâu.*

Cô quay lại cùng với một cái khay, một ấm trà và hai cái

tách. *Hắn trong căn hộ phải có ai đó. Nước không thể sôi trong khoảng thời gian ngắn như vậy. Mình bị một đám lính gác vô hình vây kín. Ở cái đất nước Latvia này mọi việc đều diễn ra ngoài vòng kiểm soát của mình.*

Ông thấy là cô đang mệt.

- Chúng ta còn bao nhiêu thời gian nữa?

- Không nhiều lắm. Chắc chắn là nhà tôi bị theo dõi. Tôi không thể vắng mặt quá lâu được. Nhưng chúng ta có thể tiếp tục câu chuyện tại đây vào tối mai.

- Tôi được mời đến ăn tối nhà trung tá Putnis.

- Tôi hiểu. Thế thì ngày kia nhé?

Ông im lặng gật đầu, nhăm nháp thứ trà quá nhạt và tiếp tục đặt câu hỏi.

- Hắn cô đã từng suy nghĩ đến những lời của Karlis về thứ buồn lậu ma túy có khả năng giết người hai lần. Cả Uptis nữa. Hắn hai người đã từng nói chuyện này với nhau.

- Một hôm Karlis nói là mọi thứ đều có thể dùng để thực hiện một vụ đe dọa được. Khi tôi hỏi lại, anh ấy nói anh ấy chỉ nhắc lại lời của một trong các trung tá. Tôi không biết tại sao mình lại nhớ đến câu nói ấy. Có thể bởi vì hồi đó Karlis vô cùng trầm tính và khép kín.

- Một vụ đe dọa?

- Đó chính là từ mà anh ấy đã dùng.

- Một vụ đe dọa chống lại ai?

- Đất nước của chúng tôi. Latvia.

- Ông ấy quả thực đã nói vậy sao? Cả một đất nước bị đe dọa?

- Phải. Nếu có gì chưa chắc chắn, tôi đã không nói với ông.

- Đó là viên trung tá nào?

- Tôi nghĩ đó là Murniers. Nhưng tôi cũng không chắc.

- Ông ấy đánh giá thế nào về trung tá Putnis?

- Anh ấy nói Putnis không phải là kẻ tồi tệ nhất.

- Nghĩa là sao?

- Nghĩa là Putnis tôn trọng luật pháp. Không phải tiền lót tay của kẻ nào ông ta cũng nhận.

- Nhưng ông ta có nhận?

- Ai chẳng nhận.

- Nhưng thiếu tá thì không?

- Không bao giờ. Anh ấy khác.

Cô bắt đầu để lộ các dấu hiệu lo lắng. Wallander hiểu rằng các câu hỏi khác sẽ phải gác lại.

- Baiba, ông nói - đây là lần đầu tiên ông gọi cô bằng tên riêng - tôi muốn chị suy nghĩ về tất cả những gì chị vừa nói tối nay. Ngày kia có thể tôi sẽ đặt lại cho chị vấn những câu hỏi đó.

- Vâng. Tôi cũng không làm việc gì khác ngoài suy nghĩ.

Trong thoáng chốc ông tin là cô sẽ òa lên khóc. Nhưng cô đã kìm lại được và đứng dậy. Khi cô vạch một tấm bạt, một cánh cửa hiện ra và cô mở cửa.

Một người phụ nữ trẻ tuổi bước vào phòng. Cô nở một nụ cười rụt rè về phía Wallander và xếp đồng tách lên cái khay.

- Đây là Inese, Baiba Liepa nói. Tối nay ông đến thăm cô ấy. Đây sẽ là chứng cứ ngoại phạm của ông, trong trường hợp

ông bị tra hỏi. Ông đã gặp cô ấy ở night-club của khách sạn Latvia và cô ấy đã trở thành tình nhân của ông. Ông không biết chính xác cô ấy sống ở đâu, chỉ biết là ở bên kia sông. Ông không biết họ cô ấy, bởi vì cô ấy chỉ là một cô bạn gái trong khoảng thời gian ông ở Riga này. Ông cứ nghĩ cô ấy chỉ là một nhân viên văn phòng bình thường.

Wallander ngậy người ra vì kinh ngạc. Liepa nói vài câu bằng tiếng Latvia, và cô gái tên Inese tiến đến trước mặt ông.

- Nhìn cô ấy kỹ vào, Baiba Liepa nói. Ghi nhớ khuôn mặt cô ấy. Ngày kia cô ấy sẽ đến tìm ông. Ông hãy lên night-club sau hai mươi giờ. Cô ấy sẽ có mặt ở đó.

- Thế còn chị? Bằng chứng ngoại phạm của chị là gì?

- Tôi đã nghe một buổi hòa nhạc organ và tôi đến thăm em trai tôi.

- Em trai chị?

- Nó lái xe đấy.

- Tại sao đêm hôm trước tôi lại bị trùm mũ kín mặt?

- Uptitis xét đoán tình hình giỏi hơn tôi. Chúng tôi còn chưa biết liệu có thể tin tưởng ở ông được hay không.

- Thế còn bây giờ?

- Được, cô trang trọng nói. Tôi tin ông.

- Chị nghĩ tôi có thể giúp gì được?

- Ngày kia nhé, cô lảng tránh câu hỏi. Giờ thì chúng ta sẽ phải khẩn trương.

Chiếc xe đã đợi sẵn ở bên kia cánh cổng. Baiba Liepa không nói gì trên suốt chuyến đi. Wallander đoán là cô đang khóc. Vào lúc để ông xuống xe ở một nơi gần khách sạn, cô

chìa tay cho ông và thì thầm vài từ không thể nghe rõ bằng tiếng Latvia. Wallander vội đi xuống và chiếc xe biến mất. Ông rất đói, nhưng đi thẳng về phòng, tự rót cho mình một cốc whisky rồi nằm lên giường.

Ông nghĩ đến Baiba Liepa.

Đến hai giờ sáng thì ông cởi quần áo và chui xuống dưới chăn. Ông đã mơ có ai đó nằm bên cạnh ông. Không phải Inese, cô tình nhân chính thức mà người ta đã giao cho ông. Mà là một ai đó khác. Nhưng mấy viên trung tá trong giấc mơ cảm ông không được nhìn mặt cô.

Trung sĩ Zids đến đón ông ở khách sạn vào đúng tám giờ sáng. Tám giờ rưỡi, trung tá Murniers bước vào phòng làm việc của ông.

- Chúng tôi nghĩ là đã tìm ra kẻ giết thiếu tá Liepa, ông ta tuyên bố.

Wallander ngậy người nhìn trân trân vào mặt ông ta.

- Kẻ mà trung tá Putnis thẩm vấn từ hai hôm nay à?

- Không. Tên đó chắc chắn có liên quan từ xa, nhưng không phải hần. Mời anh đi theo tôi.

Họ đi xuống tầng hầm. Murniers mở một cánh cửa dẫn vào căn phòng với toàn bộ một bức tường lắp gương một chiều. Ông ta ra hiệu bảo Wallander tiến lên.

Căn phòng ở bên kia gương trống không, chỉ có một cái bàn và hai cái ghế. Trên một cái ghế là Upitis. Một tấm băng bản thủ buộc quanh thái dương. Wallander thấy ông vẫn mặc

đúng cái áo sơ mi như trong cuộc trò chuyện của họ tại chòi thợ săn.

- Ai vậy? ông hỏi, mắt vẫn không rời khỏi Upitis.

Ông sợ rằng sự náo động bên trong sẽ làm ông bị lộ. Nhưng có thể là Murniers đã biết tất cả.

- Một kẻ mà chúng tôi theo dõi từ khá lâu rồi. Giáo sư đại học không thành công, nhà thơ, nhà sưu tầm bướm, nhà báo. Uống quá nhiều, nói quá nhiều. Hắn từng phải ngồi tù vài năm vì tội thụt két. Chúng tôi ngờ hắn là thủ phạm của nhiều tội ác trầm trọng hơn, nhưng không tìm được bằng chứng cho mãi tới bây giờ. Một bức thư nặc danh tố cáo hắn có dính líu vào cái chết của thiếu tá Liepa.

- Có bằng chứng gì không?

- Hắn chối hết, dĩ nhiên rồi. Nhưng chúng tôi có một bằng chứng có sức nặng ngang với tất cả những lời thú nhận cộng lại.

- Bằng chứng gì?

- Khẩu súng gây án.

Wallander quay đầu nhìn chăm chăm một hồi lâu vào mặt Murniers.

- Khẩu súng gây án, ông ta nhắc lại. Tôi đề nghị anh đi theo tôi về phòng làm việc để xem biên bản cuộc bắt giữ. Trung tá Putnis chắc cũng sắp đến rồi.

Wallander đi theo Murniers lên cầu thang. Ông nghe thấy ông ta huýt sáo một mình.

Kẻ nào đó đã lừa mình một vố rõ đau, ông hoảng hốt nghĩ.

Kẻ nào đó đã lừa mình một vố rõ đau, nhưng mình không biết là kẻ nào.

Mình không biết là kẻ nào, và mình cũng không biết là tại sao.

12

Upitis bị theo dõi. Trong một cuộc khám xét tại nhà ông, cảnh sát đã tìm thấy một cây gậy gỗ mang vết máu và tóc. Upitis không giải trình được thỏa đáng những gì mình đã làm trong buổi tối và cái đêm thiếu tá Liepa chết. Ông nói mình đã say rượu, nói đã đến chỗ các bạn, nhưng là các bạn nào? Ông không còn nhớ nữa. Trong buổi sáng, Murniers sai cả một đoàn cảnh sát đến thẩm vấn nhiều người khác nhau có khả năng cung cấp một bằng chứng ngoại phạm cho Upitis, nhưng không một ai còn nhớ đã nhìn thấy ông vào buổi tối hôm ấy. Murniers thể hiện một niềm hứng khởi to lớn, trong khi Putnis khá là e dè.

Wallander thì hết sức nóng lòng tìm cách hiểu được tình thế. Ý nghĩ đầu tiên khi nhìn thấy Upitis đằng sau tấm gương dĩ nhiên là cả ông cũng đã bị phản bội. Rồi sự nghi ngờ bắt đầu len lỏi. Còn quá nhiều điều chưa được giải thích. Những lời của Baiba Liepa - theo đó họ sống trong một xã hội nơi âm mưu là ngòi nổ chung lớn nhất - vẫn còn vang vọng trong óc ông. Cứ cho các nghi ngờ của thiếu tá Liepa là có cơ sở, rằng

Murniers là một tay cảnh sát tồi bại; cứ cho thậm chí ông ta còn chính là thủ phạm cái chết của thiếu tá - thì trong mắt Wallander toàn bộ sự việc vẫn bắt đầu mang một kích thước phi thực. Liệu Murniers có thể sẵn sàng cả gan đưa một người vô tội ra trước vành móng ngựa, chỉ nhằm mục đích duy nhất là loại trừ anh ta được không? Điều này có vẻ là bằng chứng của một thứ cao ngạo quá mức khó tin.

- Nếu Uptis nhận mình là thủ phạm, ông hỏi Putnis, thì hình phạt sẽ là gì?

- Tại đất nước này chúng tôi còn khá lạc hậu vì vẫn giữ án tử hình. Giết một sĩ quan cảnh sát cao cấp gần như là thứ tội ác tồi tệ nhất mà người ta có thể phạm phải. Chắc chắn hẳn sẽ bị xử chết. Cá nhân mà nói, tôi thấy như vậy là công bằng. Thế anh nghĩ gì, thanh tra Wallander?

Thanh tra không trả lời. Ý nghĩ ông đang ở một đất nước nơi người ta xử tội chết những tên tội phạm khiến miệng ông cứng lại vì sợ.

Putnis thì tỏ ra rất e dè. Wallander hiểu rằng hai viên thiếu tá có thói quen mỗi người truy tìm theo một hướng riêng. Thậm chí Putnis còn không hề được thông báo về bức thư nặc danh được gửi tới cho đồng nghiệp của ông ta. Cuối buổi sáng, Wallander lợi dụng việc Murniers đang say sưa làm việc để kéo Putnis vào phòng ông. Sau khi bảo trung sĩ Zids đi lấy cà phê, ông cố sức tìm cho ra lời giải thích chính xác cho những gì đang xảy ra. Ngay từ ngày đầu tiên ông đã đoán ra được một sự căng thẳng lớn tồn tại giữa hai viên trung tá; giờ đây, bản thân ông cũng đang ở trong một sự mù

mờ tối đa, ông thấy mình không có gì để mất khi hỏi thẳng Putnis.

- Liệu có thực sự là hấn ta không? Động cơ của hấn có thể là gì? Làm thế nào mà một cây gậy gỗ dính máu lại có thể được xem là một bằng chứng khi mà máu không được mang đi phân tích? Những "sợi tóc" hoàn toàn có thể là đám lông của một con mèo.

Putnis nhún vai.

- Chúng ta sẽ thấy thôi. Murniers có vẻ tin tưởng vào những gì ông ấy làm, và ông ấy cũng hiếm khi bắt nhầm tội phạm lắm. Ông ấy làm việc hiệu quả hơn tôi rất nhiều. Nhưng có vẻ như là anh đang nghi ngờ, có phải không hả thanh tra Wallander? Tôi có thể hỏi lý do không?

- Tôi không nghi ngờ. Bản thân tôi cũng đã từng bắt những tên tội phạm hoàn toàn không thể tưởng tượng ra được. Tôi chỉ tự hỏi thôi.

Họ im lặng uống cà phê.

- Rõ ràng là cần phải bắt kẻ đã giết thiếu tá Liepa, Wallander nói tiếp. Nhưng cái tay Upitis này không có vẻ gì đứng đầu một hệ thống đủ khả năng ra lệnh giết một sĩ quan cảnh sát.

- Có thể hấn ta nghiện. Bọn đó có khả năng làm mọi chuyện. Có thể hấn đã nhận lệnh từ kẻ khác.

- Lệnh giết thiếu tá Liepa bằng một cây gậy gỗ à? Một con dao găm hay một khẩu súng lục thì còn có thể. Nhưng không thể là một cây gậy được! Và làm thế nào mà ông ta có thể lôi cái xác đến tận khu cảng ấy được?

- Tôi không biết. Đó chính là những gì Murniers đang tìm cách khám phá đấy.

- Thế còn kẻ tình nghi còn lại? Cuộc thẩm vấn sau đó thế nào?

- Tốt. Hắn còn chưa chịu thú nhận, nhưng sẽ phải làm thôi. Tôi tin hắn có dính vào cùng vụ buôn lậu với mấy kẻ dạt sang Thụy Điển. Hiện tại, tôi cứ để hắn ta chờ đợi đã. Tôi cho hắn có thời gian để suy nghĩ.

Putnis rời khỏi phòng. Ngồi bất động trong cái ghế pho toi, Wallander cố gắng hình dung về tình thế. Baiba Liepa có biết người bạn Upitis của mình đã bị bắt vì tội giết chồng cô không? Bằng suy nghĩ, ông quay trở lại cái chòi thợ săn trong rừng và cuộc thẩm vấn ông đã phải trải qua. Vì mục đích gì? Liệu Upitis có e sẽ phát hiện ra một thông tin nào đó buộc ông phải lấy gậy gõ đập nát đầu tay cảnh sát Thụy Điển không? Mọi giả thuyết của ông đều đổ sụp, các suy luận lần lượt vỡ nát. Ông tìm cách tập hợp các mảnh vụn sót lại ngổ hầu thu thập yếu tố còn sử dụng được dẫu là nhỏ nhất.

Một giờ sau, ông đi đến kết luận là xét cho cùng chỉ có một việc để làm: quay về Thụy Điển. Ông đã đến đây vì cảnh sát Riga yêu cầu ông giúp đỡ. Ông đã không thể làm được gì, và giờ đây khi có vẻ như tên tội phạm đã được tìm ra, ông không còn lý do nào để nán lại Latvia được nữa. Ông chỉ có một cách là công nhận sự lẫn lộn của mình - ông đã trải qua một đêm bị thẩm vấn bởi một người đàn ông rất có thể là tên giết người mà ông đang tìm kiếm, ông đã vào vai *Mr. Eckers* mà không biết gì về vở diễn mà người đàn ông kia đóng. Lối

thoát duy nhất khả dĩ là thật mau chóng quay về nhà và quên đi toàn bộ sự việc.

Tuy nhiên, nhận định đó lại gọi lên một lực cản. Ở bên dưới sự kinh tởm và sự lẫn lộn còn có một cái gì đó khác nữa: nỗi sợ và sự thách thức của Baiba Liepa, cái nhìn mệt mỏi của Upitis. Nói thế nào đây? Ngay cả khi xã hội Latvia với ông thật là mù mờ, bất khả xâm nhập, thì có lẽ là ông vẫn có cái năng lực nhìn ra những gì người khác không thấy...

Ông quyết định đợi thêm vài ngày nữa. Cảm thấy ham muốn hành động sau những suy tư cô độc ấy, ông yêu cầu viên trung sĩ đang đợi ngoài hành lang mang đến cho mình các hồ sơ mà thiếu tá Liepa từng nghiên cứu trong năm vừa qua. Vì lúc này không thể làm gì được, ông quyết định nhanh chóng xới tung quá khứ của thiếu tá, với hy vọng tìm thấy được ở trong đó một yếu tố mới.

Viên trung sĩ tỏ ra vô cùng hoạt bát và quay trở lại sau nửa giờ với một chồng hồ sơ phủ bụi.

Sáu tiếng sau, giọng Zids trở nên khàn đặc và anh ta than phiền là mình bị đau đầu. Wallander thậm chí còn không cho anh ta nghỉ tay để ăn trưa. Họ đã mở từng hồ sơ một, trung sĩ Zids dịch, giải thích, trả lời các câu hỏi của Wallander trước khi tiếp tục. Đến trang cuối cùng của báo cáo cuối cùng, Wallander ý thức được tầm vóc nỗi thất vọng của mình sau khi xem lại các ghi chép. Thiếu tá Liepa đã dành năm cuối cùng của đời mình để bắt một tên hiếp dâm, rồi một tên trộm hoành hành ở một vùng ngoại ô Riga từ lâu nay; ông cũng đã giải quyết được hai vụ lừa đảo và ba vụ giết người, trong đó

có hai vụ trong khuôn khổ gia đình, nạn nhân và thủ phạm quen biết nhau. Không có một chút dấu vết nào của cái, theo Baiba Liepa, là sứ mệnh thực thụ của chồng cô. Hình ảnh thiếu tá Liepa với tư cách một điều tra viên vô cùng tỉ mỉ không hề bị hoen ố. Nhưng đó chính là kết quả duy nhất của cuộc lùng sục trong đồng hồ sơ lưu trữ này. Wallander cho Zids mang đóng giấy tờ đi, nghĩ rằng yếu tố đáng kể duy nhất sẽ lóe sáng khi anh ta không có mặt tại đây. *Thế nhưng chắc chắn ông ấy phải để lại một dấu vết dưới dạng văn bản về các tìm kiếm của mình chứ. Ông ấy không thể chỉ làm việc bằng trí nhớ được.* Thiếu tá biết là mình phải chịu nhiều nguy cơ lớn. Làm thế nào mà ông lại có thể tiến hành một cuộc điều tra bí mật với tham vọng nhắc nhở cho hậu thế nếu không ghi chép lại nó thật cẩn thận? Ông hoàn toàn có thể bị một cái ô tô chệt phải khi đi ngang qua đường và, trong trường hợp ấy, toàn bộ các nỗ lực của ông sẽ không còn lại chút gì... Không, chắc chắn phải có một dấu vết dưới dạng văn bản ở đâu đó, và hẳn ai đó phải biết là ở đâu. Baiba Liepa? Upitis? Hay một người thứ ba, mà thiếu tá đã che giấu sự tồn tại ngay cả với vợ mình? Điều này không phải là không thể. *Bất kỳ lời tâm sự nào cũng có thể trở thành một gánh nặng,* Baiba Liepa đã nói thế. Những lời đó chắc chắn phản ánh suy nghĩ của chồng cô.

Viên trung sĩ xuất hiện trở lại.

- Thiếu tá Liepa có người thân nào ngoài vợ ông ấy không?

Zids lắc đầu.

- Tôi không biết. Nhưng chắc vợ ông ấy có biết.

Vào lúc này Wallander không muốn đặt câu hỏi ấy cho Baiba Liepa. Kể từ nay, ông nghĩ, ông cũng sẽ buộc phải tuân theo chuẩn mực của đất nước này. Không được phép gieo rắc các thông tin hay lời tâm sự vô ích, phải đơn thương độc mã đi săn trên một lãnh thổ do ông chọn ra.

- Chắc là phải có một hồ sơ cá nhân liên quan đến thiếu tá chứ. Tôi muốn xem nó.

- Không lấy được đâu. Rất ít người có quyền xem lưu trữ của bên nhân sự.

Wallander chỉ máy điện thoại.

- Gọi điện cho ai đó có đủ quyền hạn đi. Nói rằng viên cảnh sát Thụy Điển muốn xem hồ sơ cá nhân của thiếu tá Liepa.

Sau vài nỗ lực, viên trung sĩ cuối cùng cũng gặp được trung tá Murniers, ông ta cho phép lấy hồ sơ ngay. Bốn mươi lăm phút sau, nó đã nằm trên bàn làm việc của Wallander. Điều đầu tiên ông nhìn thấy khi mở tấm bìa màu đỏ bên ngoài là khuôn mặt thiếu tá. Bức ảnh đã cũ, và ông ngạc nhiên vì thấy thiếu tá gần như không hề thay đổi trong mười năm.

- Dịch đi, ông nói với Zids.

- Tôi không có quyền xem nội dung của các hồ sơ màu đỏ.

- Nếu đã đi tìm nó rồi, thì hẳn là anh cũng phải có thể dịch cho tôi chứ?

Trung sĩ Zids lắc đầu, đáng vẻ đau khổ.

- Tôi không có quyền.

- Thế thì tôi cho anh cái quyền đó. Anh chỉ cần nói cho

tôi biết liệu thiếu tá Liepa có gia đình hay không. Sau đó tôi ra lệnh cho anh quên tất cả đi.

Trung sĩ Zids miễn cưỡng ngồi xuống và bắt đầu lật giở hồ sơ với cùng vẻ e ngại giống như, Wallander nghĩ, khi anh ta chạm vào một xác chết.

Thiếu tá Liepa có một ông bố. Theo hồ sơ, ông có cùng tên với con trai, Karlis. Làm ngành bưu điện, ông sống ở Ventspils. Wallander nhớ đến quyển sách nhỏ mà người đàn bà bôi son quá đỏ đã cho ông xem ở khách sạn, viết quảng cáo cho một tuyến du lịch bờ biển, tại thành phố Ventspils. Theo hồ sơ, ông bố bảy mươi tư tuổi và góa vợ. Wallander khép hồ sơ lại sau khi nhìn khuôn mặt thiếu tá một lần nữa. Đúng lúc ấy Murniers bước vào phòng và trung sĩ Zids nhảy bật dậy để tránh xa hết mức khỏi tập hồ sơ màu đỏ.

- Anh có tìm thấy điều gì thú vị không, thanh tra Wallander?

- Không có gì. Tôi đang định gửi trả hồ sơ về kho lưu trữ đây.

Viên trung sĩ cầm lấy hồ sơ và biến mất.

- Sao rồi? Wallander hỏi.

- Hẳn sẽ gục. Tôi chắc đó chính là hắn, ngay cả khi trung tá Putnis có vẻ ngần ngại.

- Tôi chia sẻ sự do dự của anh ấy. Có thể tối nay tôi sẽ nói chuyện này với anh ấy, xem xét lại tận gốc rễ những nghi ngờ của chúng tôi.

Đột nhiên, ông quyết định không chờ đợi gì nữa mà phải tiến hành ngay chuyến đi đơn độc của mình ra khỏi sự lẩn lộn

to lớn. Ông không còn lý do nào để giữ các suy nghĩ lại cho riêng mình nữa.

Xứ nói dối nữa sự thật làm vua. Tại sao lại phải nói những gì như chúng vốn có khi mà người ta được phép nhào nặn sự thật như thế nào tùy thích?

- Một suy nghĩ của thiếu tá Liepa, trong khi ông ấy còn ở bên Thụy Điển, đã làm tôi bị chấn động một cách sâu sắc, ông lên tiếng. Ý nghĩa những lời của ông ấy thật không rõ ràng, và ông ấy đã uống kha khá whisky. Nhưng ông ấy đã làm tôi hiểu là ông ấy đang lo lắng; rằng một số đồng nghiệp của ông ấy có thể không hoàn toàn đáng tin cậy.

Khuôn mặt của Murniers không hề để lộ chút kinh ngạc nào.

- Tất nhiên là lúc đó ông ấy đang say rượu, Wallander tiếp tục, hơi ngượng ngùng vì đang vu khống một người đã chết theo cách đó. Nhưng nếu tôi hiểu đúng, thì ông ấy nghi ngờ một trong các thượng cấp của mình có liên quan tới một số mạng lưới tội phạm.

Murniers có vẻ tư lự.

- Đây là một lời khẳng định thú vị, ngay cả khi nó được phát ra từ một người say rượu. Nếu ông ấy sử dụng từ "thượng cấp", thì chỉ có thể là ông ấy ám chỉ trung tá Putnis hoặc chính tôi đây.

- Ông ấy không nói tên.

- Ông ấy có nói gì về các nghi ngờ của mình không?

- Ông ấy nói đến chuyện buôn lậu ma túy, và các đường dây mới chạy qua các nước Đông Âu. Theo ông ấy, chuyện

này nhất thiết phải đồng nghĩa với có sự bảo trợ từ cấp rất cao.

- Rất thú vị đấy, Murniers nhắc lại. Tôi vẫn luôn coi thiếu tá Liepa là một người có đầu óc lập luận vượt trội. Và bẩm sinh đã có một ý thức vô cùng đặc biệt.

Ông ta không hề bị những lời này làm lung lay, Wallander nghĩ. Liệu có thể như vậy được nếu chúng có liên quan đến ông ta không?

- Anh rút được những kết luận gì từ lời của thiếu tá?

- Không có kết luận nào cả. Tôi chỉ muốn nói lại cho anh thôi.

- Anh đã làm rất đúng, Murniers nói. Anh cũng nên nhắc lại câu đó cho đồng nghiệp của tôi, trung tá Putnis ấy.

Murniers đi khỏi. Wallander mặc áo vest và ra ngoài hành lang, trung sĩ Zids vẫn ở đó. Về đến khách sạn, ông nằm dài ra và ngủ một giờ, lấy khăn trải giường quấn quanh người. Ông tự bắt mình phải tắm nước lạnh và mặc bộ com lê màu xanh sẫm mà ông mang từ Thụy Điển sang. Không lâu sau mười chín giờ, ông xuống sảnh nơi viên trung sĩ đã đợi sẵn, dựa lưng đứng ở chỗ quầy tiếp tân.

Putnis sống ở vùng nông thôn, cách Riga vài chục cây số về phía Nam. Trong chuyến đi, Wallander nghĩ đến việc ở đất nước này mình luôn đi lại vào ban đêm. Ông di chuyển trong bóng tối, ông suy nghĩ trong bóng tối. Ở đây, ngồi trên băng ghế sau của xe, lại thêm một lần nữa ông cảm thấy ham muốn được trở về nhà. Nhưng chắc hẳn điều đó có liên quan tới sự mù mờ trong sứ mệnh của ông. Nhìn chằm chằm vào bóng đêm ở phía bên kia cửa kính xe, ông nghĩ ngay ngày mai mình

cần gọi điện cho bố. Chắc chắn là bố ông sẽ hỏi lúc nào thì ông định về nhà.

Sắp rồi, ông sẽ đáp. Sẽ rất nhanh thôi.

Trung sĩ Zids rời khỏi đường chính và đi qua một cánh cổng lớn bằng sắt rèn. Lối đi dẫn vào nhà được rải nhựa. Con đường riêng của trung tá Putnis được chăm sóc cẩn thận nhất trong số những con đường mà Wallander từng đi kể từ lúc sang đến Latvia. Trung sĩ Zids dừng xe trước một hàng hiên được các đèn chiếu vô hình soi sáng. Wallander có cảm giác vừa được đưa vào một đất nước khác.

Trung tá Putnis đi ra hàng hiên để đón tiếp ông. Ông ta đã bỏ bộ đồng phục cảnh sát để mặc một bộ com lê cắt rất đẹp làm Wallander nhớ tới hai người đàn ông nằm chết trên cái xuống. Bên cạnh ông ta là bà vợ, trẻ hơn ông ta rất nhiều - Wallander đoán cô chưa đến ba mươi tuổi. Ở màn giới thiệu, ông nhận ra là cô nói tiếng Anh rất giỏi. Wallander bước vào ngôi nhà đẹp đẽ với cảm giác sung sướng rất đặc biệt mà người ta thường có sau một chuyến đi dài và nặng nhọc. Trung tá Putnis rót mời ông một cốc whisky và, cái cốc pha lê cầm trên tay, giới thiệu ngôi nhà cho ông, không hề che giấu sự kiêu hãnh. Wallander nhận ra các căn phòng đầy ắp những thứ đồ đặc nhập khẩu từ phương Tây, chúng tạo ra một bầu không khí vừa thừa vừa lạnh lẽo.

Chắc chắn mình cũng sẽ giống như họ nếu sống tại một đất nước nơi mọi thứ đều như thể không ngừng sụp đổ. Nhưng hẳn là phải tốn rất nhiều tiền cho nội thất ngôi nhà này. Một trung tá cảnh sát thực sự kiếm được chừng ấy tiền

ư? Những khoản tiền lót tay. Tiền lót tay và tham nhũng... Ông đuổi bỏ ý nghĩ ấy. Ông không biết trung tá Putnis và người vợ Ausma của ông ta. Có thể là ở Latvia này vẫn còn tồn tại các gia tài truyền đời, ngay cả khi lực lượng chiếm đóng đã có gần năm mươi năm để làm biến đổi mọi quy tắc của trò chơi kinh tế.

Xét cho cùng thì ông biết gì? Không gì hết cả.

Họ ăn tối trong phòng ăn dưới ánh sáng của những ngọn nến lớn. Wallander nghĩ mình hiểu là vợ Putnis cũng làm trong ngành cảnh sát, nhưng ở một bộ phận khác, có vẻ như là hết sức bí mật. Có thể là KGB Latvia chăng? Cô hỏi ông về Thụy Điển và ông nhận ra rượu vang đang làm ông trở nên điệu đà dù không hề muốn.

Sau bữa tối, Ausma ra khỏi phòng để chuẩn bị cà phê trong khi Putnis mời ông uống rượu cognac trong một phòng khách xếp nhiều chiếc pho toi da thành lịch thành nhiều cụm. Trong đời mình hẳn Wallander sẽ không bao giờ có đủ tiền mua những thứ đồ như thế này. Ý nghĩ ấy đột nhiên làm ông thấy muốn gây hấn. Ông mơ hồ cảm thấy có lỗi. Như thể chính ông, chỉ bởi vì không hề tỏ ra phản đối, cũng đã đóng góp vào các món tiền đút lót đã làm nên ngôi nhà cho trung tá Putnis.

- Latvia là một đất nước của những tương phản lớn, ông nói bằng thứ tiếng Anh ngập ngừng của mình.

- Ở Thụy Điển thì không như vậy à?

- Tất nhiên là có. Nhưng không đập vào mắt như ở đây. Với một công chức cảnh sát cấp cao Thụy Điển, thật không thể nghĩ là có thể sống trong ngôi nhà như nhà của anh đây.

Putnis đang hai tay như thể đang hối lỗi.

- Hai vợ chồng tôi không giàu có gì. Nhưng chúng tôi đã tiết kiệm trong suốt nhiều năm. Tôi năm mươi lăm tuổi rồi. Tôi muốn có một tuổi già tiện nghi. Điều đó có xấu không?

- Tôi không nói đến chuyện xấu hay không. Tôi nói đến các khác biệt. Khi gặp thiếu tá Liepa, tôi cứ nghĩ ông ấy đến từ một đất nước rất nghèo.

- Ở đây có nhiều người nghèo, cái đó thì tôi không chối.

- Tôi rất muốn biết sự thể như thế nào.

Trung tá Putnis nhìn ông chăm chăm, ánh mắt sắc lạnh.

- Tôi e là không hiểu nổi câu hỏi của anh.

- Phong bì. Tham nhũng. Tôi muốn có một câu trả lời cho một điều mà thiếu tá đã nói với tôi khi ông ấy sang Thụy Điển - khi đó ông ấy cũng say mềm giống như tôi bây giờ ấy.

- Tất nhiên rồi, Putnis mỉm cười. Tôi sẽ rất vui lòng được trả lời. Nhưng để làm được vậy, tôi cần biết thiếu tá Liepa đã nói gì.

Wallander nhắc lại từng từ cái câu nói dối mà vài giờ trước ông vừa nói cho trung tá Murniers.

- Rõ ràng là, Putnis đáp, cảnh sát Latvia không nằm ngoài những cách hành xử bất thường. Nhiều cảnh sát có lương rất thấp, cảm dễ nhận một món tiền lót tay đôi khi rất lớn. Nhưng tôi phải nói rằng thật không may vì thiếu tá Liepa có thiên hướng nói quá mọi chuyện lên. Sự trung thực và ý thức nhà nghề của ông ấy rất đáng ngưỡng mộ. Nhưng không phải lúc nào ông ấy cũng khách quan được.

- Theo anh thì ông ấy đã nói quá?

- Đúng, than ôi.

- Chẳng hạn như khi khẳng định rằng một sĩ quan cảnh sát cao cấp có liên quan đến các tổ chức tội phạm?

Trung tá Putnis lấy hai bàn tay ủ ấm cốc rượu cognac.

- Hẳn lời khẳng định đó là nhằm vào trung tá Murniers hoặc chính tôi, ông ta tự lự nói. Điều này làm tôi ngạc nhiên đấy. Đây là một lời buộc tội vừa không hay vừa phi lý.

- Nhưng dù sao cũng phải có lý do chứ...

- Có thể thiếu tá Liepa cho rằng Murniers và tôi già đi quá chậm chạp, Putnis mỉm cười. Rằng chúng tôi chặn mất đường cho các tham vọng của chính ông ấy...

- Tôi không có cảm giác thiếu tá Liepa là người bị ám ảnh bởi sự nghiệp.

Putnis gật đầu.

- Tôi vừa thoáng thấy một lời giải thích, ông ta nói. Nhưng điều này nhất thiết chỉ nằm giữa chúng ta thôi nhé.

- Tôi không phải là người lắm mồm.

- Cách đây khoảng chục năm, trung tá Murniers đã tự buông xuôi cho một sự yếu đuối đáng tiếc khi nhận một món quà trả ơn từ tay chủ một doanh nghiệp dệt may của chúng tôi. Gã đàn ông ấy bị nghi ngờ đã thụt két một món tiền lớn. Những kẻ tòng phạm muốn loại bỏ các tài liệu chứa đựng bằng chứng quan trọng cho thấy các hành động xấu xa đó. Murniers đã nhắm mắt làm ngơ, và số tiền đó trở thành thù lao cho ông ấy.

- Và sau đó?

- Vụ việc đã bị bịt kín. Tay chủ doanh nghiệp chịu một

hình phạt mang tính tượng trưng. Một năm sau, hắn trở thành giám đốc hãng cua lớn nhất nước.

- Còn Murniers?

- Không có chuyện gì cả. Ông ấy vô cùng hối tiếc về câu chuyện. Thời đó ông ấy rất khổ và vừa trải qua một cuộc ly hôn kéo dài và nặng nề. Văn phòng chính trị phụ trách vụ việc đã chọn cách không tiếp tục làm nữa. Có thể thiếu tá Liepa đã nhầm lẫn sự yếu đuối nhất thời đó với một lỗi lầm bản chất chăng? Đây là câu trả lời duy nhất mà tôi có thể cung cấp cho anh. Thêm một cốc cognac nhé?

Wallander chìa cốc ra. Có điều gì đó làm ông lo lắng trong những gì Putnis vừa nói. Điều gì vậy? Cùng lúc, Ausma quay trở lại cùng với cà phê và bắt đầu nhiệt tình nói đến những gì Wallander nhất thiết phải tham quan trước khi rời khỏi Riga. Ông lắng nghe cô, trong lúc nỗi lo lắng cứ tiếp tục giày vò ý thức của ông như một dòng nước ngầm. Một câu nói mang tính quyết định vừa được thốt ra, rất khó cảm nhận nhưng đủ để khiến ông chú ý.

- Cổng Thụy Điển, Ausma tiếp tục. Anh muốn nói với tôi là thậm chí anh vẫn chưa nhìn thấy công trình có từ thời Thụy Điển hãy còn là một thế lực đáng ngại của châu Âu à?

- Chắc là tôi bỏ qua nó mất rồi.

- Thụy Điển vẫn là một thế lực lớn, trung tá Putnis nói xen vào. Một đất nước nhỏ, nhưng sự giàu có thì rất đáng ghen tị.

Sợ đánh mất dòng tiến triển của trực cảm, Wallander xin phép vào phòng vệ sinh, khóa cửa lại và ngồi xuống. Nhiều năm

trước, Rydberg đã dạy ông không bao giờ được lần khân trong việc khám phá một trực giác - cảm giác về một đầu mối đang đung đưa ngay gần mắt ông mà ông vẫn còn chưa nhìn thấy.

Đột nhiên ông hiểu ra: một lời nhận xét của Murniers, và Putnis vừa nói ngược hằn lại, và trên thực tế là bằng đúng các lời lẽ như nhau.

Murniers từng nói đến tính cách duy lý của thiếu tá Liepa, và trung tá Putnis thì lại sử dụng từ “phi lý”. Tổng hợp tất cả những gì Putnis vừa nói có liên quan tới Murniers, có lẽ điều này không đáng ngạc nhiên lắm. Nhưng đột nhiên Wallander hiểu ra nguyên do sự lo lắng của ông: ông đã tưởng phải là ngược lại.

Chúng tôi nghi ngờ Murniers, Baiba Liepa đã nói vậy. Chúng tôi ngờ rằng chồng tôi đã bị phản thù.

Có lẽ ông đã nhầm lẫn hoàn toàn. Có lẽ ông đã tưởng sẽ tìm thấy ở Murniers những gì đáng ra phải tìm kiếm ở Putnis chẳng? Ông cố sức nhớ lại âm điệu của Murniers. Đột nhiên, ông có cảm giác trung tá còn muốn nói với ông một điều gì đó nữa, một cách ngậm ầm. Thiếu tá Liepa là một người duy lý, một cảnh sát duy lý. Nói một cách khác: *ông ấy có lý*.

Cân nhắc ý nghĩ này, ông nhận ra mình đã chấp nhận một cách quá dễ dàng những mối nghi ngờ ở cấp độ thứ hai, thậm chí thứ ba.

Ông giật nước và quay trở lại với tách cà phê và cốc cognac của mình.

- Các con gái của chúng tôi đấy, Ausma chìa cho ông xem hai bức ảnh lồng khung. Alda và Lija.

- Tôi cũng có một đứa con gái. Nó tên là Linda.

Cuộc trò chuyện tiếp tục theo lối vu vơ. Wallander những muốn xin rút lui mà không tỏ ra thô lỗ trước các vị chủ nhà. Nhưng cũng phải gần một giờ sáng trung sĩ Zids mới cho ông xuống được trước cửa khách sạn. Wallander đã ngủ gật ở băng ghế sau. Ông uống quá nhiều. Có vẻ như sẽ không thể tránh khỏi cảm giác mồm miệng đắng nghét vào sáng hôm sau.

Ông nằm một lúc lâu nhưng không ngủ, mắt mở trừng trừng vào bóng tối.

Gương mặt hai viên trung tá xếp chồng lên nhau cho đến khi chập lại thành một. Đột nhiên Wallander nhận ra ông sẽ không thể chịu được việc trở về Thụy Điển trước khi làm hết khả năng của mình để làm sáng tỏ vụ ám sát thiếu tá.

Các liên hệ có tồn tại. Thiếu tá Liepa, hai cái xác trong xuống, vụ bắt giữ Upitis... Tất cả đều đứng vững. Chính mình mới là kẻ không nhìn thấy gì. Và trong thời gian ấy, từ phía bên kia bức tường, những gã đàn ông vô hình đang thu âm tiếng thở của mình.

Có lẽ chúng đủ khả năng đoán ra là mình không ngủ chẳng? Có lẽ chúng tin là có thể theo dõi được các suy nghĩ của mình chẳng?

Ngay trước khi thiếp ngủ, ông nghĩ là mình đã ở Latvia được sáu ngày.

Đúng như dự đoán, Wallander tỉnh dậy với một cái miệng đắng nghét. Mạch máu đập thành thạch hai bên thái dương - trong lúc đánh răng, ông nghĩ mình sẽ nôn. Ông hòa hai viên thuốc vào một cốc nước, vừa làm vậy vừa nghĩ rằng cái thời uống rượu không cảm thấy gì vào sáng hôm sau đã hoàn toàn qua mất rồi.

Khi nhìn vào gương, ông nhận ra mình càng lúc càng giống bố. Việc mồm miệng đắng nghét không chỉ gây cho ông những niềm nuối tiếc thông thường, mà cả cảm giác như thể đã đánh mất điều gì đó. Ông nghĩ mình cũng thấy trong cái khuôn mặt nhợt nhạt và phì phị kia các dấu hiệu đầu tiên của tuổi già.

Bây giờ rồi, ông xuống phòng ăn dùng bữa sáng gồm một tách cà phê và một quả trứng rán. Con buồn nôn biến mất dần. Ông dành nửa giờ đơn độc để xem xét lại thêm một lần nữa các yếu tố của mớ bòng bong có điểm khởi phát là một chiếc xuống tại Mossby Strand. Ông cố gắng ghép thêm vào đó khám phá của tối qua: có thể chính Putnis chứ không phải

Murniers mới là kẻ đóng vai trò tên phản bội vô hình... Nhưng những ý nghĩ của ông không ngừng dẫn ông quay trở lại điểm xuất phát. Tất cả đều quá mù mờ, quá lẫn lộn. Một cuộc điều tra ở Latvia hẳn là không có gì chung với một cuộc điều tra tại Thụy Điển. Nhà nước toàn trị mang trong mình một khía cạnh khó nắm bắt khiến cho việc thu thập thông tin và dựng lên một tập hợp các bằng chứng trở nên vô cùng khó khăn.

Có lẽ ở Latvia trước hết cần phải xác định rõ liệu một tội ác có cần được làm rõ không, hoặc liệu nó sẽ rơi vào hạng *không-phạm tội* giống như toàn thể xã hội.

Khi cuối cùng đứng dậy để đến chỗ viên trung sĩ đang đứng chờ bên chiếc ô-tô, ông cũng đã đi đến một kết luận: ông phải dành nhiều sức lực để hỏi hai viên trung tá hơn nữa. Ở tình trạng hiện thời, ông còn chưa biết liệu họ sẽ mở hay đóng những cánh cửa vô hình trước mặt ông. Xe đi ngang qua thành phố. Hỗn hợp các tòa nhà cũ nát và những quảng trường vô cùng buồn bã lại khiến ông cảm thấy nỗi buồn rất đặc biệt mà ông chưa từng bao giờ có trước khi đến đất nước này. Ông tưởng tượng rằng những người mà ông nhìn thấy, đang đứng chờ ở các bến xe bus hoặc rảo bước dọc theo các vỉa hè, trong thâm tâm cũng cảm nhận được nỗi hoang vắng mà toàn bộ thành phố toát ra ấy, và ý nghĩ này làm người ông run lên. Lại thêm một lần nữa, ông muốn về nhà. Nhưng là để tìm thấy điều gì?

Điện thoại đang đổ từng hồi chuông gắt gỏng khi ông bước qua ngưỡng cửa phòng làm việc của mình sau khi đã sai trung sĩ Zids đi tìm cà phê.

- Xin chào, giọng Murniers vang lên - viên trung tá ủ dột có vẻ cũng được một lần vui vẻ. Anh đã có một buổi tối tốt đẹp chứ?

- Từ khi đến Riga chưa bao giờ tôi được ăn ngon đến thế. Nhưng tôi e là mình đã uống quá nhiều.

- Sự chùng mực là một phẩm hạnh mà chúng tôi không biết tới tại đất nước này. Nếu tôi hiểu đúng, sự kỳ diệu của Thụy Điển đã phải dựa rất nhiều vào tính cách tỉnh táo và biết kiểm soát của các anh.

Wallander không tìm thấy gì để trả lời.

- Trước mặt tôi hiện đang có một hồ sơ rất thú vị, Murniers nói tiếp. Tôi nghĩ nó sẽ có thể làm anh quên đi những tiếc nuối vì đã quá lạm dụng món cognac tuyệt hảo của trung tá Putnis.

- Hồ sơ gì vậy?

- Lời khai của Upitis. Được viết và ký trong đêm.

Im lặng.

- Anh vẫn ở đó đấy chứ? Anh nên sang gặp tôi ngay lập tức.

Trong hành lang, Wallander và phải trung sĩ Zids đang mang về một tách cà phê. Ông nhận lấy nó và bước vào phòng làm việc của Murniers, ông ta đón tiếp ông với nụ cười mặt mỗi quen thuộc và chỉ cho ông một tập hồ sơ đặt trước mặt.

- Đây là hồ sơ, ông nói. Tôi sẽ rất vinh hạnh được dịch nó lại cho anh. Trông anh có vẻ ngạc nhiên, thanh tra...

- Đúng vậy. Đích thân anh đã thẩm vấn à?

- Không. Trung tá Putnis đã yêu cầu đại úy Emmanuelis

thay mình, và thành công của anh ta vượt quá toàn bộ hy vọng của chúng tôi. Emmanuelis rất hứa hẹn sẽ có một tương lai tươi sáng.

Phải chăng trong giọng nói của ông ta có một âm điệu mỉa mai? Hay đó là cái giọng quen thuộc của một cảnh sát mệt mỏi và tỉnh táo?

- Như vậy là Upitis, nhà thơ và nhà sưu tầm bướm nghiện rượu, đã quyết định thú nhận. Với sự trợ sức của hai tên đồng phạm, quý ông Bergklaus và quý ông Lapin, hắn nhận đã giết thiếu tá Liepa trong đêm 23 tháng Hai. Ba tên đó đã làm việc này theo chỉ thị, nhằm loại trừ thiếu tá Karlis Liepa. Upitis làm ra vẻ không biết danh tính kẻ ra chỉ thị, và chắc điều đó là đúng. Hợp đồng đã qua nhiều tay trước khi đến được tay hắn. Vì đó là một sĩ quan cảnh sát cấp bậc cao, nên món tiền thưởng rất đáng kể. Tương đương với một trăm năm tiền lương của một công nhân Latvia, số tiền đó được chia cho Upitis và hai tên kia. Hợp đồng đã được giao cách đây hai tháng. Kẻ ra chỉ thị thoát tiên không định rõ kỳ hạn. Nhưng đột nhiên, tất cả đã thay đổi. Ba ngày trước khi xảy ra án mạng, khi thiếu tá còn đang ở Thụy Điển, một trong những kẻ trung gian đã liên lạc với Upitis để thông báo với hắn là Liepa phải bị loại bỏ ngay khi ông ấy về đến Riga. Chúng không nói rõ lý do, nhưng món tiền đã được trả và chúng được sử dụng một chiếc ô tô. Hắn nhận được lệnh hai lần một ngày - một lần buổi sáng, một lần buổi chiều - phải đến một rạp chiếu phim trong thành phố, chính xác là rạp Spartak. Hắn phải chờ xem sự xuất hiện của dòng chữ trên một cây cột

- các anh ở bên phương Tây gọi là *graffiti* ấy. Đó chính là tín hiệu. Buổi sáng ngày thiếu tá trở về, Upitis đã tìm thấy dòng chữ trên cột. Ngay lập tức hấn liên hệ với Bergklaus và Lapin. Tên trung gian đã nói rõ là thiếu tá Liepa sẽ được kéo ra khỏi nhà trong buổi tối; phần tiếp theo thuộc toàn quyền của chúng. Có vẻ như điều này đã đặt ra những vấn đề lớn cho bộ ba. Chúng cứ nghĩ thiếu tá sẽ mang súng, sẽ rất cẩn thận, và sẵn sàng đối phó với một sự kháng cự mạnh mẽ. Vì vậy phải tiến hành thật nhanh. Nguy cơ quá lớn.

Murniers dừng lại một chút và quay sang nhìn Wallander.

- Tôi có nói nhanh quá không?

- Không.

- Như vậy là chúng lái xe đến phố nhà thiếu tá Liepa. Sau khi tháo bóng đèn của cột đèn gần nhà ông ấy nhất, chúng tìm chỗ nấp. Trước đó, chúng đã tự lên dây cót tinh thần bằng vài cốc rượu tại một cái quán nổi tiếng trong thành phố. Ngay khi thiếu tá Liepa xuất hiện, chúng tấn công ngay. Upitis nói Lapin là kẻ đập ông ấy, vào gáy. Khi nào chúng tôi bắt được Lapin và Bergklaus, hấn là chúng sẽ đùn đẩy trách nhiệm cho nhau. Nhưng không vấn đề gì; pháp luật của chúng tôi, trái ngược với pháp luật của các anh, cho phép kết án chung các thủ phạm, ngay cả khi không xác định được kẻ nào cầm vũ khí. Thiếu tá ngã xuống hè phố. Chúng nhét ông ấy vào cốp xe. Trên đường đến cảng ông ấy tỉnh lại, nên Lapin phải đập ông ấy thêm một phát nữa vào đầu. Theo Upitis, thiếu tá Liepa đã chết khi chúng lôi được ông ấy lên ke. Ý

tưởng của chúng là dàn dựng hiện trường một vụ tai nạn. Dĩ nhiên ý định đó đã thất bại, nhưng Upitis và những kẻ tòng phạm đã không thể hiện nhiều nỗ lực để đánh lạc hướng các nghi ngờ cho lắm.

Murniers để tập hồ sơ xuống lại bàn.

Wallander nghĩ đến cái đêm tại chòi thợ săn, đến Upitis và những câu hỏi của ông, đến vệt sáng bên cạnh cửa, đến người giấu mặt lắng nghe trong bóng tối.

Chúng tôi nghĩ rằng thiếu tá Liepa đã bị phản thù, chúng tôi nghi ngờ trung tá Murniers.

- Làm sao mà chúng có thể biết thiếu tá sẽ quay trở về vào hôm ấy? ông hỏi.

- Có thể là một nhân viên của Aeroflot đã nhận tiền đút lót. Có các danh sách hành khách. Dĩ nhiên là chúng tôi sẽ làm sáng tỏ được chi tiết này.

- Tại sao thiếu tá lại bị giết?

- Ở đất nước chúng tôi các tin đồn thổi chạy khắp nơi nhanh lắm. Có lẽ thiếu tá Liepa đã trở nên quá phiền nhiễu đối với một số mạng lưới.

Wallander suy nghĩ trước khi đặt câu hỏi tiếp theo. Khi nghe thuật lại các lời khai của Upitis, ông rất choáng váng. Những lời khai ấy là một trò dàn cảnh thuần túy. Nhưng sự thật nằm ở đâu? Những lời nói dối cứ chồng chất lên nhau, không thể biết rõ được chuyện đã thực sự xảy ra, và đã xảy ra vì các lý do nào.

Ông từ bỏ ý định hỏi thiếu tá thêm nữa. Ông không còn câu hỏi nào, chỉ có những lời khẳng định mơ hồ và bất lực.

- Anh cũng biết rõ như tôi là trong đó không có lấy một từ thuộc về sự thật, ông nói.

Murniers nhìn thẳng vào mặt ông.

- Tại sao cơ?

- Vì một lý do đơn giản là Upitis đã không giết thiếu tá Liepa. Những lời thú tội này hoàn toàn được tạo ra. Hẳn là người ta đã bắt ông ta nói ra bằng cách ép buộc. Hoặc là ông ta bị điên.

- Tại sao một nhân vật đáng ngờ như Upitis lại không thể giết thiếu tá Liepa được?

- Bởi vì tôi đã gặp ông ta, Wallander nói. Tôi đã nói chuyện với ông ta. Nếu tại đất nước này có một người nào đó tuyệt đối không thể giết thiếu tá Liepa, thì đó là Upitis.

Sự kinh ngạc của Murniers rất thật. Như vậy không phải là ông ta đã dò dẫm trong bóng tối chời thợ săn. Nhưng vậy thì ai? Baiba Liepa ư? Hay trung tá Putnis?

- Anh nói là anh đã gặp Upitis à?

Wallander quyết định rất nhanh là sẽ nói một nửa sự thật. Ông không có lựa chọn nào, ông cảm thấy mình có trách nhiệm phải bảo vệ Baiba Liepa.

- Ông ta đã đến gặp tôi ở khách sạn. Ông ta tự giới thiệu mình tên là Upitis. Tôi nhận ra ông ta khi thiếu tá Putnis chỉ ông ta cho tôi ở bên kia cái gương một chiều. Trong lần gặp tôi, ông ta đã nói mình là một người bạn của thiếu tá Liepa.

Trung tá Murniers ngồi thẳng đờ trên chiếc pho toi. Căng thẳng, hoàn toàn tập trung vào những gì Wallander vừa nói.

- Là thật đấy, ông nói. Là thật đấy.

- Ông ta đến để thông báo về các nghi ngờ của mình. Theo ông ta, thiếu tá Liepa đã bị giết bởi một trong các đồng nghiệp gần gũi của ông ấy.

- Bởi cảnh sát Latvia à?

- Đúng. Upitis muốn biết sự thật, và ông ta đề nghị tôi giúp đỡ. Làm thế nào mà ông ta lại biết được là có một cảnh sát Thụy Điển đang ở Riga? Cái đó thì tôi không sao hiểu được.

- Hẳn ta còn nói gì nữa?

- Rằng những người bạn của thiếu tá Liepa còn thiếu các chứng cứ. Nhưng bản thân thiếu tá từng khẳng định mình bị đe dọa.

- Bởi kẻ nào?

- Bởi ai đó trong cảnh sát. Có thể là cả của KGB nữa.

- Tại sao người ta lại đe dọa ông ấy?

- Vì những lý do mà Upitis có nói trong lời khai của mình ấy. Một mạng lưới tội phạm đã quyết định thanh toán ông ấy. Dĩ nhiên là có thể nhìn thấy một mối liên hệ.

- Mối liên hệ nào?

- Upitis đã nói đúng hai lần, tuy rằng hẳn ông ta đã nói dối một trong hai lần ấy.

Murniers đứng bật dậy. Wallander nghĩ viên cảnh sát Thụy Điển đã đi quá xa. Nhưng Murniers chỉ chăm chăm nhìn ông với vẻ gần như là thiếu não.

- Hẳn là trung tá Putnis phải được thông báo về tất cả chuyện đó, ông ta nói.

- Đúng vậy. Không thể khác được.

Murniers vỗ lấy máy điện thoại. Mười phút sau, Putnis bước vào phòng. Wallander không có đủ thời gian để cảm ơn ông ta về bữa tối. Murniers bắt đầu nói bằng tiếng Latvia, một giọng nói bức tức và dần dỗi, để nhắc lại cho đồng nghiệp của mình những gì Wallander vừa nói với ông ta. Ông liếc trộm ông ta, nghĩ rằng nếu Putnis là kẻ đứng trong bóng tối chờ thợ săn, thì biểu hiện của ông ta sẽ cho thấy điều đó ngay lúc này. Nhưng Putnis vẫn lạnh lùng như không. Khuôn mặt ông ta không thể hiện bất kỳ điều gì. Trong thâm tâm, Wallander tìm kiếm một cách giải thích cho những lời khai mao của Upitis. Nhưng tất cả đều có vẻ rối tung đến mức ông đành từ bỏ ý định.

Putnis phản ứng khác hẳn với Murniers.

- Tại sao anh không thông báo cho chúng tôi về cuộc gặp với tên tội phạm Upitis đó?

Wallander không biết phải trả lời ra sao. Trong mắt Putnis, đã rõ ràng rằng ông phản bội sự tin tưởng có thể tồn tại giữa họ. Nhưng liệu có phải là tình cờ không khi ông được mời đến ăn tối tại nhà viên trung tá vào đúng buổi tối Upitis quyết định "khai"? Sự tình cờ liệu có tồn tại ở một đất nước toàn trị hay không? Không phải chính Putnis đã nói là tốt hơn hết cần thẩm vấn lần lượt từng tù nhân một à?

Nổi tức giận của Putnis có vẻ rơi xuống cũng nhanh như khi nó tới. Ông ta mỉm cười và đặt tay lên vai Wallander.

- Upitis là một quý ngài đầy mưu mẹo. Đó là một trò đánh lừa rất cao thủ, tôi phải thừa nhận. Đánh lạc hướng các nghi ngờ bằng cách đến thăm một cảnh sát Thụy Điển ghé qua Riga... Nhưng rốt cuộc, hẳn ta đã thú nhận. Chỉ cần chờ đến lúc

hắn không còn đủ sức lực để kháng cự nữa. Vụ ám sát thiếu tá Liepa đã được làm sáng tỏ. Do vậy không còn lý do gì để chúng tôi giữ anh lại Riga nữa. Tôi sẽ giải quyết các vấn đề thủ tục để anh về nước. Sau đó chúng tôi sẽ chuyển lời cảm ơn của chúng tôi tới Bộ Ngoại giao Thụy Điển qua các kênh chính thức.

Chính vào lúc này, khi hiểu rằng những ngày ở Latvia của mình đang đi đến hồi kết thúc, trong một lóe chớp Wallander chợt nhìn thấy âm mưu đã được tổ chức theo cách nào. Ông không chỉ nắm bắt được tầm vóc của nó, không chỉ sự kết hợp đầy mưu mẹo giữa sự thật và dối trá, những đầu mối giả và loạt sự kiện có thực. Ông hiểu rằng thiếu tá Liepa quả là vị cảnh sát khéo léo và đáng kính đúng như ông tỏ ra. Ông hiểu nỗi sợ của Baiba Liepa cũng như sự thách thức của cô. Và thậm chí ngay cả khi lúc này bị buộc phải đi khỏi, ông cũng đã biết mình sẽ phải gặp lại cô ít nhất là một lần nữa. Ông nợ cô điều ấy, theo đúng cách như ông cảm thấy một món nợ đối với thiếu tá.

- Tôi sẽ đi, ông nói. Nhưng không phải là trước ngày mai. Tôi vẫn còn chưa có thời gian tham quan thành phố tươi đẹp của các anh.

Ông quay sang Putnis.

- Tối qua tôi đã hiểu ra mọi chuyện khi nghe vợ anh nói. Trung sĩ Zids là một hướng dẫn viên du lịch hoàn hảo. Tôi hy vọng có thể tận dụng sự giúp đỡ của các anh cho đến hết hôm nay, ngay cả khi công việc của tôi đã chính thức kết thúc.

- Tất nhiên rồi, Murniers nói. Có thể là chúng ta nên ăn mừng việc giải quyết được vụ án kỳ lạ này chăng? Sẽ thật

thiếu lịch sự nếu để anh đi mà không tặng một món quà hay ít nhất là một bữa tiệc chia tay.

Wallander nghĩ tới cuộc hẹn với Inese tại night-club khách sạn, với Baiba Liepa mà ông nhất thiết phải gặp lại.

- Cứ đơn giản thôi, ông nói. Dù thế nào thì chúng ta cũng là cảnh sát, chứ không phải các diễn viên ăn mừng một buổi diễn ra mất thành công. Hơn nữa tối nay tôi có kế hoạch riêng rồi. Một cô gái đã hứa sẽ đến với tôi.

Murniers mỉm cười và lúi từ góc bàn của mình ra một chai rượu vodka.

- Chúng tôi sẽ không làm hỏng kế hoạch của anh. Tôi đề nghị chúng ta nâng ly luôn bây giờ.

Họ đang vội. Nếu chỉ liên quan đến họ, hẳn là mình đã ở trên máy bay rồi.

Họ nâng ly. Wallander chạm cốc với hai trung tá. Liệu một ngày nào đó ông có sẽ biết được là ai trong hai người đã ký tên vào bản án tử hình của thiếu tá không? Giờ đây đó là câu hỏi duy nhất của ông. Putnis hay Murniers? Phần còn lại, ông không còn nghi ngờ gì nữa. Các tìm kiếm bí mật của thiếu tá đã dẫn ông đến thẳng với một sự thật không thể chịu đựng. *Nhưng chắc chắn phải có một dấu vết dưới dạng văn bản.* Nếu Baiba Liepa muốn khám phá kẻ giết chồng mình là ai - Murniers hay Putnis - thì cô sẽ phải tìm lại được các tài liệu đó. Bằng cách ấy, cô cũng sẽ biết được tại sao Upitis lại chọn cách đưa ra những lời khai giả trong một nỗ lực tuyệt vọng cuối cùng, có thể là đầy phi lý, nhằm phát hiện kẻ nào trong số hai viên trung tá là thủ phạm.

Mình đang chạm cốc với một trong những tên tội phạm tồi tệ nhất mà mình từng tiếp cận trong đời. Nhưng kẻ nào là hắn?

- Tất nhiên sáng mai chúng tôi sẽ đưa anh ra sân bay, Putnis nói như để bề mặt buổi lễ nhỏ.

Wallander rời khỏi tổng hành dinh, đi sau lưng trung sĩ Zids vài bước chân. Ông có cảm giác như thể mình là một tên tù vừa được thả khỏi trại giam. Họ đi ô tô ngang qua thành phố. Trung sĩ chỉ trỏ, miêu tả, kể chuyện; Wallander nhìn theo cái nhìn của anh ta, gật đầu, lẩm bẩm “đúng” hoặc “rất đẹp” vào những thời điểm thích hợp. Nhưng trên thực tế, ông đang hoàn toàn ở một nơi khác. Ông đang nghĩ đến Upitis.

Murniers hay Putnis đã thì thầm điều gì vào tai ông ấy?

Bọn họ đã rút từ danh mục những lời đe dọa của mình ra lập luận nào, cái danh mục mà Wallander còn không cả gan tưởng tượng đến mức độ to lớn?

Có lẽ Upitis đã có một Baiba của mình, có lẽ ông có những đứa con. Người ta có còn giết trẻ con tại những đất nước như Latvia hay không? Hay chỉ cần tung ra lời đe dọa về một tương lai bị chặn đứng, về một cuộc đời bị phá hủy trước cả khi kịp bắt đầu, là đã đủ rồi?

Liệu có phải là Nhà nước độc tài cai quản đất nước theo cách đó không? Bằng cách khóa kín các cuộc đời?

Upitis có lựa chọn nào hay không?

Liệu có phải là ông đã cứu cuộc đời mình, cuộc đời gia đình mình, cuộc đời của Baiba Liepa, bằng cách chấp nhận đóng vai một tên sát nhân? Wallander tìm cách tập hợp các

hiểu biết ít ỏi của mình về những vụ án giả mạo từng diễn ra trong lịch sử các nước tương tự như những điều bất công không sao hiểu được đầy khủng khiếp. Upitis có chỗ đứng của mình trong lịch sử ấy, và Wallander nghĩ với ông nó sẽ luôn luôn đóng cửa im ỉm: rằng người ta có thể ép buộc người khác nhận đúng những tội ác mà họ không bao giờ có thể phạm phải. Thú nhận rằng mình có đủ máu lạnh để giết người bạn thân nhất, người mang giấc mơ tương lai mà người ta sẵn sàng tự đốt cháy mình để đến được nơi...

Mình sẽ không bao giờ biết được.

Mình sẽ không bao giờ biết được chuyện gì đã xảy ra và cũng sẽ không sao cả, bởi vì dù sao mình cũng sẽ không thể hiểu nổi. Nhưng Baiba thì sẽ hiểu. Và hẳn là cô sẽ có thể xâm nhập sự thật. Di chúc của thiếu tá... Cuộc điều tra của ông không chết. Nó sống, nhưng nó không tìm được sự ngơi nghỉ. Nó ẩn trốn tại một nơi mà tâm trí của thiếu tá không phải thứ duy nhất cai quản.

Trạm gác, ông nghĩ. Chính đó là điều mình phải chuyển lại cho Baiba Liepa. Ở đâu đó có một tài liệu, được giấu giếm cẩn thận đến mức chỉ mình cô mới có thể tìm ra và hiểu được. Thiếu tá đã gửi gắm nó lại cho cô. Cô là thiên thần của ông, trong một thế giới nơi tất cả các thiên thần khác đều đã sa cánh...

Trung sĩ Zids dừng xe trước một cái cổng trở ở bức tường cổ bao quanh thành phố. Khi xuống xe Wallander nhận ra mình đang đứng trước Cổng Thụy Điển lòng danh đã được người vợ của trung tá Putnis nhắc đến. Ông rung mình; lại một lần nữa gió trở nên lạnh buốt. Một cách lơ đãng, ông

ngắm nhìn bức tường gạch loang lổ và cố giải mã vài ký hiệu cổ khắc chìm vào đá. Rất nhanh chóng ông từ bỏ việc này và quay trở lại xe.

- Chúng ta tiếp tục chứ? viên trung sĩ hỏi.

- Phải. Tôi muốn nhìn thấy tất cả những gì đáng để nhìn.

Zids thích lái xe. Và Wallander, mặc cho cái lạnh, mặc cho những cái liếc trộm của viên trung sĩ trong gương chiếu hậu, vẫn cảm thấy thoải mái trong sự cô độc của chiếc xe này hơn nhiều so với trong căn phòng khách sạn. Ông nghĩ đến buổi tối đang chờ đợi mình. Không gì có thể ngăn cản ông đến cuộc hẹn với Baiba Liepa. Trong thoáng chốc, ông tự nhủ có lẽ tốt hơn hết là mình nên chiếm thế chủ động, đến thẳng trường đại học để gặp cô - trường đại học nằm ở đâu? - và kể cho cô những gì ông vừa biết trong một hành lang vắng người. Nhưng ông còn không biết là cô dạy môn gì nữa, thậm chí ông còn không biết ở Riga có một hay nhiều trường đại học.

Còn có một điều mà ông mới chỉ bắt đầu ý thức được. Mấy cuộc gặp với Baiba Liepa, đều ngắn và buồn bã, không chỉ xoay xung quanh cái chết của thiếu tá. Còn có một điều nữa - một tình cảm vượt xa những gì ông vẫn hằng quen thuộc. Điều này làm ông thấy lo lắng. Trong thâm tâm ông nghe thấy giọng nói mồm của bố ông, miêu tả hình ảnh thằng con trai lầm lạc đã không chỉ vào làm cho cảnh sát mà còn ngu đến mức đem lòng yêu vợ góa một sĩ quan cảnh sát Latvia bị sát hại.

Liệu có phải đúng là chuyện ấy không? Liệu có phải quá thực ông đã đem lòng yêu Baiba Liepa không?

Như thể trung sĩ Zids có cái năng lực đáng ghen tị là đọc được các suy nghĩ của ông, đúng lúc ấy anh ta chỉ vào một tòa nhà rất lớn xấu xí xây bằng gạch mà nói đây là một phần đại học tổng hợp Riga. Wallander ngẩng nhìn nó qua cửa kính xe lấm bầm. Baiba Liepa có ở đâu đó đằng sau những bức tường kia không? Tất cả các tòa nhà lớn của đất nước này trông đều giống nhà tù. Và những người ở trong là tù nhân. Nhưng không phải là thiếu tá, và cũng không phải là Upitis - ngay cả khi giờ đây ông đã quả thực bị nhốt vào tù, không chỉ là trong một cơn ác mộng có lẽ sẽ không bao giờ chấm dứt. Đột nhiên, ông thấy cứ đi vòng vòng mãi trong thành phố cùng với viên trung sĩ như thế này là quá đủ rồi, và yêu cầu được chở về khách sạn. Không biết là tại sao, ông ra lệnh cho Zids quay trở lại đón vào lúc mười bốn giờ.

Trong sảnh, ông phát hiện ngay tắp lự một gã đàn ông vận đồ màu ghi. Như vậy là các trung tá không hề cảm thấy nhu cầu có một sự thay đổi nào đó. Ông vào phòng ăn và búống bình ngồi xuống một cái bàn khác, mặc cho vẻ mặt thiếu nể của người phục vụ. Mình sẽ reo rắc sự bê bối bằng cách nổi loạn chống cái thói của chính quyền cứ thích sẫm soi chỗ ngồi của khách, ông nghĩ trong cơn điên tiết. Ông nặng nề ngồi xuống, gọi rượu vodka và bia. Rồi ông cảm thấy một cái nhột bắt đầu hình thành trên móng ông - điều vẫn thường xảy đến với ông - và chuyện này chính thức khiến ông không kiểm soát nổi chính mình nữa. Ông ngồi lì ở bàn suốt hai tiếng đồng hồ, đòi người phục vụ rót đầy cốc ngay khi nó cạn. Ông bị say, các suy nghĩ mỗi lúc một thêm chao đảo mạnh hơn. Trong

một cơn trào dâng tình cảm đầy bất lực, ông tưởng tượng ra cảnh Baiba Liepa quay về Thụy Điển cùng với ông. Khi rời phòng, ông không thể tự ngăn mình vẫy tay chào gã đàn ông vận đồ ghi đang ngồi quan sát trên cái ghế băng. Ông lên phòng, nằm thụt ra và ngủ. Đột nhiên, một cái gì đó bắt đầu đập vào thái dương ông và sau một lúc ông hiểu ra là Zids đang gõ cửa. Ông nhảy bật dậy, hét lên bảo viên trung sĩ chờ và lấy nước lạnh vã lên mặt. Khi đã vào trong xe, ông yêu cầu được đi ra khỏi thành phố, đến một khu rừng nơi ông có thể đi dạo - và, nhân dịp ấy, chuẩn bị cho cuộc gặp với tình nhân của ông, người sẽ đưa ông đến với Baiba Liepa.

Trong rừng, ông cảm thấy lạnh. Đất cứng lạnh dưới đế giày của ông và ông nghĩ tình thế là hoàn toàn không thể chấp nhận được.

Mình sống trong một thời đại nơi lũ chuột đuổi theo con mèo. Chỉ có điều không còn ai biết mèo là ai chuột là ai. Chính là như thế đấy, cái thời đại của mình. Làm thế nào mà vẫn cứ là cảnh sát được khi mà không có gì còn đúng nguyên như vậy nữa, khi mà không còn gì tương hợp với thực tế nữa... Ngay cả Thụy Điển, cái đất nước mà ngày trước mình cứ tin là hiểu được, cũng không nằm ngoài quy luật. Cách đây một năm, mình đã lái xe trong tình trạng say xỉn nặng. Nhưng các đồng nghiệp chặn mình lại trên đường đã chọn cách nhắm mắt làm ngơ⁽¹⁾. Lại thêm một ví dụ về việc tên tội phạm bắt tay hữu hảo với kẻ đứng ra phải truy bắt hắn.

1. Chi tiết trong *Những kẻ sát nhân vô diện*.

Ở đây, giữa những cây thông, đột nhiên ông quyết định sẽ gửi hồ sơ cá nhân để ứng cử vào chức vụ trưởng ban an ninh nhà máy cao su ở Trelleborg. Ông đã rơi vào trạng thái nơi cái quyết định ấy trông thật hiển nhiên. Không một chút gợn nào trong ý nghĩ, không chút nghi ngờ nào. Đã đến lúc phải kết thúc rồi.

Cái dự định nằm trong tưởng tượng ấy làm tâm trạng ông phấn chấn hẳn lên và ông quay trở lại chỗ cái xe cùng với Zids đang đợi. Về tới Riga, ông chào tạm biệt viên trung sĩ trước khách sạn và lấy chìa khóa ở quầy tiếp tân. Người ta chuyển cho ông một lá thư của trung tá Putnis. Chuyến bay đi Helsinki ngày mai sẽ cất cánh vào lúc chín giờ rưỡi. Ông lên phòng, tắm nước nóng và chui vào giường. Còn ba tiếng nữa mới đến giờ hẹn với tình nhân. Lại thêm một lần nữa, ông xem xét lại toàn bộ chuỗi sự việc, đi sát theo bước chân của thiếu tá. Ông thấy như thể mình đã đoán ra tầm mức nổi căm ghét mà Karlis Liepa đã nuôi dưỡng trong mình. Sự căm ghét và sự bất lực - vì đã chạm được vào các bằng chứng, nhưng không phải vì vậy mà có thể làm được gì. Thiếu tá đã từng ngắm nghía trái tim đen tối của sự tham nhũng, nơi Putnis hoặc Murniers gặp gỡ những tên kẻ cướp để thỏa thuận những gì bản thân bọn mafia không thể có được: một chế độ tội phạm do Nhà nước kiểm soát. Ông đã nhìn thấy quá nhiều, và ông đã bị thanh toán. Còn lại di chúc của ông. Cuộc điều tra, và các bằng chứng. Nhưng ở đâu?

Đột nhiên, Wallander đứng dậy.

Ông đã quá coi nhẹ hậu quả nặng nề nhất của việc tài

liệu này có tồn tại. Dĩ nhiên là Putnis và Murniers cũng phải đi đến cùng kết luận đó với ông. Mối lo chính yếu của bọn họ vào lúc này chắc chắn là làm sao để tìm được các bằng chứng mà thiếu tá đã giấu đi.

Nỗi sợ ngay lập tức quay trở lại. Trong cái đất nước này không có việc gì đơn giản hơn là làm biến mất một tay cảnh sát Thụy Điển. Người ta có thể ngụy tạo một vụ tai nạn, điền đầy đủ một báo cáo điều tra như một bảng ô chữ và gửi sang Thụy Điển một cái quan tài kẹp chì cùng với lời thành kính phân ưu.

Có lẽ là bọn họ đã ngờ rằng ông biết quá nhiều chăng?

Hay cái quyết định tống cổ ông về nước cũng đồng nghĩa với việc bọn họ chắc chắn là ông không biết gì?

Mình không thể tin vào ai hết. Ở đây mình hoàn toàn cô độc. Mình phải bắt chước Baiba. Quyết định tin tưởng vào ai đó, đi kèm với nguy cơ bị đánh lừa. Và phải biết rằng mình đang bị vây quanh bởi những con mắt và những cái tai nằm dưới sự kiểm soát của những kẻ sẽ không ngần ngại một giây để bắt mình phải đi theo đúng con đường như thiếu tá.

Có lẽ là ông nên bỏ không đến cuộc hẹn cuối cùng với Baiba Liepa. Nguy hiểm không quá lớn hay sao?

Ông đứng dậy, đứng trước cửa sổ, để cho cái nhìn của mình đi lang thang phía trên các mái nhà. Trời đã tối. Sắp mười chín giờ ba mươi. Ông buộc phải có một quyết định.

Mình không hề can đảm. Viên cảnh sát dám đùa ròn với cái chết và không lùi bước trước bất kỳ mối đe dọa nào - viên cảnh sát đó không phải là mình. Nếu có thể lựa chọn, mình thích chọn những vụ ăn cắp vặt và lừa đảo nhẹ nhàng ở một

cái góc yên bình của Thụy Điển hơn.

Ông lại nghĩ đến Baiba Liepa, đến nỗi sợ và sự thách thức của cô. Ông hiểu mình sẽ không chịu đựng được chính mình nếu trốn tránh đi vào đúng lúc này.

Ông mặc bộ com lê vào đi ra thang máy. Khi đó đã hơn tám giờ được mấy phút.

Một gã đàn ông vận đồ ghi khác đang ngồi đọc báo trong sảnh khách sạn. Lần này, Wallander không vẫy tay chào hân. Ông đi thẳng đến night-club, khi đó đã đông nghẹt người mặc dù buổi tối mới chỉ bắt đầu. Ông lần mò tiến lên giữa những cái bàn nơi phụ nữ mỉm cười với ông về mời chào và cuối cùng cũng tìm được một cái ghế còn trống. Tốt hơn hết là tránh uống rượu, để giữ cho trí óc được tỉnh táo. Nhưng khi người phục vụ tiến lại gần, ông vẫn gọi một cốc whisky. Bục sân khấu dành cho dàn nhạc trống trơn: tiếng nhạc phát ra từ những cái loa gắn trên trần nhà màu đen. Ông cố nhìn rõ khuôn mặt những người bao quanh mình trong cái thế giới mang màu sắc hoàng hôn mù mịt khói này, nhưng chỉ nhìn thấy các bóng người và giọng nói trộn lẫn với âm thanh chất chứa của những cái loa.

Inese đột ngột hiện ra và tiến lại gần ông với vẻ cả quyết khiến ông hoàn toàn bị tê liệt. Không hề có dấu vết nào của người phụ nữ rụt rè thoáng gặp vài hôm trước. Cô trang điểm rất đậm, vận một chiếc minijupe vô cùng khiêu khích. Wallander không hề được chuẩn bị cho trò chơi này. Một cách vụng về, ông chìa tay cho cô; cô tặng lời nó, nghiêng người xuống ông và hôn vào môi ông.

- Chúng ta ở lại đây một lát, cô thì thăm. Hỏi tôi muốn uống gì đi. Cười đi, làm như thể rất vui vì gặp tôi đi.

Cô chọn một cốc whisky và hút một điếu thuốc bằng những củ chỉ bòn chồn. Wallander cố hết sức để đóng tròn vai người đàn ông đứng tuổi đang thỏa mãn vì có được sự quan tâm của một phụ nữ trẻ. Cố gào lên để át tiếng ồn ào, ông kể cho cô chuyện dạo chơi trong thành phố cùng viên trung sĩ. Cô ngồi ở vị trí có thể kiểm soát được lối ra vào của night-club. Khi ông nói sẽ quay về Thụy Điển vào ngày hôm sau, cô thoáng rung mình. Cô có liên quan đến sự việc này tới mức độ nào? Cô có thuộc vào nhóm *những người bạn* mà Baiba Liepa từng nói đến không? Những người tự coi mình chịu trách nhiệm sao cho tương lai đất nước không bị ném vào tay bọn chó sói...

Mình không thể tin tưởng vào Inese. Cô ta cũng có thể chơi trò hai mặt, vì bị ép buộc, hoặc vì bất lực và tuyệt vọng.

- Trả tiền đi, cô ra lệnh. Chúng ta chuẩn bị đi.

Bục sân khấu sáng bừng lên. Các nhạc công mặc vest lựa hồng bắt đầu chỉnh lại nhạc cụ. Wallander thanh toán tiền. Inese mỉm cười và làm ra vẻ đang thì thầm những lời dịu ngọt vào tai ông.

- Ở cuối toa lét có một cửa thoát hiểm. Nó bị khóa nhưng nếu ông gõ vào, sẽ có người mở ra. Ông sẽ vào trong gara. Có một chiếc Moskvitch màu trắng, chắn bùn màu vàng ở bánh phải phía trước. Cửa xe không khóa. Trèo lên ghế sau, tôi sẽ đến ngay. Giờ thì cười đi, thì thầm vào tai tôi, hôn tôi đi. Rồi sau đó thì đi đi.

Ông vàng lời và đứng dậy. Ông gõ cửa, và nghe thấy tiếng ổ khóa xoay. Nhiều người vào ra phòng vệ sinh, nhưng không ai có vẻ để ý đến ông.

Mình đang ở tại một đất nước có cơ man lối đi bí mật. Ở đây không có gì diễn ra giữa thanh thiên bạch nhật cả.

Gara, hẹp và tối mờ mờ, tỏa mùi xăng và mùi dầu mỡ. Người mở cửa cho ông như thể đã tan biến. Ông nhìn thấy một cái xe cam nhông thiếu bánh, vài cái xe đạp, và chiếc Moskvitch trắng. Ông trèo lên ghế sau và chờ đợi. Inese xuất hiện. Cô rất vội. Cô nổ máy, cửa gara mở ra. Chiếc xe rời khỏi khách sạn và rẽ sang trái, tránh xa các đại lộ lớn của khu phố mà trung tâm chính là khách sạn Latvia. Inese không rời mắt khỏi gương chiếu hậu và không ngừng đổi hướng đi. Wallander nhanh chóng mất phương hướng. Sau hai mươi phút, có vẻ như cô đã yên tâm là họ không bị theo dõi. Cô đề nghị ông châm hộ cô một điếu thuốc. Chiếc xe đi qua một cây cầu sắt lớn và biến vào một mê cung các nhà máy và tòa nhà mang dáng vẻ của những kho thuốc súng. Wallander không chắc chắn là mình nhận ra tòa nhà mà cô dừng lại ở phía trước.

- Nhanh lên, cô nói và tắt máy xe. Chúng ta không có nhiều thời gian đâu.

Baiba Liepa đưa họ vào và nói vài câu với Inese. Liệu cô có biết ngày mai ông sẽ rời khỏi Riga không? Cô không để lộ điều gì, cầm lấy áo vest của ông rồi vắt nó lên lưng một chiếc ghế. Inese biến mất. Thêm một lần nữa họ chỉ còn lại một mình trong căn phòng yên tĩnh với những tấm rèm dày cộp.

Wallander không biết phải bắt đầu từ đâu, cũng không biết phải nói gì. Vì vậy ông tuân theo mệnh lệnh mà Rydberg từng nhắc đi nhắc lại: *Hãy nói sự thật, không có gì để mất cả, hãy nói mọi chuyện như chúng vốn có!*

Khi ông kể cho cô rằng Upitis đã nhận mình là thủ phạm giết chồng cô, cô rúm người lại như thể đang phải chịu một sự đau đớn khủng khiếp.

- Điều đó không đúng, cô thì thầm.

- Người ta đã dịch lại lời khai cho tôi, Wallander nói. Ông ấy còn có hai tông phạm nữa.

- Điều đó không đúng! cô hét lên.

Như thể một dòng sông rút cuộc cũng làm bực được cái đập ngăn. Inese hiện ra trong bóng tối cánh cửa đăm đăm nhìn Wallander. Đột nhiên, ông hiểu ra điều mình cần phải làm. Ông đứng dậy, đến ngồi ở sofa bên cạnh Baiba và ôm cô vào lòng. Cô khóc nức lên. Tại sao? Bởi vì Upitis đã thực hiện một hành động phản bội kỳ lạ, không thể hiểu nổi? Hay bởi vì người ta đã buộc ông phải nói dối bằng những phương pháp đáng sợ? Cô khóc không kiềm chế, bám chặt vào người ông giống như một người sắp chết đuối.

Sau này, ông nghĩ vào thời điểm ấy mình đã hoàn toàn vượt qua cái ranh giới vô hình và bắt đầu chấp nhận tình yêu với Baiba Liepa. Cảm xúc ấy, thật kỳ lạ, đã bắt rễ trong nhu cầu mà một người khác có đối với ông. Ông không nghĩ đã có bao giờ mình cảm thấy một điều tương tự như thế hay chưa.

Inese lại xuất hiện với hai tách trà. Bằng một cử chỉ thoáng qua, cô vuốt mái tóc Baiba Liepa, lúc này đã gần như

ngừng khóc. Khuôn mặt cô xám ngoét.

Wallander kể cho cô mọi chuyện, kể cả việc ông sẽ quay về Thụy Điển. Ông kể lại câu chuyện theo đúng cách ông hiểu nó, và ngạc nhiên về lòng tin của chính mình. Để kết thúc ông nói đến *trạm gác* - bản di chúc hắn đang phải nằm ở đâu đó. Cô có vẻ hiểu ngay lập tức.

- Đúng. Hắn là anh ấy phải giấu một cái gì đó. Một bản di chúc không thể chỉ đơn thuần là các suy nghĩ.

- Nhưng chị không biết nó ở đâu à?

- Anh ấy không nói gì cả.

- Ai đó có thể biết chẳng?

- Không. Anh ấy chỉ tin tưởng tôi thôi.

- Thế còn bố ông ấy ở Ventspils thì sao?

Cô mở to mắt ngạc nhiên.

- Tôi đã tìm hiểu, ông nói. Tôi đã nghĩ đó cũng là một khả năng.

- Anh ấy rất yêu bố. Nhưng sẽ không bao giờ anh ấy giao cho bố một bí mật đâu.

- Ông ấy có thể giấu tài liệu đó ở đâu?

- Không phải là ở nhà chúng tôi. Quá nguy hiểm. Cảnh sát có thể phá tan hoang cả khu nếu họ tin là có thể tìm thấy cái gì đó.

- Suy nghĩ đi. Xem xét lại mọi chuyện. Ông ấy có thể giấu nó ở đâu?

Cô lắc đầu.

- Tôi không biết.

- Hắn ông ấy phải dự liệu về những chuyện xảy đến với

mình. Hẳn ông ấy phải nghĩ là chị có thể hiểu được là các bằng chứng đó đang chờ đợi chị. Tại một nơi chỉ một mình chị có thể tưởng tượng ra.

Đột nhiên cô nắm chặt lấy tay ông.

- Ông phải giúp tôi, cô nói. Ông không được đi.

- Tôi không thể ở lại được. Hai trung tá sẽ không bao giờ hiểu được việc tôi đẩy lùi ngày ra đi lại. Và làm thế nào có thể làm được chuyện ấy mà họ không biết?

- Ông có thể quay trở lại, cô nói, vẫn giữ chặt tay ông. Ở đây ông có một cô bạn gái. Ông có thể quay trở lại với tư cách khách du lịch.

Nhưng tôi có yêu cô ấy đâu.

- Ở đây ông có một người đàn bà, cô nhắc lại.

Ông im lặng gật đầu. Đúng thế. Ở Riga ông có một người đàn bà. Nhưng đó không phải là Inese.

Cô không nản nì nữa. Có vẻ như cô đã chắc chắn là ông sẽ quay trở lại.

- Tại đất nước chúng tôi, cô nói, người ta có thể phải chết nếu nói ra. Người ta có thể phải chết nếu im lặng. Hoặc nếu người ta không nói những gì cần phải nói. Hoặc không phải là với những người cần phải nói. Nhưng Upitis rất mạnh mẽ. Anh ấy biết chúng tôi sẽ không bỏ rơi anh ấy. Bọn họ đã buộc anh ấy nói những lời đó. Anh ấy biết là chúng tôi biết điều đó. Chính vì vậy chúng tôi sẽ phải giành được chiến thắng.

- Chiến thắng nào?

- Chúng tôi chỉ đòi hỏi sự thật mà thôi. Chỉ những gì xứng đáng, chỉ những gì giản dị. Khả năng sống theo sự tự do

mà chúng tôi đã chọn.

- Với tôi điều đó quá cao. Tôi chỉ muốn biết kẻ nào đã giết thiếu tá Liepa. Và tại sao hai cái xác lại dạt vào bờ biển Thụy Điển.

- Hãy quay trở lại, tôi sẽ giới thiệu đất nước của chúng tôi cho ông. Không chỉ là tôi. Cả Inese nữa.

- Tôi không biết...

Baiba Liepa nhìn thẳng vào mặt ông.

- Ông không phải là một kẻ hèn nhát. Mà nếu ông là kẻ như vậy, thì tức là Karlis đã nhầm lẫn. Nhưng anh ấy không bao giờ nhầm đâu.

- Không thể được, Wallander vẫn cương quyết. Hai trung tá sẽ biết ngay là tôi quay lại. Tôi sẽ cần đến một căn cước khác, một hộ chiếu khác.

- Chúng tôi có thể lo được vụ đó, cô sôi nổi. Ngay khi tôi biết được là ông sẽ quay trở lại.

- Tôi là cảnh sát. Tôi không thể liều mạng sống của mình bằng cách đi lại khắp nơi dưới một căn cước giả.

Ông im bặt. Trong cái nhìn của Baiba Liepa, ông tưởng như đột nhiên vừa thấy khuôn mặt của thiếu tá.

- Được rồi, ông chậm rãi nói. Tôi sẽ quay trở lại.

Đã quá nửa đêm. Lại một lần nữa, ông tìm cách giúp cô tưởng tượng ra thiếu tá có thể giấu các tài liệu của mình ở đâu. Baiba Liepa tỏ ra tập trung cao độ. Nhưng vẫn không thu được kết quả nào.

Wallander nghĩ tới những con chó đang rình rập ông trong bóng tối. Những con chó của các trung tá, không khi

nào loi lổng cảnh giác. Với một cảm giác phi thực ngày càng tăng, ông nhận ra mình đang để bị lôi cuốn vào một âm mưu nhằm đưa ông trở lại Riga trong lớp da của một điều tra viên ngầm. Ông sẽ là một phi-cảnh sát tại một đất nước mà ông không biết gì, một phi-cảnh sát tìm cách làm sáng tỏ một tội ác bị tất cả những người khác coi là đã xong xuôi từ lâu. Ông nhìn thấy đầy đủ sự điên rồ của việc này, nhưng ông không thể rời mắt khỏi khuôn mặt Baiba Liepa - người phụ nữ với giọng nói thấm đẫm sự tin tưởng đủ khả năng chiến thắng tất cả những kháng cự của ông.

Gần hai giờ sáng thì Inese đến thông báo đã đến lúc ông phải đi. Rồi cô lại để ông lại một mình với Baiba Liepa. Họ im lặng từ biệt nhau.

- Chúng tôi có bạn bè ở Thụy Điển, cuối cùng cô nói. Họ sẽ liên lạc với ông để tổ chức chuyến trở lại.

Rồi, rất nhanh, cô nghiêng người sang hôn lên má ông.

Họ lại lên xe. Lên đến cầu, Inese hất đầu về phía gương chiếu hậu.

- Thôi rồi, chúng đang đi theo ta. Chúng ta phải vờ tỏ ra say đắm nhau và chia tay nhau đầy lưu luyến trước cửa khách sạn.

- Tôi sẽ cố gắng hết sức. Và nếu tôi tìm cách thuyết phục cô lên phòng tôi?

Cô cười.

- Tôi là một cô gái con nhà lành. Nhưng khi ông quay lại, có thể chúng ta sẽ tính đến bước đó.

Họ chia tay nhau theo đúng cách đã bàn. Wallander nán

lại một lúc trong cái lạnh trước cửa khách sạn, gắng sức tỏ ra là mình đang buồn bã và cô đơn.

Buổi sáng hôm sau ông lên đường ra sân bay.

Hai trung tá đi theo ông đến tận cửa ra máy bay và nồng nhiệt từ biệt ông.

Một trong hai người đó đã giết thiếu tá. Hay là cả hai? Làm thế nào mà một cảnh sát của thành phố Ystad có thể nghĩ đến việc khám phá sự thật cơ chứ?

Tối đến, ông mở cửa căn hộ của mình ở Mariagatan.

Toàn bộ câu chuyện bắt đầu mang dáng vẻ của một giấc mơ. Ông nghĩ mình sẽ không bao giờ gặp lại Baiba Liepa. Cô sẽ tiếp tục khóc người chồng. Và cô sẽ không bao giờ biết kẻ nào đã ra lệnh giết ông ấy.

Ông nhắm nháp rượu whisky mua trên máy bay.

Trước khi đi ngủ, ông ngồi thật lâu ở sofa để nghe một đĩa nhạc của Maria Callas.

Ông cảm thấy mệt mỏi và lo lắng.

Giờ đây sẽ có chuyện gì xảy ra?

14

Ông phát hiện cái phong bì vào ngày thứ sáu kể từ khi quay về Ystad.

Nó đợi sẵn ông trên tấm thảm ở lối vào căn hộ, khi ông trở về sau một ngày dài nhiều sóng gió ở sở cảnh sát. Tuyết đã rơi suốt buổi chiều; ông phải chùi giày mất một lúc lâu ở chỗ cái thảm lót chân trước khi mở cửa.

Sau này, ông nghĩ mọi chuyện giống như là ông đã tìm cách, cho đến phút cuối cùng, kháng cự lại ý tưởng họ sẽ liên lạc với ông. Trong thâm tâm, ông biết việc đó sẽ sớm diễn ra. Nhưng ông chưa cảm thấy sẵn sàng.

Ông nhặt nó lên. Một cái phong bì bằng bìa kraft bình thường, ghi tên một doanh nghiệp ở góc trên phía bên tay trái. Chắc chắn đây là một lá thư quảng cáo; ông đặt nó lên cái giá ở lối vào và quên nó đi. Sau bữa tối - một ít cá đã nằm quá lâu trong ngăn đá của tủ lạnh - khi đi ngang qua ông nhìn thấy nó và cầm lên xem kỹ hơn. "Lippman Chuyên Kinh Doanh Hoa". Mùa này mà lại đi quảng cáo hoa. Suýt nữa thì ông vứt nó vào sọt rác. Nhưng sự tò mò vẫn luôn ngăn ông vứt thư từ đi trước

khi ít nhất là liếc qua nội dung. Méo mó nghề nghiệp. Một cái gì đó có thể được giấu vào giữa những tờ giấy in nhiều màu. Ông thường nghĩ mình sống như một người bị buộc phải lật từng viên đá trên đường đi lên để xem. Bị buộc phải khám phá điều ẩn giấu phía dưới.

Khi xé phong bì và nhìn thấy tờ giấy viết tay gấp lại ở bên trong, ông liền hiểu ra.

Ông đặt lá thư lên bàn bếp và rót một tách cà phê. Ông cần có thời gian chuẩn bị. Tất cả những cái đó, ông đều làm vì Baiba Liepa.

Tuần trước khi xuống máy bay ở Stockholm, ông đã cảm thấy một thứ tình cảm rối bời, có lẽ là nỗi buồn. Cùng lúc, ông nhẹ nhõm vì được rời khỏi cái đất nước nơi ông không ngừng bị theo dõi. Điều đó đã tạo ra ở ông một kiểu bột phát mà ông vốn không quen. “Thật tốt vì được trở về”, ông nói với người phụ nữ làm nhiệm vụ kiểm tra hộ chiếu. Cô ta chỉ buồn liếc nhìn ông, như thể ông vừa nói ra một điều gì đó không đúng chỗ, và trả lại hộ chiếu cho ông mà không buồn mở ra nhìn.

Và đây là Thụy Điển, Wallander nghĩ. Trên bề mặt, mọi thứ đều sáng sủa và tươi sáng. Các sân bay của chúng ta được cấu tạo theo cách để không một sự bất thủ nào, không một bóng tối nào có thể tìm được chỗ để tồn tại. Tất cả đều hiển hiện, tất cả đều theo đúng quy chuẩn của vẻ bên ngoài. Tôn giáo của chúng ta và niềm hy vọng mang tính quốc gia đầy tội nghiệp của chúng ta, đó chính là *sự an toàn* ghi rõ trong Hiến pháp của chúng ta, nó nói với toàn thế giới rằng ở chỗ chúng ta, không có ai phải chết vì đói. Nhưng chúng ta không nói

chuyện với người lạ; bởi vì người lạ có thể gây điều xấu cho chúng ta, vấy bẩn sự sạch sẽ của chúng ta, làm những ngọn đèn nê ông của chúng ta tối sầm lại. Chúng ta chưa bao giờ xây nên một đế quốc, và điều đó đã tránh cho chúng ta khỏi bị suy sụp. Nhưng chúng ta tin tưởng là mình đã tạo nên cái thế giới tuyệt diệu nhất - dù nhỏ bé - chúng ta là những người canh gác chính thức của thiên đường và giờ đây khi bữa tiệc đã kết thúc, chúng ta trả thù bằng cách tạo ra những người kiểm soát hộ chiếu lạnh lùng nhất trên đời.

Sự nhẹ nhõm gần như nhường ngay chỗ cho sự trầm uất. Trong thế giới của Wallander - cái thiên đường khuất nẻo đang trong quá trình sụp đổ - không có chỗ nào cho Baiba Liepa. Ông không thể tưởng tượng được cô ở đây, trong cái ánh sáng này, dưới những ngọn đèn nê ông hoàn hảo và lừa dối này. Tuy nhiên, ông đã bắt đầu thấy nhớ cô. Khi kéo vali sang bên khu dành riêng cho các chuyến bay nội địa nơi ông phải chờ đến giờ chuyến bay đi Malmö, những mơ mộng đã lôi ông quay trở lại Riga, thành phố của những con chó vô hình. Chuyến bay Malmö bị muộn. Vé của ông bao gồm cả một cái sandwich; ông ngồi một lúc lâu ngắm nhìn các đường băng nơi những chiếc máy bay cất hạ cánh trong sự quay cuồng của một làn tuyết mỏng. Quanh ông, những người đàn ông vận com lê cà vạt nói không ngừng nghỉ vào điện thoại di động của mình. Một thương gia to béo đi qua trước mặt ông, cái điện thoại đầy vẻ phi thực của ông ta dán chặt vào má, và Wallander kinh ngạc nhận ra ông ta đang đọc to câu chuyện cổ tích về Hansel và Gretel. Chuyện này làm ông

nghĩ đến con gái. Ông gọi điện cho cô từ một cabin điện thoại và, thật không tin được, cô nhắc máy; ông thấy vui sướng hết cỡ khi được nghe giọng cô. Trong thoáng chốc ông định ở lại Stockholm vài ngày; nhưng giọng nói của Linda làm ông hiểu là cô đang rất bận, và ông đành thôi không nêu đề xuất của mình nữa. Thay vì vậy, ông lại nghĩ đến Baiba, đến nỗi sợ và sự thách thức của cô... Liệu có thực sự là cô dám tin rằng viên cảnh sát Thụy Điển sẽ không bỏ rơi cô? Nhưng ông có thể làm gì đây? Nếu ông quay lại nơi đó, những con chó sẽ đánh hơi ra ngay. Ông sẽ không bao giờ có thể đánh lừa được chúng.

Ở sân bay Sturup, không ai chờ đợi ông. Ông gọi một chiếc taxi đi về Ystad. Trong suốt chuyến đi, ông nói chuyện thời tiết với tài xế, anh ta lái xe quá nhanh. Khi không còn gì để nói về sương mù và tuyết đang nhầy nhót trong luồng sáng đèn pha, ông tưởng như mình vừa thoáng ngửi thấy mùi hương của Baiba Liepa trong xe, và một nỗi lo lắng dữ dội ập đến với ông, khi ông nghĩ mình sẽ không bao giờ gặp lại cô nữa.

Ngày hôm sau, ông đến chỗ bố ở Löderup. Người hộ lý do ngân sách địa phương thanh toán chi phí đã cắt tóc cho ông, và trông ông phong độ hơn hẳn bình thường. Wallander đã mua cho bố một chai cognac và ông già gật đầu hài lòng khi nhìn thấy mác rượu.

Trước sự kinh ngạc của chính mình, ông nói về Baiba.

Họ đang ở trong tàu ngựa cũ được sửa sang thành xưởng vẽ. Trên giá vẽ, một bức tranh chưa hoàn thành - thuộc loạt

tranh vẽ con gà nừng ở góc dưới phía bên trái. Khi ông đến nơi, bố ông đang tô màu cái mỏ của con gà.

Ông già chùi tay vào một cái giẻ lau ẩm nhựa thông và bảo con trai ngồi xuống. Wallander kể về chuyến đi Riga. Đột nhiên, không thực sự biết tại sao, ông ngừng miêu tả thành phố để kể cho bố về cuộc gặp Baiba Liepa, không nói rõ rằng cô là vợ góa một thiếu tá bị sát hại. Ông chỉ nói tên cô, nói rằng ông đã gặp cô, rằng ông nhớ cô.

- Cô ta có con không?

- Không.

- Có thể sinh con không?

- Làm sao mà bố lại có thể muốn con biết điều đó? Con nghĩ là có thể.

- Cô ta bao nhiêu tuổi?

- Trẻ hơn con. Có lẽ là ba mươi ba.

- Thế thì cô ta có thể sinh con.

- Con không hiểu tại sao bố cứ phải nói mãi về chuyện ấy.

- Bố nghĩ đó là cái anh cần đấy.

- Con đã có Linda.

- Một đứa con là quá ít. Phải có ít nhất hai đứa để thực sự hiểu về chuyện đó. Thế nên nghe bố đi. Anh dẫn cô ta về đây và cưới cô ta đi.

- Không đơn giản như vậy đâu.

- Tại sao lúc nào anh cũng phải làm phức tạp mọi chuyện với cái cơ anh là cóm?

Lại thế nữa rồi, Wallander nghĩ. Thật không thể nói

chuyện với ông già mà ông ấy không tìm ra một cái cớ nào đó để trách mình đã làm như vậy.

- Bố có thể giữ bí mật không? ông hỏi sau một quãng im lặng.

Bố ông nhìn ông với vẻ nghi ngại.

- Làm thế nào mà anh lại muốn tôi làm được việc ấy? Tôi có ai để nói chuyện bao giờ đâu.

- Có thể là con sẽ rời khỏi ngành cảnh sát. Có lẽ con sẽ tìm một công việc khác. Phụ trách an ninh cho một doanh nghiệp ở Trelleborg. Con nói có lẽ đấy nhé.

Im lặng.

- Không bao giờ quá muộn để sửa chữa lỗi lầm đâu, rốt cuộc bố ông cũng nói. Có thể nỗi tiếc lớn nhất của anh sẽ là đã chờ đợi quá lâu mới chịu làm việc ấy.

- Con đã nói có lẽ mà, bố ơi. Còn chưa có gì chắc chắn đâu.

Nhưng bố ông đã không còn lắng nghe nữa. Ông quay trở lại với giá vẽ để tô nốt cái mỏ con gà. Wallander ngồi xuống một cái xe trượt cũ và im lặng ngắm nhìn bố một lúc. Rồi ông đi về. Ông nghĩ mình cũng không có ai để nói chuyện. Ở tuổi bốn mươi ba, ông không hề có ai thực sự gần gũi. Khi Rydberg chết, ông thấy mình cô đơn đến một mức độ chưa bao giờ ông nghĩ là có thể. Ông chỉ còn lại Linda. Mona với ông đã quá xa vời. Kể từ khi bỏ ông, cô liền trở thành một người xa lạ. Ông không biết gì về cuộc sống của cô ở Malmö.

Ông đi qua lối rẽ về phía Kåseberga, nghĩ rằng mình có

thể đến thăm Göran Boman ở sở cảnh sát Kristianstad. Ông có thể kể cho ông ấy toàn bộ câu chuyện.

Nhưng ông không bao giờ đi đến Kristianstad. Ông quay trở lại làm việc sau khi nộp báo cáo cho Björk. Martinsson và các đồng nghiệp khác hỏi chuyện ông một lát khi tất cả nghỉ tay uống cà phê, và ông nhanh chóng hiểu ra không ai thực sự quan tâm đến câu chuyện của ông. Ông gửi đơn xin việc đến chỗ doanh nghiệp ở Trelleborg. Rồi ông kê lại đồ đạc trong phòng làm việc, với hy vọng lên được một chút dây cột cho tinh thần làm việc của mình. Björk, khi thấy ông lơ đãng và mệt mỏi, vụng về tìm cách khích lệ ông bằng cách giao cho ông thay mình đến nói chuyện ở Rotary Club của thành phố. Wallander nhận lời, tham gia bữa trưa ở khách sạn Continental và tổ chức một buổi nói chuyện không mấy thành công về ảnh hưởng của các tiến bộ kỹ thuật lên công việc điều tra. Chỉ vừa ngừng lời, ông đã quên khuấy mình nói gì.

Một sáng khi tỉnh dậy ông nghĩ mình đã đổ bệnh.

Björk gửi ông đi khám bệnh toàn diện ở chỗ viên bác sĩ của cảnh sát, ông ta không tìm thấy gì, nhưng đề nghị ông theo dõi sát sao cân nặng của mình. Ông từ Riga quay về vào một ngày thứ Tư. Tối thứ Bảy, ông lái xe đến tận Åhus, ăn tối ở quán, nhảy và được mời đến một cái bàn cùng với một bác sĩ trị liệu Kristianstad tên là Ellen. Nhưng khuôn mặt Baiba Liepa vẫn không ngừng hiện ra, cô đi theo ông như một cái bóng, và ông lái xe quay về nhà khi vẫn còn rất sớm. Đi dọc theo bờ biển, ông dừng xe bên lề cánh đồng bỏ không nơi tổ chức hội chợ nông nghiệp Kivik rất lớn vào mỗi mùa hè. Năm

trước, ông đã chạy như một thằng điên trên cánh đồng này, một khẩu súng trên tay, để theo sát một tên giết người⁽¹⁾. Giờ đây, một lớp tuyết mỏng phủ lên mặt đất, trăng tròn lấp lánh chiếu sáng mặt biển, còn ông, ông nhìn thấy gương mặt Baiba Liepa. Ông không thể đuổi cô ra khỏi suy nghĩ của mình. Ông quay về Ystad. Khi đã vào trong căn hộ, ông uống rượu đến say mềm ra. Ông bật nhạc thật to, đến mức hàng xóm phải đập vào tường phản đối.

Sáng Chủ nhật, ông tỉnh dậy với cảm giác hồi hộp. Phần còn lại của ngày trôi qua trong một sự chờ đợi dai dẳng một điều mà ông cũng không biết rõ.

Bức thư đến nơi vào thứ Hai. Ông ngồi ở bàn bếp với tách cà phê và nhìn chăm chú vào nét chữ bay bướm. Lá thư được ký bởi một người tên là Joseph Lippman.

Ông là một người bạn của đất nước chúng tôi. Riga đã thông báo cho chúng tôi về sự đóng góp quý giá của ông. Chúng tôi sẽ sớm liên lạc lại với ông để nói rõ các chi tiết cho việc ông quay trở lại đó.

Wallander tự hỏi không biết đóng góp quý giá ấy là gì. Và “chúng tôi”, những người hứa sẽ sớm liên lạc lại với ông, là những ai.

Ông tức tối vì bức thư quá ngắn ngủi. Thông điệp này giống hệt một mệnh lệnh. Thế còn ông thì sao? Ông không

1. Chi tiết trong *Những kẻ sát nhân vô diện*.

còn được phép cất giọng nói nữa à? Ông còn chưa hề quyết định là sẽ phục vụ những con người vô hình ấy. Nỗi hoang mang và sự do dự của ông lớn hơn nhiều so với ý chí của ông. Ông muốn gặp lại Baiba Liepa, chắc chắn rồi, nhưng là vì những lý do đáng ngờ đang, theo ý kiến của chính ông, biến ông thành một thằng nhóc đam mê tình yêu thay vì một vị anh hùng.

Tuy nhiên vào sáng thứ Ba khi tỉnh dậy, một quyết định đã thành hình. Ông đến sở, dự một cuộc họp công đoàn đầy tính chất tuyệt vọng và sau đó đi thẳng vào phòng làm việc của Björk.

- Tôi vẫn còn vài ngày nghỉ phép. Điều đó có gây vấn đề gì không?

Björk nhìn ông với một vẻ pha trộn giữa ghen tị và thông hiểu.

- Tôi rất muốn cũng có thể nói giống anh. Tôi vừa phải đọc một bản ghi nhớ rất dài từ trên đưa xuống, rồi tưởng tượng tất cả các đồng nghiệp của tôi trên đất nước cũng phải làm như vậy vào cùng thời điểm, tất cả đều phải ngồi ở bàn đọc chăm chú, mày nhíu lại. Người ta yêu cầu chúng tôi phải có ý kiến về một số quyết định đã được ban hành về chủ đề cuộc cải tổ lớn. Những quyết định nào? Tôi hoàn toàn không biết được nữa.

- Anh cũng đi nghỉ vài ngày đi, Wallander đề nghị.

Björk tức tối đẩy một tờ giấy đang nằm trên bàn lùi ra xa.

- Tôi sẽ nghỉ ngơi chừng nào về hưu. Nếu vào lúc ấy tôi vẫn còn sống. Ở một khía cạnh khác, sẽ thật ngu ngốc nếu

chết khi đang tại chức. Được rồi, chúc nghỉ ngơi vui vẻ. Anh tính đi đâu đó à?

- Tôi nghĩ sẽ đi trượt tuyết trên núi Alps trong một tuần. Có lẽ bây giờ đi cũng không sao lắm, vì thường thì quanh dịp hạ chí chúng ta mới hay bị thiếu người. Tôi có thể làm việc vào lúc đó và lùi kỳ nghỉ hè đến cuối tháng Bảy.

- Anh tìm được chỗ trên một chuyến máy bay đặc dụng rồi à? Thế mà tôi lại cứ nghĩ quãng này không còn vé chứ.

- Chưa.

Björk nhướn mày.

- Tôi thấy là anh đang ngẫu hứng quá mức đấy...

- Tôi sẽ tự lái xe. Tôi không thích máy bay.

- Chẳng ai thích cả.

Björk chuyển thẳng sang đáng vẻ nghiêm nghị công việc mà không báo trước, đó là đáng vẻ ông vẫn dùng khi muốn nhắc nhở người đối diện ai mới là ông chủ.

- Anh đang lo vụ gì đấy?

- Không có gì nhiều đâu, lâu lắm rồi mới được như vậy. Vụ tấn công ở Svarte chắc là vụ việc khẩn cấp nhất. Nhưng chắc ai đó có thể thay chỗ tôi được.

- Khi nào thì anh định đi? Hôm nay à?

- Thứ Năm là được rồi.

- Bao nhiêu thời gian?

- Tôi đã tính là còn có thể nghỉ được mười ngày.

Björk gật đầu và ghi vào sổ.

- Tôi nghĩ đây là một quyết định khôn ngoan. Trông anh không được khỏe khoắn lắm.

- Nói thế vẫn còn là nhẹ.

Wallander dành phần còn lại của ngày để nghiên cứu hồ sơ vụ Svarte. Ông gọi nhiều cú điện thoại và thậm chí còn tìm được thời gian để trả lời một bức thư của ngân hàng liên quan đến một nhầm lẫn trên tài khoản vãng lai của ông. Trong khi làm việc, ông vẫn nghĩ ngợi. Ông giờ nên giám điện thoại Stockholm và tìm thấy nhiều người mang họ Lippman. Nhưng không có dấu vết nào của "Lippman Chuyên Kinh Doanh Hoa" trong các trang vàng.

Không lâu sau mười bảy giờ, ông dọn dẹp phòng rồi xuống lấy xe. Ông đi đường vòng để ghé một cửa hàng đồ gỗ mới mở cửa và nhìn ngắm một cái phô toi da mà ông thấy thích. Nhưng giá tiền làm ông kinh hoàng. Tại một siêu thị nhỏ ở Hamngatan, ông mua khoai tây và một mẩu thịt mỡ. Cô thu ngân trẻ tuổi mỉm cười với ông; ông nhớ cách đây một năm mình đã bỏ cả một ngày tìm kiếm tên kẻ trộm đã khoắng sạch cửa hàng này. Về đến nhà, ông chuẩn bị bữa tối và ngồi xuống trước vô tuyến.

Điện thoại đổ chuông không lâu sau hai mươi một giờ.

Một giọng đàn ông ra lệnh bằng thứ tiếng Thụy Điển ngập ngừng bảo ông đi đến cửa hàng bánh pizza nằm đối diện với khách sạn Continental. Đột nhiên Wallander thấy chán toàn bộ những trò thậm thụt này, và yêu cầu anh ta nói tên.

- Tôi có đủ hết các lý do để nghi ngờ. Tôi muốn biết ai dợt tôi.

- Tên tôi là Joseph Lippman. Tôi đã viết thư cho anh.

- Anh là ai? Wallander vẫn kiên quyết hỏi.

- Tôi điều hành một hãng nhỏ.
- Anh chuyên kinh doanh hoa à?
- Cũng có thể gọi là như vậy.
- Anh muốn gì ở tôi?
- Tôi tin là tôi đã giải thích rất rõ ràng trong thư rồi.

Wallander quyết định đập máy, vì ông không thu được một câu trả lời nào. Ông đã ngán đến tận cổ những kẻ vô hình chủ chăm chăm đòi hỏi sự quan tâm và cộng tác của ông. Cái tay Lippman này nhờ đâu lại là bộ hạ của mấy viên trung tá Latvia thì sao. Có điều gì nói ngược lại được giả thuyết ấy không?

Ông đi bộ ngang qua khu Regementsgatan về phía trung tâm thành phố. Hai một giờ ba mươi phút, ông bước vào quán pizza. Khoảng chục cái bàn đã có người ngồi, nhưng không cái bàn nào có một người đàn ông đơn độc có thể là Lippman cả. Ông nhớ đến một lời nhận xét cũ của Rydberg. *Trước một cuộc hẹn, luôn có một quyết định cần nắm lấy: nên đến trước hay nên đến sau?* Ông đã quên mất điều đó; ở một khía cạnh khác, ông không biết liệu điều đó có quan trọng gì không ở trường hợp này. Ông ngồi xuống một góc, gọi một cốc bia và chờ đợi.

Joseph Lippman đến vào lúc hai mươi giờ kém ba phút, khi Wallander đã bắt đầu tự hỏi không biết có phải người ta đang chơi trò điều hổ ly sơn lừa ông ra khỏi nhà hay không. Khi cửa mở, ông đã chắc chắn ngay người đàn ông đó không thể là ai khác ngoài Lippman. Trạc sáu mươi tuổi, vận một chiếc pacoxy quá khổ, ông ta cẩn thận bước tới giữa những

cái bàn như thể lúc nào cũng sợ sẽ giẫm trúng một quả mìn. Đến được nơi, ông ta mỉm cười với Wallander, cởi chiếc pacoxy và ngồi xuống sau khi đã liếc nhìn sang bàn bên cạnh, nơi hai người đàn ông đang trao đổi những lời bình luận đầy chất chứa về một người thứ ba vắng mặt, có vẻ như là một kẻ vô cùng ngu ngốc.

Wallander đoán Joseph Lippman là người Do Thái. Hai gò má mai má, mắt đen, cặp kính tròn... tất cả đều góp phần tạo dựng nên hình ảnh ông vẫn có vẻ vẻ ngoài của người Do Thái. Nhưng thật ra thì ông biết gì về một "vẻ ngoài" như thế? Không gì cả.

Cô phục vụ tiến lại gần. Lippman gọi một cốc trà. Ông ta vô cùng lịch thiệp; Wallander đoán định được một quá khứ mang nhiều dấu ấn của những sự đè nén.

Rồi ông ta cất lời, nói nhỏ đến mức Wallander phải nghiêng người về phía trước mới nghe được.

- Tôi rất biết ơn vì anh đã tới, ông ta nói.

- Anh có để cho tôi lựa chọn nào đâu. Trước tiên là lá thư, rồi đến cú điện thoại. Có lẽ là anh sẽ bắt đầu bằng việc nói cho tôi biết anh là ai chứ?

Lippman phác một cử chỉ tỏ vẻ từ chối.

- Tôi là ai thì có quan trọng gì đâu. Quan trọng là anh cơ, thưa quý ngài Wallander.

- Thôi đi. Tôi không có ý định nghe anh nói nếu anh thậm chí còn không có khả năng tin tôi và nói cho tôi biết anh là ai.

Cô phục vụ quay trở lại cùng nước trà, và câu trả lời của

Lippman bị treo lại.

- Vai trò của tôi là vai trò của người tổ chức và người đưa tin, ông ta nói khi cô phục vụ đã đi khỏi. Có ai muốn biết tên người đưa tin không? Điều đó không hề quan trọng. Chúng ta gặp nhau ở đây tối nay; sau đó tôi sẽ biến mất, và hẳn là chúng ta sẽ không gặp lại nhau nữa. Trước hết đây không phải là một câu chuyện về lòng tin, mà là một quyết định mang tính thực tiễn. Sự an toàn vẫn luôn là một vấn đề thuộc về thực tiễn. Và cả lòng tin cũng vậy, tôi nghĩ thế.

- Trong trường hợp ấy, chúng ta có thể dừng cuộc nói chuyện này ngay tại đây.

- Tôi có một thông điệp cho anh từ Baiba Liepa.

Wallander bình tĩnh lại. Ông nhìn người đàn ông ngồi trước mặt, ông ta có dáng vẻ đặc biệt tàn tạ, như thể sức khỏe của ông ta kém đến mức bất kỳ lúc nào cũng có thể lặn ra đó.

- Tôi không muốn nghe gì hết, trước khi biết được anh là ai. Chỉ đơn giản có vậy thôi.

Lippman bỏ cặp kính và cẩn thận rót sữa vào tách trà của mình.

- Sự thận trọng của chúng tôi chủ yếu có mục đích bảo vệ cho anh, thưa quý ngài Wallander. Vài cái thời biến loạn này, tốt hơn hết là biết càng ít càng tốt.

- Chúng ta đang ở Thụy Điển. Không phải là Riga.

Im lặng.

- Có lẽ là anh có lý, rốt cuộc Lippman nói. Có thể tôi là một lão già không có đủ khả năng nhìn ra được các thay đổi thực tế.

- Những bông hoa, Wallander nói để khích lệ ông ta. Lĩnh vực đó đã thay đổi rất nhiều phải không?

Lippman chậm rãi khuấy cái thìa trong tách.

- Tôi đến Thụy Điển cuối mùa đông 1941, cuối cùng ông ta đáp. Hồi ấy tôi là một thanh niên bị ám ảnh bởi giấc mơ trở thành nghệ sĩ. Một nghệ sĩ lớn. Vào lúc bình minh chúng tôi nhìn thấy đảo Gotland. Chúng tôi đã thành công! Con tàu bị rò nước, nhiều người bạn đồng hành của tôi bị ốm nặng, tất cả chúng tôi đều khốn đốn vì thiếu lương thực, rồi bệnh lao... Nhưng tôi vẫn còn nhớ buổi bình minh bằng giá đầu tháng Ba đó, và về cái quyết định của tôi khi ấy. Một ngày nào đó tôi sẽ vẽ một bức tranh, cảnh bờ biển Thụy Điển, và đó sẽ là một hình ảnh tự do. U tối, lạnh lẽo, với mấy tảng đá màu đen nhô lên từ sương mù. Cánh cửa thiên đường có thể giống với cảnh đó... Nhưng tôi chưa bao giờ vẽ bức tranh ấy cả. Tôi trở thành thợ làm vườn. Tôi kiếm sống bằng cách đưa ra những lời khuyên cho các doanh nghiệp Thụy Điển về việc lựa chọn cây cối trang trí. Tôi nhận ra những người của các hãng tin học mới có một nhu cầu vô chừng mực là giấu máy móc của họ vào giữa đám cây xanh. Tôi sẽ không bao giờ vẽ cánh cửa thiên đường; tôi sẽ phải hài lòng với việc chỉ nhìn thấy nó mà thôi. Tôi cũng biết thiên đường có nhiều cửa, cũng giống như địa ngục. Người ta phải học cách phân biệt chúng. Nếu không sẽ tiêu đời.

- Thiếu tá Liepa có rơi vào hoàn cảnh giống như vậy không?

Lippman không phản ứng gì khi nghe thấy cái tên.

- Thiếu tá Liepa biết những cánh cổng trông ra sao, ông ta chậm rãi nói. Nhưng không phải điều đó đã giết cậu ấy. Cậu ấy chết vì đã nhìn thấy *kẻ vượt qua ngưỡng cửa của nó*. Những kẻ đó e ngại ánh sáng, nó cho phép những người như thiếu tá Liepa nhìn thấy chúng và nhận ra chúng.

Wallander có cảm giác Lippman là một tín đồ rất tin đạo. Ông ta nói năng như một vị giáo sĩ đứng trước một giáo đoàn vô hình.

- Cả đời tôi đã sống trong cảnh lưu đày, ông ta tiếp tục. Hồi đầu, cho tới giữa những năm năm mươi, tôi cứ nghĩ chắc chắn một ngày nào đó mình sẽ có thể quay về nhà. Rồi sau đó là những năm sáu mươi và bảy mươi dài dặc. Tôi đã từ bỏ mọi hy vọng. Trong cộng đồng người di dân chỉ còn những người Latvia rất già - những người rất già, những người rất trẻ hoặc những người rất điên - còn tin vào một biến chuyển kinh thiên động địa, đến một sự kiện gây chấn động thế giới rồi cuộc cũng cho phép chúng tôi trở về nhà. Về phần mình, tôi chỉ chờ đợi đoạn kết của một tấn bi kịch mà người ta đã có thể coi là kết thúc rồi. Nhưng đột nhiên lại có điều gì đó mới mẻ. Những báo cáo kỳ lạ bắt đầu đến với chúng tôi từ đất nước xưa kia, những báo cáo run rẩy sự lạc quan. Chúng tôi đã nhìn thấy Liên Xô kỳ vĩ rung bần bật, như thể cơn sốt tiềm ẩn rồi cuộc cũng đã phát tác. Có thể vậy được chăng? Những gì chúng tôi không dám hy vọng vẫn còn có thể diễn ra dù cho có điều gì đi nữa, dù cho không ai dám chờ đợi nữa? Đến thời điểm này, chúng tôi vẫn còn chưa biết gì. Tự do rất có thể lại thêm một lần nữa né tránh chúng tôi. Liên Xô đã suy yếu,

nhưng có thể đó chỉ là một đợt suy yếu tạm thời. Chúng tôi không còn nhiều thời gian nữa. Thiếu tá Liepa biết điều đó. Chính nó đã thúc đẩy cậu ấy hành động.

- “Chúng tôi” là những ai?

- Tất cả những người Latvia ở Thụy Điển đều thuộc một tổ chức nào đó. Chúng tôi luôn tụ tập lại với nhau theo cách đó, giống như một thứ thay thế cho đất nước, nếu anh muốn nghĩ vậy. Thông qua các hiệp hội ấy, chúng tôi đã giúp đỡ mọi người để họ không quên đi văn hóa của mình. Chúng tôi đã xây dựng các mạng lưới tương trợ lẫn nhau, tạo ra các quỹ... Chúng tôi cũng đã nhận được những lời kêu cứu, và cố gắng đáp lại. Chúng tôi đã chiến đấu không ngừng nghỉ để không bị lãng quên và để thay thế, theo một cách thức nào đó, các thành phố và làng mạc đã mất.

Cánh cửa lắp kính mở ra, một người đàn ông bước vào quán pizza. Ngay lập tức Lippman có phản ứng. Wallander quay đầu lại và nhận ra Elmberg, người quản lý một trạm xăng của thành phố.

- Không nguy hiểm gì đâu. Ông ấy chưa bao giờ làm hại đến một con ruồi. Tôi nghĩ là ông ấy không mấy quan tâm đến việc có thể khẳng định sự tồn tại của Nhà nước Latvia hay không đâu.

- Baiba Liepa đã kêu gọi giúp đỡ, Lippman ngắt lời. Cô ấy yêu cầu ông sang đó. Cô ấy cần sự giúp đỡ của anh.

Từ túi trong của áo vest, ông ta rút ra một cái phong bì.

- Thư của Baiba Liepa đây, ông ta nói. Gửi anh.

Cái phong bì không được dán. Wallander cẩn thận rút từ

trong đó ra một tờ giấy mỏng.

Bức thư rất ngắn, viết vội bằng bút chì đen. Ông có cảm giác cô đã viết nó hết sức vội vã.

Có một trạm gác. Một mình tôi không thể tìm ra nó. Ông hãy tin tưởng những người đưa tin như ông đã từng tin tưởng chồng tôi. Baiba.

Ông đặt bức thư xuống.

- Chúng tôi có thể cung cấp mọi thứ cần thiết để anh quay lại Riga, Lippman nói.

- Dù sao thì các anh cũng không thể biến tôi thành vô hình được.

- Tại sao anh lại muốn trở thành vô hình?

- Để quay lại được Riga, tôi cần đội lốt. Các anh nghĩ có thể làm như thế nào? Các anh có thể đảm bảo an toàn cho tôi theo cách nào?

- Anh phải tin tưởng vào chúng tôi, thưa quý ngài Wallander. Nhưng chúng ta không có nhiều thời gian đâu đây.

Wallander nhận thấy sự lo lắng của Joseph Lippman. Ông cố tự thuyết phục mình về tính phi thực của tình thế. Vô ích. Rồi ông nghĩ rằng chính là cái đó, hiện thực của thế giới. Baiba Liepa đã gửi đi một trong những tín hiệu cầu khẩn mỗi giây vẫn giao nhau chi chít trên các lục địa. Tín hiệu này là dành cho ông, cho cá nhân ông. Ông phải đáp lại.

- Tôi bắt đầu nghỉ phép từ thứ Năm, ông nói. Một cách chính thức là đi trượt tuyết trên núi Alps. Tôi có thể đi được mười ngày.

Lippman đẩy tách trà của mình ra xa. Vẻ do dự và buồn bã của ông ta đã biến mất, thay vào đó là một sự kiên quyết mạnh mẽ.

- Một ý tưởng tuyệt vời, ông ta nói. Dù cho với một cảnh sát Thụy Điển mọi việc sẽ là tự nhiên hơn nếu đi về phía Nam chứ? Lộ trình của anh sẽ như thế nào?

- Đi phà đến Sassnitz. Rồi lái xe, đi ngang qua Đông Đức cũ.

- Tên khách sạn của anh là gì?

- Tôi đã biết đâu. Tôi chưa bao giờ lên núi Alps cả.

- Nhưng anh biết trượt tuyết chứ?

- Phải.

Lippman đắm chìm vào những suy nghĩ. Wallander lấy tay ra hiệu gọi người phục vụ để yêu cầu thêm một tách cà phê nữa. Lippman có muốn uống trà nữa không? Không có câu trả lời nào cả.

Cuối cùng ông ta cởi cặp kính và cẩn thận chùi nó bằng vạt áo vest.

- Ý tưởng đi lên núi Alps quả là một ý tưởng tuyệt vời đấy, ông ta nhắc lại. Nhưng tôi cần một ít thời gian để lo liệu. Tối mai sẽ có người gọi điện cho anh để nói cho anh biết sẽ phải đi chuyến phà nào từ Trelleborg. Nhất là đừng quên buộc gậy trượt tuyết lên nóc xe. Thu xếp hành lý như là thực sự anh sẽ đi Alps nhé.

- Anh tính làm cách nào mà đưa tôi vào được Latvia?

- Tất cả các thông tin cần thiết sẽ được trao cho anh ở trên phà. Anh phải tin tưởng vào chúng tôi.

- Tôi không đảm bảo là sẽ chấp nhận ý tưởng của các anh đâu nhé.

- Trong thế giới của chúng tôi, thưa quý ngài Wallander, không tồn tại những lời đảm bảo. Tôi chỉ có thể hứa với anh rằng chúng tôi sẽ làm được. Có lẽ đã đến lúc thanh toán tiền để đi rồi nhỉ?

Họ chia tay nhau trước quán pizza. Gió đã nổi lên và thổi thành từng đợt mạnh. Joseph Lippman đi về hướng nhà ga. Wallander quay trở lại Mariagatan. Thành phố hoang vắng. Ông nghĩ đến những điều Baiba Liepa đã viết.

Những con chó đang theo sát cô ấy. Cô ấy sợ. Hai trung tá muốn có bản di chúc. Cuộc truy lùng đã bắt đầu.

Đột nhiên ông hiểu là mình không có thời gian để mất.

Không còn chỗ cho nỗi sợ hay sự suy tính nữa. Ông phải đáp lại lời cầu cứu của cô.

Hôm sau, ông sắp xếp hành lý. Điện thoại đồ chuông không lâu sau mười chín giờ. Một giọng phụ nữ thông báo ông đã có một chỗ đặt sẵn trên chuyến phà rời khỏi Trelleborg vào năm giờ rưỡi sáng. Trước sự kinh ngạc của Wallander, cô ta tự giới thiệu là một đại diện của công ty "Lippman Du Lịch".

Đến nửa đêm, ông đi ngủ.

Ngay trước khi chìm vào giấc ngủ, ông nghĩ chuyện này thật điên rồ.

Ông chuẩn bị tự nguyện dán thân vào một cuộc phiêu lưu rồ dại cách gì cũng sẽ thất bại. Cùng lúc, thông điệp đầy

hoảng sợ của Baiba Liepa là có thực, không chỉ là một con ác mộng. Ông không thể để bỏ mặc nó đấy không trả lời.

Sáng sớm hôm sau, ông lên đường đi Trelleborg và lên boong chuyến phà đi Sassrütz. Người đồng nghiệp kiểm tra hộ chiếu mỉm cười với ông.

- Anh đi đâu đấy?

- Núi Alps.

- Ái chà!

- Tôi không đủ sức tiếp tục dù chỉ là một ngày nữa.

- Ở đó anh sẽ có vài ngày để quên mình là cóm.

- Đúng vậy.

Đó là cả một lời nói dối thuần khiết và đơn giản. Ông biết mình đang bước vào nhiệm vụ khó khăn nhất cho tới giờ. Một nhiệm vụ thậm chí còn không tồn tại.

Ngay khi phà rời bến, ông trào lên boong. Run lên vì lạnh trong ánh bình minh màu ghi, ông nhìn biển cả mở ra khi con tàu đi xa khỏi cảng.

Bờ biển Thụy Điển chậm chậm biến mất.

Ông xuống căng tin ăn một cái sandwich, khi đó một người đàn ông tự nhận tên là Preuss tiến đến bắt chuyện với ông. Ông ta chừng năm mươi tuổi, làn da sùi đỏ và cái nhìn lảng tránh.

- Lên boong đi dạo một vòng nào, ông ta nói bằng tiếng Đức.

Sương mù dày đặc trên biển Baltic vào cái ngày Wallander lên đường quay lại Riga.

15

Biên giới là một thứ vô hình.

Nhưng nó vẫn ở đó, ở bên trong ông. Một cuộn thép gai nằm dưới vòm họng ông.

Wallander thấy sợ. Sau này, ông nghĩ đến những bước đi cuối cùng trên đất Litva như thể nghĩ đến một cuộc đi lang thang mệt bã bởi hướng về cái nơi ông hoàn toàn có thể hét lên những lời của Dante: Hãy từ bỏ mọi hy vọng! Từ chốn này sẽ không kẻ nào trở lại, ít nhất là không một tay cảnh sát Thụy Điển nào.

Đêm trong suốt. Preuss, đã đi theo ông kể từ lúc bắt chuyện trong căng tin chuyển phà, không có vẻ gì là đang thoải mái, và ông cũng vậy. Wallander nghe thấy trong bóng tối hơi thở gấp và ngắt quãng của ông ta.

- Phải đợi thôi, ông ta thì thầm bằng thứ tiếng Đức tồi tệ của mình. *Warten, warten.*

Những ngày đầu tiên, tay dẫn đường không hiểu lấy một từ tiếng Anh này đã làm Wallander tức điên tiết. Làm thế nào mà Joseph Lippman lại có thể nghĩ rằng một cảnh sát

Thụy Điển chỉ bập bẹ được tiếng Anh lại nói tốt được tiếng Đức? Suýt nữa thì ông đã bỏ ngang chuyển đi mỗi lúc càng làm ông thấy giống với chiến thắng của những kẻ phóng túng điên rồ trước lý trí của ông. Những người Latvia sống trong cảnh lưu đày quá lâu này đã mất toàn bộ tiếp xúc với thực tế. Cay đắng, lạc quan một cách ngớ ngẩn hoặc điên rồ hoàn toàn, giờ đây họ lại còn muốn giúp đỡ những người đồng bào của mình, những người vừa đột nhiên thoáng nhìn thấy khả năng về một sự hồi sinh. Làm thế nào mà tay đàn ông gầy gò bé nhỏ với nước da bột bột mang tên Preuss này có thể truyền được cho ông lòng can đảm, và, nhất là một cảm giác an toàn đủ để cả gan tiến hành vụ cá cược rồ dại là quay trở lại Latvia dưới dáng vẻ của một con ma? Ông biết gì về Preuss? Rằng có thể ông ta là một công dân Latvia sống lưu đày, rằng có thể là ông ta hành nghề nghiên cứu tiền cổ tại thành phố Kiel của Đức. Nhưng ngoài đó ra? Tuyệt đối không có gì cả.

Tuy nhiên có điều gì đó cứ đẩy ông về phía trước, ngồi sau vô lăng chiếc xe của mình, Preuss thì lúc nào cũng ngủ gà gật ở ghế bên, một tấm bản đồ đường bộ mở ra để trên đầu gối, thỉnh thoảng mở một mắt để chỉ dẫn. Ngày đầu tiên họ đã đi qua Đông Đức cũ và đến được biên giới với Ba Lan vào cuối buổi chiều. Còn cách biên giới năm cây số, Wallander để xe lại trong vựa lúa đã đổ nát của một trang trại xập xệ. Người tiếp họ có hiểu tiếng Anh. Đó cũng là một người Latvia lưu vong, và anh ta hứa chiếc xe sẽ được giữ gìn cẩn thận cho đến lúc Wallander quay lại. Rồi họ chờ đợi. Khi trời tối, Preuss và ông luồn vào một khu rừng thông rậm rạp và họ đã

vượt qua vạch ngăn cách vô hình đầu tiên trên đường tới Riga. Tại một thị trấn nhỏ heo hút phủ đầy bụi mà Wallander quên ngay tên, một người đàn ông giọng khản đặc vì bệnh cúm mang tên Janick đã đợi sẵn sau vô lăng một chiếc cam không gỉ sét. Đó là khởi đầu của một hành trình dài đặc đầy biến loạn qua vùng đồng cỏ Ba Lan. Wallander, bị lây bệnh cúm của người tài xế, thèm một bữa ăn nóng và bồn nước tắm; nhưng ở mọi nơi người ta chỉ cho ông những miếng sườn lợn lạnh ngắt và những cái giường sắt rất thiếu tiện nghi trong các ngôi nhà không lò sưởi nằm rải rác ở vùng nông thôn. Họ tiến lên rất chậm chạp, chỉ đi trong đêm cho đến ngay trước khi trời sáng. Phần thời gian còn lại chỉ là một sự chờ đợi câm lặng. Ông cố tìm hiểu những căn trọng quá đỗi của Preuss. Họ có thể phải đối mặt với nguy cơ gì khi còn ở trên đất Ba Lan? Nhưng ông không tìm được lời giải thích nào. Đêm đầu tiên, từ xa ông nhìn thấy ánh sáng của thành phố Vacsava, đêm tiếp theo Janick đâm phải một con hoẵng. Wallander vô vọng tìm cách hiểu xem cái mạng lưới này được tổ chức như thế nào, chức năng của nó là gì - ngoài việc hộ tống mấy viên cảnh sát Thụy Điển đang ở trong tình trạng đầu óc rối loạn có ý định xâm nhập trái phép đất Latvia. Nhưng Preuss không hiểu các câu hỏi của ông, và Janick, giữa hai tràng ho, chỉ nhảm hát một đoạn nhạc Anh từ hồi Thế chiến thứ hai. Đến biên giới Litva, Wallander bắt đầu cảm ghét bản *We'll Meet Again* và phần còn lại, với những gì liên quan đến ông, ông có cảm tưởng như thể mình đang ở một cái chốn khỉ ho cò gáy nào đó của nước Nga. Hoặc tại sao lại

không thể là Tiệp Khắc hay Bungari? Ông đã đánh mất toàn bộ cảm giác về phương hướng của mình, ông chỉ mập mờ biết Thụy Điển nằm ở hướng nào, và sự điên rồ của chuyện này, sau mỗi kilômet mà chiếc cam nhông nuốt chửng thêm trên con đường lao về điều không biết, mỗi lúc một làm ông thấy rối trí hơn. Họ đi qua Litva trên một loạt xe ô-tô, tất cả đều không có bộ phận giảm xóc. Cuối cùng, bốn ngày sau khi khởi đầu chuyến đi, họ đã nhìn thấy biên giới Latvia, ở cuối một khu rừng tỏa mùi gỗ thông.

- *Warten*, Preuss lặp lại.

Wallander ngoan ngoãn ngồi đợi trên một gốc cây cụt. Ông thấy lạnh và buồn nôn.

Mình đến được Riga trong trạng thái ốm yếu và mũi thì thò lò, ông tuyệt vọng nghĩ. Trong tất cả những trò ngu ngốc mà mình từng làm trong đời, lần này hẳn là trò ngu ngốc tồi tệ nhất và không xứng với bất kỳ sự tôn trọng nào, mà chỉ độc nhất là một tràng cười nhạo. Mình nhìn thấy gì nào? Trên một cái gốc cây trong khu rừng Litva, một cảnh sát Thụy Điển sắp bước vào tuổi già, vừa đánh mất nốt lượng trí óc ít ỏi còn lại trong đầu.

Nhưng không thể quay lùi được nữa rồi. Tự mình ông sẽ không bao giờ đủ sức đi ngược lại chặng đường. Ông đã hoàn toàn phó thác cho cái tay Preuss đáng nguyên rủa mà lão điên Lippman bắt ông phải nhận làm người dẫn đường, ông không có lựa chọn nào, ngoài lựa chọn tiếp tục cuộc trốn chạy về phía trước này, đi ngược lại toàn bộ lý lẽ, về phía Riga.

Trên phà, không lâu trước thời điểm bờ biển Thụy Điển

biến mất theo lối biểu tượng trong tầm nhìn của ông, Preuss đã ra lệnh cho ông theo ông ta ra ngoài, đứng trong cơn gió lạnh buốt. Ở đó, trên boong tàu, ông ta rút từ túi áo ra các chỉ thị viết tay của Joseph Lippman và một thẻ căn cước mới toanh mà Wallander sẽ phải mang theo tính từ lúc này. *Không* còn Mr. Eckers nữa. Lần này ông sẽ là *Herr Gottfried Hegel*, đại diện bán hàng người Đức chuyên kinh doanh bản nhạc và sách nghệ thuật. Preuss đã đưa cho ông với dáng vẻ tự nhiên nhất trần đời một quyển hộ chiếu Đức dán ảnh ông đóng dấu rất đúng quy cách. Bức ảnh này do Linda chụp cách đây vài năm. Làm thế nào mà Joseph Lippman có được nó? Câu hỏi này với ông gần như là không thể chịu đựng nổi. Kể từ nay, tên ông là *Mr. Hegel*. Bằng những câu ấp úng buống bình, Preuss cũng làm cho ông hiểu được rằng ông sẽ phải đưa cho ông ta quyển hộ chiếu Thụy Điển và sẽ chỉ nhận lại khi nào được phép. Wallander vừa thực hiện điều được bảo vừa nghĩ rằng đó là một trò điên rồ.

Như vậy là bốn ngày đã trôi qua kể từ khi ông có được một lý lịch mới. Preuss đang ngồi chồm hồm trên một mô đất đầy rễ cây đan chằng chịt vào nhau; Wallander đoán định khuôn mặt ông ta trong bóng tối và nghĩ là mình hiểu ông ta đang cảnh giới, cái nhìn hướng về phía Đông. Khi đó là nửa đêm quá vài phút. Wallander nghĩ mình sẽ mắc chứng viêm phổi nếu không sớm được rời khỏi cái gốc cây này.

Đột nhiên, Preuss bắt đầu cử động. Họ đã treo một cái đèn dầu lên cành cây để nhìn rõ hơn. Wallander đứng dậy và, nheo mắt lại theo hướng mà Preuss chỉ, ông nhìn thấy một

ánh đèn yếu ớt đang nhấp nháy, như thể có ai đó đang tiến lại gần trên một chiếc xe đạp có bộ dynamô chậm chèn. Preuss nhảy xuống khỏi mô đất và tắt đèn đi.

- *Gehen*, ông ta huýt sáo. *Schnell nun. Gehen!*⁽¹⁾

Wallander chạy theo sau ông ta. Các cành cây đập rất mặt ông. Đây rồi, ông nghĩ. Mình đang vượt qua giới hạn cuối cùng. Nhưng dây thép gai đang đâm vào bụng mình.

Họ tới một vạch đường đất mở rộng ra như một lối đi trong rừng. Preuss ra hiệu cho Wallander bảo đợi trong khi ông ta đóng tai lên. Rồi họ vượt qua đường và lao vào bóng tối ken đặc của đám cây cối. Mười phút sau họ tới chỗ một con đường lầy lội có một chiếc ô tô đang đợi sẵn. Wallander nhìn thấy ánh lửa lập lờ của một điều thuốc. Ai đó đang tiến lại gần, tay cầm một cái đèn pin gắn gương phản chiếu, và ông nhận ra Inese.

Ông sẽ còn nhớ rất lâu niềm vui và sự nhẹ nhõm mà ông cảm thấy khi nhìn thấy cô. Rốt cuộc thì cũng có một người không hoàn xa lạ với ông... Trong ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn, cô mỉm cười với ông; ông không tìm được điều gì để nói. Preuss chìa bàn tay xương xẩu của mình ra và biến mất vào bóng tối trước cả khi Wallander kịp nói lời từ biệt với ông ta.

- Chúng ta còn phải đi một chặng đường dài, Inese nói. Phải khởi hành ngay thôi.

Họ đến được Riga vào lúc sáng sớm. Trước đó, họ dừng lại hai hoặc ba lần để Inese nghỉ một lát. Rồi một bánh sau bị

1. Tiếng Đức, nghĩa là: *Chạy đi, chạy nhanh lên!*

nổ, và Wallander chắt vạt thay bánh mới. Ông đề nghị cô cho mình lái thay, nhưng cô lắc đầu không một lời giải thích.

Ngay lập tức, ông hiểu là đã xảy ra một chuyện gì đó. Khuôn mặt Inese răn đanh, nhăn nhúm. Điều này không chỉ liên quan đến sự mệt mỏi và nỗ lực lái xe trên những con đường ngoằn ngoèo này. Hay là cô không có đủ sức lực để trả lời các câu hỏi của ông? Wallander cảm thấy nghi ngờ, và ông giữ im lặng. Tuy nhiên ông đã biết là Baiba Liepa đang đợi, và Upitis vẫn ở trong tù; những lời khai của Upitis đã được báo chí loan báo rầm rộ. Nhưng nỗi sợ của Inese bắt nguồn từ đâu? Ông không biết gì hết cả.

- Lần này thì gọi tôi là Gottfried Hegel nhé, ông nói sau hai giờ đi đường, khi họ dừng xe để đổ đầy bình xăng lấy từ một cái can để ngay trên băng ghế sau.

- Tôi biết rồi. Tên không hay lắm đâu.

- Nói cho tôi biết tôi đang làm gì ở đây đi, Inese. Cô có nghĩ tôi giúp được gì không?

Không có câu trả lời. Cô hỏi ông có đói không, và chìa cho ông một chai bia và một cái túi đựng hai cái sandwich nhân xúc xích. Chuyển đi cứ tiếp tục. Đến một lúc ông ngủ gật, nhưng tỉnh dậy ngay sau đó, sợ là cô cũng sẽ thiếp ngủ.

Họ đến được khu ngoại ô Riga không lâu trước khi bình minh lên. Wallander nhớ hôm đó là ngày 4 tháng Ba, sinh nhật của chị ông. Trong một nỗ lực nhằm làm quen với lý lịch mới, ông quyết định rằng Gottfried Hegel có rất nhiều anh chị em, trong đó một người tên là Kristina. Ông tự tưởng tượng ra bà Hegel, vợ mình, dưới những đường nét của một người đàn

bà tướng đàn ông có ria mép lún phún, và nhà của họ ở Schwabingen là một ngôi nhà bằng gạch màu đỏ có một khu vườn vô hồn được chăm sóc kỹ lưỡng vây quanh. Cái tiểu sử mà Joseph Lippman cung cấp, ghi trong hộ chiếu, rất sơ sài. Một chuyên gia thẩm vấn có kinh nghiệm sẽ chỉ mất một phút là nhiều nhất để hủy diệt Gottfried Hegel và đòi được biết lý lịch đích thực của ông.

- Chúng ta đi đâu đây?

- Sắp đến nơi rồi.

- Làm thế nào tôi có thể giúp đỡ các bạn một việc gì đó nếu các bạn nhất định không chịu nói gì cho tôi? Các bạn đang giấu tôi điều gì? Đã xảy ra chuyện gì?

- Tôi đang rất mệt. Nhưng chúng tôi rất vui mừng khi thấy anh quay trở lại. Baiba rất hạnh phúc. Chị ấy sẽ khóc khi nhìn thấy anh.

- Tại sao cô không trả lời các câu hỏi của tôi? Đã xảy ra chuyện gì? Tôi thấy rất rõ là cô đang sợ.

- Tình hình đã khó khăn hơn nhiều từ vài tuần nay. Nhưng tốt hơn hết là cứ để Baiba nói mọi chuyện với anh. Tôi không biết rất nhiều điều.

Họ đi ngang qua một vùng ngoại ô bất tận, trong một màn sương mù bồng bềnh nơi các nhà máy nằm san sát nhau giống như những con thú thời tiền sử bất động trong ánh sáng vàng vọt của vài ngọn đèn hiu hắt. Các phố đều vắng tanh. Wallander nghĩ đây chính xác là hình ảnh mà ông vẫn luôn có về các nước Đông Âu - những thiên đường tự phong của chủ nghĩa xã hội thẳng thắn.

Inese dừng xe trước một nhà kho. Cô tắt máy và lấy tay chỉ cánh cổng sắt.

- Đi vào đi. Cứ gõ cửa, sẽ có người mở cho anh. Tôi phải đi đây.

- Chúng ta có gặp lại nhau không?

- Tôi không biết. Baiba là người quyết định.

- Cô là tình nhân của tôi, đừng quên điều đó.

Cô thoáng mỉm cười.

- Có lẽ tôi là tình nhân của Mr. Eckers, nhưng tôi không biết là mình có thích Mr. Hegel tương đương như vậy hay không. Tôi là một cô con gái nhà lành không nông nổi và dễ dàng mà thay đổi tình nhân đâu.

Wallander xuống khỏi xe; cô nổ máy đi ngay. Trong thoáng chốc, ông có ý định tìm một trạm xe bus để đi vào trung tâm Riga. Hẳn là phải có một đại sứ quán hoặc một lãnh sự quán Thụy Điển có khả năng giúp ông về nhà. Các công chức sẽ phản ứng thế nào trước câu chuyện rất thực của một người đồng bào làm nghề cảnh sát phụng sự Nữ hoàng? Thậm chí ông còn không dám tưởng tượng ra cảnh đó. Ông chỉ có thể hy vọng sự rối loạn tinh thần thuộc vào các vấn đề mà những vị công chức ấy vẫn có thói quen giải quyết.

Nhưng đã quá muộn rồi. Ông không còn lựa chọn nào, sẽ phải đi đến tận cùng. Ông đi qua quảng sân lát sỏi kêu lạch xạo dưới mỗi bước chân và gõ vào cánh cửa.

Một người đàn ông rậm râu ra mở cửa cho ông. Wallander chưa bao giờ nhìn thấy ông ta. Rồi ông nhận ra mắt người đàn ông ông bị lé; sau khi đã nhón chân nhìn qua vai

Wallander để kiểm tra xem liệu có kẻ nào theo dõi không, ông mỉm cười, nắm lấy cánh tay Wallander kéo vào bên trong rồi đóng cửa lại.

Wallander kinh ngạc phát hiện nhà kho chứa đầy đồ chơi. Như thể ông vừa bước vào một hầm mộ nơi những khuôn mặt búp bê đang nhón nhón nhìn ông, giống như những cái đầu người chết đầy ma quái. Ông có đủ thời gian để nghĩ đây là một giấc mơ không sao hiểu nổi, rằng trên thực tế ông đang ở trong phòng ngủ tại Mariagatan. Ông chỉ cần thờ thật đều đặn và đợi đến cái thời khắc giải thoát của sự tỉnh giấc. Nhưng nơi trú ẩn ấy không còn tồn tại nữa. Ba người đàn ông khác từ bóng tối bước ra, cùng một người phụ nữ. Người duy nhất mà Wallander nhận ra là người lái xe câm lạng đã ngồi trong bóng tối tham dự cuộc gặp giữa ông và Upitis trong một cái chòi thợ săn ẩn giữa đám cây thông.

- Thưa ngài Wallander, người đàn ông vừa mở cửa cất tiếng. Chúng tôi rất biết ơn vì ông đã quay trở lại.

- Tôi đến bởi vì Baiba Liepa đã yêu cầu tôi điều đó. Tôi không có một động cơ nào khác. Tôi muốn gặp cô ấy.

- Bây giờ thì chưa được, người phụ nữ nói xen vào, cô nói một thứ tiếng Anh rất chuẩn. Baiba đang bị theo dõi ngày đêm. Nhưng chúng tôi nghĩ đã tìm được một cách thức để hai người có thể gặp được nhau.

Người đàn ông bê một cái ghế lại gần. Wallander ngồi xuống. Ai đó chìa cho ông một tách trà. Trong nhà kho ánh sáng rất yếu ớt nên phải khó khăn lắm Wallander mới nhìn rõ được các khuôn mặt. Người đàn ông mắt lé có vẻ là thủ lĩnh

hoặc người phát ngôn của nhóm tiếp đón. Ông ta ngồi xổm xuống trước mặt Wallander và cất tiếng.

- Tình hình của chúng tôi đang rất khó khăn. Chúng tôi vẫn liên tục bị theo dõi. Cảnh sát biết thiếu tá Liepa có thể đã giấu các tài liệu nguy hại ở đâu đó.

- Baiba Liepa có tìm được giấy tờ của chồng cô ấy không?

- Chưa đâu.

- Cô ấy có biết chúng ở đâu không?

- Không. Nhưng cô ấy chắc chắn là ông có thể giúp được.

- Ông là bạn của chúng tôi, thưa ngài Wallander. Ông là một cảnh sát đã quen giải quyết những vấn đề hóc búa.

Bọn họ hóa điên mất rồi, Wallander nghĩ. Họ sống trong một thế giới song song, một thế giới đã làm cho họ đánh mất toàn bộ ý thức về tỉ lệ. Ông thấy mình giống như một cọng rơm mà những con người kia cố gắng bám lấy như cái phao cứu mạng cuối cùng, một cọng rơm được ban phát một sức mạnh gần như huyền thoại. Đột nhiên ông nghĩ mình hiểu sự áp bức và nỗi sợ có thể tạo ra điều gì ở con người. Đặc biệt là lòng tin ở các bậc cứu tinh xa lạ sẵn sàng bay đến để cứu giúp họ... Thiếu tá Liepa không giống như vậy. Với ông, thực tế là khởi đầu và kết thúc của những bất công mà dân tộc Latvia phải gánh chịu. Có thể ông là người theo đạo, nhưng ông không để cho lòng tin của mình bị mờ mất bởi sự cứu giúp của một vị thần. Giờ đây khi thiếu tá không còn nữa, những con người này bị tước mất một điểm tựa, và khi ấy, chính viên cảnh sát Kurt Wallander phải bước vào đấu trường mà mặc lên người bộ trang phục trong suốt.

- Tôi phải gặp Baiba Liepa càng sớm càng tốt, ông nhắc lại. Đó là yêu cầu duy nhất của tôi.

- Ông sẽ gặp cô ấy trước buổi tối hôm nay, người đàn ông mắt lé đáp.

Wallander cảm thấy mình đang kiệt sức. Hơn tất cả, ông muốn được tắm và chui vào một cái chăn mới để ngủ. Ông không tin tưởng vào khả năng đánh giá của mình khi quá mệt mỏi, ông sợ phạm phải các sai lầm, những sai lầm nhanh chóng cho thấy là chúng rất nguy hại.

Người đàn ông mắt lé không nhúc nhích khỏi chỗ của mình. Đột nhiên Wallander thấy là ông ta có đeo một khẩu súng lục ở thắt lưng.

- Chuyện gì sẽ xảy ra khi chúng ta tìm được giấy tờ của thiếu tá?

- Chúng tôi sẽ công bố rộng rãi. Nhưng trước hết, ông sẽ phải mang chúng ra khỏi đất nước và cho xuất bản chúng ở nước ông. Đó sẽ là một sự kiện lớn, một sự kiện lịch sử. Thế giới rộng cuộc sẽ hiểu được chuyện gì đã xảy ra, và vẫn đang xảy ra, tại đất nước bị đem làm vật hy sinh của chúng tôi.

Wallander cảm thấy một nhu cầu to lớn được phản đối, được đặt những con người đang mất phương hướng này vào con đường của thiếu tá Liepa. Nhưng trí óc mệt mỏi của ông không tìm ra được từ tiếng Anh dùng để chỉ "vị cứu tinh"; ông không thể tìm thấy gì khác ngoài một niềm kinh ngạc bất tận vì đang ở đây, trong một nhà kho chất đầy đồ chơi tại Riga, trong đầu không có một chút ý niệm nào về những việc ông có thể làm để thoát ra khỏi tình thế.

Rồi mọi chuyện xảy ra thật mau lẹ.

Cửa kho bật mở. Wallander đứng dậy và nhìn thấy Inese vừa chạy vào vừa la hét. Rồi có một tiếng nổ lớn. Theo sự xui khiến của bản năng, ông lao mình xuống đất và lăn ra sau một cái giá xếp đầy những cái đầu búp bê.

Những viên đạn bay tứ tung. Khi nhìn thấy người đàn ông mất lê gươm khẩu súng lên nhả đạn vào một cái đích vô hình, rốt cuộc ông cũng hiểu được là nhà kho đã bị bao vây. Ông lẩn vào bóng tối. Ở đâu đó giữa đám khói và sự hỗn loạn một cái giá xếp những con Arlequin đổ sập xuống. Ông luôn ra sau nó và mò mẫm bò đến chỗ một bức tường. Không có lối thoát nào. Tiếng súng ồn đến mức không thể chịu đựng nổi. Đột nhiên ông nghe thấy một tiếng hú, và thấy Inese ngã xuống cái ghế lúc trước ông vừa ngồi. Mặt cô đầy máu. Ông nghĩ là mình nhìn thấy viên đạn chui thẳng vào một con mắt của cô. Người đàn ông mất lê lấy hai tay che đầu. Ông ta đã bị trúng đạn, nhưng không thể biết liệu ông ta đã chết như Inese hay mới chỉ bị thương. Wallander nghĩ nhất thiết mình phải tìm được một lối thoát. Nhưng ông đã bị dồn đến bước đường cùng. Đúng lúc ấy ông nhìn thấy những người đàn ông vận đồng phục hối hả lao vào nhà kho, súng máy cầm trên tay. Không suy nghĩ gì nữa, ông xô đổ cái giá gần nhất. Một con mưa búp bê Nga đổ xuống đầu ông và cả người ông bị chúng phủ lấy, chờ đợi bị phát hiện vào bất kỳ lúc nào. Ông sẽ bị bắn chết, quyền hộ chiếu giả sẽ không giúp gì được cho

ông. Inese đã chết, nhà kho bị bao vây và những kẻ điên mơ mộng không có chút cơ may nào để chiến đấu chống lại cuộc tấn công.

Tiếng súng ngừng lại, cũng đột ngột y như lúc bắt đầu. Trong sự im lặng nặng nề, Wallander cố sức nằm thật im không thở. Ông nghe thấy các giọng nói, những tên lính hoặc cảnh sát nói chuyện với nhau, và đột nhiên ông nhận ra giọng của trung sĩ Zids, rõ ràng đến mức không thể nhầm lẫn được. Ông thoáng nhìn thấy quân phục của bọn họ qua các khe hở của đồng đồ chơi. Có vẻ như là tất cả bạn bè của thiếu tá đều đã bị giết; họ bị đưa đi trên những cái cáng bạt màu ghi. Rồi trung sĩ Zids bước ra từ bóng tối và ra lệnh cho người của mình khám xét nhà kho. Wallander nhắm mắt lại. Mọi chuyện sắp chấm dứt rồi. Ông nghĩ đến Linda. Liệu có bao giờ cô biết được chuyện xảy đến với bố mình, người bị mất tích một cách bí ẩn trong chuyến đi nghỉ ở núi Alps? Hay sự biến mất của ông sẽ trở thành một câu đố nổi tiếng trong lịch sử biên niên của cảnh sát Thụy Điển?

Nhưng không có ai dùng chân đá đồng đồ chơi lên. Tiếng bớt đi xa dần, cái giọng đầy tức tối của viên trung sĩ đã ngừng gào thét với người của anh ta. Sau một lúc chỉ còn lại sự im lặng và mùi hắc của thuốc súng cháy. Ông nằm yên như vậy bao nhiêu thời gian? Không cách nào biết được hết. Cái lạnh bốc lên từ nền xi măng cuối cùng cũng làm ông run rẩy mạnh đến nỗi những con búp bê nảy lên lạnh canh như những cái lúc lắc. Ông chậm rãi nhồm dấy. Bàn chân phải không còn chút cảm giác nào. Có phải ông đã bị đông cứng rồi hay

không? Mặt đất loang máu. Khắp nơi là những vết đạn. Ông buộc phải hít thở sâu nhiều lần để không nôn mửa.

Chúng biết là mình có ở đây. Trung sĩ Zids muốn tìm mình. Nhưng có lẽ chúng tin là đã triển khai kế hoạch quá sớm chăng? Rằng mình vẫn còn chưa tới nơi?

Ông buộc mình phải suy nghĩ, mặc cho cảnh tượng đầy ám ảnh với Inese nằm sóng soài vắt qua cái ghế. Bằng mọi giá ông phải thoát ra khỏi cái nhà xác này, và trước tiên ông phải chấp nhận là kể từ nay mình phải tuyệt đối cô độc. Chỉ còn một việc để làm: tìm ra lãnh sự quán Thụy Điển tìm sự hỗ trợ. Ông sợ đến nỗi toàn thân run lẩy bẩy. Trống ngực ông đánh thình thịch, ông chờ đợi mình sẽ chết vì một cơn nhồi máu cơ tim bất cứ lúc nào. Đột nhiên, mắt ông đăm lẹ. Hình ảnh Inese làm ông chấn động, và ông chỉ còn muốn một điều: tránh xa khỏi cái địa ngục này. Sau này, ông không thể nói được mình đã ở trong tâm trạng đó bao nhiêu thời gian trước khi tìm lại được khả năng kiểm soát các hành động của cơ thể.

Cửa khóa chặt. Nhà kho bị theo dõi, điều ấy không phải nghi ngờ gì nữa. Chừng nào trời còn sáng, ông sẽ không có cách nào thoát được. Sau một cái giá đỡ ông lơ mơ nhìn thấy một cánh cửa nhỏ phủ một tấm bạt bẩn thỉu. Một cách thận trọng, ông rẽ một lối đi giữa đám đồ chơi gãy nát nằm lổn nhổn trên sàn kho và rón rén nhìn ra bên ngoài. Ông nhìn thấy chúng ngay lập tức: hai chiếc xe jeep đỗ cạnh nhau, ngay trước nhà kho. Bốn tên lính đang chậm chậm dôi vào nhà kho, súng sẵn sàng nhả đạn. Wallander rời khỏi đài quan sát và đi vòng quanh xem xét cái kho. Chắc ở đâu đó phải có nước, vì

ông đã được mời uống trà. Trong khi tìm kiếm vòi nước, ông nóng nảy suy nghĩ về tình thế của mình. Ông là một người đang bị truy tìm, và những kẻ săn đuổi đã chứng tỏ chúng có khả năng gây ra những hành động tàn bạo khó tưởng tượng. Sẽ thật điên rồ khi nghĩ ông có thể tự mình nối liên lạc được với Baiba Liepa; chuyện ấy chắc chắn sẽ là bản án tử hình của ông. Lúc này ông không còn chút nghi ngờ nào nữa: hai viên trung tá - ít nhất là một trong số họ - sẵn sàng làm mọi chuyện để ngăn cản việc công bố các phát hiện của thiếu tá, ở Latvia cũng như ở nước ngoài. Inese, cô gái Inese rụt rè, đã bị bắn hạ một cách lạnh lùng như một con chó không được người ta ưa. Có lẽ đích thân tay tài xế của ông, trung sĩ Zids đáng mến, chính là kẻ đã bắn, nhằm thẳng nòng súng vào một bên mắt của cô.

Nỗi sợ mà ông cảm thấy dần xen lẫn với sự căm thù. Một mối căm thù mãnh liệt. Nếu vào lúc này trên tay có một khẩu súng, hẳn là ông sẽ không ngần ngại mà sử dụng nó. Lần đầu tiên trong đời, ông cảm thấy mình có khả năng giết chết một người khác dù không có cái cớ là tự vệ chính đáng.

Có thời gian để sống, và thời gian để chết. Câu châm ngôn chính ông nghĩ ra hồi còn ở Malmö sau khi bị một gã say rượu ở Pildammsparken đâm con dao găm vào ngực, ngay gần tim - câu châm ngôn đó giờ đây đã bắt đầu mang một nghĩa rộng hơn.

Cuối cùng ông cũng tìm được một phòng vệ sinh bán thu, trong đó nước vẫn đang rò tong tong từ vòi. Ông lấy nước vã lên mặt và uống vào để làm giảm cơn khát. Rồi ông

đi đến một góc an toàn của nhà kho, tháo ngọn đèn không chụp đang chiếu sáng khoảng đó và ngồi trong bóng tối chờ màn đêm sắp tới.

Để kiểm soát nỗi sợ dù thật khó khăn khi làm việc ấy, ông tập trung suy nghĩ của mình nhằm lên một kế hoạch đào thoát khả dĩ. Ông phải tìm ra một cách nào đó để đi được đến trung tâm Riga và tìm ra lãnh sự quán Thụy Điển. Ông phải trông chờ đến việc mọi cảnh sát của thành phố đều đã nhận được lệnh cảnh giác. Không có sự bảo vệ của chính quyền Thụy Điển, chắc chắn là ông sẽ mất mạng. Ông nghĩ là sẽ không thể rời khỏi đây trước vài giờ nữa. Ngoài ra, hãn lãnh sự quán cũng đang bị theo dõi.

Hai viên trung tá ấy nghĩ mình nắm giữ bí mật của thiếu tá. Nếu không thì bọn họ đã không hành động như thế này. Mình nói theo số nhiều vì vẫn còn chưa biết kẻ nào trong số bọn họ là tác giả của toàn bộ câu chuyện.

Cuối cùng ông ngồi xuống, và vài giờ sau nhẩy dựng lên vì nghe tiếng một chiếc ô tô phanh lại trước nhà kho. Ông quay lại đài quan sát hai hoặc ba lần. Những tên lính vẫn ở nguyên đó, sự cảnh giác có vẻ không hề suy suyển chút nào. Wallander trải qua phần còn lại của cái ngày dài đặc đó trong một trạng thái buồn nôn thường trực. Tầm vóc của cái ác làm ông ngộp thở. Ông tự buộc mình phải dò xét toàn bộ nhà kho để tìm kiếm một lối thoát - lối vào chính bị loại bỏ vì có bọn lính ở đó. Cuối cùng ông tìm ra một cửa tầng hầm đặt sát chân tường, có lẽ là chỗ để quạt. Ông áp tai vào bức tường gạch lạnh giá thử xem có thể dò xét được sự hiện diện của những

tên lính ở phía này hay không, nhưng không nghe thấy gì. Đặt giả thuyết là ông có thể ra ngoài, thì sau đó ông sẽ làm gì đây? Ông hoàn toàn không biết. Ông cố hết sức để thư giãn, nhưng không sao chợp được mắt. Thân người nằm sóng soài của Inese và khuôn mặt đầm đìa máu của cô không lúc nào ngừng ám ảnh ông.

Trời bắt đầu tối. Trong nhà kho bắt đầu rất lạnh.

Không lâu trước mười chín giờ, ông quyết định phải đánh liều đặt cược toàn bộ những gì mình có. Cẩn thận từng li một, ông bắt đầu tháo cái nắp gỉ hoen của cánh cửa hầm. Bất cứ lúc nào mọi chuyện cũng có thể chấm dứt. Một cái đèn chiếu sáng lóa lên, những giọng nói đầy phấn khích hét các mệnh lệnh và một con hồng thủy những viên đạn găm vào bức tường gạch. Cuối cùng ông cũng gỡ được cánh cửa và chậm rãi nhấc nó lên. Từ khu nhà máy kế bên một ánh sáng màu vàng mờ hồ chiếu xuống khoảng sân rải sỏi bao quanh nhà kho. Không nhìn thấy tên lính nào nữa. Cách đó khoảng một chục mét là vài chiếc cam nhông gỉ sét. Ông tập trung vào mục tiêu ấy: lèn lèn đến được đó. Ông thở thật sâu, đứng dậy và dồn hết sức chạy thật nhanh. Đến được chỗ cái cam nhông đầu tiên, ông vấp chân vào một lớp xe rách nát và va người vào bộ phận pa đỡ sóc. Con đau rùng mình ở đoạn đầu gối. Ông nghĩ rằng tiếng động sẽ ngay lập tức thu hút bọn lính đang gác ở phía bên kia. Nhưng không có chuyện gì xảy ra. Khi cúi đầu xuống, ông nhìn thấy máu đang chảy dọc theo

chân. Con đau thật nhức nhối.

Còn bây giờ? Ông cố sức hình dung một lãnh sự quán Thụy Điển, hoặc có thể là một đại sứ quán - ông không biết Latvia nằm ở mức độ công nhận ngoại giao nào. Rồi ông hiểu là mình sẽ không thể đầu hàng như vậy được. Người ông phải tìm gặp là Baiba Liepa, chứ không phải một lãnh sự quán nào đó. Đây không phải là lúc để bắn một quả pháo sáng xin cứu hộ... Giờ đây khi thoát được ra khỏi sự chết chóc đang đè nặng lên nhà kho, ông đã tìm lại được sức mạnh để nghĩ khác đi. Ông đến đây là vì Baiba Liepa, ông phải đến gặp cô, ngay cả khi đó là việc cuối cùng trên đời ông có thể làm.

Ông rời xa khỏi nhà kho. Luồn lách trong bóng tối, ông phát hiện bờ rào chạy dọc theo một nhà máy. Ông lần đi theo nó. Sau một lúc, ông thấy mình đang đứng trên một phố sáng lờ mờ. Ông vẫn chưa biết mình đang ở đâu. Nhưng có một tiếng động mơ hồ vẳng đến, giống như tiếng của một con đường nhiều xe cộ đi lại, và ông quyết định đi theo hướng đó. Đôi khi, ông bắt gặp một người bộ hành. Trong ý nghĩ, ông thầm cảm ơn Joseph Lippman, dù sao thì ông ta cũng đã rất sáng suốt khi yêu cầu phải nhét các thứ quần áo mà Preuss mang đến vào một cái va li cũ. Ông bước đi như vậy trong hơn nửa tiếng đồng hồ, hai lần phải tìm chỗ nấp khi có xe cảnh sát chạy qua, không ngừng tự hỏi mình nên làm gì lúc này. Cuối cùng, ông thoáng nhìn thấy một lối thoát. Ông chỉ còn một người duy nhất có thể cầu viện tới. Nguy cơ là rất lớn, nhưng ông không có lựa chọn nào cả. Điều này cũng đồng nghĩa với việc ông phải tìm ra một chỗ trốn cho tới sáng. Ở đâu đây?

Trời lạnh, và bằng mọi giá ông phải tìm được đồ ăn để chịu được hết cái đêm đang chờ đợi ông.

Đột nhiên ông hiểu là mình không đủ sức đi bộ đến tận Riga. Đầu gối ông vẫn đau và ông ngại đi vì mệt mỏi. Ông chỉ còn một giải pháp duy nhất. Ăn trộm một cái ô tô. Ý nghĩ này làm ông hoảng sợ, nhưng đó là cơ may duy nhất có thể giúp ông thoát hiểm. Ông vừa đi qua trước một cái Lada có vẻ đã bị bỏ lại đó từ lâu, ở một nơi rất vắng vẻ, chuyện này thật là kỳ lạ. Ông liền đi ngược trở lại, cố gắng nhớ đến các phương pháp của bọn trộm xe hơi Thụy Điển. Nhưng ông biết gì về những chiếc Lada? Có lẽ các phương pháp Thụy Điển cũng sẽ không thu được hiệu quả nào với chúng chẳng?

Chiếc xe màu ghi, pa đờ sốc đã long cả ra. Wallander đứng im lìm trong bóng tối để đánh giá tình hình. Xung quanh chỉ có các nhà máy đóng kín mít. Ông tiến lại gần một hàng giậu đã sập một phần ở gần bãi đỗ hàng của một nhà kho đổ nát. Bằng những ngón tay tê dại, ông giật được một mẩu dây thép dài khoảng ba mươi xăngtimet. Ông uốn cong một đầu sợi dây lại rồi quay về phía cái xe.

Mọi việc đơn giản hơn nhiều so với dự đoán. Ông nhét sợi dây vào giữa cửa kính và gioăng, rút chốt, mở cửa, chui vào bên trong và lúi húi với mớ dây điện, trong bụng thầm nguyện rửa vì đã không mang theo một cái bật lửa. Mồ hôi chảy tong tống xuống áo sơ mi của ông và ông run lên vì lạnh. Tuyệt vọng, nhưng ông cũng giật tung được mớ dây ra, cạy phần vỏ của hai sợi dây điện và nối chúng với nhau mà không để ý số đã được cài. Chiếc xe giật nảy lên. Ông vội mò

cần số để gạt về số không và nối hai sợi dây trở lại. Máy rung rung nổ. Ông tìm cái phanh tay nhưng không thấy, nhấn tất cả các nút trên bảng điều khiển để tìm công tắc đèn và gạt bừa cần số.

Đây là một con ác mộng. Mình là một cảnh sát Thụy Điển chứ không phải một thằng điên mang quyển hộ chiếu Đức giả mạo đi ăn cắp xe ô tô tại thủ đô nước Latvia.

Ông chọn hướng mới lúc trước mình vừa đi bộ đến, vẫn cố tìm cách hiểu cách bố trí các số và tự hỏi tại sao chiếc xe này lại bốc mùi cá.

Cuối cùng ông cũng ra được đến con đường lớn mà lúc trước ông đã nghe thấy tiếng ồn vắng tới. Khi rẽ vào đó, suýt nữa ông làm chết máy, nhưng vào đúng giây cuối cùng lại giải quyết được vấn đề. Giờ đây ông đã bắt đầu nhìn thấy ánh sáng của thành phố Riga. Ông đã quyết định xong xuôi. Ông sẽ cố tìm lại con đường dẫn về khu phố có khách sạn Latvia, và dừng xe tại một trong các quán ăn nhỏ mà ông từng để ý hồi đến đây lần trước. Lại một lần nữa, ông thầm cảm ơn Joseph Lippman, thông qua trung gian Preuss ông ta đã chuyển cho ông một xấp tiền Latvia. Ông còn chưa biết tổng cộng số tiền là bao nhiêu, nhưng chắc là cũng đủ cho một bữa ăn. Ông đi qua sông rồi rẽ trái. Không có quá nhiều xe cộ, nhưng đột nhiên ông bị kẹt đằng sau một tramway và ngay lập tức nhận lấy những tiếng còi nóng nảy từ một chiếc taxi đi ngay sau.

Sự tức tối dâng lên. Cách duy nhất mà ông tìm ra để tránh được đoàn tàu là rẽ vào một phố mà ông phát hiện ra là

đường một chiều thì đã quá muộn. Một chiếc xe bus tiến đến từ phía bên kia, phố lại quá hẹp và dù cho có giạt kéo cản số như thế nào ông vẫn không thể tìm ra cách làm cho xe chạy lùi. Ông đã sắp từ bỏ mọi việc, vút lại cái xe ở giữa đường và bỏ chạy, thì bỗng nhiên xe bắt đầu lùi. Ông rẽ vào một phố song song với phố có khách sạn Latvia, để xe lại tại một nơi được phép đỗ. Người ông đầm đìa mồ hôi. Thêm một lần nữa, ông nghĩ mình sẽ mắc bệnh viêm phổi nếu không nhanh chóng được tắm nước nóng và thay quần áo khô.

Đồng hồ nhà thờ chỉ hai mươi giờ bốn mươi lăm phút. Ông đi qua phố và bước vào một quán rượu mà ông vẫn còn nhớ được. Ông gặp may; ngay khi bước vào căn phòng mù mịt khói, ông đã nhìn thấy một cái bàn còn trống. Những người đang ngồi uống bia nói chuyện với nhau không có vẻ gì để ý đến ông. Không có kẻ mặc đồng phục nào tiến lại gần ông. Đã đến lúc khai trương sự tồn tại của *Gottfried Hegel*, đại diện bán hàng chuyên kinh doanh bản nhạc và sách nghệ thuật. Trong các bữa ăn cùng Preuss hồi còn ở Đức, ông đã thấy rằng “thực đơn” gọi là *Speisekarte* trong tiếng Đức. Ông yêu cầu người ta mang cho ông cái đó. Bản thân thực đơn được viết bằng một thứ tiếng Latvia không sao hiểu nổi. Ông chỉ bữa một dòng. Người ta mang đến cho ông một đĩa thịt bò rưới nước sốt và một cốc bia. Trong một lúc, tâm trí ông trở nên hoàn toàn trống rỗng.

Sau khi ăn, ông cảm thấy khá hơn một chút. Ông gọi một tách cà phê và nhận ra đầu óc mình đã bắt đầu hoạt động trở lại. Đột nhiên ông hiểu mình sẽ qua đêm ở đây. Ông sẽ dùng

đúng cái điều ông biết về đất nước này: mọi thứ đều có thể trả được bằng tiền. Trong chuyến đi đầu tiên, ông đã nhìn thấy trong khu này vài nhà trọ gia đình và hai hoặc ba khách sạn xập xệ. Ông chia quyển hộ chiếu Đức của mình ra và để vài tờ một trăm curon lên mặt quầy tiếp tân. Người ta trả lại tiền thừa cho ông mà không đặt câu hỏi nào. Dĩ nhiên hai viên trung tá hẳn đã gửi chỉ thị của mình cho tất cả các khách sạn ở Riga. Nhưng cũng cần phải chấp nhận rủi ro và, theo tính toán của ông, quyển hộ chiếu giả ít nhất cũng sẽ bảo vệ được ông cho đến khi các phiếu đăng ký khách trọ được nộp lại vào sáng mai. Với chút ít may mắn, ông sẽ gặp đúng một tay tiếp tân không vui đến phát điên với ý nghĩ có thể bắt bớ được điều gì đó cho cảnh sát.

Ông vừa uống nốt tách cà phê vừa nghĩ đến hai viên trung tá. Và tới trung sĩ Zids, kẻ có lẽ đã tự tay bắn chết Inese. Đâu đó trong cái đêm hãi hùng này, Baiba đang đợi ông. *Baiba rất hạnh phúc*. Đó là một trong những câu nói cuối cùng của Inese...

Ông nhìn lên cái đồng hồ treo tường treo phía trên quầy thanh toán. Hai mươi hai giờ ba mươi phút. Ông thanh toán tiền và nhận ra số tiền còn lại thừa đủ để thuê phòng khách sạn.

Ông rời khỏi quán, đi dọc theo vài khối nhà và nhìn thấy một biển hiệu: Khách sạn Hermes. Cửa đang mở. Ông leo lên một cầu thang gỗ ọp ẹp. Tấm rèm mở ra và một người đàn bà đứng tuổi lưng gù xuất hiện, nheo mắt đằng sau cặp kính dày cộp. Ông mỉm cười với bà, cố hết sức để tỏ ra thân thiện, lăm

bầm từ *Zimmer*⁽¹⁾ và đặt quyển hộ chiếu lên mặt quầy. Người đàn bà gật đầu, đáp lại bằng tiếng Latvia và đưa cho ông một tờ phiếu để điền vào. Vì bà ta thậm chí còn không mở hộ chiếu ra xem, đột nhiên ông quyết định thay đổi chiến lược và ghi vào phiếu một cái tên khác. Trong lúc vội vã, ông không nghĩ ra được cái họ nào khác ngoài Preuss. Ông nghĩ ra một cái tên: Martin; tuổi: ba mươi bảy; nơi ở: Hamburg. Người đàn bà, vẫn tươi cười, đưa ông một cái chìa khóa và chỉ cho ông hành lang nằm sau lưng ông. Không thể nào có chuyện bà ta đóng kịch được, ông nghĩ. Nếu hai viên trung tá không tức tối đến mức ra lệnh cần quét tất cả các khách sạn ở Riga trong đêm nay, mình có thể yên ổn mà ngủ đến sáng mai. Dĩ nhiên bọn họ sẽ phát hiện Martin Preuss chính là Kurt Wallander, nhưng khi ấy thì mình đã ở xa tít tắp rồi.

Ông mở cửa phòng, vui sướng nhận ra có một bồn tắm và, thật kỳ diệu, có cả nước nóng. Ông trút bỏ quần áo và bước vào bồn. Cái nóng ngập tràn cơ thể ông và ông nhắm mắt lại. Khi ông tỉnh dậy, nước đã nguội. Ông lau người và chui vào giường. Một chuyến tramway chạy qua, đường ray rung lên bần bật. Hai mắt trợn trừng trong bóng tối, ông cảm thấy nỗi sợ quay trở lại.

Ông buộc phải làm những gì ông đã quyết định. Nếu còn không thể tin tưởng vào sự đánh giá của chính mình, thì tức là ông đã tiêu đời. Những con chó sẽ ngay lập tức tóm được ông.

1. Tiếng Đức, nghĩa là: Phòng.

Ông biết mình sẽ phải làm gì.

Ngay sáng ra, ông sẽ đi tìm người duy nhất ở Riga này có khả năng giúp ông liên lạc với Baiba Liepa.

Ông không biết tên bà.

Nhưng đôi môi bà, ông vẫn còn nhớ, bôi một loại son quá đỏ.

16

Inese lại hiện ra không lâu trước khi trời sáng. Cô đi về phía ông. Hai viên trung tá đang rình ở đầu đó tại hậu cảnh, nơi cô không thể nhìn thấy bọn họ được. Ông gắng sức thông báo cho cô về mối nguy hiểm, nhưng cô không nghe thấy ông nói gì. Khi hiểu ra là mình sẽ không giúp được gì cho cô, ông bị đẩy bắn ra khỏi giấc mơ và mở mắt trong căn phòng khách sạn Hermes.

Đồng hồ đeo tay để trên bàn đầu giường chỉ sáu giờ quá bốn phút. Bất động trong giường, ông tua lại trong đầu toàn bộ những sự kiện ngày hôm trước với một sự rõ nét đến kinh hoàng. Giờ đây khi đã được nghỉ ngơi một chút, cuộc tàn sát đẫm máu như thể trở nên phi thực, không sao hiểu nổi - ngoài tầm với của lý trí ông. Cái chết của Inese làm ông thấy ngập tràn tuyệt vọng; việc ông không thể làm gì để cứu cô, cô cũng như người đàn ông mất lé và những người khác, những người đã tiếp đón ông, mà thậm chí ông còn chưa biết tên tuổi - làm sao mà ông có thể sống cùng với điều đó đây?

Nỗi hoang mang khiến ông bật dậy. Sáu giờ rưỡi, ông

xuống đến quầy tiếp tân. Người đàn bà đứng tuổi mỉm cười đầy vẻ dễ mến và nhận tiền của ông bằng những câu nói dài không thể hiểu nổi. Ông làm một tính toán nhanh trong đầu. Ông vẫn còn đủ tiền để sống vài đêm ở khách sạn nếu cần.

Buổi sáng sớm thật lạnh giá. Ông cài khuy áo vest lại và quyết định sẽ ăn trước khi bước vào thực hiện kế hoạch đã vạch ra. Sau hai mươi phút đi lang thang, ông tìm thấy một quán bar mở cửa, gọi cà phê và bánh ngọt, ngồi xuống một cái bàn không thể nhìn thấy từ cửa ra vào. Bảy giờ rưỡi, ông cảm thấy mình không còn đủ sức để chùng chình nữa. Giờ đây hoặc là sắp hoặc là ngủ. Ông thấy mình hoàn toàn ngu ngốc vì đã quay trở lại Latvia.

Nửa tiếng sau ông đã ở trước khách sạn Latvia, đứng nơi trung sĩ Zids vẫn có thói quen đứng chờ ông với cái xe. Ông do dự. Có thể là quá sớm chăng? Rồi ông bước vào, liếc nhìn về phía quầy tiếp tân nơi mấy người khách dậy sớm đang thanh toán tiền phòng, đi qua những cái ghế băng nơi mấy cái bóng từng bỏ ra không biết bao nhiêu giờ đồng hồ để đọc báo. Đột nhiên ông nhìn thấy bà. Bà đang mở cửa hiệu, cẩn thận xếp đồng báo lên giá. Thế nếu như bà ấy không nhận ra mình? Nhỡ đâu bà chỉ là một người trung gian thực thi các mệnh lệnh mà không biết gì cả thì sao?

Cùng lúc đó bà ngẩng đầu lên nhìn đúng đến chỗ ông đang đứng, ngay cạnh một cây cột. Trong cái nhìn của bà, ông hiểu bà đã nhận ra ông, và bà không sợ hãi khi nhìn thấy ông. Ông tiến đến gần, to giọng nói bằng tiếng Anh rằng mình muốn mua mấy cái bưu ảnh. Để bà có đủ thời gian để trấn

tĩnh, ông tiếp tục nói. Bà có ảnh khu Riga cổ kính không? Xung quanh không có một ai. Khi thấy đã nói đủ rồi, ông cúi xuống như để hỏi các thông tin về một chi tiết của tấm bưu ảnh đang cầm trên tay.

- Chị còn nhớ buổi hòa nhạc đàn organ không? Tôi muốn gặp lại Baiba Liepa. Chị là người duy nhất có thể giúp tôi. Tôi biết cô ấy đang bị theo dõi, nhưng việc này hết sức quan trọng. Tôi không biết chị đã biết về chuyện xảy ra ngày hôm qua hay chưa. Chia cho tôi xem một quyển sách hướng dẫn nhỏ đi, làm như thể chị đang giải thích cho tôi một điều gì ấy, và trả lời tôi đi.

Môi dưới của người đàn bà bắt đầu run lên. Ông thấy mắt bà ầng ậc nước. Họ không được phép thu hút sự chú ý. Ông nói tiếp thật nhanh: ông muốn mua bưu ảnh cả nước Latvia, không chỉ là thành phố Riga. Một người bạn của ông đã nói cho ông biết là người ta *luôn luôn* có thể tìm được rất nhiều bưu ảnh đẹp ở khách sạn Latvia.

Có vẻ như bà đã bình tĩnh lại. Ông nói là ông hiểu bà đã biết chuyện. Nhưng bà có biết là ông quay lại Latvia không? Bà lắc đầu.

- Tôi không có nơi nào để đi cả, ông tiếp tục. Tôi cần chỗ trốn trong khi chờ đến dịp gặp lại Baiba.

Thậm chí ông còn không biết tên bà. Tất cả những gì ông biết về bà, là son môi của bà quá đậm. Liệu ông có quyền đến làm phiền bà thế này không? Tại sao ông lại không bỏ hết mọi việc để đi tìm lãnh sự quán Thụy Điển? Tại một đất nước nơi những người vô tội bị tàn sát một cách không thương tiếc như

thế này giới hạn của lý trí có thể nằm ở đâu?

- Tôi không biết liệu có thể giúp anh gặp lại Baiba được không, bà thì thăm. Tôi không biết liệu điều ấy còn có thể hay không. Nhưng tôi có thể giấu anh ở nhà tôi. Tôi là một người quá chìm lấp, cảnh sát không để ý đến tôi. Một giờ nữa anh quay lại đây nhé, tôi sẽ ra gặp anh ở bến xe bus bên kia đường. Giờ thì anh đi đi.

Ông uốn thẳng lưng, cảm ơn bà theo cách một khách hàng được thỏa mãn đúng như cái vai ông đang đóng, cho một quyển sách hướng dẫn nhỏ vào túi và rời khỏi khách sạn. Trong một tiếng đồng hồ tiếp theo, ông hòa vào đám đông khách hàng của một cửa hàng lớn, và mua cho mình một cái mũ bonê với một hy vọng hão huyền là nhờ nó mà biến đổi được ít nhiều về bên ngoài. Hết một tiếng, ông ra chờ ở bến xe bus. Ông nhìn thấy bà ra khỏi khách sạn. Bà tiến lại gần và đứng gần ông, làm ra vẻ không quen biết ông. Xe bus đến nơi sau vài phút. Ông trèo lên xe sau bà và ngồi sau bà vài hàng ghế. Xe bus đi vòng vòng ở khu trung tâm khoảng nửa tiếng trước khi tiếp tục về phía ngoại ô. Wallander cố định vị đường sá, nhưng nơi duy nhất ông nhận ra là công viên Kirov rộng mênh mông. Chiếc xe đi ngang qua một khu dân cư dài đến bất tận và đầy vẻ ảm đạm. Khi bà đứng dậy chuẩn bị xuống, ông nhảy bật lên, suýt nữa thì không kịp xuống bến. Họ đi qua một sân chơi của trẻ con, vài đứa trẻ đang trèo lên một khung sắt gỉ hoét. Wallander giẫm phải một con mèo chết nằm trương phình trên mặt đất, và theo bà đi vào một lối đi lợp mái, tiếng bước chân của họ vang lên rõ mồn một. Họ đi

vào một cái sân hút gió, cơn lạnh thổi ập vào mặt họ. Bà quay về phía ông.

- Nhà tôi nhỏ lắm. Bố tôi sống cùng chúng tôi. Ông ấy già lắm rồi. Tôi sẽ chỉ nói anh là một người bạn mà tôi cho ở nhờ một hoặc hai ngày. Đất nước chúng tôi có đầy những con người không nhà cửa, giúp đỡ lẫn nhau là một việc rất bình thường. Buổi chiều hai con gái tôi sẽ đi học về. Tôi sẽ để lại mấy chữ cho chúng nói anh là bạn tôi và chúng phải pha trà mời anh. Đó là tất cả những gì tôi có thể lo cho anh. Giờ tôi phải quay lại khách sạn đây.

Căn hộ gồm hai phòng nhỏ, một cái bếp giống như một khoang nấu nướng nhỏ được sửa sang lại từ một phòng treo quần áo và một phòng tắm nhỏ xíu. Một ông già nằm trên giường.

- Thậm chí tôi còn chưa biết tên chị, Wallander vừa cầm lấy cái mắc áo bà chìa cho vừa nói.

- Vera. Còn anh là Wallander.

Cô nói như thể "Wallander" là tên riêng của ông, và ông thoáng nghĩ bản thân ông cũng sẽ sớm không biết phải sử dụng cái tên nào. Ông già nhồm dầy muốn ra khỏi giường, ông chống tay lên cây gậy để chào người khách nước ngoài. Wallander vội phản đối, đâu có cần phải làm như vậy, ông không muốn làm phiền ai cả. Vera có bánh mì và mấy thứ thịt trong cái bếp nhỏ bé và ông lại phản đối một lần nữa, ông chỉ tìm một chỗ để trốn, chứ không phải là một bàn ăn. Ông cảm thấy xấu hổ vì đã quấy quả bà như vậy, và cũng xấu hổ với ý nghĩ căn hộ của ông ở Mariagatan rộng gấp ba diện tích mà

bà có cho cả nhà mình. Bà chỉ cho ông căn phòng thứ hai, nơi có một cái giường lớn chiếm gần như toàn bộ không gian.

- Cứ đóng cửa lại nếu anh muốn yên tĩnh. Ở đây anh có thể nghỉ ngơi được. Tôi sẽ gắng về sớm hết mức có thể.

- Tôi không muốn chỉ gặp nguy hiểm gì.

- Việc gì cần làm thì phải làm thôi. Tôi thấy rất vui vì anh đã đến gặp tôi.

Rồi bà đi khỏi. Wallander ngồi phịch xuống giường.

Ông đã đến được tận đây.

Chỉ còn một việc là đợi Baiba Liepa nữa thôi.

Vera quay về ngay trước khi đồng hồ điểm mười bảy giờ. Wallander đã uống trà với hai cô con gái, Sabine mười hai tuổi và cô chị Ieva lên mười bốn. Ông đã học được vài từ Latvia và cố hết sức hát một bài đồng dao Thụy Điển làm hai đứa bé bụm miệng cười, và ông bố của Vera cũng cất giọng rè rè hát một bản ba lát cổ của lính tráng. Trong những khoảnh khắc ngắn ngủi, Wallander gần như quên đi lý do có mặt của mình ở đây, con mắt của Inese và vụ tàn sát. Ông đã khám phá là có tồn tại một cuộc sống bình thường, xa cách hẳn các viên trung tá; chính cuộc sống này là điều thiếu tá Liepa muốn bảo vệ khi nhận lấy sứ mệnh đầy hiểm nguy của mình. Chính là vì họ, vì Sabine, Ieva và ông của chúng, mà nhiều người đã lén lút hẹn gặp nhau tại chòi thợ săn và các nhà kho hoang vắng.

Khi Vera hôn hai đứa con xong, cô cùng Wallander vào

phòng đóng cửa lại. Họ ngồi trên cái giường lớn, và đột nhiên tình thế làm cô thấy không thoải mái. Bàn tay ông chạm nhẹ lên cánh tay cô để làm cô bình tâm lại, nhưng cử chỉ của ông đã bị hiểu sai; cô co rúm người lại, và ông hiểu giải thích thêm cũng chẳng ích gì. Ông chỉ hỏi cô đã liên lạc được với Baiba chưa.

- Baiba khóc, cô nói. Cô ấy khóc các bạn, đặc biệt là Inese. Cô ấy đã dặn họ phải cẩn thận, cô ấy biết bọn chúng đã tăng cường theo dõi, cô ấy đã van nài họ thật chú ý. Tuy nhiên những gì cô ấy e ngại đã xảy ra. Baiba khóc, nhưng cô ấy cũng rất giận dữ, giống như tôi vậy. Cô ấy muốn gặp anh tối nay đây, Wallander ạ, và chúng tôi đã có một kế hoạch rồi. Nhưng trước khi tôi trình bày với anh kế hoạch đó, chúng ta phải ăn đã. Nếu không ăn, mọi chuyện sẽ giống như là chúng ta đã từ bỏ tất cả các hy vọng.

Họ ngồi quanh một cái bàn gấp dính chặt vào tường căn phòng đặt cái giường của ông bố. Wallander nghĩ như thể họ sống trong một cái xe caravan. Để mỗi người đều có chỗ, cần phải có một sự tổ chức rất tỉ mỉ, và điều đó khiến ông tự lự: làm thế nào mà có thể chịu đựng được một sự chật chội như vậy suốt cả một cuộc đời? Ông lại nghĩ đến buổi tối ở biệt thự của trung tá Putnis. Chính là để bảo vệ các quyền lợi vượt trội của mình mà một viên trung tá đã ra lệnh không ngừng nghi truy lùng những người như thiếu tá và Inese. Giờ đây ông đã bắt đầu nhìn thấy vực sâu ngăn cách giữa họ. Mọi tiếp xúc giữa hai thế giới ấy đều đầm máu.

Họ ăn xúp rau mà Vera đã nấu trên cái bếp nhỏ xiu. Hai cô con gái dọn bàn, mang bia và bánh mì đen ra. Mặc cho sự căng thẳng tốt độ mà cô đang cảm thấy, Vera vẫn chăm lo cho gia đình như thể không có chuyện gì xảy ra. Ông lại nghĩ rằng mình không có quyền bắt cô phải gánh chịu một mối nguy hiểm lớn đến vậy. Làm thế nào ông có thể tiếp tục sống với chính mình nếu có chuyện gì đó xảy đến với Vera đây?

Khi họ ăn xong, các cô con gái dọn và rửa bát đĩa trong khi ông bố quay trở lại nằm trên cái giường của mình.

- Bố chị tên là gì? Wallander hỏi.

- Ông ấy có một cái tên lạ lắm. Ông ấy tên là Antons. Ông ấy bảy mươi sáu tuổi và mắc bệnh liên quan đến đường tiết niệu. Cả đời ông ấy làm đốc công ở một nhà in. Người ta nói là thợ nhà in nhiều tuổi hay bị mắc chứng nhiễm độc chì khiến họ trở nên lơ đãng, giống như là mất hết hồn vía ấy. Đôi khi đầu óc ông ấy hoàn toàn ở nơi khác. Có lẽ là do căn bệnh đó.

Họ lại ngồi lên cái giường trong phòng ngủ và cô đã kéo rèm cửa lại. Hai cô con gái thì thầm và cười đùa trong phòng bên, và ông hiểu mọi chuyện giờ đây sẽ sáng tỏ.

- Anh còn nhớ nhà thờ nơi anh đã gặp Baiba hôm hòa nhạc không?

Ông gật đầu.

- Anh có thể tìm lại được nó không?

- Từ đây thì không.

- Nhưng từ khách sạn Latvia thì sao? Từ trung tâm?

- Được.

- Tôi không thể dẫn anh quay lại thành phố, làm như vậy sẽ quá nguy hiểm. Nhưng tôi nghĩ chúng không nghi ngờ anh đang ở nhà tôi đâu. Anh sẽ tự đi xe bus. Đừng xuống ở bến trước cửa khách sạn. Chọn một bến khác, trước hoặc sau đó. Đến nhà thờ và chờ... Anh còn nhớ lối đi mà anh đã dùng để ra khỏi nhà thờ lần trước chứ?

Wallander gật đầu. Ông nghĩ là có nhớ, nhưng không chắc lắm.

- Đi vào bằng đường đó khi đã chắc chắn không bị ai theo dõi. Dợi ở đó. Baiba sẽ đến nếu cô ấy có thể.

- Chị đã liên lạc với cô ấy như thế nào?

- Tôi đã gọi điện cho cô ấy.

Wallander tròn xoe mắt ngạc nhiên.

- Nhưng chắc chắn điện thoại nhà cô ấy bị nghe trộm chứ!

- Tất nhiên. Tôi nói quyền sách cô ấy đặt mua đã tới. Nói một cách khác, cô ấy đã phải đến một hiệu sách biết trước và hỏi một quyển sách, trong đó tôi đã nhét vào một lá thư nói anh đang ở nhà tôi. Vài giờ sau, tôi đến một cửa hàng nơi người hàng xóm của Baiba có thói quen mua đồ. Ở đó, có một lá thư của Baiba nói tối nay cô ấy sẽ cố gắng đến nhà thờ.

- Nhưng nếu cô ấy thất bại thì sao?

- Thế thì tôi sẽ không thể giúp gì được cho anh. Anh sẽ không thể quay lại đây nữa.

Wallander chậm rãi gật đầu. Ông đã hiểu. Trong trường hợp thất bại, ông sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tìm cách rời khỏi đất nước.

- Chị có biết đại sứ quán Thụy Điển nằm ở đâu không?

Cô suy nghĩ.

- Tôi không biết liệu Thụy Điển có tòa đại sứ ở đây không nữa.

- Một lãnh sự quán?

- Tôi không biết...

- Thế thì viết hộ tôi bằng tiếng Latvia mấy từ "đại sứ quán Thụy Điển" và "lãnh sự quán Thụy Điển". Chắc tôi sẽ tìm được một cuốn danh bạ điện thoại tại một quán ăn nào đó. Viết hộ tôi luôn cả từ "danh bạ" đi.

Cô xé một tờ giấy từ quyển vở của một cô con gái và hướng dẫn ông cách phát âm.

Hai giờ sau, ông từ biệt Vera và gia đình cô. Cô đã đưa cho ông một cái sơ mi cũ của ông bố và một cái khăn quàng để làm thay đổi vẻ bên ngoài của ông một chút. Ông không biết liệu mình có gặp lại họ hay không. Khi ra đến ngoài, ông thấy mình đã bắt đầu nhớ họ.

Con mèo chết vẫn nằm nguyên ở đó, trên lối ra bến xe bus, như một điểm gờ. Vera đã đưa ông tiền lẻ để mua vé.

Lên xe, ông có cảm giác mình đã bị phát hiện. Lúc này, tức là đầu buổi tối, không có nhiều hành khách lắm, và ông ngồi xuống tận hàng cuối để có thể quan sát được sự lên xuống. Thình thoảng ông liếc nhìn về phía tấm kính sau bản thủ. Có vẻ như không có chiếc xe khả nghi nào đi theo xe bus.

Tuy nhiên bản năng mách bảo với ông rằng chúng đã lần ra dấu vết của ông. Ông có khoảng mười lăm phút để có một quyết định. Ông sẽ xuống ở đâu đây? Làm thế nào để đánh

lừa được chúng? Đột nhiên ông nảy ra một ý tưởng, điên rồ đến mức có thể thành công được. Theo lôgic, những kẻ theo dõi ông hy vọng ông sẽ dẫn chúng đến chỗ Baiba Liepa. Chúng sẽ đợi đến lúc nhìn thấy di chúc của thiếu tá. Chỉ khi ấy chúng mới hành động.

Ông vi phạm lời dặn của Vera khi xuống bến đối diện với khách sạn Latvia. Không quay đầu lại, ông bước vào, đến quầy tiếp tân hỏi có phòng cho một hoặc hai đêm không. Ông nói bằng tiếng Anh, lớn giọng, và khi người tiếp tân khẳng định là có phòng, ông đưa quyển hộ chiếu Đức cho họ và ghi đăng ký dưới cái tên Gottfried Hegel. Hành lý của ông sẽ đến sau, ông nói. Vẫn nói thật to - tuy nhiên không quá mức, để không có vẻ gì là đang cố ý đánh lừa những kẻ theo dõi - ông nói thêm là mình muốn được đánh thức dậy ngay trước nửa đêm vì đang chờ một cú điện thoại quan trọng. Trong trường hợp tốt nhất, việc này sẽ cho ông bốn giờ để hành động. Vì không có va li, ông tự cầm lấy chìa khóa và đi về phía thang máy. Căn phòng nằm ở tầng năm. Đây chính là thời điểm hoặc sẽ là không bao giờ cả. Cần hành động ngay lập tức không do dự. Ông cố nhớ cách bố trí của các cầu thang so với hành lang. Khi ra khỏi thang máy ở tầng năm, ngay lập tức ông chọn hướng và đi xuống cái cầu thang đang chìm trong bóng tối. Với chút ít may mắn, chúng còn chưa kịp theo dõi toàn bộ khách sạn. Xuống đến tầng hầm, ông tìm cánh cửa dẫn ra phố phía sau khách sạn. Miễn là nó không bị khóa... Ông gặp may: chìa khóa đang cắm trong ổ... Ông ra đến ngoài đường, đứng bất động một lúc. Hoàn toàn hoang vắng và yên

lặng. Ông bắt đầu chạy, nhiều lần chuyển sang phố khác; rồi ông trốn dưới một cái cổng lấy lại hơi và xem thử mình có bị theo không. Ông tưởng tượng ra Baiba vào đúng thời điểm ấy, tại một khu phố khác trong thành phố, cũng đang cố sức thoát khỏi những cái bóng xấu xa. Chắc chắn là cô sẽ thành công, vì cô có người thầy giỏi nhất: thiếu tá Liepa.

Ông đến được nhà thờ trước hai mốt giờ ba mươi phút một chút. Không có chút ánh sáng nào lọt ra từ các cửa kính. Ông đi vào một khoảnh sân sau và chờ đợi. Tiếng ồn của một cuộc cãi cọ vẳng đến tai ông. Một đợt sóng những lời nói sôi nổi, một tiếng ngã, một tiếng hét. Rồi tiếp đến là một sự im lặng nặng nề. Ông cọ quấy người để không bị quá lạnh, cố nhớ lại hôm nay là ngày nào. Vài chiếc xe ô tô hiếm hoi chạy qua phố. Lúc nào ông cũng sẵn sàng nghe tiếng một chiếc phanh lại và ông sẽ bị quáng mắt bởi luồng sáng của một cái đèn pin, ở ngay đây, giữa đồng thùng rác.

Cảm giác đã bị tìm thấy quay trở lại. Ông nghĩ các thủ thuật đánh lạc hướng của mình đã thất bại. Liệu ông có sai lầm khi tin tưởng vào người phụ nữ bôi màu son môi quá đỏ hay không? Có lẽ là chúng đang bình thản chờ đợi trong nghĩa trang... Lối thoát duy nhất của ông là tìm một nơi trú ẩn ở chỗ lãnh sự quán Thụy Điển. Nhưng việc đó thì ông không thể làm.

Chuông đánh mười tiếng. Ông rời khỏi mảnh sân sau, dò xét bóng tối ngoài đường phố và nhanh chóng chạy đến chỗ cánh cổng sắt vừa mở ra vừa kêu kèn kẹt. Một ngọn đèn chiếu sáng các ngôi mộ gần nhất. Ông đứng bất động, mọi giác

quan đều căng thẳng chờ đợi. Không có gì. Rất nhanh chóng, ông đi theo lối đi về phía cánh cửa nhỏ tối nào ông đã bước qua từ hướng bên kia, cùng với Baiba Liepa. Lại thêm một lần nữa, ông có cảm giác đang bị rình mò, những cái bóng đã ở đâu đó sát kề, trước mặt ông. Nhưng ông có thể làm gì đây? Ông tiến lại gần bức tường và chờ đợi.

Baiba Liepa hiện ra không tiếng động bên cạnh ông, như thể cô tách ra từ chính đêm tối. Ông giật bản mình khi nhìn thấy cô. Cô thì thầm điều gì đó mà ông không hiểu và kéo ông đi vào qua cánh cửa mở hé. Ông hiểu là cô đã chờ ông bên trong nhà thờ. Cô đóng cửa lại bằng cái chìa khóa to tướng. Bóng tối dày đặc. Cô cầm tay ông dắt về phía ban thờ, như thể ông bị mù. Làm thế nào mà cô có thể định hướng một cách tự tin đến vậy trong bóng tối? Sau phòng để đồ thánh có một phòng kín không cửa sổ. Một ngọn đèn dầu đặt trên mặt bàn. Cô đã đợi ông ở đó. Chiếc mũ boné lông của cô đặt trên một cái ghế, ông ngạc nhiên và xúc động khi thấy cô đã đặt gần ngọn đèn một bức ảnh thiếu tá. Ngoài ra còn có một cái chai Thermos, vài quả táo và một mẩu bánh mì. Như thể cô mời ông đến một buổi lễ ban thánh thể cuối cùng vậy... Ông tự hỏi họ có bao nhiêu thời gian trước khi những viên trung tá lao vào, và cô có liên hệ như thế nào với nhà thờ, liệu cô có một vị Chúa hay không, nghĩa là trái ngược với thiếu tá - đột nhiên ông nhận ra những gì mình biết về cô cũng ít ỏi như những gì biết về người chồng quá cố của cô.

Khi cửa đã đóng lại, cô dang tay ôm chặt lấy ông. Ông nghe tiếng cô khóc. Hai bàn tay cô giống như hai cái vuốt sắt

siết chặt lấy lưng ông, sự thể hiện của cơn giận dữ và nỗi buồn ở cô.

- Chúng đã giết Inese, cô thì thắm. Chúng đã giết chết hết họ. Tôi cứ nghĩ là anh cũng đã chết rồi. Khi Vera liên lạc với tôi, tôi cứ nghĩ mọi chuyện thế là đã hết.

- Thật là thảm khốc. Bây giờ không được nghĩ đến chuyện đó nữa.

Cô lùi ra xa khỏi ông.

- Lúc nào cũng phải nghĩ đến nó. Luôn luôn. Nếu quên, chúng ta cũng sẽ đồng thời quên mất mình là những con người.

- Tôi không nói đến chuyện lãng quên. Mà là bây giờ, ngay lúc này, chúng ta cần phải tiến lên. Nỗi sợ sẽ làm chúng ta tê liệt.

Cô thả người xuống một cái ghế. Mặt cô cắt không còn giọt máu. Bị tàn phá bởi sự kiệt sức và nỗi đau đớn. Cô sẽ còn đủ sức trụ vững được bao nhiêu thời gian nữa?

Cái đêm họ cùng nhau trải qua trong nhà thờ là một điểm không có đường thoái lui trong đời Kurt Wallander. Ông có cảm giác đã xâm nhập được trung tâm sự tồn tại của chính mình. Cho đến lúc ấy hầu như ông không nghĩ ngợi gì về điều đó. Nhiều nhất thì nó cũng chỉ đến với ông trong những thời điểm đen tối - phải đối mặt với những đứa trẻ chết trong các vụ tai nạn hoặc những người tự sát - run lên khi nhận ra sự ngăn ngủi không thể tin nổi của đời người trước cái chết. Thời gian của cõi sống thật là nhỏ nhoi, thời gian của sự chết mới là bất tận. Nhưng ông có một năng lực rất lớn trong việc rũ bỏ

khỏi mình kiểu suy nghĩ ấy; trong mắt ông cuộc đời về bản chất là một tập hợp các vấn đề mang tính vật chất, và ông rất ngờ là có thể làm phong phú sự tồn tại của mình bằng cách tổ chức nó theo các công thức của triết học. Ông cũng không quan tâm nhiều hơn đến hoàn cảnh lịch sử mà sự tình cờ ban phát cho. Nhìn chung, người ta sinh ra khi người ta sinh ra và chết đi khi chết đi; ông đã không hề đẩy đi quá xa suy tư của mình về các giới hạn của sự tồn tại. Nhưng cái đêm trôi qua cùng với Baiba Liepa trong cái lạnh của nhà thờ buộc ông, lần đầu tiên, phải đào xới bản thân con người mình. Ông hiểu thế giới hoàn toàn không giống với đất nước Thụy Điển, và những mối lo lắng của ông thật là nực cười nếu so sánh với sự tàn bạo đen tối đeo đẳng suốt cuộc đời Baiba Liepa. Lần đầu tiên, ông có cảm giác *hiểu được* cuộc tàn sát và cái chết của Inese. Sự phi thực đã trở thành có thực. Những tên trung tá là có thực. Trung sĩ Zids đã dùng một khẩu súng có thực bắn những viên đạn có thực có khả năng xé nát một trái tim và làm hiện lên cả một thế giới hoang vu chỉ trong một phần mấy giây. Ông hiểu sự tra tấn của việc phải sống cả đời trong sợ hãi. *Thời gian của nỗi sợ. Đó là thời gian của mình, và chỉ đến giờ mình mới hiểu được điều ấy, mà mình thì đã bắt đầu bước vào tuổi già rồi.*

Họ đang được an toàn khi ở đây, cô đảm bảo điều ấy - nếu như từ này còn có một nghĩa nào đó. Vị linh mục là một người bạn thân của Karlis, ông đã không ngần ngại cung cấp cho Baiba Liepa một chỗ trú ẩn khi cô nhờ đến ông. Wallander nói với cô về cảm giác xuất phát từ trực giác của mình. Những

cái bóng đã tìm ra ông ở đâu và chỉ chờ đến thời điểm thích hợp để cất lưới.

- Tại sao chúng lại phải chờ đợi cơ chứ? Những kẻ đó không bao giờ thêm chờ đợi khi phải trừng trị những người đe dọa cuộc sống của chúng.

Có thể là cô có lý. Nhưng Wallander không tin vào điều đó. Điều cốt yếu với những tên trung tá hăn phải là bản di chúc của thiếu tá. Với chúng nó mới là sự đe dọa thực thụ - chứ không phải là một bà vợ góa với kẻ kè kè bên cạnh một viên cảnh sát Thụy Điển cả tin đang lao vào một cuộc trả thù bí mật, cô độc và điên rồ.

Một ý tưởng khác vừa vụt qua óc ông - nó làm ông bối rối đến mức ông quyết định chưa nói gì cho Baiba vợ. Có thể là còn tồn tại một lời giải thích thứ ba cho việc những cái bóng vẫn còn chưa túm lấy họ mang đến cho sếp của chúng. Trong cái đêm dài ở nhà thờ đó, càng lúc ông càng thấy ý nghĩ ấy có lý. Nhưng ông không nói gì, trước hết là để không làm cho cô phải chịu thêm những lo lắng khác nữa.

Dần dần, ông hiểu rằng niềm tuyệt vọng của Baiba không chỉ liên quan đến cái chết của những người bạn cô, mà còn đến cả sự bất lực của cô trong việc hiểu Karlis có thể giấu bản di chúc của mình ở đâu. Cô đã nghĩ đến mọi khả năng, gắng sức tự đặt mình vào vị trí của chồng, lập luận giống như ông Nhưng vẫn vô vọng. Cô đã tháo những viên đá hoa trong nhà tắm, lục tung các thứ đồ đạc mà vẫn không tìm thấy gì khác ngoài bụi và vài bộ xương chuột.

Wallander cố gắng giúp cô. Họ ngồi đối diện nhau ở hai

bên cái bàn, cô rót trà cho cả hai người; quãng sáng của ngọn đèn biển sự trợ trợ của nơi này thành một chốn đầy thân mật và ấm áp. Nếu cả gan, hẳn Wallander đã ôm cô vào lòng để chia sẻ nỗi đau đớn với cô. Ông muốn đưa cô về Thụy Điển với mình. Nhưng sẽ không bao giờ cô chấp nhận. Nhất là không phải bây giờ, sau khi những người bạn cô vừa chết. Hẳn là cô thà chết còn hơn bỏ cuộc.

Cùng lúc, ông suy nghĩ về khả năng thứ ba, cái có thể giải thích được sự kín đáo của những cái bóng. Nếu giả thuyết này là đúng, họ không chỉ phải đối mặt với một kẻ thù, mà cả với một *kẻ thù của kẻ thù*. Condor và lapwing... *Mình vẫn chưa biết viên trung tá nào là con nào. Nhưng nếu quả là như vậy, thì lapwing phải biết rất rõ condor và tìm cách bảo vệ các nạn nhân của con kia.*

Cái đêm trong nhà thờ ấy giống như một chuyến đi về phía một lục địa còn chưa ai biết, nơi bằng mọi giá phải tìm ra một thứ đồ vật mà họ vẫn còn chưa biết thật ra là gì. Một cái hộp bọc giấy bìa kraft chăng? Hay là một cái va li? Thiếu tá là một người khôn ngoan, ông biết rằng một nơi giấu đồ sẽ mất đi nhiều giá trị nếu được lựa chọn quá tốt. Nhưng để có thể xác định được phương hướng trong thế giới của thiếu tá, ông phải biết nhiều hơn về Baiba. Ông đặt cho cô những câu hỏi mà ông không hề muốn đặt, nhưng cô khích lệ ông làm việc ấy, bảo ông không việc gì phải nương nhẹ cô.

Với sự giúp đỡ của cô, ông dần hình dung được cuộc sống của vợ chồng Liepa ở cả các góc ngách thầm kín nhất. Tình thoảng, ông thấy như thể mình vừa tìm ra được lời giải.

Nhưng lần nào khi nêu lời giải thì hóa ra Baiba cũng đều đã thử khả năng đó rồi.

Ba giờ rưỡi sáng. Ông cảm thấy mình sắp sửa đầu hàng. Khuôn mặt Baiba sạm đi vì mệt.

- *Còn gì nữa?* ông hỏi, vừa là hỏi chính mình vừa là để hỏi cô.

Một chỗ giấu đồ phải nằm ở *đâu đó*, một nơi chốn không gian. Một nơi chắc chắn, có thể chống lại lửa, kẻ cắp, các hư hại của thời tiết. Còn lại gì nữa đây? Ông tự buộc mình phải tiếp tục.

- Trong căn hộ có tầng hầm không?

Cô lắc đầu.

- Chúng ta đã nói tới kho chứa đồ, đến ngôi nhà nghỉ mát của chị cô, ngôi nhà của bố chồng cô ở Ventspil. Suy nghĩ đi, Baiba. Chắc là phải còn một nơi nào nữa.

- Không. Không còn chỗ nào hết.

- Không nhất thiết là phải ở bên trong. Cô đã nói với tôi là thỉnh thoảng hai người đi ra bờ biển. Hai người có thói quen ngồi trên một tảng đá nhất định nào đó không? Hai người dựng lều ở đâu?

- Tôi đã nói với anh rồi. Karlis sẽ không giấu cái gì ở đó đâu.

- Hai người có luôn dựng lều ở cùng một chỗ không? Trong tám năm liền? Hai người có bao giờ chọn một chỗ khác không?

- Cả hai chúng tôi đều thuộc loại người thích những gì quen thuộc.

Wallander không ngừng lôi cô về quá khứ. Theo ông, thiếu tá sẽ không bao giờ chọn một nơi cất giấu bất trắc. Chắc chắn nó phải nằm đâu đó trong câu chuyện chung của họ.

Ông bắt đầu lại từ đầu. Cái đèn đã gần cạn dầu, nhưng Baiba lấy ra một cây nến lễ và làm rơi vài giọt sáp xuống một mẩu giấy. Ông nghĩ là cô sẽ ngắt đi vì kiệt sức. Lần cuối cùng cô ngủ là khi nào? Ông cố khích lệ cô bằng cách lấy một cái giọng lạc quan không hề liên quan tới cảm giác thực của ông. Ông quay trở lại căn hộ thêm một lần nữa. Cô có bỏ qua điều gì không? Một ngôi nhà được dựng lên bởi vô số những *lỗ hổng*...

Ông tiếp tục những câu hỏi, chuyển từ căn phòng này sang căn phòng khác. Cuối cùng, cô mệt lả đi đến mức phải hét lên.

- Nó không tồn tại, cái chỗ giấu đó! Chúng tôi chỉ có một căn hộ và đó là nơi chúng tôi sống, trừ trong các kỳ nghỉ hè. Trong ngày, tôi ở trường đại học và Karlis ở chỗ trụ sở cảnh sát. Không có di chúc nào cả. Chắc là Karlis cứ nghĩ mình bất tử.

Khi ấy Wallander hiểu rằng cơn giận của cô nhằm cả vào người chồng. Tiếng hét ấy, sự phàn nàn ấy nhắc ông nhớ lại một chuyện xảy đến hồi năm ngoái, khi một người tị nạn Somalia bị sát hại một cách tàn khốc ở Thụy Điển và Martinsson phải tìm cách an ủi người vợ góa của anh ta, khi đó phát điên vì tuyệt vọng.

Mình đang sống ở thời của những bà góa. Thời của những bà góa và của nỗi sợ hãi...

Đột nhiên ông run lên.

- Gì vậy? Baiba thì thầm.

- Đợi đã. Để tôi suy nghĩ một lát.

Liệu có thể là như vậy không? Ông dùng suy nghĩ kiểm lại các điểm nhìn khác nhau. Nó rất phi lý, hoàn toàn kỳ cục, nhưng...

- Tôi sẽ đặt cho cô một câu hỏi, ông chậm rãi nói. Và tôi muốn cô trả lời ngay tắp lự, không được suy nghĩ. Nếu không có nguy cơ cô sẽ trả lời ra ngoài câu hỏi.

Cô nhìn ông trong ánh sáng nháy nhót của ngọn nến, vẻ chú ý và căng thẳng tột độ.

- Liệu Karlis có thể chọn một nơi lạ lùng nhất trong tất cả các nơi không? *Trụ sở cảnh sát?*

Một tia chớp lướt qua cái nhìn của Baiba.

- Vâng, cô nói thật nhanh. Có thể lắm.

- Tại sao?

- Karlis là người như vậy. Điều này rất giống với tính cách của anh ấy.

- Ở đâu?

- Tôi không biết.

- Chúng ta có thể loại trừ phòng làm việc của ông ấy. Đã bao giờ ông ấy nói với cô về tòa nhà chưa?

- Ông ấy thấy nó thật kinh khủng. Giống như một nhà tù. *Đó chính là một nhà tù.*

- Suy nghĩ đi, Baiba. Đã có bao giờ ông ấy nói về một nơi cụ thể, một nơi có một ý nghĩa đặc biệt với ông ấy, mà ông ấy căm ghét hơn tất cả những nơi khác, hoặc ngược lại, mà ông ấy thích hơn tất cả những nơi khác?

- Các phòng thẩm vấn làm anh ấy phát ốm.

- Người ta không thể giấu cái gì trong một phòng thẩm vấn.

- Anh ấy ghét phòng làm việc của các trung tá.

- Ở đó cũng không thể được.

Cô suy nghĩ rất lung, hai mắt nhắm nghiền lại. Khi mở chúng ra, cô đã có câu trả lời.

- Karlis thường nói về một nơi mà anh ấy gọi là Căn phòng Ác. Anh ấy nói đó là nơi người ta cất tất cả những điều bất công, tất cả các vụ việc xấu xa người ta từng làm trên đất nước này. Chắc chắn anh ấy đã giấu giấy tờ của mình ở đó. Ngay giữa ký ức của tất cả những người từng đau khổ, và vẫn còn đang đau khổ. Hẳn anh ấy đã giấu giấy tờ của mình trong phòng lưu trữ của cảnh sát.

Wallander không rời mắt khỏi cô. Toàn bộ sự mệt mỏi của ông đều đã tan biến.

- Đúng, ông nói. Chắc chắn là đó. Một chỗ giấu ở bên trong một chỗ giấu. Trò chơi những cái hộp Trung Quốc. Nhưng làm thế nào để ông ấy có thể đánh dấu bản di chúc của mình sao cho chỉ một mình cô mới nhận ra được?

Đột nhiên cô òa khóc nức nở, vừa khóc lại vừa cười.

- Tất nhiên rồi! Tôi biết anh ấy đã suy luận ra sao. Khi chúng tôi bắt đầu với nhau, anh ấy hay biểu diễn cho tôi xem các trò ảo thuật bằng những quân bài. Hồi còn trẻ, anh ấy từng mơ trở thành ảo thuật gia, bên cạnh ước mơ trở thành nhà điều học. Tôi đã bảo anh ấy giải thích các trò. Anh ấy từ chối. Nó đã trở thành một kiểu trò chơi giữa chúng tôi. Anh ấy chỉ giải thích cho tôi một trò duy nhất, một trò rất đơn giản.

Người ta chia các quân bài thành hai phần, quân đen một bên quân đỏ một bên. Rồi người ta bảo ai đó rút một quân bài, ghi nhớ nó và vớt trở lại đồng bài. Người ta chia hai phần sao cho một quân đỏ nằm giữa các quân đen, hoặc *ngược lại*. Anh ấy vẫn thường nói tôi là ánh sáng của anh ấy trong một thế giới tối đen. Vậy là chúng tôi luôn luôn tìm kiếm bông hoa màu đỏ giữa đám hoa màu xanh hoặc vàng, tìm kiếm ngôi nhà màu xanh giữa các ngôi nhà màu trắng. Đó là một trò chơi, một bí mật riêng của chúng tôi. Hẳn là anh ấy đã suy luận như vậy khi tìm chỗ giấu bản di chúc của mình. Tôi cho rằng phòng lưu trữ có các hồ sơ nhiều màu khác nhau. Ở đâu đó có một hồ sơ nổi bật lên giữa các hồ sơ khác, qua màu sắc hoặc qua kích thước. Chúng ta sẽ phải tìm ở đó.

- Nhưng chắc chắn là kho lưu trữ phải khổng lồ lắm.

- Thỉnh thoảng, khi phải đi công tác, anh ấy vẫn thường để một bộ bài trên gối tôi, với một quân màu đỏ giữa các quân màu đen. Chắc chắn sẽ phải có một hồ sơ liên quan đến tôi. Anh ấy đã nhét bản di chúc vào trong đó.

Đã năm giờ rưỡi. Wallander nghiêng người sang chạm nhẹ cánh tay cô.

- Tôi muốn cô cùng tôi đi sang Thụy Điển, ông nói bằng tiếng Thụy Điển.

Cô nhìn ông, vẻ kinh ngạc.

- Tôi nói chúng ta cần nghỉ ngơi. Chúng ta sẽ phải đi trước khi trời sáng. Tôi không biết phải đi đâu, và tôi cũng không biết phải làm trò ảo thuật như thế nào để lọt được vào kho lưu trữ của cảnh sát. Vì vậy chúng ta cần nghỉ ngơi.

Trong tủ có một cái chăn, cuộn lại dưới một cái mũ lễ cũ. Baiba trải nó xuống sàn. Theo một cách thức hết sức tự nhiên, họ ôm lấy nhau cho đỡ lạnh.

- Ngủ đi, ông nói. Tôi sẽ đánh thức cô dậy khi đến lúc.

Không có câu trả lời.

Cô đã ngủ.

17

Không lâu trước bảy giờ sáng, họ rời khỏi nhà thờ. Ông phải vừa đi vừa đỡ Baiba đang lả đi vì mệt. Trời vẫn còn tối. Trong khi cô ngủ bên cạnh ông trên sàn nhà thờ, ông đã tìm cách nghĩ ra điều gì đó. Ông là người phải làm việc ấy; Baiba không thể giúp ông được. Cô đã đốt hết những con thuyền của mình, giờ đây cô cũng trợ trọi hết như ông. Kể từ bây giờ, ông là vị cứu tinh của cô. Thế nhưng ông không có kế hoạch nào trong đầu hết cả. Trí tưởng tượng của ông đã cạn nguồn.

Nhưng ý tưởng về *cách giải thích thứ ba* đã hướng lối cho ông. Ông đang chuốc lấy một nguy cơ lớn khi tin vào nó. Ông có thể nhầm. Trong trường hợp ấy, họ sẽ không thể thoát được khỏi tay những kẻ sát hại thiếu tá. Nhưng vào lúc bảy giờ, khi rời khỏi nhà thờ, ông cảm thấy mình không còn mấy lựa chọn nữa.

Bên ngoài trời rất lạnh. Baiba dựa nặng trĩu cánh tay ông. Wallander thoáng nghe thấy một tiếng động rất nhỏ trong bóng tối, như thể ai đó vừa di chuyển và vô ý nghiêng lên những

viên sỏi đóng giá. *Đây rồi. Chúng sắp thả lũ chó ra.* Nhưng không có chuyện gì xảy đến. Sự im lìm quay trở lại, cũng cô đặc giống như lúc trước. Ra đến phố, ông đã có thể chắc chắn những kẻ bám đuôi không còn xa nữa. Ông đoán ra được một cử động trong bóng tối, tin rằng mình nghe thấy tiếng cánh cổng kẹt phía sau lưng. Lũ chó không được khéo léo cho lắm. Hoặc là chúng muốn chúng ta cảm thấy sự có mặt của chúng.

Cái lạnh làm Baiba tỉnh lại. Họ dừng chân ở góc phố. Cần phải có một quyết định.

- Cô biết ai có thể cho chúng ta mượn một chiếc ô tô được không?

Cô suy nghĩ một lúc, rồi lắc đầu.

Ông nhận ra nỗi sợ đang làm ông trở nên mất bình tĩnh. Tại sao tại đất nước này cái gì cũng phức tạp đến vậy? Làm thế nào ông có thể giúp được cô khi ở đây không có gì bình thường, tương hợp với những gì ông từng quen thuộc?

Đột nhiên ông nhớ ra chiếc xe hôm qua ông vừa mượn tạm. Hy vọng tìm lại được nó rất nhỏ nhoi, nhưng còn gì để mất nữa đâu. Ông đưa Baiba vào một quán cà phê đã mở, nghĩ rằng việc này có thể sẽ tạo ra sự bối rối trong đám người theo đuôi. Những con chó sẽ phải chia nhau ra, trong khi chắc hẳn chúng e rằng họ đã có được bản di chúc. Ý nghĩ vô tình này khích lệ ông. Nó còn hàm ý một khả năng mà ông còn chưa tính đến: tung ra các mối nhử giả cho lũ chó. Ông bước thật nhanh. Trước hết, ông phải kiểm tra xem cái xe còn ở đó hay không.

Ông tìm thấy nó ở đúng chỗ đã để lại. Không suy nghĩ

gì nữa, ông ngồi vào sau vô lăng, lại một lần nữa nghĩ thấy mùi cá lạ lùng, chấp hai sợi dây lại, và lần này thì không quên xem cần số đã về mo chưa. Ông dừng xe lại trước quán cà phê, không tắt máy trong khi vào tìm Baiba. Cô đang ngồi uống trà ở một cái bàn. Ông thấy là mình đang đói. Nhưng con đói có thể chờ đợi được.

Cô đã trả tiền. Họ đi ra chỗ cái xe.

- Làm thế nào mà anh tìm được nó thế?

- Để khi khác tôi giải thích. Nói cho tôi biết phải làm thế nào để rời khỏi Riga đi.

- Chúng ta đi đâu?

- Tôi không biết. Chúng ta sẽ bắt đầu bằng việc thăm thú đồng quê.

Rất đông xe cộ trên đường và Wallander nguyên rửa động cơ yếu ớt của chiếc xe. Cuối cùng, họ đi qua những khu ngoại ô cuối cùng và đến một vùng thảo nguyên thoáng đãng điểm xuyết những cánh đồng và trang trại.

- Con đường này dẫn đến đâu?

- Sang Estonia. Nó dẫn đến Tallinn.

- Chúng ta sẽ không đi đến tận đó.

Kim báo xăng nhảy nhót một cách nguy hiểm; ông dừng xe tại một trạm bán xăng. Một ông già chột mắt đồ đầy bình. Vào lúc thanh toán, Wallander nhận ra là mình không có đủ tiền. Baiba trả nốt số tiền còn thiếu và họ đi tiếp. Khi dừng lại, Wallander đã quan sát con đường. Một chiếc xe màu đen chạy qua - ông không kịp nhìn nhãn hiệu xe - và, không lâu sau đó, một chiếc xe màu đen khác. Khi rời khỏi trạm xăng, trong

kính chiếu hậu ông nhìn thấy một chiếc xe đỗ ở vệ đường. Nói một cách khác là có ba chiếc xe. Có thể là còn hơn.

Họ đến một thị trấn mà Wallander không biết tên. Trên quảng trường, một nhóm người đang quây xung quanh quây bán cá. Ông tắt máy xe.

Ông tuyệt đối cần được nghỉ ngơi, nếu muốn não mình tiếp tục hoạt động. Khi nhìn thấy một biển hiệu khách sạn, ông quyết định thật nhanh.

- Tôi cần ngủ. Cô có bao nhiêu tiền? Có đủ để thuê một phòng không?

Cô gật đầu. Họ đi băng qua quảng trường. Baiba dùng tiếng Latvia nói chuyện với người tiếp tân, cô ta đỏ mặt và từ chối đưa cho họ phiếu đăng ký phòng.

- Cô đã nói gì với cô ta vậy? Wallander hỏi khi họ đã vào đến căn phòng nhìn xuống cái sân sau.

- Sự thật. Rằng chúng ta không phải vợ chồng và chúng ta sẽ chỉ ở lại vài giờ.

- Cô ta đã đỏ mặt, hay là tôi nhầm?

- Ở vào địa vị cô ta tôi cũng sẽ đỏ mặt.

Trong thoáng chốc sự căng thẳng tan biến. Baiba đỏ mặt và Wallander phá lên cười. Rồi ông lại trở nên nghiêm túc.

- Tôi không biết là cô có hiểu không. Đây là việc điên rồ nhất mà tôi làm trong sự nghiệp. Và ít nhất tôi cũng sợ hãi ngang với cô. Ngược với chồng cô, cả đời tôi đã làm việc tại một thành phố không lớn hơn bao nhiêu so với nơi chúng ta đang ở lúc này. Tôi không có kinh nghiệm gì về những kẻ sát nhân ở tầm cỡ ấy. Phần lớn thời gian của tôi được dành để săn

đuổi những tên kẻ trộm say mềm và những con bò chạy khỏi khu chăn thả.

Cô đến ngồi bên cạnh ông ở mép giường.

- Karlis đã nói với tôi rằng anh là một cảnh sát giỏi. Anh ấy có nói đến một sai lầm vì sơ ý. Nhưng ngoài đó ra, anh ấy chỉ có toàn sự kính trọng dành cho anh thôi.

Wallander thậm chí khó chịu khi nhớ đến sự biến mất của cái xương. Ông đổi chủ đề.

- Hai đất nước của chúng ta khác nhau nhiều qua. Hẳn là thiếu tá có đủ năng lực để làm việc ở Thụy Điển. Nhưng tôi thì không bao giờ có thể làm cảnh sát ở Latvia được.

- Hiện tại anh đang là cảnh sát ở Latvia đấy.

- Không. Tôi ở đây bởi vì cô yêu cầu tôi điều đó. Và có thể cả vì Karlis là người như ông ấy từng là. Quả thực, tôi không biết mình làm gì ở Latvia nữa. Tôi chỉ chắc chắn vào một điều. Tôi muốn cô cùng tôi đi sang Thụy Điển. Khi tất cả câu chuyện này đã kết thúc.

Cô có vẻ ngạc nhiên.

- Tại sao?

Ông hiểu ông sẽ không thể giải thích được cho cô. Các cảm giác của chính ông cũng quá hỗn loạn, quá trái ngược.

- Không có gì. Quên những gì tôi vừa nói đi. Bây giờ tôi phải ngủ, nếu còn muốn tiếp tục suy nghĩ. Cả cô nữa, cô cũng cần nghỉ ngơi đấy. Có lẽ tốt hơn hết là cô nên bảo cô tiếp tân lên gõ cửa sau ba tiếng nữa.

- Cô ta sẽ lại đổ mặt cho mà xem, Baiba vừa đứng lên vừa nói.

Wallander lăn mình xuống dưới chăn. Ông đã gần thiếp ngủ khi Baiba quay trở lại.

Ba tiếng sau ông mở mắt với cảm giác vừa mới ngủ được vài phút. Những tiếng gõ cửa không đánh thức được Baiba. Ông tự buộc mình phải tắm nước lạnh để xua đuổi sự mệt mỏi ra khỏi cơ thể. Khi đã mặc xong quần áo, ông nghĩ tốt hơn hết là cứ để cô ngủ thêm trong lúc ông suy nghĩ để có được một quyết định. Trên một mẩu giấy vệ sinh, ông nguệch ngoạc mấy chữ: *Đợi tôi nhé, tôi đi sẽ không lâu đâu.*

Cô gái trực tiếp tân nở với ông một nụ cười ngập ngừng và, ông thoáng nghĩ, có chút hơi hướng dâm dăng. Ông nhận ra là cô ta hiểu được vài từ tiếng Anh. Ông bèn hỏi có thể đi ăn ở đâu, cô ta bèn chỉ vào cánh cửa một quán ăn nhỏ xíu. Ông ngồi ở vị trí có thể bao quát được sự đi lại ở bên ngoài. Quầy bán cá vẫn đông đặc những người ăn mặc kín mít để chống cái lạnh. Chiếc Lada vẫn nằm nguyên ở chỗ ông đã để lại.

Phía bên kia quảng trường, ông nhận ra một trong mấy chiếc ô tô màu đen ở chỗ trạm xăng. Ông chợt nghĩ đến lũ chó; ông hy vọng là chúng sẽ bị lạnh trong mấy cái xe ấy.

Cô gái phụ trách tiếp tân, lúc này đang đóng vai trò người phục vụ bàn, xuất hiện cùng với một ấm cà phê và mấy cái bánh ngọt. Ông ăn và tiếp tục quan sát quảng trường. Một kế hoạch hành động dần thành hình trong tâm trí ông. Một kế hoạch hoàn toàn loạn trí.

Đồ ăn làm ông cứng cổ lên được một chút. Ông quay về

phòng, trong thời gian đó Baiba đã kịp tỉnh giấc. Ông ngồi xuống mép giường và nói cho cô biết ý nghĩ của mình.

- Chắc chắn Karlis phải có một người tâm phúc trong số đồng nghiệp.

- Chúng tôi không hay giao du với các cảnh sát lắm đâu. Chúng tôi có những người bạn khác.

- Chắc chắn cũng phải có lúc ông ấy đi uống cà phê với ai đó chứ. Không nhất thiết phải là một người bạn. Chỉ đơn giản là ai đó không phải kẻ thù của ông ấy thôi.

Ông để cô suy nghĩ một lúc. Toàn bộ kế hoạch của ông phụ thuộc vào câu trả lời của cô lúc này. Sự tồn tại của một ai đó trong ngành cảnh sát, mà thiếu tá không hoàn toàn phải nghi kỵ.

- Thỉnh thoảng anh ấy có nhắc đến Mikelis... Một trung sĩ trẻ tuổi không giống những người khác. Nhưng tôi không biết gì về anh ta.

- Hẳn là cô còn phải nhớ điều gì đó chứ. Tại sao Karlis lại nói đến anh ta?

Cô cuộn mấy cái gối đặt sát vào tường để dựa lưng. Ông thấy rõ là cô đang rất cố gắng.

- Karlis thường nói sự thờ ơ của các đồng nghiệp làm anh thấy thấy sợ hãi. Sự lạnh lùng trong cách phản ứng của họ khi đối mặt với toàn bộ sự khốn khổ này... Mikelis là một ngoại lệ. Nếu tôi nhớ đúng, Karlis và anh ta đã cùng thực hiện một vụ bắt giữ. Một người đàn ông nghèo khổ, cha một gia đình đông con. Sau này, Mikelis đã nói với Wallander rằng anh thấy chuyện đó thật kinh khủng.

- Vụ việc ấy xảy ra khi nào?
- Mới gần đây thôi.
- Cố gắng chính xác hơn đi. Cách đây một năm? Hay nhiều hơn?
- Chưa đến một năm đâu.
- Chắc là Mikelis làm việc ở đội phòng chống tội phạm nếu anh ta cùng đi phá án cùng Karlis.
- Tôi không biết.
- Đúng vậy đấy, chắc chắn rồi. Cô sẽ gọi điện cho Mikelis để nói muốn gặp anh ta.
- Cô sợ hãi nhìn ông.
- Anh ta sẽ cho người bắt tôi ngay.
- Cô sẽ không nói cô là Baiba Liepa. Cô chỉ nói là đang giữ một thông tin có thể có ích cho sự nghiệp của anh ta, nhưng cô không muốn nêu tên họ.
- Ở chỗ chúng tôi đánh lừa một cảnh sát là chuyện không dễ đâu.
- Cô phải biết cách tỏ ra thuyết phục. Cần phải đi đến cùng.
- Nhưng tôi có thể nói gì cho anh ta?
- Tôi không biết. Giúp tôi đi. Với một cảnh sát Latvia cảm dỏ lớn nhất là gì?
- Tiền.
- Ngoại tệ à?
- Tại đất nước này rất nhiều kẻ sẵn sàng bán cả mẹ đẻ để được nhận đô la Mỹ.
- Thế thì nói với anh ta là cô biết những kẻ có đô la.

- Nhưng nhớ ra anh ta hỏi tiền đó xuất xứ từ đâu thì sao?

Wallander bôn chồn suy nghĩ. Đột nhiên ông nhớ tới một vụ việc mới xảy ra cách đây không lâu ở Thụy Điển.

- Cô sẽ gọi điện cho Mikelis và nói cho anh ta điều này: cô biết hai người Latvia vừa tấn công một quầy đổi tiền ở nhà ga trung tâm Thụy Điển. Cảnh sát Thụy Điển vẫn chưa tìm ra chúng. Giờ đây chúng đang có mặt ở Latvia và có mang theo tiền - một số tiền rất lớn, chủ yếu là đô la.

- Anh ta sẽ muốn biết tôi là ai và làm thế nào tôi biết được thông tin về vụ việc.

- Làm thế nào đây để anh ta nghĩ rằng cô là tình nhân của một trong số chúng. Hắn vừa bỏ cô để đi theo một ả khác, cô muốn trả thù, nhưng cô sợ hắn và cô không dám nói tên cô ra.

- Tôi không biết nói dối đâu.

- Thế thì phải học thôi. Bây giờ hoặc không bao giờ cả. Tay Mikelis này là cơ may duy nhất có thể giúp chúng ta xâm nhập phòng lưu trữ. Tôi có một kế hoạch, nó có giá trị đúng như giá trị của nó. Vì không thấy cô đề nghị gì, nên tôi đành phải nghĩ ra một kế hoạch thôi.

Ông đứng dậy.

- Chúng ta sẽ quay về Riga. Trên xe tôi sẽ giải thích cho cô.

- Anh muốn Mikelis tìm giấy tờ của Karlis à?

- Không phải Mikelis. Mà là tôi. Nhưng Mikelis sẽ giúp tôi đột nhập được vào trong pháo đài.

Họ đã quay về Riga. Baiba đã gọi điện từ một trạm bưu điện và đã thành công trong việc nói dối.

Họ đi đến khu chợ lợn mái của thành phố. Baiba ra lệnh cho ông đợi ở khu bán cá, rất giống với một hăngga để máy bay. Ông nhìn thấy cô biến mất vào dòng người, nghĩ rằng mình sẽ không bao giờ còn gặp lại cô nữa. Nhưng cô đã tìm được Mikelis trong một hăngga khác, nói chuyện với anh ta, vừa nói vừa đi lại giữa các phản thịt. Cô cho anh ta biết là không có bọn cướp nhà băng, cũng không hề có đô la Mỹ. Trong chuyến đi quay lại Riga, Wallander đã ra chỉ thị cho cô: không được do dự, phải đi thẳng vào vấn đề, kể lại toàn bộ câu chuyện. Họ không còn lựa chọn nào hết.

- Hoặc là cô sẽ bị bắt, hoặc anh ta chấp nhận đề nghị của chúng ta. Nếu cô do dự, có nguy cơ là anh ta sẽ ngờ đến một cái bẫy, có thể là được tổ chức bởi một ông sếp nghi ngại lòng trung thành của anh ta. Cô phải đủ sức chứng tỏ mình là vợ góa của Karlis, ngay cả khi anh ta chưa bao giờ nhìn thấy mặt cô. Cô phải làm và nói những gì tôi vừa yêu cầu, từng từ một.

Một giờ sau, Baiba quay trở lại khu bán cá nơi Wallander đang đợi.

Khuôn mặt cô biểu hiện niềm vui và sự nhẹ nhõm. Lại thêm một lần nữa Wallander nhớ ra là cô đẹp đến thế nào.

Hạ thấp giọng, cô kể cho ông là Mikelis tỏ ra rất sợ hãi. Anh ta biết mình đang mang cả sự nghiệp ra đánh cược, và có thể là cả tính mạng của anh ta nữa. Cùng lúc, cô cũng có thể đoán biết được sự nhẹ nhõm trong lòng anh ta.

- Anh ta đứng về phía chúng ta, cô nói. Karlis đã không nhìn nhầm người.

Giờ đây họ còn nhiều tiếng đồng hồ rảnh rỗi trước khi Wallander có thể đưa kế hoạch của mình vào hành động. Để giết thời gian, họ đi dạo trong thành phố, đến hai điểm hẹn quen thuộc của người dân rồi sau đó tới trường đại học nơi cô làm việc. Trong một phòng thí nghiệm sinh học hoang vắng bốc đầy mùi ête, Wallander ngủ thiếp đi, đầu dựa vào một cái bồn đựng bộ xương của một con mòng biển. Baiba trèo lên một bệ cửa sổ lớn, nép sát mình vào góc tường và ngắm nhìn công viên bên ngoài. Không có gì khác ngoài sự chờ đợi - một sự chờ đợi mệt mỏi rã rời và câm lặng.

Không lâu trước hai mươi giờ, họ chia tay trong hành lang. Một người gác trường đi tuần qua và Baiba thuyết phục được anh ta tắt đèn bên ngoài một cánh cửa phụ trong một lúc.

Wallander luồn ra ngoài vào đúng thời điểm đèn tắt phụt. Ông chạy ngang qua công viên, theo hướng Baiba chỉ. Khi dừng lại thở lấy hơi, ông chắc chắn đám người theo đuôi vẫn quanh quẩn ở trường đại học.

Chuông nhà thờ điểm tiếng cuối cùng báo chín giờ thì Wallander bước qua cánh cửa sáng đèn của phía cầu thang dành cho công chúng của pháo đài. Baiba đã miêu tả hết sức chi tiết ngoại hình của Mikelis. Điều duy nhất làm Wallander kinh ngạc khi nhìn thấy anh ta là anh ta còn quá trẻ. Mikelis đang ngồi ở vị trí trực ban sau một ghi sê. *Có Chúa mới biết*

anh ta đã làm thế nào để có mặt được ở đây... Rồi ông tiếp tục đi. Ông tiến thẳng đến chỗ Mikelis và vào vai của mình. Bằng một cái giọng lạnh lạnh, ông dùng tiếng Anh để biểu thị sự phản đối - ông, một du khách vô tội, vừa bị bọn cướp lột mất va li ngay trên phố phường ở Riga này, bọn chúng đã lấy hết tiền của ông, và không chỉ có vậy, chúng còn lấy mất cái quý giá nhất của ông, quyền sở hộ chiếu!

Cùng thời điểm ấy, ông hiểu ra sai lầm chết người của mình. Ông đã hoàn toàn quên mất việc hỏi Baiba xem Mikelis có biết nói tiếng Anh hay không. *Sẽ thế nào nếu như anh ta không hiểu được thứ ngôn ngữ nào khác ngoài tiếng Latvia? Thế thì anh ta sẽ bảo mình đến chỗ một người khác, và vậy là tiêu đời.*

Nhưng Mikelis nói được tiếng Anh. Thậm chí còn giỏi hơn cả thiếu tá. Một người đồng nghiệp tiến lại gần với ý định hỏi han người khách du lịch đen đui liền bị đuổi đi ngay. Mikelis dẫn Wallander vào một phòng làm việc. Các cảnh sát khác tỏ ra tò mò, nhưng không đến mức nghi ngờ để báo động. Căn phòng nơi họ vừa vào trống hoác và vô cùng lạnh lẽo. Mikelis ra hiệu bảo ông ngồi xuống và nghiêm trang nhìn thẳng vào mặt ông.

- Đội gác đêm sẽ đổi ca vào lúc hai mươi hai giờ, anh ta nói. Từ giờ đến lúc đó chúng ta sẽ vờ viết đơn khiếu nại. Tôi sẽ cử một đội tuần tra đi kiểm bọn kẻ cướp mà chúng ta vừa mới bịa ra. Chúng ta còn đúng một tiếng nữa.

Đúng như dự đoán, Mikelis nói với ông rằng kho lưu trữ rộng mênh mông. Không thể xem xét dù chỉ một phần trăm

các giá phủ kín căn phòng khoét dưới đất ngay bên dưới pháo đài. Nếu Baiba nhầm, nếu Karlis không giấu bản di chúc của mình bên cạnh hồ sơ mang tên cô, thì sẽ không thể làm được gì hết cả.

Mikelis vẽ cho ông một bản phác họa. Phải đi qua ba cánh cửa, chìa khóa thì anh ta đưa luôn cho ông. Một cảnh sát đứng gác trước cánh cửa cuối cùng. Đúng hai mươi hai giờ rưỡi, Mikelis sẽ điệu anh ta ra khỏi đó với cái có có điện thoại. Một giờ sau - đúng hai mươi ba giờ rưỡi - Mikelis sẽ xuống tầng hầm và điệu viên lính gác đi một lần nữa bằng một cái có khác. Wallander sẽ phải rời kho lưu trữ đúng thời điểm ấy. Sau đó ông sẽ phải tự xoay xở. Nếu gặp phải một sĩ quan trong các hành lang và nếu viên sĩ quan đó hỏi han, thì ông sẽ phải tự bịa ra chuyện gì đó.

Ông có thể đặt lòng tin vào Mikelis được hay không?

Câu hỏi thật phi lý. Không còn đường để trở lui nữa rồi. Ông biết những gì mình đã lệnh cho Baiba nhắc lại cho viên trung sĩ trẻ tuổi, trong khi họ thử giày trong một cửa hiệu vào cái buổi chiều đó. Nhưng ông không biết ngoài đó ra cô còn nói cho anh ta những gì để rớt cuộc Mikelis bị thuyết phục để giúp đỡ họ. Dù có đi đâu thì ông cũng chỉ là một tay nước ngoài giữa cái trò chơi đang diễn ra xung quanh ông.

Sau nửa giờ, Mikelis ra ngoài để cử một đội tuần tra đi tìm những kẻ đã tấn công du khách người Anh mang tên Steven. Chính Wallander đã đề nghị dùng cái tên đó mà cũng không biết rõ lắm là tại sao. Mikelis truyền đạt lại ba dấu hiệu nhận biết có thể áp dụng cho một phần lớn dân chúng Riga. Một

trong số các dấu hiệu đó thậm chí còn phù hợp với bản thân Mikelis. Cuộc tấn công đã xảy ra gần Esplanade, nhưng Mr. Steven vẫn còn đang ở trạng thái sốc nên không đủ sức đi cùng đội tuần tra để chỉ chỗ thật chính xác. Mikelis quay trở lại, và họ lại chụm đầu vào nghiên cứu bản vẽ. Wallander hiểu ra là mình sẽ phải sử dụng hành lang dẫn qua trước phòng hai viên trung tá, nơi ông đã từng có phòng làm việc riêng của mình. Một cơn rùng mình vô ý. Kẻ nào đã ra lệnh cho trung sĩ Zids giết chết Inese và những người khác? Putnis hay Murniers?

Đến giờ đổi gác, Wallander nhận ra là sự căng thẳng đang làm ruột ông đảo lộn tứ tung. Nhưng đây không phải là lúc hỏi chỗ đi vệ sinh. Mikelis mở hé cửa phòng và ra hiệu đã đến lúc đi rồi. Ông đã ghi nhớ trong óc bức vẽ. Ông biết mình không được quyền nhàm lẫn. Chỉ cần sai sót là khi đến được nơi tên lính gác đã lại đứng trước cánh cửa cuối cùng rồi.

Pháo đài vắng ngắt không một bóng người. Ông rào bước dọc theo các hành lang, lúc nào cũng chờ đợi một cánh cửa mở ra và nòng một khẩu súng chĩa thẳng vào mình. Ông đếm các bậc cầu thang, nghe những tiếng bước chân vắng lại từ xa và nghĩ mình đang ở giữa trung tâm một mê cung nơi biến mất là một việc vô cùng dễ dàng. Rồi ông đi xuống thêm nhiều bậc cầu thang nữa, vừa đi vừa tự hỏi không biết kho lưu trữ thật ra nằm sâu đến bao nhiêu mét. Ông đi qua hai cánh cửa đầu tiên và nhìn đồng hồ đeo tay. Điện thoại sẽ phải đổ chuông trong vòng vài phút nữa. Ông dỏng tai lên. Không nghe thấy gì hết. Liệu có phải là ông đã hoàn toàn thất bại rồi hay không?

Một hồi chuông rè rè xé tan bầu im lặng. Ông thở mạnh. Tiếng bước chân đi xa dần trong hành lang bên cạnh. Khi sự yên tĩnh đã quay trở lại, ông đi thật nhanh về phía trước và mở cánh cửa bằng hai cái chìa khóa cuối cùng trong những chìa khóa mà Mikelis đã đưa cho.

Ông biết các công tắc điện nằm ở đâu. Những ngón tay ông mò mẫm dọc theo bức tường và ánh sáng bùng lên. Mikelis đã nói rằng cánh cửa không để lọt ra ngoài chút ánh sáng nào ngô hầu báo động cho tên lính gác.

Ông có cảm giác vừa rơi vào một hãnga khổng lồ ngầm dưới đất. Chưa bao giờ ông tưởng tượng nổi kho lưu trữ lại có thể rộng đến thế. Trong thoáng chốc, cả người ông như thể bị tê liệt khi nhìn thấy hàng ha sa số giá chất đầy hồ sơ. *Căn phòng Ác*. Thiếu tá đã nghĩ gì khi vào đây để quả bom mà ông hy vọng sẽ phát nổ một ngày nào đó?

Ông nhìn đồng hồ đeo tay, tự trách mình đã để mất thời gian nghĩ ngợi vô ích. Điều nhất thiết cần làm bây giờ là đi vệ sinh.

Ông bắt đầu bước về phía mà Mikelis đã chỉ. Anh ta đã báo trước cho ông: không có gì dễ hơn việc lạc lối trong các lối đi giống hệt nhau ấy. Ông thầm nguyện rửa các cơ quan nội tạng của mình, chúng đang thu hút hết sự chú ý của ông dù ông không hề muốn vậy, ông đã bắt đầu e chuyện gì sẽ xảy ra nếu không nhanh chóng tìm được một phòng toa lét.

Ông đứng bất động nhìn ra xung quanh. Ông đã đi nhầm đường. Nhưng vấn đề nằm ở chỗ ông đã đi quá xa hay đã đổi hướng ở sai chỗ? Ông quay trở lại. Đột nhiên ông

không còn biết mình đang ở đâu nữa. Nỗi sợ hãi tràn ngập lòng ông. Còn bốn mươi hai phút nữa. Nhưng lẽ ra ông đã tìm thấy cái giá cần tìm rồi. Ông khe khẽ tự rửa mình. Mikelis có nhầm lẫn gì chăng? Đành phải quay lại từ điểm xuất phát. Ông chạy vội về phía cửa ra vào kho lưu trữ, vấp phải một cái thùng rác, nó nảy lên đập vào một cái tủ sắt và phát ra một tiếng kêu đùng đục. Tên lính gác! Ông đứng sững lại, mồ hôi toát đầm đìa, nhưng không hề có tiếng chìa khóa quay trong ổ. Cùng thời điểm đó, ông hiểu ra là mình sẽ không thể nhìn thêm được nữa. Ông tụt quần ngồi thụp xuống cái thùng rác. Với một sự điên giần trộn lẫn với tuyệt vọng, ông chộp lấy một tập hồ sơ, xé ra vài trang - liệu có phải là một biên bản hỏi cung không? - để chùi. Rồi ông đi tiếp, biết rằng lần này mình không được phép phạm sai lầm nữa. Trong bụng ông thầm khấn Rydberg hướng lối cho bước chân ông, ông vừa đi vừa đếm các khu và các giá. Lần này ông đi đúng hướng. Nhưng ông đã để mất nhiều phút quý giá. Ông chỉ còn lại nửa tiếng, ông không nghĩ mình có thể làm xong việc trong ngần ấy thời gian ít ỏi. Mikelis đã không thể giải thích cặn kẽ cho ông về cách sắp xếp của kho lưu trữ. Ông phải tự lần mò. Có các khu, các tiểu khu, có thể là các tiểu phân khu nhỏ hơn nữa, và không hề có thứ tự bằng chữ cái để lần theo. *Tất cả những kẻ phản bội đều được tập trung ở đây. Tất cả những người bị theo dõi, bị tố giác, bị khủng bố suốt trong bao nhiêu năm, tất cả các ứng cử viên cho vị trí kẻ thù tối cao của Nhà nước... Họ quá đông. Mình sẽ không bao giờ tìm ra nỗi hồ sơ của Baiba.*

Ông cố công tìm hiểu hệ thống tổ chức của kho lưu trữ,

tìm kiếm vị trí theo đúng logic bản di chúc phải được cất giấu, giống như một quân joker. Nhưng phút phút cứ trôi đi và ông vẫn không đạt được kết quả nào. Điên tiết, ông bắt đầu lại từ đầu, lôi ra các hồ sơ có màu sắc nổi bật hẳn so với các hồ sơ khác, không ngừng tự nhủ thậm là không được để mất bình tĩnh.

Chỉ còn mười phút. Ông vẫn chưa tìm thấy hồ sơ của Baiba. Ông không tìm được gì hết cả. Ông cảm thấy dâng lên trong lòng niềm tuyệt vọng vì đã đến được tận đây rồi cuối cùng phải từ bỏ mọi thứ trong khi đích đã cận kề. Ông không còn thời gian để tìm kiếm theo đúng phương pháp nữa. Ông chỉ còn có thể chạy dọc các giá một lần cuối, hy vọng trực giác sẽ hướng lối cho mình. Nhưng ông biết rất rõ là không một thư viện trên đời nào lại được sắp xếp theo một sơ đồ thuộc về trực giác. Ông đã thất bại. Thiếu tá là một con người khôn ngoan, quá khôn ngoan so với Kurt Wallander của thành phố Ystad nhỏ bé.

Nếu hình dung những cái giá này như một bộ bài... Quân bài khác biệt có thể nằm ở đâu? Ở trên? Ở dưới? Ở giữa? Ở đâu?

Ông chọn ở giữa, lấy bàn tay lướt qua một hàng tài liệu màu hạt dẻ. Đột nhiên ông nhìn thấy một tập có cái bìa màu xanh. Ông rút hai hồ sơ ở hai bên nó ra. Một mang tên Léonard Blooms, một mang tên Baiba Kalns. Trong thoáng chốc, mọi thứ đông cứng lại bên trong người ông. Rồi ông hiểu Kalns chắc là họ thời con gái của Baiba. Ông giật lấy tập tài liệu màu xanh, không ghi tên cũng không ghi mã số. Ông

không có thời gian để mở nó ra, giờ hẹn đã đến rồi. Ông chạy vội về phía cửa, tắt đèn và hé cửa. Không có ai. Theo kế hoạch của Mikelis, tên lính gác có thể quay trở lại bất cứ lúc nào. Wallander đi ra cầu thang. Đột nhiên ông nghe tiếng bước chân của tên lính gác. Lối đi đã bị chặn kín. Ông rẽ vội vào một cầu thang khác, vừa cố nín thở vừa căng chẳng chờ đợi. Tiếng bước chân xa dần. Không thể quay lại sau được nữa. Làm thế nào để rời khỏi tầng hầm đây? Ông bèn đi thẳng, cuối cùng tìm được một cầu thang và đếm đúng số bậc ông đã xuống một giờ trước. Lên được đến nơi mà ông nghĩ là tầng trệt, ông không nhận ra có chút gì quen thuộc cả. Ông chọn bừa lấy một hành lang.

Gã ông bắt gặp trên đường vừa hút xong một điếu thuốc lá. Hẳn là gã đã nghe thấy tiếng bước chân Wallander và đập vội mẩu thuốc xuống dưới gót giày, tự hỏi không biết có ai lại đi gác vào cái giờ khuya khoắt này. Khi Wallander xuất hiện ở đầu hành lang, gã đàn ông chỉ còn cách có vài mét. Cao to, trạc tứ tuần, áo vest đồng phục mở khuy - chỉ cần chưa đầy một giây là đủ để gã hiểu một tay dân sự cầm một tập hồ sơ màu xanh trên tay không có phận sự gì ở đây hết. Gã rút ngay khẩu súng ra và hét lên điều gì đó bằng tiếng Latvia. Wallander giơ ngay hai tay lên. Gã đàn ông vẫn tiếp tục hét và áp sát ông, khẩu súng chĩa thẳng vào ngực Wallander. Ông nghĩ mình hiểu tên sĩ quan đang yêu cầu ông quỳ gối xuống. Ông nghe lời, hai tay vẫn giơ lên trong một điệu bộ hết sức thâm thương. Ông không thể nghĩ ra cách nào thoát thân.

Gã đàn ông vẫn không thôi hò hét, khẩu súng chĩa thẳng

vào ông. Wallander cảm thấy nổi hải hùng với ý nghĩ sẽ bị bắn gục ở đây, trong hành lang này, và không tìm được gì tốt hơn ngoài cách đáp lời bằng tiếng Anh.

- *It's a mistake!* ông nhắc đi nhắc lại bằng một cái giọng the thé. *It's a mistake, I am a policeman too!*⁽¹⁾

Nhưng với gã kia, rõ ràng là không thể có chuyện hiểu nhầm nào hết cả. Bằng một cử chỉ rất dứt khoát, gã ra lệnh cho ông đứng dậy, hai tay vẫn phải giơ cao hơn đầu. Rồi gã thúc nòng súng vào giữa hai bả vai ông, bắt ông bước đi.

Cơ hội vụt đến trước một cái thang máy. Vào thời điểm ấy, Wallander đã mất toàn bộ hy vọng. Ông đã bị bắt, không thể có cách nào để kháng cự, gã kia sẽ bắn ông mà không ngần ngại lấy một giây. Nhưng trong khi chờ thang máy, viên sĩ quan lại quay đầu sang bên để châm một điếu thuốc. Trong một lóe chớp Wallander quyết định chơi một canh bạc tất tay. Ông thả tập hồ sơ rơi xuống giữa hai bàn chân viên sĩ quan, lao vào gã và táng bằng toàn bộ sức lực, nhằm thẳng vào gáy đối phương. Ông nghe thấy tiếng các đốt ngón tay của mình gãy gập. Con đau xé người. Nhưng viên sĩ quan đã ngã lảo ra. Khẩu súng của gã nảy bật lên trên nền đá. Wallander không biết liệu gã đàn ông đã chết hay mới chỉ bất tỉnh. Tay ông bỏng rát. Ông nhặt lấy tập hồ sơ, bỏ khẩu súng vào túi áo. Còn bây giờ? Thang máy ư? Nhất định là không rồi! Ông liếc nhìn qua một cửa sổ, nhận ra cái sân của pháo đài và tìm cách định hướng. Sau một lúc, ông hiểu ra là mình đang ở phía đối

1. Tiếng Anh, nghĩa là: Chỉ là nhầm thôi, tôi cũng là cảnh sát đây!

diện với phía phòng làm việc của hai viên trung tá. Gã đàn ông bắt đầu rên rỉ. Wallander biết là mình không có đủ sức để đánh thêm một cú nữa. Ông lao vào một hành lang bên tay trái.

Ông lại gặp may thêm một lần nữa. Ông đi vào đúng một phòng ăn tập thể, đi vào trong khu bếp và tìm được một cánh cửa phụ khóa không kỹ. Ông đã ở bên ngoài phố. Bàn tay ông bắt đầu sưng phồng. Con đau thật ghê gớm.

Baiba và ông đã thống nhất về một cuộc gặp đầu tiên vào lúc quá nửa đêm ba mươi phút. Wallander đứng trong bóng tối của tòa nhà - một nhà thờ cổ khu Esplanade được chuyển hóa thành mô hình vũ trụ. Ông chờ đợi. Những cây đoạn khổng lồ, bất động và lạnh lẽo bao quanh ông. Nhưng không có Baiba. Con đau lồng lộn không thể chịu đựng nổi. Vào lúc một giờ mười lăm phút, ông hiểu là đã xảy ra chuyện gì đó. Cô sẽ không tới. Ngay lập tức khuôn mặt rách nát của Inese quay trở lại trong ký ức ông. Những con chó và chủ của chúng có thể rút cuộc cũng đã phát hiện ra là ông trốn khỏi trường đại học. Trong trường hợp ấy, chúng đã làm gì Baiba? Thậm chí ông còn không dám tưởng tượng chuyện ấy. Ông rời khỏi công viên mà không biết sẽ phải đi đâu. Ông đi dọc theo các phố vắng người, sự đau đớn nhói lên dữ dội. Một chiếc xe jeep quân đội hiện ra, ông kịp trốn vào dưới một cái cổng đứng vào giây cuối cùng. Không lâu sau đó, một chiếc ô tô cảnh sát âm thầm rẽ vào góc phố nơi ông đang đứng, rà rà trước các tòa nhà. Lại thêm một lần nữa ông phải trốn vào bóng tối. Ông đã luồn tập tài liệu màu xanh xuống dưới áo sơ

mi, các cạnh của nó đang cọ vào hai bên sườn ông. Ông sẽ qua đêm ở đâu đây? Nhiệt độ đã hạ mạnh và ông run lên vì lạnh. Mãi đến mười giờ sáng mai mới tới cuộc hẹn thứ hai với Baiba. Còn phải đợi thêm bảy tiếng nữa. Ông không thể ở lại ngoài phố. Ông những muốn đến bệnh viện, ông chắc chắn là nhiều đốt ngón tay đã bị gãy, nhưng ông không dám làm việc này. Không phải là bây giờ, khi ông đang mang trên người bản di chúc của thiếu tá. Trong thoáng chốc, ông nghĩ đến việc chạy tới lãnh sự quán Thụy Điển, nếu nó có tồn tại. Nhưng không thể được. Một công chức ngành cảnh sát Thụy Điển đang cư ngụ bất hợp pháp tại một đất nước xa lạ có lẽ sẽ bị đưa ngay về Thụy Điển, thậm chí còn bị áp giải... Ông không dám đánh liều như vậy.

Trong cơn hoang mang tột độ, ông quyết định đi tìm lại chiếc Lada đã từng trợ giúp ông rất nhiều trong bốn mươi tám giờ qua. Ông quay lại nơi đã đỗ nó. Chiếc xe đã biến mất. Có thể nào sự đau đớn làm ông đánh mất trí nhớ hay không? Không, nó từng ở đó. Nhưng chiếc xe hẳn là đã nằm trong một gara của cảnh sát, bị tháo tanh bành như một con vật ở lò mổ. Tên trung tá bám theo ông hẳn đã biết bản di chúc của thiếu tá không nằm trong đó.

Ông sẽ qua đêm ở đâu đây? Sự bất lực trùm lấy ông. Ông đang ở trung tâm một lãnh thổ thù địch, bị truy đuổi bởi một nhóm người dưới quyền chỉ huy của một kẻ không ngăn ngại lấy một giây trong việc giết ông và ném xác ông xuống một bờ ke đóng băng hoặc chôn ông trong một góc rừng. Nỗi nhớ Thụy Điển của ông thật nguyên sơ, thật rõ rệt. Nguồn gốc

cuộc lang thang của ông trong cái đêm Latvia này - cái xuồng với hai gã đàn ông chết - với ông mỗi lúc một thêm mù mờ, giống như một thời kỳ xa xăm không chứa đựng một chút thực tế nào.

Ông quay trở lại về đến khách sạn nơi ông đã từng ngủ qua đêm. Nhưng cửa đã khóa và không có bóng đèn nào bật lên trên tầng khi ông nhấn chuông. Sự đau đớn làm ông tê dại. Bằng mọi giá ông phải tìm được một nơi để làm ấm người, nếu không năng lực phán đoán sẽ hoàn toàn rời bỏ ông. Ông thử một khách sạn khác, rồi khách sạn thứ ba, mỗi lúc một xập xệ và xa xôi hơn. Lần này, cửa không khóa. Ông bước vào. Một người đàn ông ngủ trong khoang tiếp tân, đầu ngật xuống bàn. Một cái chai cạn hết một nửa nằm lăn lóc dưới chân ông ta. Wallander đi vòng qua quầy, lay người đàn ông dậy và vẩy vẩy quyển hộ chiếu mà Preuss đã đưa cho ông. Thật không ngờ, ông ta lại chìa ra một cái chìa khóa. Thế là ông chỉ cái chai, đặt lên mặt quầy từ một trăm curon và mang nó đi theo mình.

Căn phòng nhỏ xíu; nó bốc mùi mốc và mùi thuốc lá lạnh ngắt. Ông thả phịch người xuống giường, uống ừng ực vài ngụm rượu và cảm thấy sức nóng dần trở lại. Cởi áo vest ra, ông đổ đầy nước lạnh vào lavabo và nhúng tay xuống. Con đau giảm một chút. Ông hiểu là cả đêm nay mình sẽ phải ở gần lavabo. Thỉnh thoảng ông uống thêm một ngụm rượu, lòng đầy hoang mang không biết chuyện gì đã xảy đến với Baiba.

Bằng bàn tay vẫn còn lạnh lặn, ông kéo tập hồ sơ màu

xanh ra khỏi áo sơ mi và mở nó. Nó chứa khoảng năm mươi trang giấy đen kín gõ máy chữ, cùng vài bản photocopy chất lượng tồi. Không có bức ảnh nào, trái ngược lại với những gì ông hy vọng. Bản di chúc của thiếu tá được viết bằng tiếng Latvia. Từ trang thứ chín, ông đã nhìn thấy tên của Murniers và Putnis liên tục quay trở lại, khi thì trong cùng một câu, lúc tách biệt với nhau. Không thể rút được từ đây bất kỳ một kết luận nào - chẳng hạn như biết được liệu có phải cả hai viên trung tá đều bị nhắm tới hay ngón tay buộc tội của thiếu tá chỉ trở vào một trong hai người. Không sao giải mã được văn bản bí mật, ông đặt tập tài liệu xuống đất, mở lại vòi nước và tựa đầu lên thành lavabo. Lúc đó là bốn giờ sáng. Ông cảm thấy người mình nặng trĩu. Đột nhiên ông nhảy dựng lên; ông vừa chớp mắt mười phút. Các đốt ngón tay lại đau, nước không còn giúp ích gì được nữa. Ông uống sạch chai rượu, bọc bàn tay vào trong một cái khăn mặt ướt và nằm lên giường.

Ông không hề biết mình sẽ làm gì nếu Baiba không đến chỗ hẹn vào sáng mai.

Một ý nghĩ bắt đầu che khuất tất cả các ý nghĩ khác.

Ông đã thua cuộc.

Ông nằm như vậy cho đến sáng, không sao ngủ nổi.

Bằng trực giác, khi tỉnh dậy, ông đánh hơi thấy nguy hiểm. Bảy giờ sáng. Nhưng mối đe dọa không ở trong phòng. Nó ở trong chính ông, giống như một lời nhắc nhở: ông đã không lật tất cả các viên đá lên.

Cơn đau đã giảm một chút. Ông không có đủ can đảm để nhìn xuống tay mình. Khi thử cử động các ngón tay, sự đau đớn liền tức thì quay trở lại, giống hệt như lúc trước. Ông cảm thấy mình sẽ không thể chịu đựng được thêm vài giờ nữa nếu không đến chỗ bác sĩ.

Wallander đã kiệt sức. Khi chìm vào giấc ngủ một giờ trước, ông tin chắc mình đã thua cuộc. Quyền lực của các trung tá không có giới hạn, trong khi những gì ông có thể làm thì nhỏ nhoi đến thảm hại. Nhưng giờ đây, khi thức dậy, ông cảm thấy đặc biệt là mình thua cuộc trước sự mệt mỏi. Ông không còn tin vào khả năng đoán định của chính mình, và cái đó, ông biết, bắt nguồn từ tình trạng mất ngủ kéo dài.

Ông cố diễn giải cảm giác về mối đe dọa mơ hồ ấy. Ông đã bỏ qua điều gì? Sai lầm của lập luận nằm ở đâu - hay là suy

nghĩ của ông đã không chịu đi cho đến tận cùng? Ông vẫn còn chưa nhìn thấy điều gì? Ông không còn có thể chối bỏ trực giác của mình nữa. Trong trạng thái gần như hôn mê mà ông đang rơi vào, đó là điểm mốc duy nhất mà ông có được.

Ông thận trọng nhòe dậy. Lần đầu tiên kể từ khi thức giấc ông nhìn xuống tay mình. Ông kinh hãi rời mắt khỏi nó, mở đầy nước lạnh vào lavabo, trước tiên nhúng mặt vào, rồi đến bàn tay bị thương. Sau vài phút, ông đứng dậy đi ra mở cửa sổ. Một mùi rau cải rất nặng ủa đến; một ngày ẩm ướt đang sáng dần phía trên các gác chuông của Riga. Ông đứng sững đó quan sát những người đang rảo bước trên các vỉa hè, không sao trả lời được câu hỏi của chính mình: *Rốt cuộc thì ông đã không nhìn thấy điều gì?*

Rồi ông rời khỏi phòng, thanh toán tiền, và để cho thành phố nuốt chửng lấy mình.

Trong khi đi ngang qua một công viên mà ông không còn nhớ tên, đột nhiên ông nhận ra Riga là một thành phố có rất nhiều chó. Không chỉ là đám người săn đuổi vô hình, không phải vậy. Những con chó có thực và rất đổi bình thường, mà người ta dắt đi dạo, mà người ta chơi đùa cùng. Ông dừng lại để ngắm nhìn hai con trong số đó, một con berger Đức và một con không rõ thuộc giống nào, lúc này đang lao vào nhau. Chủ chúng cố sức la hét tách chúng ra; đột nhiên, họ bắt đầu chửi rửa nhau. Con berger Đức thuộc về một người đàn ông nhiều tuổi, con kia là của một người phụ nữ trẻ ba mươi. Wallander có cảm giác mình đang tham dự một cuộc thanh toán thông qua đại diện. Tại đất nước này những sự đối

ngịch va đập vào nhau như trong một cuộc chơi chó. Và kết quả thì không bao giờ có thể biết trước được.

Ông đến cửa hàng lớn đúng vào lúc mở cửa, chín giờ rưỡi. Tập hồ sơ đang nóng bỏng dưới áo sơ mi của ông. Trục giác mách bảo ông rằng cần phải thoát khỏi nó. Cần phải tìm ra một chỗ giấu tạm thời.

Trong cuộc lang thang buổi sáng ở thành phố, ông đã cẩn thận ghi nhận mọi di chuyển, phía trước và phía sau ông, với sự chắc chắn ngày càng tăng rằng những cái bóng lại một lần nữa bao vây được ông. Thậm chí có vẻ như chúng còn đông đảo hơn cả lúc trước. Giông tố sẽ nhanh chóng nổ ra... Ông cố đẩy cái ý nghĩ đen tối ấy ra khỏi đầu. Ở lối vào của cửa hàng, ông bước bình dừng lại để đọc một pa nô thông tin, mắt vẫn không ngừng liếc nhìn một cái tủ đựng đồ nơi khách hàng đã bắt đầu nhét túi xách của họ vào. Quầy thanh toán tạo thành một góc vuông. Ông tiến về phía quầy đổi tiền, chìa cho người nhân viên một tờ một trăm curon và nhận về một xấp tiền Latvia. Rồi ông đi lên tầng hai, đến khu bán đĩa. Ông chọn hai cái đĩa nhạc Verdi 33 vòng; vỏ đĩa có kích thước gần như tương đương với tập tài liệu. Trong khi người thu ngân nhét mấy cái đĩa vào túi, ông nhìn thấy bóng người đứng gần nhất, đang làm ra vẻ quan tâm đến nhạc jazz. Ông đi xuống, tiến lại chỗ tủ đựng đồ. Trước quầy đang có rất đông người. Ông đi lẫn vào với các khách hàng khác. Rồi ông rút từ dưới áo sơ mi ra tập tài liệu, nhét nó vào giữa hai cái đĩa. Việc này ông làm rất nhanh, mặc cho một bên tay đang bị thương. Người ta chìa cho ông một cái thẻ, và ông rời khỏi

quầy. Những con chó đang ở vị trí của chúng, nhưng ông có cảm giác chúng không nhìn thấy hành động của ông. Dĩ nhiên là có nguy cơ chúng lục soát cái túi; ở một khía cạnh khác, chúng đã tận mắt nhìn thấy ông mua hai cái đĩa ở trên tầng.

Ông nhìn đồng hồ đeo tay. Còn hơn mười phút nữa mới đến giờ hẹn. Sự lo lắng vẫn còn nguyên ở đó, nhưng giờ đây ông đã cảm thấy yên lòng hơn một chút khi thoát được khỏi tập tài liệu màu xanh. Ông đi lên tầng năm, khu bán đồ gỗ. Cửa hàng vừa mở cửa, nhưng người ta đã đi lại đông đảo giữa những cái sofa và giường, vẽ mơ mộng hoặc nhẩn nhục. Wallander chậm rãi đi sang khu đồ điện dân dụng. Ông không muốn đến sớm trước giờ. Ông đợi vài phút giữa những cái đèn. Baiba và ông sẽ phải đứng gần đám tủ lạnh - tất cả đều có mác Liên Xô.

Đột nhiên, ông nhìn thấy cô. Cô đang xem một cái bếp, và tuy không hề cố ý nhưng ông vẫn nhận ra nó chỉ có ba ô. Ngay lập tức ông hiểu ra là đã có chuyện gì đó xảy ra. Sự lo lắng tăng thêm một nấc, làm mọi giác quan của ông trở nên cảnh giác cao độ.

Cũng đúng lúc ấy Baiba nhìn thấy ông. Cô mỉm cười với ông, nhưng mắt cô để lộ một nỗi sợ hãi vô bờ. Wallander tiến về phía cô, không buồn ngoảnh xem những cái bóng đang đứng ở đâu. Ngay lúc này, sự chú ý của ông chỉ tập trung vào một điểm duy nhất: tìm hiểu đã có chuyện gì xảy ra. Ông đứng bên cạnh cô. Cùng nhau, họ ngẩng nhìn một cái tủ lạnh mới kính coong.

- Đã có chuyện gì vậy? Chỉ cần nói với tôi điều cốt yếu nhất thôi.

- Không có gì, Baiba đáp. Lúc trước tôi đã không thể rời khỏi trường đại học, vì chúng theo dõi dữ quá.

Tại sao cô ấy lại nói dối mình? Và tại sao lại là câu nói dối rất nuột ấy, như thể cô ấy muốn mình tin vào nó?

- Anh có tìm được tập hồ sơ không? cô tiếp lời luôn.

Ông do dự. Liệu ông có nên nói sự thật không? Đột nhiên, ông thấy chán ngán tất cả những lời nói dối đang bủa vây họ.

- Có, ông nói. Mikelis là người đáng tin.

- Đưa nó cho tôi đi. Tôi biết chúng ta có thể giấu nó ở đâu rồi.

Khi ấy thì Wallander đã hiểu đây không phải là Baiba đang nói nữa. Mà là nỗi sợ hãi của cô, mối đe dọa mà cô đang phải đối mặt. Ông nhắc lại câu hỏi của mình, giọng gần lại, gần như là giận dữ.

- Chuyện gì đã xảy ra?

- Không có gì.

- Thôi đừng nói dối nữa đi.

Ông đã lên giọng mặc dù không định làm vậy.

- Được rồi, ông nói, tôi sẽ đưa cho cô tập hồ sơ. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi không đưa nó cho cô?

Ông thấy là cô đang sắp sửa suy sụp. *Lúc này nhất thiết không được ngừng ra, ông tuyệt vọng nghĩ. Khi chúng còn chưa chắc chắn là mình đã tìm được bản di chúc của thiếu tá, thì vẫn còn có chút ít lợi thế.*

- Upitis sẽ chết, cô thì thăm.

- Kẻ nào đe dọa cô?

Im lặng.

- Phải nói cho tôi điều đó. Dù thế nào thì cũng không thể thay đổi được chuyện xảy tới với Upitis nữa rồi. Thế nên nói cho tôi biết đi.

Cô kinh hãi nhìn ông. Ông nắm chặt lấy cánh tay cô lay thật mạnh.

- Kê nào? Kê nào?

- Trung sĩ Zids.

Ông thả cô ra. Câu trả lời này làm ông điên ruột. Sẽ không bao giờ ông biết được viên trung tá nào đã xuống các mệnh lệnh đó ư?

Đột nhiên ông nhận ra những cái bóng đang tiến lại gần. Có vẻ như chúng đã nghiêng về lời khẳng định là ông đang cầm tập tài liệu. Không suy nghĩ gì nữa, ông nắm lấy tay Baiba và bắt đầu chạy về phía cầu thang. *Upitis sẽ không phải là người đầu tiên phải chết. Mà là chúng ta, trừ khi có một điều kỳ diệu xảy ra.*

Cuộc chạy trốn của họ gây ra náo loạn trong đám đông. Cơ may thoát được khỏi tay lũ chó của họ là vô cùng nhỏ nhoi, nhưng họ không có lựa chọn nào hết. Ông đẩy Baiba vào cầu thang, đẩy bắn một người đàn ông không kịp né ra tránh đường, lao vào một khu bán quần áo may sẵn nơi những người bán hàng và khách đứng bất động kinh hoàng. Rồi ông vấp ngã chúi đầu vào một giá treo toàn com lê. Khi cố thoát ra khỏi đống bùng nhùng, ông làm đổ cả giá. Ông chìa bàn tay bị thương ra đỡ lấy nó; sự đau đớn xé toạc cả cánh tay ông. Một nhân viên an ninh hiện ra, định tóm lấy tay ông, nhưng

Wallander không còn e dè gì nữa. Bàn tay còn lành lặn của ông đập thẳng vào mặt anh ta. Rồi ông kéo Baiba về phía cuối cửa hàng, nơi ông hy vọng tìm thấy một cầu thang của nhân viên. Những cái bóng đã thu ngắn được khoảng cách và tỏ rõ là đuổi theo họ không chút giấu giếm. Wallander lay mạnh một nắm đầm cửa không chịu mở ra. Cuối cùng nó cũng mở. Họ đang ở một cầu thang, nhưng đã quá muộn. Có tiếng giày chạy rầm rập ở phía dưới. Wallander quay phắt lại và lao lên phía trên, tay vẫn dắt theo Baiba ở sau lưng. Cầu thang dẫn đến một cánh cửa phòng cháy. Họ đã ở trên mái nhà.

Không còn lối thoát nào khác. Từ cái khoảnh sân vuông màu ghi này chỉ còn một giải pháp là nhảy xuống với sự vĩnh hằng. Ông nhận ra là mình vẫn nắm chặt tay Baiba. Họ chỉ còn phải làm một việc là chờ đợi. Viên trung tá sắp hiện ra một giây phút nữa trên mái nhà này chính là kẻ đã sát hại thiếu tá. Cánh cửa màu ghi rốt cuộc sẽ mang lại cho họ câu trả lời. Lập luận của ông có đúng không? Kể từ bây giờ điều ấy cũng không còn quan trọng gì nữa.

Nhưng khi cánh cửa mở ra, ông vẫn kinh ngạc khi nhận ra là mình đã nhầm. Với ông, cho đến giờ phút này, con quái vật lẩn quất trong bóng tối phải là Murniers.

Những người mang súng quây lấy mái nhà. Putnis chậm rãi tiến về phía họ. Khuôn mặt ông ta đầy vẻ nghiêm trang. Wallander cảm thấy các móng tay của Baiba bám thẳng vào mu bàn tay ông. Dù gì ông ta cũng không thể hạ lệnh cho người của mình bắn chết chúng ta ở đây, ông tuyệt vọng nghĩ. Hay là có? Ông nhớ đến Inese. Nỗi kinh hoàng tràn ngập con

người ông. Ông nhận ra là cả người mình đang run lên.

Rồi một nụ cười tỏa rạng trên gương mặt Putnis. Trong một trạng thái rối loạn đầu óc cực điểm, Wallander thấy đó không phải nụ cười của một con thú dữ, mà là của một con người tốt bụng.

- Đừng sợ hãi thế chứ, thưa ngài Wallander. Có vẻ như anh tưởng tôi là nguồn gốc của tất cả những chuyện này. Nhưng tôi phải công nhận anh không phải là một người dễ bảo vệ cho lắm...

Bộ óc của Wallander ngừng hoạt động hẳn. Chỉ còn là một sự trống rỗng lớn lao. Rồi ông nghĩ dù thế nào đi nữa thì mình cũng đã có lý. Đó không phải là Putnis. Và giả thuyết thứ ba đã đúng. *Kẻ thù của kẻ thù* đã chăm lo cho họ. Đột nhiên mọi thứ với ông đều sáng tỏ. Khả năng phán đoán của ông đã không phản bội lại ông. Ông chìa bàn tay trái ra để bắt tay Putnis, trong khi ông ta vẫn mỉm cười.

- Đây quả là một nơi kỳ cục cho sự hội ngộ đấy. Nhưng anh là một người lúc nào cũng gây bất ngờ. Tôi vẫn chưa hiểu làm thế nào anh có thể quay lại Latvia mà không ai biết cả.

- Cả tôi cũng không biết luôn. Đó là cả một câu chuyện rất dài và rối beng.

Putnis nhìn bàn tay ông vẻ lo lắng.

- Anh cần có một bác sĩ.

Wallander gật đầu và mỉm cười với Baiba. Cô vẫn còn căng thẳng và có vẻ vẫn chưa hiểu gì về những chuyện đang xảy ra quanh mình.

- Murniers, Wallander nói. Chính là ông ta phải không?

- Thiếu tá Liepa đã nhìn đúng.

- Nhưng vẫn còn rất nhiều điểm mù mờ.

- Trung tá Murniers là một người rất thông minh. Các bộ óc xuất sắc lại có một khuynh hướng kỳ lạ là thường rơi vào những kẻ tàn bạo không có chút giới hạn nào.

- Có chắc vậy không? đột nhiên Baiba nói xen vào. Chính hắn đã giết chồng tôi à?

- Trung tá không phải là kẻ đã đập vào đầu anh ấy. Tôi nghĩ đúng hơn là viên trung sĩ trung thành của ông ta.

- Zids, Wallander nói, hắn cũng đã giết Inese trong nhà kho.

Putnis gật đầu.

- Trung tá Murniers chưa bao giờ yêu quý đất nước Latvia cả. Ngay cả khi ông ta đóng vai một cảnh sát luôn giữ một khoảng cách vừa đủ với giới chính trị, thì trong thâm tâm ông ta vẫn là một kẻ cuồng tín ủng hộ trật tự cũ. Với ông ta, Chúa luôn ngồi trên ngai của mình ở Kremlin. Chính điều ấy đã cho phép ông ta lập được các liên minh đáng ngờ với nhiều mạng lưới tội phạm mà không bị làm phiền. Khi thiếu tá Liepa bắt đầu quan tâm đến ông ta, Murniers chủ ý tạo ra các hướng đi giả nhằm biến tôi trở thành nghi can phạm tội. Tôi phải nói rằng phải mất một thời gian dài tôi mới đoán ra được chuyện gì đang xảy ra. Sau đó tôi cho rằng tốt hơn hết là vờ như không biết gì.

- Tôi vẫn không hiểu nổi, Wallander nói. Thiếu tá Liepa đã nói đến một âm mưu sẽ buộc cả châu Âu phải mở mắt nhìn những gì xảy ra tại đất nước này. Thế nhưng chắc hắn là phải

còn điều gì đó khác nữa chứ...

Putnis tư lự gật đầu.

- Dĩ nhiên là còn có chuyện khác nữa. Nó vượt rất xa những trò xấu xa đơn giản của một sĩ quan tham nhũng sẵn sàng bảo vệ các quyền lợi của mình bằng toàn bộ sự tàn bạo sẵn có trong người. Thiếu tá Liepa đã hiểu được điều này. Đó là một âm mưu quỷ quyệt.

Wallander vẫn nắm chặt tay Baiba. Ông cảm thấy lạnh. Người của Putnis đã rút lui ra đứng chờ ở gần cánh cửa phòng cháy.

- Tất cả đều đã được tính toán một cách tuyệt diệu, Putnis nói tiếp. Murniers có một kế hoạch và ông ta không gặp khó khăn gì trong việc thuyết phục cả Kremlin và các nhóm giữ chức vụ cao ở Latvia. Ông ta đã nhìn ra khả năng dùng một mũi tên giết chết hai con chim.

- Sử dụng châu Âu mới không còn các bức tường ngăn cách để xây dựng một hệ thống buôn bán ma túy mang lại lợi nhuận kék sù. Và sử dụng hệ thống đó để làm giảm giá trị phong trào dân tộc của Latvia. Có phải là như vậy không?

Putnis gật đầu.

- Tôi đã ngay lập tức hiểu anh là một cảnh sát khéo léo, thanh tra Wallander ạ. Rất có óc phân tích, rất kiên nhẫn. Đó chính xác là tính toán của Murniers. Mạng lưới buôn bán sẽ bị đổ vấy sang cho những người ly khai. Trước tiên là ở Thụy Điển. Dư luận về họ sẽ thay đổi rất nhiều. Ai còn muốn ủng hộ một phong trào chuyên cảm ơn những người làm phúc cho mình bằng cách đổ những thứ bẩn thỉu ngáp nhà họ đây?

Điều ít ỏi nhất mà chúng ta có thể nói, đó là Murniers đã hình dung ra được một thứ vũ khí vừa nguy hiểm vừa hữu hiệu, có khả năng chỉ cần một lần là quét sạch toàn bộ sự kháng cự tại đất nước này.

Wallander nhìn Baiba.

- Cô có hiểu không?

Cô chậm rãi gật đầu. Rồi cô quay sang Putnis.

- Trung sĩ Zids đâu rồi?

- Ngay khi tôi tập hợp được các bằng chứng cần thiết, Murniers sẽ bị bắt, cũng như tay trung sĩ. Chắc chắn là Murniers hiện đang rất lo lắng. Hẳn ông ta không biết được là chúng tôi không ngừng quan sát những kẻ chân tay của ông ta được giao nhiệm vụ theo dõi hai người. Dĩ nhiên có thể trách tôi vì đã để hai người phải gánh chịu những nguy hiểm quá mức. Nhưng theo tôi, đó là cách duy nhất cho phép hai người tìm lại được giấy tờ của thiếu tá.

- Hôm qua khi tôi rời khỏi trường, Baiba nói, Zids đã đợi sẵn tôi rồi. Hẳn nói là nếu tôi không giao lại giấy tờ, Upitis sẽ chết.

- Upitis vô tội, tất nhiên rồi. Murniers đã bắt mấy đứa con của chị gái ông ấy làm con tin và dọa giết chúng nếu Upitis không nhận tội giết thiếu tá. Không có giới hạn nào đối với những gì Murniers có thể làm. Bất ông ta cũng đồng nghĩa mang lại sự giải phóng cho cả đất nước. Chắc chắn ông ta sẽ bị xử tử. Trung sĩ Zids cũng vậy. Cuộc điều tra của thiếu tá sẽ được công bố rộng rãi. Cần phải đưa ra ánh sáng sự tồn tại của âm mưu, không chỉ là trong một phiên tòa. Cả dân tộc cần

phải được biết về chuyện đó. Tôi nghĩ là nó sẽ gây chú ý rất lớn, ngay cả ở bên ngoài đất nước.

Wallander cảm thấy sự nhẹ nhõm đang lan tỏa khắp cơ thể mình. Mọi chuyện đã kết thúc rồi.

- Điều duy nhất phải làm lúc này, Putnis mỉm cười nói, là tìm hiểu xem chỗ giấy tờ của thiếu tá nói gì. Cuối cùng thì anh cũng sẽ được về nhà, thanh tra Wallander ạ. Chúng tôi vô cùng biết ơn sự giúp đỡ của anh.

Wallander rút từ trong túi ra tấm thẻ bằng nhựa.

- Đó là một tập hồ sơ màu xanh. Nó nằm trong một cái túi ở chỗ để đồ của cửa hàng, giữa hai cái đĩa Verdi. Tôi rất muốn lấy lại mấy cái đĩa.

Putnis phá lên cười.

- Anh thật là khôn khéo, thưa ngài Wallander. Rõ ràng là anh không hề phạm phải một sai lầm nào hết.

Liệu đó có phải là do ngữ điệu của Putnis không? Sẽ không bao giờ Wallander hiểu được từ đâu đột nhiên ông có sự nghi ngờ tàn khốc ấy. Nhưng đúng vào lúc cái thẻ biến mất vào trong túi áo của bộ đồng phục màu ghi, ông cảm thấy thật mạnh mẽ rằng mình vừa phạm phải sai lầm tệ hại nhất. Ông biết mà không biết, trực giác ông vận hành như một cái cầu chì. Đột nhiên, miệng ông trở nên khô khốc.

Putnis tiếp tục cười, vừa cười vừa rút khẩu súng ra khỏi bao. Người của hắn đứng dàn hàng trên mái nhà, những khẩu súng máy chia về phía Wallander và Baiba. Cô có vẻ không hiểu gì. Cổ họng Wallander thắt lại vì nhục nhã và hoảng sợ. Cánh cửa phòng cháy bật mở; trung sĩ Zids hiện ra trên mái

nhà. Trong cơn bối rối, Wallander nghĩ rằng Zids đã đứng sau cánh gà đợi đến thời điểm xuất hiện trên sân khấu. Vở kịch đã kết thúc. Không còn cần phải trốn tránh nữa. Đó là ý nghĩa của việc viên trung sĩ đi ra.

- Một sai lầm duy nhất, Putnis tiếp tục bằng giọng trung tính. Tất cả những gì tôi vừa nói với anh đều hoàn toàn đúng. Chủ trì việc phải thay tên Murniers bằng tên tôi. Như vậy là anh vừa đúng lại vừa sai đấy, thanh tra Wallander ạ. Nếu anh là một người mác xít như tôi, hẳn anh sẽ biết là thỉnh thoảng người ta cũng phải đảo ngược thế giới để trả cho nó về lại đúng chỗ.

Hắn lùi lại một bước.

- Anh cũng hiểu đấy, tôi hy vọng như vậy, là tôi không thể để cho anh quay về Thụy Điển được. Ít nhất thì anh cũng sẽ gần thiên đường hơn khi ra đi.

- Đừng giết Baiba, ông cầu xin. Đừng giết Baiba!

- Than ôi, Putnis nói.

Hắn giơ khẩu súng lên. Wallander hiểu rằng hắn định bắn cô trước. Ông không thể làm gì cả.

Đột nhiên Putnis quay ngoắt đầu lại. Cánh cửa vừa mở ra. Các cảnh sát mang súng chạy ra mái nhà. Wallander nhận ra trung tá Murniers. Putnis chìa súng về phía ông. Murniers không do dự lấy một giây. Ông bắn ba phát liên. Putnis đổ sập xuống. Wallander lao vào Baiba để bảo vệ cô. Người của Murniers và người của Putnis chiếm các vị trí sau mấy ống khói và cửa thông khí thành ra họ đang ở chính giữa hai làn đạn. Ông định kéo Baiba cúi sát người chạy ra sau cái xác của

Putnis. Đột nhiên ông nhìn thấy trung sĩ Zids đang ngồi núp sau một ống khói. Ông dõi theo cái nhìn của hắn. Zids nhìn Baiba. Trong khoảnh khắc Wallander hiểu là hắn định bắt cô làm con tin - hoặc là bắt cả hai người - để bảo vệ tính mạng của mình. Người của Murniers đông hơn hắn; nhiều lính của Putnis đã bị bắn hạ. Wallander nhìn thấy khẩu súng của Putnis, nhưng trung sĩ Zids đã lao vào ông trước khi ông kịp nhặt nó lên. Wallander tổng nắm đấm vào mặt hắn, quên mất rằng bàn tay phải đang vô dụng. Ông hú lên vì đau. Zids bị mất đà, nhưng đứng vững lại rất nhanh, và với một biểu hiện đầy căm thù hắn giơ khẩu súng lên để bắn chết viên cảnh sát Thụy Điển đã từng gây cho bọn chúng ngàn ấy lo lắng, cho sếp của hắn cũng như bản thân hắn. Wallander nhắm chặt mắt lại. Viên đạn đã rời khỏi nòng.

Khi mở mắt trở lại, ông nhìn thấy Baiba đang quỳ gối, hai tay nắm chặt khẩu súng của Putnis. Viên đạn trúng vào giữa hai mắt viên trung sĩ. Baiba khóc, nhưng Wallander thấy rằng đó là những giọt nước mắt giận dữ và nhẹ nhõm - thay vì nỗi sợ và sự ngờ vực mà cô đã phải chịu đựng từ bấy lâu nay.

Cuộc đọ súng kết thúc một cách bất ngờ giống hệt như khi nó bắt đầu. Hai lính của Putnis bị thương; chỗ còn lại đều đã chết. Murniers đang cúi người xuống một người của mình, anh ta lính trọn một tràng đạn súng máy vào giữa ngực. Rồi ông đi đến chỗ họ.

- Tôi hết sức lấy làm tiếc, ông nói. Tôi buộc phải nghe được những gì Putnis nói.

- Chắc chắn những gì hắn nói đều đã nằm trong giấy tờ của thiếu tá rồi.

- Làm thế nào mà tôi có thể chắc chắn là những giấy tờ đó có tồn tại, và anh đã tìm ra chúng?

- Thù bằng cách hỏi tôi chứ còn gì nữa.

Murniers lắc đầu.

- Nếu tôi liên lạc với một trong hai người, chắc chắn tôi sẽ ở vào thế đối đầu công khai với Putnis. Hắn sẽ chạy ra nước ngoài và sẽ không bao giờ chúng tôi bắt được hắn. Tôi không có lựa chọn nào khác ngoài theo dõi những kẻ theo dõi hai người.

Wallander đã quá kiệt sức không thể thể lắng nghe thêm nữa. Bàn tay ông đang đau đóm kinh khủng. Ông cầm tay Baiba đứng lên.

Rồi ông ngất xỉu.

Khi tỉnh dậy, ông thấy mình đang nằm trên một cái bàn phẫu thuật. Bàn tay ông đã được bó bột và cơn đau đóm rất cuộc cũng tan biến. Trung tá Murniers đứng ở ngưỡng cửa hút thuốc. Ông mỉm cười.

- Anh cảm thấy khá hơn chưa? Các bác sĩ của chúng tôi rất khéo léo đấy. Nhưng tay anh trông gớm lắm. Nếu muốn, anh có thể mang các phim chụp x-quang về Thụy Điển.

- Chuyện gì đã xảy ra?

- Anh bị ngất. Tôi nghĩ là ở vào địa vị của anh chắc chắn tôi cũng đã ngất rồi.

- Baiba Liepa ở đâu?

- Ở nhà cô ấy. Cô ấy rất bình tĩnh khi tôi để cô ấy lại đó cách đây vài giờ.

Miệng Wallander khô khốc. Ông thận trọng nhồm dầy.

- Cà phê. Có được uống không?

Murniers phá lên cười.

- Tôi chưa bao giờ gặp ai uống nhiều cà phê như anh. Tất nhiên, chúng tôi sẽ tìm cà phê cho anh. Nếu anh đã cảm thấy khá hơn, tôi xin gợi ý là chúng ta đi sang bên trụ sở để kết thúc vụ việc này. Sau đó... Baiba Liepa và anh có rất nhiều chuyện để nói với nhau, tôi nghĩ thế. Một bác sĩ của cảnh sát sẽ tiêm cho anh thuốc giảm đau nếu anh thấy đau trở lại. Theo bác sĩ phẫu thuật đã bó bột cho anh, chắc là sẽ phải làm thế đấy.

Họ rời khỏi bệnh viện trên chiếc xe của Murniers. Trời đã tối. Khi bước qua cánh cổng của pháo đài, Wallander hy vọng lần này sẽ thực sự là lần cuối cùng. Trước khi đi vào phòng làm việc của mình, trung tá Murniers lấy tập hồ sơ màu xanh từ trong một cái két sắt đặt dưới sự trông coi của một cảnh sát mang súng.

- Có lẽ đây là một biện pháp đề phòng khôn ngoan đấy, Wallander bình luận.

- Khôn ngoan ư? Nhất thiết phải làm thế chứ, anh nên nói vậy. Việc Putnis biến mất vẫn chưa đủ để giải quyết mọi vấn đề. Chúng tôi vẫn đang phải sống trong cái thế giới đó, thanh tra Wallander ạ. Chúng tôi không thể thoát được khỏi nó bằng cách bắn ba viên đạn vào tim một sĩ quan cảnh sát.

Wallander vừa nghiêng ngả những lời nói ấy vừa theo Murniers đi lên cầu thang. Một người đàn ông đang đợi họ trước cửa phòng làm việc của Murniers, trên tay bưng một cái khay. Wallander nhớ lại lần đầu tiên bước vào căn phòng tối

tâm đó - một kỷ niệm xa xôi đến bất tận. Liệu sẽ có bao giờ mình thực sự thấu hiểu được những gì đã xảy ra kể từ bấy?

Murniers lấy ra một cái chai và rót đầy hai cốc.

- Thường thì người ta không muốn chạm cốc khi mà đã có nhiều người chết đến vậy. Nhưng tôi nghĩ là chúng ta xứng đáng với điều ấy. Đặc biệt là anh đấy, thanh tra Wallander ạ.

- Tôi đã chỉ phạm phải các sai lầm. Tôi đã suy luận sai hết cả, tôi đã hiểu ra quá muộn cách thức mọi chuyện diễn ra.

- Ngược lại mới đúng. Tôi có một ấn tượng rất lớn về những gì anh đã làm đấy. Và vì sự can đảm của anh.

- Tôi không phải là một người can đảm đâu. Tôi còn đang ngạc nhiên vì vẫn sống đấy.

Họ cạn chén và ngồi xuống hai bên cái bàn phủ dạ màu xanh lá cây. Bản di chúc của thiếu tá đặt trên mặt bàn giữa họ.

- Tôi chỉ có một câu hỏi thôi, tôi nghĩ vậy, Wallander nói. Upitis?

- Quả thực là không có giới hạn nào cho các mưu mô của trung tá Putnis. Hẳn cần một kẻ giờ đầu chịu báng, và một lý do tốt để đuổi anh về nhà. Năng lực của anh đã ngay lập tức làm hẳn thấy không ưa rồi. Nói chính xác hơn, nó làm hẳn sợ. Hẳn đã ra lệnh bắt hai đứa trẻ con, thanh tra Wallander ạ. Mẹ chúng là chị gái của Upitis. Nếu ông ấy từ chối ký tên công nhận những lời thú tội của mình, lũ trẻ sẽ bị giết. Ông ấy còn có lựa chọn nào nữa? Tôi vẫn thường tự hỏi mình có thể làm gì nếu ở vào hoàn cảnh ấy. Nhưng tôi vẫn chưa nói cho anh điều cốt yếu. Upitis đã được thả tự do. Và chúng tôi đã tìm thấy bọn trẻ.

Wallander im lặng một lúc lâu.

- Mọi chuyện bắt đầu với một cái xuồng dạt vào bờ biển Thụy Điển, cuối cùng ông nói.

- Trung tá Putnis và các đồng đảng của hắn khi ấy vừa bắt đầu triển khai kế hoạch lớn của chúng, Thụy Điển là một trong các đích ngắm. Putnis đã tung rất nhiều người của hắn vào đất nước của anh, chúng đã xâm nhập nhiều hiệp hội người tị nạn Latvia và sẵn sàng ném ma túy vào nhà họ nhằm làm mất giá trị tổng thể phong trào dân tộc. Nhưng đã xảy ra chuyện gì đó trên một con tàu, không lâu sau khi nó rời khỏi Ventspil; có vẻ như là hai gã đàn ông đã nổi loạn với mục đích chiếm lấy chỗ amphetamin làm của riêng. Âm mưu của chúng đã bị phát hiện, chúng bị bắn chết và ném vào một cái ca nô. Trong cơn hỗn loạn, chúng quên mất là bên trong ca nô có giấu hàng. Theo như những gì tôi hiểu, chúng đã tìm kiếm cái ca nô trong suốt hai mươi tư giờ mà không thu được kết quả nào. Đến hôm nay, chúng ta có thể lấy làm vui mừng vì nó đã đến được tận Thụy Điển. Nếu không có chuyện đó, hẳn kế hoạch của trung tá Putnis đã thành công rồi. Dĩ nhiên là người của hắn đã nghĩ ra cách cướp lại cái ca nô từ sở cảnh sát của anh, bởi vì có vẻ như vẫn chưa có ai phát hiện được bên trong nó chứa gì.

- Chắc là phải còn một chuyện khác nữa, Wallander nói. Tại sao Putnis lại quyết định giết thiếu tá Liepa ngay lập tức sau khi ông ấy quay trở về?

- Thần kinh của hắn bị căng thẳng. Hắn không biết thiếu tá đã làm những gì ở Thụy Điển. Hắn không thể chuốc lấy nguy cơ để ông ấy sống trừ khi có thể kiểm soát được tất cả

các công việc và hành động của ông ấy, cũng như của những người mà ông ấy từng liên hệ. Trung tá Putnis sợ, chỉ đơn giản là như vậy thôi. Trung sĩ Zids đã nhận được lệnh giết ông ấy. Và hắn đã thực thi.

Một quãng im lặng kéo dài. Trung tá có vẻ mệt mỏi và lo lắng.

- Bây giờ sẽ có chuyện gì xảy ra?

- Tôi sẽ xem xét thật cẩn thận chỗ giấy tờ của thiếu tá, Murniers nói. Sau đó chúng ta sẽ biết.

- Nhưng cần phải công bố chúng!

Trước sự im lặng của Murniers, Wallander hiểu là trong mắt ông ta chuyện này hoàn toàn không phải là một cái gì đó hiển nhiên. Các lợi ích của trung tá không nhất thiết phải trùng hợp với các lợi ích của Baiba Liepa và bạn bè cô. Với ông ta, có thể việc Putnis bị lộ mặt nạ đã là quá đủ rồi. Ông ta có thể có một ý kiến rất cá nhân về khả năng công bố rộng rãi câu chuyện này, theo một quan điểm mang tính chính trị. Ý nghĩ bản di chúc của Liepa có thể sẽ bị ném trở lại vào kho lưu trữ làm Wallander trở nên tức tối.

- Tôi muốn có một bản báo cáo cuộc điều tra của thiếu tá, ông nói.

- Tôi lại không biết là anh hiểu được tiếng Latvia đấy.

- Người ta không thể biết mọi thứ được.

Murniers im lặng nhìn chăm chăm vào mặt ông một lúc lâu. Wallander chịu đựng cái nhìn của ông ta. Nhất định là không được phép quay đi. Giờ đây khi phải đối đầu với Murniers lần cuối cùng, ông *phải* chiếm thế thượng phong.

Ông phải làm điều đó cho vị thiếu tá bé nhỏ cận thị.

Đột nhiên, có vẻ như là Murniers đã quyết định xong. Ông nhấn vào cái nút giấu dưới bàn. Một người bước vào, cầm lấy tập tài liệu và đi khỏi. Hai mươi phút sau, Wallander đã sở hữu bản sao, một văn bản sẽ không được đăng ký chính thức và Murniers sẽ luôn luôn chối bỏ mọi trách nhiệm liên quan; một bản sao mà viên cảnh sát Thụy Điển Wallander đã tự lấy được mà không cần sự cho phép, bằng cách vi phạm rất rõ ràng tất cả các quy tắc hiện hành được quy định giữa các nước bạn bè, và sau đó ông sẽ chuyển cho những người không hề có gì liên quan đến các tài liệu bí mật ấy. Qua hành động này, viên cảnh sát Thụy Điển Wallander đã chứng tỏ là mình hoàn toàn không có biết phán đoán tình hình, và xứng đáng với tất cả những lời phàn nàn.

Sự thật đã được viết ra như vậy. Cứ cho là một ngày nào đó nó sẽ được viết ra, một điều có rất ít khả năng. Wallander nghĩ mình sẽ không bao giờ hiểu được tại sao Murniers lại đồng ý với yêu cầu của ông. Liệu có phải là vì lòng kính trọng đối với thiếu tá không? Vì sự lo lắng dành cho đất nước? Hay chỉ đơn giản là vì ông nghĩ Wallander xứng đáng với món quà tạm biệt đó?

Cuộc nói chuyện kết thúc. Không còn gì nhiều để nói thêm.

- Quyền hộ chiếu mà anh dùng để đi lại vào lúc này có giá trị rất đáng ngờ, Murniers kết thúc. Nhưng tôi sẽ tìm cách đưa anh về lại Thụy Điển mà không gặp rắc rối nào. Khi nào thì anh muốn đi?

- Chắc chưa phải là ngày mai. Mà là ngày kia.

Trung tá Murniers đi cùng ông ra đến cái sân nơi một chiếc ô-tô đang chờ sẵn. Đột nhiên Wallander nhớ đến chiếc Peugeot để tại một nhà kho ở Đức, gần biên giới với Ba Lan.

- Tôi tự hỏi không biết làm thế nào mà lấy lại được cái xe của tôi đây, ông nói ra miệng suy nghĩ của mình.

- Xin lỗi, anh nói gì cơ?

Wallander hiểu rằng mình sẽ không bao giờ biết được bản chất mối liên hệ gắn kết trung tá với những người tự coi mình là những người đảm bảo cho một tương lai tốt đẹp hơn của Latvia. Viên đá ấy, ông mới chỉ gãi gãi ở bề mặt bên ngoài; ông biết là sẽ không bao giờ mình lật được nó lên để xem bên dưới. Rõ ràng Murniers không hề biết Wallander đã vào được Latvia theo cách nào.

- Tôi có nói gì đâu, ông lầm bầm.

Lippman đáng nguyên rủa. Các tổ chức người lưu vong Latvia không biết có quỹ bí mật để đền bù thiệt hại cho các cảnh sát Thụy Điển bị mất xe ô-tô không?

Ông cảm thấy bị gây hấn dù cũng không rõ nguyên nhân là tại sao. Ông gán điều đó cho sự mệt mỏi. Chừng nào còn chưa được nghỉ ngơi, ông sẽ không thể tin tưởng vào khả năng đánh giá sự việc của chính mình.

Họ chia tay trước cái xe sẽ đưa ông tới nhà Baiba Liepa.

- Tôi sẽ đưa anh ra sân bay, Murniers nói. Anh sẽ có hai vé máy bay, vé thứ nhất đi đến Helsinki, vé thứ hai đi Stockholm. Theo chỗ tôi được biết, không có kiểm tra biên giới giữa các nước Scandinavia. Sẽ không ai biết anh đã đến tận Riga đâu.

Chiếc xe rời khỏi sân pháo đài. Cửa kính ngăn giữa hai khoang lái và khoang hành khách đóng kín. Wallander nghĩ đến những lời cuối cùng của Murniers. Sẽ không ai biết là ông đã đến tận Riga. Đột nhiên ông hiểu là bản thân mình cũng sẽ không bao giờ có thể nói về chuyện đó, thậm chí cả với bố ông. Chuyến đi này sẽ là một bí mật, dù cho lý do chỉ là vì vẻ khó tin của nó.

Ông dựa người thoải mái vào thành ghế và nhắm mắt lại. Giờ đây, điều quan trọng hơn cả là cuộc gặp gỡ với Baiba Liepa. Còn những gì sẽ xảy ra khi ông quay về Thụy Điển... ông sẽ có thời gian để nghĩ đến sau này.

Ông ở căn hộ của Baiba Liepa hai đêm và một ngày. Trong suốt quãng thời gian ấy ông không ngừng chờ đợi điều mà ông hình dung ra, một điều có thể gọi là, vì không tìm được từ nào chuẩn hơn, *thời điểm tốt*, nhưng thời điểm ấy không bao giờ đến cả. Ông không nói một lời về các tình cảm trái ngược mà ông cảm thấy. Thời điểm ông ở gần cô nhất là buổi tối thứ hai, khi họ ngồi trên một cái sofa cùng nhau xem một album ảnh. Khi ông đến nơi, cô tiếp đón ông với vẻ e dè, như thể ông đã quay lại trở thành một người xa lạ với cô. Ông hoàn toàn bị mất phương hướng. Nhưng tại sao cơ chứ? Thật ra thì ông tưởng tượng điều gì? Cô nấu cho ông một bữa tối, một kiểu ragu với thứ thịt gà rất dai là chất liệu chính, và ông có cảm giác rõ rệt là Baiba không phải là một đầu bếp cao cường. *Mình không được phép quên cô ấy là một trí thức.*

Chắc chắn là có nhiều tài trong việc mơ mộng về một xã hội tốt đẹp hơn là chế biến những món ăn nhỏ bé. Cả hai kiểu người đó đều cần thiết - ngay cả khi chúng không thể chung sống hạnh phúc với nhau.

Một nỗi buồn mơ hồ xâm chiếm ông với ý nghĩ bản thân ông thuộc về nhóm các đầu bếp. Mặt khác, một sĩ quan không được phép để cho mình bị ám ảnh bởi các giấc mơ; mũi ông lúc nào cũng chìa thẳng xuống sự bẩn thỉu của mặt đất, chứ không phải bầu trời tương lai. Cùng lúc, ông không thể chối bỏ sự thật là mình đã đem lòng yêu người phụ nữ này. Từ đó mà có nỗi buồn ấy. Nhiệm vụ này, nhiệm vụ lạ lùng và nguy hiểm nhất trong đời ông, đã kết thúc trong buồn bã. Ông tuyệt đối không thể làm gì cả. Điều này khiến ông vô cùng đau khổ. Khi cô nói cho ông biết là xe của ông sẽ chờ sẵn ở Stockholm khi nào ông về đến nơi, ông gần như không có phản ứng nào. Đột nhiên ông cảm thấy một niềm thương cảm lớn lao đối với Kurt Wallander.

Cô sắp xếp cho ông ngủ trên sofa. Từ phòng ngủ vọng ra tiếng thở đều đều bình thản của Baiba. Mặc dù rất mệt, ông vẫn không sao ngủ nổi. Thỉnh thoảng ông nhòe dậy, đi ngang qua sàn nhà lạnh giá để ngắm nhìn xuống phố, nơi thiếu tá đã bị giết. Những cái bóng không còn ở đó nữa; chúng đã bị chôn vùi cùng lúc với Putnis. Chỉ còn lại sự hoang vắng to lớn, ghê gớm và đầy đau khổ.

Trước hôm ra đi, họ đi ra ngôi mộ vô danh nơi Putnis đã chôn Inese và các bạn cô. Họ khóc ròng ở đó. Wallander nức nở như một đứa bé bị bỏ rơi, với cảm giác lần đầu tiên

trong đời đã hiểu được mình đang sống trong một thế giới khủng khiếp đến thế nào. Baiba mang theo hoa, những bông hồng thân mảnh và giá lạnh, mà cô đặt lên đỉnh mộ đất.

Wallander đã đưa cho cô bản sao di chúc của thiếu tá. Nhưng cô không đọc khi có mặt ông ở đó.

Buổi sáng ngày ông ra đi, tuyết rơi ở Riga.

Đích thân Murniers đến tìm ông. Trên ngưỡng cửa, Baiba ôm hôn ông, họ nép sát vào nhau như những người thoát khỏi một cuộc đắm tàu, và ông ra đi.

Wallander bước lên những bậc thang cuối cùng dẫn vào máy bay.

- Chúc thượng lộ bình an nhé! Murniers hét lên từ phía dưới.

Cả ông ta cũng hài lòng khi thấy mình ra đi. Ông ta sẽ không nhớ mình chút nào đâu.

Chiếc máy bay của hãng Aeroflot vẽ thành một vòng cung rộng lớn phía trên thành phố Riga. Rồi người phi công hướng mũi máy bay về phía vịnh Phần Lan.

Nó vẫn còn chưa lên đến độ cao ổn định thì Wallander đã lăn ra ngủ, cầm gục xuống ngực.

Tối hôm đó - 19 tháng Ba - ông hạ cánh xuống Stockholm.

Trong sảnh sân bay, một giọng nói trên micro thông báo ông phải đến ngay trung tâm thông tin.

Quyển hộ chiếu và chìa khóa ô tô đã đợi sẵn trong một cái phong bì. Chiếc xe nằm phía sau bến đỗ taxi. Wallander thộn mặt khi nhìn thấy nó vừa được rửa.

Trong xe rất nóng. Ai đó vừa ở trong này.

Cùng tối hôm ấy, ông lên đường về Ystad.

Không lâu trước bình minh, ông bước vào căn hộ của mình ở Mariagatan.

Lời cuối sách

Một buổi sáng sớm đầu tháng Năm, khi Wallander đang mở trong phòng làm việc cẩn thận và chán chường đánh dấu vào một tờ phiếu loto cá cược bóng đá thì Martinsson đến gõ cửa phòng. Trời rất lạnh, mùa xuân vẫn chưa đổ bộ tới Skåne, nhưng cửa sổ phòng Wallander mở rộng, như thể ông cần làm cho đầu óc thông thoáng, trong khi vẫn lơ đãng ước định các cơ may của những đội bóng khác nhau và lắng nghe một con chim sẽ hót líu lo trên một ngọn cây. Khi nhìn thấy Martinsson, ông giấu vội tờ phiếu cá độ đi, đứng dậy và đóng cửa sổ lại vì Martinsson lúc nào cũng sợ bị mắc bệnh cúm.

- Tôi có làm phiền anh không đấy?

Kể từ khi rời Riga trở về, Wallander đối xử với đồng nghiệp khá kỳ quặc. Một số tự hỏi làm thế nào mà chỉ một vết đau tay không lấy gì làm nghiêm trọng hồi đi trượt tuyết ở núi Alps lại có thể chuyển hóa tâm trạng của ông nhiều đến thế. Nhưng không ai dám hỏi thẳng ông và tất cả nghĩ rằng sự cáu gắt này sẽ nhanh chóng kết thúc.

Wallander có đầy đủ ý thức về vấn đề. Ông không có lý

do nào để làm rối tung công việc của các đồng nghiệp bằng cách trưng bày ra khắp nơi nỗi buồn bã của mình. Nhưng ông không biết làm thế nào để có thể quay trở lại làm Wallander trước kia, viên cảnh sát hách dịch nhưng dễ mến của sở cảnh sát Ystad. Như thể con người ấy đã không còn tồn tại nữa. Ông có nhớ ông ta không? Thậm chí ông còn không thể chắc chắn được vào điều đó. Nhìn chung ông không còn biết làm gì khác nữa ngoài suy nghĩ về cuộc đời mình. Chuyến đi giả hiệu đến Alps đã hé lộ nỗi thiếu vắng sự thật trong con người ông. Đồng ý, mình đã không cố ý chui vào ẩn náu đằng sau những lời nói dối. Nhưng càng lúc ông càng tự hỏi không biết liệu có phải sự thiếu hiểu biết của ông về bản chất thực thụ của thế giới bao quanh tự thân nó đã là một dạng nói dối hay không, ngay cả khi nó bắt nguồn từ sự dốt nát của ông, sự ngây thơ của ông, chứ không phải là một lời chối bỏ tinh vi theo lối đầy đủ ý thức.

Mỗi lần ai đó bước vào phòng, ông lại cảm thấy như thể mình bị bắt quả tang đang phạm lỗi. Nhưng ông không hề biết có thể làm gì, ngoài việc làm ra vẻ đang rất ổn.

- Cậu không làm phiền tôi, ông nói, với một vẻ dễ mến vờ vịt cố sức tạo ra. Ngồi xuống đi.

Martinsson ngồi phịch xuống chiếc phô toi dành cho khách.

- Tôi có một câu chuyện rất kỳ quặc để kể cho anh đây, anh bắt đầu. Đúng hơn là hai câu chuyện. Có vẻ như là chúng ta vừa bị những bóng ma quá khứ đến viếng thăm

Ngay lập tức Wallander cảm thấy sự tức tối dâng lên trong lòng. Cái thực tế tàn khốc mà họ đang phải đối mặt với

tư cách là cảnh sát không thích hợp mấy cho những lời nói vòng vo. Nhưng ông không nói gì.

- Anh còn nhớ người đã gọi điện cho chúng ta báo tin về một cái xuồng sắp dạt vào bờ biển không - kẻ mà chúng ta mãi vẫn không sao tìm ra được và cũng nhất định không chịu gọi lại ấy.

- Có hai người.

- Đúng. Bắt đầu bằng người đầu tiên nhé. Cách đây hai tuần, Anette Brolin suýt nữa thì đã buộc tội anh ta. Anh ta bị nghi ngờ đã ấu dâm làm người khác bị thương, nhưng vì hồ sơ của anh ta rất tốt, nên chúng tôi đã thả anh ta.

Sự tò mò của Wallander lập tức sống dậy.

- Anh ta tên là Holmgren, Martinsson tiếp tục. Vì một sự tình cờ thuần túy, tôi đã nhìn thấy báo cáo trên mặt bàn làm việc của Svedberg. Anh ta là chủ một con thuyền đánh cá mang tên *Byron*. Anh đã thấy chưa. Và đến đây mọi chuyện lại còn thú vị hơn nữa, vì tôi phát hiện nạn nhân trong vụ ấu dâm chính là một trong những người bạn thân nhất của anh ta, một người tên là Jakobson, cùng làm việc với anh ta trên thuyền.

Wallander nhớ đến cái đêm ở cảng Brantevik. Martinsson đã có lý: họ vừa nhận được sự viếng thăm của những bóng ma của quá khứ. Ông sốt ruột chờ nghe tiếp đoạn sau.

- Điều kỳ lạ là tay Jakobson đó lại không hề muốn đâm đơn khiếu nại. Thế nhưng anh ta đã bị đánh đập rất nặng tay mà không có lý do rõ ràng nào.

- Thế thì tại sao chúng ta lại biết được chuyện ấy?

- Holmgren đã cầm một cái maniven lao vào Jakobson,

chuyện xảy ra ở cảng Brantevik. Ai đó đã nhìn thấy bọn họ và báo cho cảnh sát. Jakobson phải nằm viện ba tuần. Anh ta dính những đòn tể hại lắm. Nhưng anh ta vẫn cứ khẳng khẳng từ chối nộp đơn kiện. Svedberg chưa bao giờ phát hiện được chuyện gì ẩn giấu ở bên dưới. Còn tôi, tôi chỉ tự hỏi không biết việc đó có liên quan gì đến chiếc xương của chúng ta hay không. Anh còn nhớ hai người gọi điện nhất quyết không muốn xưng danh tính, không phải chỉ là cho chúng ta, mà cả cho nhau chứ?

- Tôi còn nhớ.

- Tôi đã nghĩ sẽ rất thú vị nếu nói chuyện với Holmgren. Mặt khác anh ta từng sống ở cùng phố với anh đấy, Wallander ạ.

- Từng sống?

- Đúng thế. Khi tôi đến nhà anh ta, tôi phát hiện là anh ta đã chuyển nhà. Đi rất xa. Anh ta sang tận Bồ Đào Nha. Ở văn phòng phụ trách hộ tịch, anh ta để lại các giấy tờ cho thấy anh ta đã trở thành một di dân. Anh ta cho một địa chủ rất kỳ quái ở Azores. Còn con thuyền, anh ta đã bán lại cho một người ngư dân Đan Mạch với một cái giá nực cười.

Martinsson ngừng lời. Wallander nín lặng nhìn anh.

- Anh sẽ phải thú nhận rằng anh thấy đây là một câu chuyện rất kỳ cục, Martinsson vẫn nằn nì. Anh nghĩ gì nào? Liệu chúng ta có phải chuyển các thông tin này sang cho cảnh sát Riga không?

- Không. Tôi không nghĩ chuyện đó là cần thiết. Nhưng tôi cảm ơn cậu vì đã kể cho tôi nghe.

- Tôi còn chưa nói hết. Anh nghe tiếp nhé. Anh đã đọc báo tối qua chưa?

Từ lâu nay Wallander đã ngừng mua báo, chỉ trừ khi báo có viết về một cuộc điều tra được báo chí dành cho một mối quan tâm không thường thấy. Ông lắc đầu.

- Lẽ ra anh nên đọc chứ. Lính gác bờ biển Göteborg đã vớt được một cái xuồng cứu sinh được xác định là thuộc về một con tàu đánh lưới của Nga. Cái xuồng trôi ở ngoài khơi Vinga, và họ thấy rất đáng ngờ vì hôm ấy không có chút gió nào. Viên thuyền trưởng nói họ phải vào cảng để sửa chữa một hỏng hóc chân vịt, sau một chuyến đánh cá ở phía Doggers Bankar. Còn về cái xuồng, ông ta nói nó đã bị mất tích mà không ai biết là đi đâu. Vì một sự tình cờ thuần túy, một con chó cảnh sát đi ngay sát qua. Nó liền nhảy chồm lên. Khi gỡ cái xuồng ra, các nhân viên hải quan phát hiện nhiều cân amphetamin chất lượng tuyệt hảo mà người ta đã nhanh chóng xác định được nguồn gốc: một phòng thí nghiệm Ba Lan. Thế đó. Có thể đây là lời xác nhận cho những gì chúng ta còn thiếu. Chỉ cần biết là cái xuồng biến mất của chúng ta cũng mang trong nó những thứ lẽ ra chúng ta phải kiểm tra cẩn thận hơn.

Câu cuối cùng chứa đựng một sự chỉ trích không che đậy. Nhưng Martinsson có lý: ông đã lơ là đến mức không thể tha thứ. Đột nhiên, ông cảm thấy căm dỗ được tâm sự với người đồng nghiệp. Được kể cho ai đó câu chuyện đích thực về kỳ nghỉ ở dãy núi Alps của ông. Nhưng ông không nói gì. Ông thấy mình không còn đủ sức.

- Chắc chắn là cậu có lý. Nhưng tại sao những gã đó lại bị giết, thêm vào đó lại bị cởi mất áo vest, chúng ta sẽ không bao giờ biết được.

- Đừng nói thế, Martinsson vừa đứng dậy vừa nói. Ai biết tương lai dành sẵn cho chúng ta những gì? Anh cứ nhìn thì biết, giờ đây chúng ta đã biết thêm được khá nhiều về điểm mở nút của câu chuyện này.

Wallander gật đầu. Nhưng ông không nói gì. Ra đến ngưỡng cửa Martinsson còn ngoái đầu lại.

- Anh biết tôi nghĩ gì không? Ý kiến hoàn toàn mang tính cá nhân của tôi? Holmgren và Jakobson buồn lậu cái gì đó. Họ tình cờ nhìn thấy cái xuống, nhưng họ có những lý do rất quan trọng để không dính dáng với cảnh sát.

- Điều ấy chưa giải thích được cho cuộc ẩu đả.

- Có thể là họ đã nhất trí với nhau là sẽ không báo cho chúng ta chăng? Có thể Holmgren đã nghĩ là Jakobson phản bội mình thì sao?

- Có thể. Chuyện ấy thì chúng ta sẽ không bao giờ biết được.

Martinsson biến mất. Wallander lại mở cửa sổ ra. Rồi ông tiếp tục đánh dấu vào tờ phiếu loto.

Cùng ngày, ông lấy xe đi đến một quán ăn mới mở cửa trên cảng. Ông gọi một tách cà phê và bắt tay vào viết cho Baiba Liepa một lá thư. Nửa tiếng sau khi đọc lại, ông liền xé tan nó đi.

Ông rời khỏi quán đi ra mép nước.

Những mẫu giấy bay phấp phới phía trên mặt nước như các vụn bánh.

Ông vẫn còn chưa biết sẽ phải nói gì với cô trong thư.

Nhưng ông thấy nhớ cô vô cùng.

Tái bút

Những biến động tại các nước vùng Baltic những năm vừa rồi là nguồn gốc của cuốn tiểu thuyết này. Đối với nhà văn, tự thân việc viết một cuốn sách với cốt truyện diễn ra trong một bối cảnh xa lạ là rất phức tạp. Nhưng điều này còn phức tạp hơn nữa khi nhà văn phải gắng sức tự định hướng trong một khung cảnh chính trị và xã hội nơi vẫn *chưa có gì được giải quyết xong xuôi*. Đặt ra ngoài các tra vấn thuần túy mang tính tài liệu - chẳng hạn như biết được vào một thời điểm nào đó một bức tượng vẫn còn nằm nguyên chỗ cũ hay đã bị kéo đổ và biến mất; một phố đã nhiều lần đổi tên mang cái tên nào vào một ngày tháng Hai nào đó của năm 1991 - anh ta còn vấp phải các khó khăn khác ở tầm sâu hơn. Chẳng hạn, anh ta phải tránh sử dụng những gì hiện nay người ta đã biết về sự thay đổi của các nhà nước đó. Tái tạo các suy nghĩ và cảm xúc chắc chắn là một sứ mệnh của nhà văn. Nhưng anh ta có thể phải cần đến nhiều giúp đỡ. Trong trường hợp cuốn sách này, tôi mang một món nợ lớn với nhiều người. Tôi muốn nói đến hai người ở đây; một có tên thật, một chỉ được

nói đến như một người vô danh. Guntis Bergklavs đã dành cho tôi rất nhiều thời gian để giải thích, nhớ lại các kỷ niệm và đề nghị ở nhiều khía cạnh. Ông đã dạy cho tôi rất nhiều về các bí mật của thủ đô Latvia. Tôi cũng xin cảm ơn nhân viên điều tra của đội trọng án Riga, người đã kiên nhẫn hướng dẫn tôi về các phương pháp làm việc của anh và các đồng sự.

Vài tháng sau khi cuốn sách này được viết xong, tức là mùa xuân năm 1991, sự kiện mang tính quyết định đã xảy ra vào tháng Tám ở Liên Xô, điều đó thúc đẩy các nước Baltic tuyên bố độc lập. Khả năng về sự kiện ấy chính là một trong những điểm xuất phát của cuốn sách này. Nhưng cũng giống như bất kỳ ai khác, tôi đã không thể dự đoán việc đó chắc chắn sẽ xảy ra, cũng như cách thức mà nó hoàn thành.

Đây là một cuốn tiểu thuyết. Nói một cách khác, những gì được viết và kể ở những trang sách này không có một chút nào chung với thực tế. Nhưng mọi chuyện hoàn toàn có thể xảy ra một cách chính xác như vậy. Tự do nhà văn của tôi bao gồm cả khả năng lấp vào cho một cửa hàng lớn một khu gầm đồ có thể là không hề tồn tại. Hoặc tạo ra cả một khu bán đồ tủ giường. Nếu cần thiết. Và đôi khi cũng cần thiết.

Henning Mankell, tháng Tư 1992

BẦY CHÓ RIGA

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRUNG TRUNG ĐÌNH
Chịu trách nhiệm bản thảo
PHẠM SÔNG HỒNG

Biên tập	Nguyễn Thị Anh Thư
Biên tập viên Nhà Nam	Hạnh Quyền
Thiết kế bìa	Đỗ Hữu Chí
Trình bày	Hồng Nhung
Sửa bản in	Vũ Minh

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội
Tel: 04 38222135 | Fax: 04 38222135
E-mail: rxbhoinhavan@hn.vnn.vn

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÀ NAM

1B/IF1 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 04 35146875 | Fax: 04 35146965
Website: www.nhanam.vn
Email: nhanambook@vnn.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 38479853 | Fax: 08 38443034
Email: nhanamhcm@hcm.fpt.vn

In 2.000 cuốn, khổ 14x20.5cm tại Công ty CP In và Truyền thông Việt Nam. Căn cứ trên số đăng ký kế hoạch xuất bản: 124-2010/CXB/30-07/HNV và quyết định xuất bản số 140/QĐ-NXB HNV của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn ngày 26.02.2010. In xong và nộp lưu chiểu năm 2010.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhà Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.

"Lỗi viết kiếm lời, cách xây dựng nhân vật tài tình, bầu không khí sôi sục và sự gay cấn lúc nào cũng mạnh mẽ."

— **The Times Literary Supplement**

"Một câu chuyện về giới cảnh sát đầy lôi cuốn và suy tư, không cho người đọc buông sách xuống ngay từ trang đầu tiên."

— **Irish Independent**

"Một câu chuyện đầy ắp văn hóa địa phương... Cốt truyện đủ chất bất ngờ, Wallander, như vẫn luôn luôn vậy, làm người ta rối trí và rất mực sắc sảo."

— **Los Angeles Times Book Review**

Bầy chó Riga, cuốn thứ hai trong series tiểu thuyết trinh thám về thanh tra Kurt Wallander, là nơi viên cảnh sát Thụy Điển gặp những sự việc và con người sẽ còn ám ảnh suốt phần đời còn lại của ông. Một lần hiếm hoi ra khỏi thành phố nhỏ bé của mình để nhận lấy một nhiệm vụ không ai hay biết, không đồng sự và không có chi viện, Wallander lúng túng trong nỗ lực xoay sở tại một đất nước vùng Baltic đang trong cơn chuyển mình hỗn loạn. Chỉ có thể dựa vào khả năng suy đoán, Wallander lần mò đi tìm một bằng chứng tưởng chừng như không tồn tại nhưng lại có tầm quan trọng đặc biệt với tương lai cả một đất nước. Và trên hành trình đầy sợ hãi ấy, ông đã gặp một người kẻ từ nay giữ một vị trí không thể phai mờ trong đời sống tinh cảm của ông: Baiba Liepa.

Bộ sách về Kurt Wallander đã khiến Henning Mankell đến với độc giả của trên 30 thứ tiếng, mang lại rất nhiều giải thưởng văn học (trong đó có giải **Gold Dagger**, giải **The Glass Key**, giải **Gumshoe...**); nhiều cuốn đã được dựng thành phim điện ảnh và phim truyền hình tại nhiều nước.



nhà nam

www.nhanam.vn

MUA BÁN SÁCH GIÀ



LÀ GIẾT CHẾT
SÁCH THẬT

Giá: 68.000đ



8 936024 914066